BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ngữ văn 12

TẬP HAI

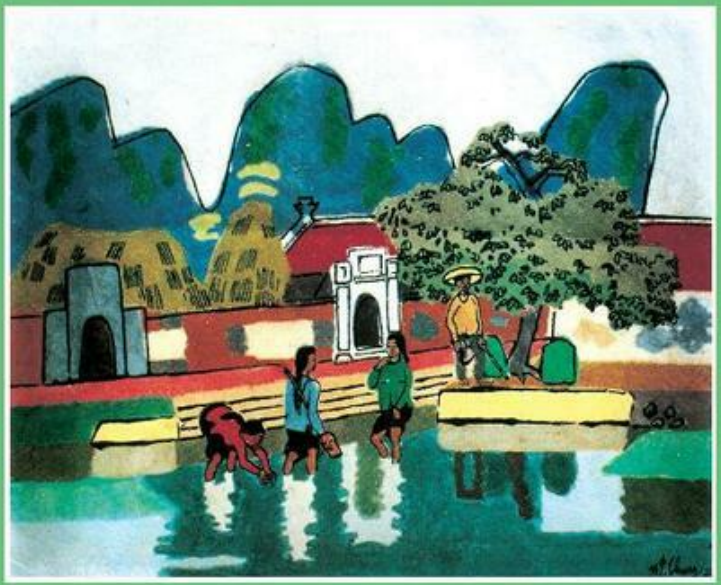

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

timdapan.com

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHAN TRỌNG LUẬN (Tổng Chủ biên) - TRẦN ĐĂNG SUYỀN (Chủ biên phần Văn)
BÙI MINH TOÁN (Chủ biên phần Tiếng Việt) - LÊ A (Chủ biên phần Làm văn)
ĐẶNG ANH ĐÀO - NGUYỄN HẢI HÀ - NGUYỄN THỊ NGÂN HOA
NGUYỄN THÁI HOÀ - ĐỖ KIM HỒI - NGUYỄN XUÂN NAM
ĐOÀN ĐỨC PHƯƠNG - NGUYỄN PHƯỢNG - VŨ DƯƠNG QUÝ
ĐẶNG ĐỨC SIÊU - LƯƠNG DUY THỨ

Ngữ văn 12

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ mười hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để tiếp tục tặng cho các em học sinh lớp sau !

timdethi.com

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

01–2020/CXBIPH/623–869/GD Mã số : CH212T0

timdapan.com

VỢ CHỒNG A PHỦ — TÔ HOÀI

(Trích)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hiểu được cuộc sống cực nhục, tối tăm và quá trình đồng bào các dân tộc vùng cao Tây Bắc vùng lên tự giải phóng khỏi ách áp bức, kìm kẹp của bọn thực dân và chúa đất thống trị.
- Thấy được nghệ thuật trần thuật linh hoạt, lời văn tinh tế, giàu chất thơ và đậm màu sắc dân tộc của tác phẩm ; những đóng góp của nhà văn trong việc khắc hoạ tính cách nhân vật, sự tinh tế trong diễn tả cuộc sống nội tâm, sở trường quan sát những nét riêng về phong tục, tập quán và lối sống của người Mông.

TIỂU DẪN

Tô Hoài (1920 – 2014), tên khai sinh là Nguyễn Sen, quê nội ở thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội), nhưng sinh ra và lớn lên ở quê ngoại – làng Nghĩa Đô, thuộc phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay là phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội) trong một gia đình thợ thủ công. Thời trẻ, ông đã phải lăn lộn kiếm sống bằng nhiều nghề, như làm gia sư dạy kèm trẻ, bán hàng, làm kế toán hiệu buôn,... và nhiều khi thất nghiệp.

TÔ HOÀI

Tô Hoài bước vào con đường văn học bằng một số bài thơ có tính chất lãng mạn và một cuốn truyện vừa, viết theo dạng võ hiệp, nhưng rồi ông nhanh chóng chuyển sang văn xuôi hiện thực và được chú ý ngay từ những sáng tác đầu tay, trong đó có *Dế Mèn phiêu lưu kí*. Năm 1943, ông gia nhập Hội Văn hoá cứu quốc. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ông làm báo và hoạt động văn nghệ ở Việt Bắc. Sau hơn sáu mươi năm lao động nghệ thuật, ông đã có gần 200 đầu sách thuộc nhiều thể loại khác nhau : truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, tự truyện, tiểu luận và kinh nghiệm sáng tác. Ông là một nhà văn lớn, có số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong văn học hiện đại Việt Nam.

timdapan.com

Sáng tác của ông thiên về diễn tả những sự thật của đời thường. Theo ông : "Viết văn là một quá trình đấu tranh để nói ra sự thật. Đã là sự thật thì không tầm thường, cho dù phải đập vỡ những thần tượng trong lòng người đọc."[1]. Ông có vốn hiểu biết phong phú, sâu sắc về phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau trên đất nước ta. Ông cũng là nhà văn luôn hấp dẫn người đọc bởi lối trần thuật hóm hỉnh, sinh động của người từng trải, vốn từ vựng giàu có – nhiều khi rất bình dân và thông tục, nhưng nhờ cách sử dụng đắc địa và tài ba nên có sức lôi cuốn, lay động người đọc. Năm 1996 ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Tác phẩm chính : *Dế Mèn phiêu lưu kí* (truyện, 1941), *O chuột* (tập truyện, 1942), *Quê người* (tiểu thuyết, 1942), *Nhà nghèo* (tập truyện ngắn, 1944), *Truyện Tây Bắc* (tập truyện, 1953), *Miền Tây* (tiểu thuyết, 1967), *Cát bụi chân ai* (hồi kí, 1992), *Chiều chiều* (tự truyện, 1999), *Ba người khác* (tiểu thuyết, 2006).

Truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* (1952) in trong tập *Truyện Tây Bắc*, được tặng giải Nhất – Giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 – 1955, sau hơn nửa thế kỉ, đến nay vẫn giữ gần như nguyên vẹn giá trị và sức thu hút đối với nhiều thế hệ người đọc.

VĂN BẢN

Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lí[2] Pá Tra thường trông thấy có một cô con gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa[3]. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Người ta thường nói : nhà Pá Tra làm thống lí, ăn của dân nhiều, đồn Tây lại cho muối về bán, giàu lắm, nhà có nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng. Thế thì con gái nó còn bao giờ phải xem cái khổ mà biết khổ, mà buồn. Nhưng rồi hỏi ra mới rõ cô ấy không phải con gái nhà Pá Tra : cô ấy là vợ A Sử, con trai thống lí Pá Tra.

Cô Mị về làm dâu nhà Pá Tra đã mấy năm. Từ năm nào, cô không nhớ, cũng không ai nhớ. Nhưng người nghèo ở Hồng Ngài thì vẫn còn kể lại câu chuyện Mị về làm người nhà quan thống lí. Ngày xưa, bố Mị lấy mẹ Mị không có đủ tiền cưới, phải đến vay nhà thống lí, bố của thống lí Pá Tra bây giờ. Mỗi năm đem nộp lãi cho chủ nợ một nương ngô. Đến tận khi hai vợ chồng về già rồi mà cũng chưa trả được nợ. Người vợ chết, cũng chưa trả hết nợ.

---

(1) Tô Hoài trả lời phỏng vấn của báo *An ninh thế giới*, ngày 29 – 7 – 2007.

(2) *Thống lí* : người cai quản một vùng bản làng miền núi của người Mèo (nay gọi là Mông) trước Cách mạng, tương tự như *phìa* của người Thái, *chánh tổng* ở miền xuôi.

(3) *Tàu ngựa* : chuồng ngựa.

timdapan.com

Cho tới năm ấy Mị đã lớn, Mị là con gái đầu lòng. Thống lí Pá Tra đến bảo bố Mị :

– Cho tao đứa con gái này về làm dâu thì tao xoá hết nợ cho.

Ông lão nghĩ năm nào cũng phải trả một nương ngô cho người ta, thì tiếc ngô, nhưng cũng lại thương con quá. Ông chưa biết nói thế nào thì Mị bảo bố rằng :

– Con nay đã biết cuốc nương làm ngô, con phải làm nương ngô giả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu.

Đến Tết năm ấy, Tết thì vui chơi, trai gái đánh pao[1], đánh quay rồi đêm đêm rủ nhau đi chơi. Những nhà có con gái thì bố mẹ không thể ngủ được vì tiếng chó sủa. Suốt đêm, con trai đến nhà người mình yêu, đứng thổi sáo xung quanh vách. Trai đến đứng nhẵn cả chân vách đầu buồng Mị. Một đêm khuya, Mị nghe tiếng gõ vách. Tiếng gõ vách hò hẹn của người yêu. Mị hồi hộp lặng lẽ quơ tay lên thì gặp hai ngón tay lách vào khe gỗ, sờ một ngón thấy có đeo nhẫn. Người yêu của Mị thường đeo nhẫn ngón tay ấy. Mị bèn nhấc tấm vách gỗ. Một bàn tay dắt Mị bước ra. Mị vừa bước ra, lập tức có mấy người choàng đến, nhét áo vào miệng Mị rồi bịt mắt, cõng Mị đi.

Sáng hôm sau, Mị mới biết mình đang ngồi trong nhà thống lí Pá Tra. Họ nhốt Mị vào buồng. Ngoài vách kia, tiếng nhạc sinh tiền[2] cúng ma đương rập rờn nhảy múa.

Trong khi đó, A Sử đến nhà bố Mị. A Sử nói :

– Tôi đã cướp được con gái bố làm vợ, tôi đem về cúng trình ma nhà tôi rồi, bây giờ tôi đến trình cho bố biết. Tiền bạc để cưới thì bố tôi bảo đã đưa cả cho bố rồi[3].

Rồi A Sử về. Ông lão nhớ ngay câu nói của thống lí Pá Tra dạo trước : cho con gái về nhà thống lí Pá Tra thì được trừ nợ. Chao ôi ! Thế là cha mẹ ăn bạc[4] của nhà giàu từ kiếp trước, bây giờ người ta bắt bán con trừ nợ. Không thể làm thế nào khác được rồi !

---

(1) *Đánh pao* : trò chơi của thanh niên miền núi trong những ngày Tết hoặc lễ hội. Nam nữ chia làm hai bên, vừa tung pao cho nhau vừa ca hát, giống như hát giao duyên ở miền xuôi.

(2) *Sinh tiền* (còn gọi là *sênh tiền* hoặc *sanh tiền*) : nhạc cụ thuộc bộ gõ, được làm bằng hai mảnh gỗ có đính các đồng tiền.

(3) Theo phong tục hôn nhân của người Mông : được sự thuận tình của người con gái, để thể hiện tình yêu, sự mạnh mẽ và quyết đoán của mình, người con trai cùng bạn bè bí mật "cướp" cô gái mang về nhà mình, sau đó mới đến trình cho bố mẹ cô gái biết. Trong truyện, A Sử nhân cơ hội Mị ra gặp người yêu đã tổ chức bắt cóc cô về làm vợ để trừ nợ.

(4) *Ăn bạc* : ăn tiền bạc ; ở đây muốn nói đến việc bố Mị đã vay tiền của bố thống lí Pá Tra mà không trả được.

timdapan.com

Có đến hàng mấy tháng, đêm nào Mị cũng khóc. Một hôm, Mị trốn về nhà, hai tròng mắt còn đỏ hoe. Trông thấy bố, Mị quỳ lạy, úp mặt xuống đất, nức nở. Bố Mị cũng khóc, đoán biết lòng con gái :

– Mày về lạy chào tao để mày đi chết đấy à ? Mày chết nhưng nợ tao vẫn còn, quan lại bắt tao trả nợ. Mày chết rồi thì không lấy ai làm nương ngô giả được nợ người ta, tao thì ốm yếu quá rồi. Không được, con ơi !

Mị chỉ bưng mặt khóc. Mị ném nắm lá ngón[1] xuống đất, nắm lá ngón Mị đã tìm hái trong rừng, Mị vẫn giấu trong áo. Thế là Mị không đành lòng chết. Mị chết thì bố Mị còn khổ hơn bao nhiêu lần bây giờ nữa. Mị đành trở lại nhà thống lí.

Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố Mị chết. Nhưng Mị cũng không còn tưởng đến Mị có thể ăn lá ngón tự tử nữa. Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi. Bây giờ thì Mị tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa, là con ngựa phải đổi ở cái tàu ngựa nhà này đến ở cái tàu ngựa nhà khác, ngựa chỉ biết việc ăn cỏ, biết đi làm mà thôi. Mị cúi mặt, không nghĩ ngợi nữa, mà lúc nào cũng chỉ nhớ đi nhớ lại những việc giống nhau, tiếp nhau vẽ ra trước mặt, mỗi năm mỗi mùa, mỗi tháng lại làm đi làm lại : Tết xong thì lên núi hái thuốc phiện, giữa năm thì giặt đay, xe đay, đến mùa thì đi nương bẻ bắp, và dù lúc đi hái củi, lúc bung ngô, lúc nào cũng gài một bó đay trong cánh tay để tước thành sợi. Bao giờ cũng thế, suốt năm suốt đời như thế. Con ngựa, con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân, đứng nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì vùi vào việc làm cả đêm cả ngày.

Mỗi ngày Mị càng không nói, lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa. Ở cái buồng Mị nằm, kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết là sương hay là nắng. Mị nghĩ rằng mình cứ chỉ ngồi trong cái lỗ vuông ấy mà trông ra, đến bao giờ chết thì thôi.

Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho. Trẻ con đi hái bí đỏ, tinh nghịch, đã đốt những lều canh nương để sưởi lửa. Ở Hồng Ngài người ta thành lệ cứ ăn Tết khi gặt hái vừa xong, không kể ngày, tháng nào. Ăn Tết như thế cho kịp lúc mưa xuân xuống thì đi vỡ nương mới. Hồng Ngài năm ấy ăn Tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét rất dữ dội.

---

(1) *Ngón* : một dạng cây leo, hoa và quả màu vàng, lá màu xanh, rất độc, ăn chết người.

timdapan.com

Nhưng trong các làng Mèo Đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mỏm đá xoè như con bướm sặc sỡ [...]. Đám trẻ đợi Tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà. Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi. Mị nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha bồi hồi. Mị ngồi nhẩm thầm bài hát của người đang thổi.

Mày có con trai con gái rồi
Mày đi làm nương
Ta không có con trai con gái
Ta đi tìm người yêu.

Tiếng chó sủa xa xa. Những đêm tình mùa xuân đã tới.

Ở mỗi đầu làng đều có một mỏm đất phẳng làm cái sân chơi chung ngày Tết. Trai gái, trẻ con ra sân chơi ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi khèn và nhảy.

Cả nhà thống lí Pá Tra vừa ăn xong bữa cơm Tết cúng ma. Xung quanh, chiêng đánh ầm ĩ, người ốp đồng[1] vẫn còn nhảy lên xuống, run bần bật. Vừa hết bữa cơm lại tiếp ngay bữa rượu bên bếp lửa.

Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị thì đang sống về ngày trước. Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị.

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết, Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường chơi, mà từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết.

---

(1) *Ốp đồng* (như *lên đồng*) : một nghi lễ theo mê tín, người ta tin rằng thần thánh hoặc linh hồn người đã chết có thể nhập vào người ngồi đồng, rồi qua người ngồi đồng chỉ bảo, phán truyền cho người sống.

timdapan.com

Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau ! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường.

Anh ném pao, em không bắt

Em không yêu, quả pao rơi rồi...

Lúc ấy, A Sử vừa ở đâu về, lại đang sửa soạn đi chơi. A Sử thay áo mới, khoác thêm hai vòng bạc vào cổ rồi bịt cái khăn trắng lên đầu. Có khi nó đi mấy ngày mấy đêm. Nó còn muốn rình bắt mấy người con gái nữa về làm vợ. Cũng chẳng bao giờ Mị nói gì.

Bây giờ Mị cũng không nói. Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng. Trong đầu Mị đang rập rờn tiếng sáo. Mị muốn đi chơi, Mị cũng sắp đi chơi. Mị quấn lại tóc, Mị với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách. A Sử đang sắp bước ra, bỗng quay lại, lấy làm lạ. Nó nhìn quanh, thấy Mị rút thêm cái áo. A Sử hỏi :

– Mày muốn đi chơi à ?

Mị không nói. A Sử cũng không hỏi thêm nữa. A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi đay ra trói đứng Mị vào cột nhà. Tóc Mị xoã xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột, làm cho Mị không cúi, không nghiêng được đầu nữa. Trói xong vợ, A Sử thắt nốt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn, đi ra, khép cửa buồng lại.

Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi. "*Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào...*". Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được. Mị không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

Chó sủa xa xa. Chừng đã khuya. Lúc này là lúc trai đang đến bên vách làm hiệu, rủ người yêu dỡ vách ra rừng chơi. Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.

Cả đêm ấy Mị phải trói đứng như thế. Lúc thì khắp người bị dây trói thít lại, đau nhức. Lúc lại nồng nàn tha thiết nhớ. Hơi rượu toả. Tiếng sáo. Tiếng chó sủa xa xa. Mị lúc mê, lúc tỉnh. Cho tới khi trời tang tảng rồi không biết sáng từ bao giờ.

timdapan.com

Mị bàng hoàng tỉnh. Buổi sáng âm sâm trong cái nhà gỗ rộng. Vách bên cũng im ắng. Không nghe tiếng lửa réo trong lò nấu lợn[1]. Không một tiếng động. Không biết bên buồng quanh đấy, các chị vợ anh, vợ chú của A Sử có còn ở nhà, không biết tất cả những người đàn bà khốn khổ sa vào nhà quan đã được đi chơi hay là họ cũng đang phải trói như Mị. Mị không thể biết. Đời người đàn bà lấy chồng nhà giàu ở Hồng Ngài thì một đời con người chỉ biết đi theo đuôi con ngựa của chồng[2]. Mị chợt nhớ lại câu chuyện người ta vẫn kể : đời trước, ở nhà thống lí Pá Tra có một người trói vợ trong nhà ba ngày rồi đi chơi, khi về nhìn đến thì vợ chết rồi. Nhớ thế, Mị sợ quá, Mị cựa quậy, xem mình còn sống hay chết. Cổ tay, đầu, bắp chân bị dây trói siết lại, đau dứt từng mảnh thịt.

Có tiếng xôn xao phía ngoài, rồi một đám đông vào nhà. Thống lí Pá Tra xuống ngựa, cho *thị sống* (một chức việc đi hầu thống lí như người làm mõ thời trước) dắt ngựa vào tàu. Nghe như bọn họ có khiêng theo con lợn, hoặc một người phải trói, vừa vất huỵch xuống đất, cứ thở phè phè.

A Sử chệnh choạng vào buồng. Áo nó rách toạc một mảnh vai. Cái khăn xéo trắng loang lổ đầy máu, sụp xuống quanh trán. A Sử nằm lăn ra giường. Lát sau, thống lí Pá Tra bước vào. Theo sau thống lí là một lũ *thống quán* (một chức việc như phó lí), *xéo phải* (như trưởng thôn) và một bọn *thị sống* vẫn thường ra vào hầu hạ, ăn thịt uống rượu, hút thuốc phiện nhà thống lí. Có người bấy giờ mới nhìn thấy Mị phải trói đứng trong cột. Nhưng cũng không ai để ý, họ xúm cả lại quanh giường A Sử. Pá Tra, tay vẫn cầm cái roi ngựa, lại từ từ đi ra. Mị nhắm mắt lại, không dám nhìn. Mị chỉ nghe hình như có tiếng bố chồng gọi ra ngoài. Mị hé nhìn ra, thấy chị dâu bước vào. Người chị dâu ấy chưa già, nhưng cái lưng quanh năm phải đeo thồ nặng quá, đã còng rạp xuống. Người chị dâu đến cởi trói cho Mị. Sợi dây gai dưới bắp chân vừa lỏng ra, Mị ngã sụp xuống. Chị dâu nói khẽ vào tai Mị :

– Mị ! Đi hái thuốc cho chồng mày.

Mị quên cả đau, đứng lên. Nhưng không nhích chân lên được, Mị phải ôm vai chị dâu, hai người khổ sở dìu nhau bước ra. Trong khi đi vào rừng tìm lá thuốc, Mị nghe chị dâu nói lại, mới biết chuyện A Sử đi chơi bị đánh vỡ đầu.

---

(1) *Lò nấu lợn* : lò nấu thức ăn cho lợn.

(2) Theo phong tục của người Mông, ở những nhà khá giả, người chồng đi xa thường cưỡi ngựa, vợ đi bộ theo sau hoặc dắt ngựa cho chồng.

timdapan.com

Nửa đêm qua, A Sử vào làng tìm đến đám chơi có tiếng sáo, tiếng khèn. Nhiều trai làng ấy và các làng khác đã tới, chơi quay, thổi sáo suốt ngày, chập tối vừa xong chầu rượu trong nhà, bây giờ vẫn còn chưa chịu tan về. Lúc A Sử và chúng bạn kéo đến thì không còn ai chơi trong nhà nữa, vì bố mẹ và người trong nhà ấy đã đi ngủ. Nhưng người ra người vào còn dập dìu quanh ngõ. A Sử đứng ngoài, tức lắm. Nó bàn với một lũ khác, doạ đánh bọn con trai lạ vẫn bám quanh nhà đã khiến cho bọn A Sử bị vướng không thể vào được. Bọn A Sử ném đá vào vách. Ông bố trong nhà ra chửi. Bọn A Sử vẫn ném. Ông lão không dám ra nữa, liền vào trong cửa, bắn ra hai phát súng. Thế là tan những đám hẹn. Nhưng cũng chưa người trai nào chịu về. Họ lại tản vào các nhà quen trong xóm. Để đợi sáng mai lại lên sân đánh pao với con gái trong xóm.

Bọn A Sử cũng không chịu để cánh kia yên. Sáng sớm, khi họ vừa kéo ra đầu ngõ, bè lũ bạn A Sử đã kéo đến gây sự. A Sử đi trước, nạm vòng bạc ở cổ rủ xuống những tua chỉ xanh đỏ mà chỉ riêng con cái nhà quan trong làng mới được đeo. A Sử hùng hổ bước ra. Bọn kia đứng dồn cả lại, xôn xao :

– Lũ phá đám ta đêm qua đây rồi.

– A Phủ đâu ? A Phủ đánh chết nó đi !

Một người to lớn chạy vụt ra vung tay ném con quay rất to vào mặt A Sử. Con quay gỗ ngát lăng vào giữa mặt. Nó vừa kịp bưng tay lên, A Phủ đã xộc tới, nắm cái vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp. Người làng nghe tiếng hò hét đổ ra. Thấy vậy, bọn trai làng lạ tản hết lên rừng. Mấy người đuổi đón đầu A Phủ. A Phủ bị bắt sống, trói gô chân tay lại. Vừa lúc thống lí Pá Tra tới. Chúng nó xọc ngang cái gậy, khiêng A Phủ mang về ném xuống giữa nhà thống lí.

Mị đi hái được lá thuốc về, thấy trong nhà càng đông hơn lúc nãy. Ngoài sân, dưới gốc đào lại buộc thêm mấy con ngựa lạ. Mị đi cửa sau vào, lé mắt nhìn thấy một người to lớn quỳ trong góc nhà. Mị đoán đấy là A Phủ.

Bọn chức việc khắp vùng Hồng Ngài đến nhà thống lí Pá Tra dự đám xử kiện. Các lí dịch, quan làng, *thống quán*, *xéo phải* đội mũ, quấn khăn, xách gậy, cưỡi ngựa kéo đến xử kiện và ăn cỗ.

Trong nhà thống lí đã bày năm cái bàn đèn. Khói thuốc phiện tuôn ra các lỗ cửa sổ tun hút xanh như khói bếp. Cả những người chức việc bên làng A Phủ cũng tới. Nhưng chỉ bọn con trai làng ấy phải ngồi khoanh tay cạnh A Phủ vì họ bị gọi sang hầu kiện, còn bọn chức việc thì nằm dài cả bên khay đèn. Suốt từ trưa cho tới hết đêm, mấy chục người hút. Trên nhất là thống lí Pá Tra, thống lí Pá Tra hút xong một lượt năm điếu, đến người khác hút, lại người khác hút, cứ thế lần lượt xuống tới bọn đi gọi người về dự kiện. Chỉ có đàn bà

timdapan.com

ngồi trong buồng hoặc đi lại bên ngoài dòm ngó đám xử kiện và A Phủ quỳ chịu tội ở xó nhà, là không được dự tiệc hút ấy. Lúc một loạt người vừa hút xong, Pá Tra ngồi dậy, vuốt ngược cái đầu trọc dài, kéo đuôi tóc ra đằng trước, cất giọng lè nhè gọi :

– Thằng A Phủ ra đây.

A Phủ ra quỳ giữa nhà. Lập tức, bọn trai làng xô đến, trước nhất, chắp tay lạy lia lịa tên thống lí Pá Tra rồi quay lại đánh A Phủ. A Phủ quỳ chịu đòn, chỉ im như cái tượng đá.

Cứ mỗi đợt bọn chức việc hút thuốc phiện xong, A Phủ lại phải ra quỳ giữa nhà, lại bị người xô đến đánh. Mặt A Phủ sưng lên, môi và đuôi mắt giập chảy máu. Người thì đánh, người thì quỳ lạy, kể lể, chửi bới. Xong một lượt đánh, kể, chửi, lại hút. Khói thuốc phiện ngào ngạt tuôn qua các lỗ cửa sổ. Rồi Pá Tra lại ngóc cổ lên, vuốt tóc, gọi A Phủ... Cứ như thế, suốt chiều, suốt đêm, càng hút, càng tỉnh, càng đánh, càng chửi, càng hút.

Trong buồng bên cạnh, Mị cũng thức suốt đêm im lặng ngồi xoa thuốc dấu cho chồng. Lúc nào Mị mỏi quá, cựa mình, thì những chỗ lằn trói trong người lại đau ê ẩm. Mị lại gục đầu nằm thiếp đi. Khi đó, A Sử bèn đạp chân vào mặt Mị. Mị choàng thức, lại nhặt nắm lá thuốc, xoa đều đều trên lưng chồng. Ngoài nhà vẫn rên lên từng cơn kéo thuốc phiện, như những con mọt nghiến gỗ kéo dài, giữa tiếng người khóc, tiếng người kể lào xào, và tiếng đấm đánh huỳnh huỵch.

Sáng hôm sau thì đám kiện đã xong. Một số người, chẳng biết từ bao giờ, đã ngủ ngáy ngay bên khay đèn. Bọn *xéo phải* đang bắc cái chảo đồng và xách ấm nước ra nấu thêm lạng thuốc để hút thêm ban ngày cho các quan làng thật tỉnh, các quan làng còn một tiệc ăn cỗ nữa.

Thống lí Pá Tra mở tráp, lấy ra một trăm đồng bạc hoa xoè[1] bày lên mặt tráp, rồi nói :

– Thằng A Phủ đánh người thì làng xử mày phải nộp vạ cho người phải mày đánh là hai mươi đồng, nộp cho *thống quán* năm đồng, mỗi *xéo phải*

(1) Đồng tiền do ngân hàng Đông Dương thời Pháp thuộc phát hành, đúc bằng bạc, có hình tượng thần Tự do toả sáng trông như đoá hoa xoè ra. Người Mông rất quý đồng tiền này, vì có thể lấy bạc để làm vòng đeo tay, đeo cổ.

timdapan.com

hai đồng, mỗi người đi gọi các quan làng về hầu kiện năm hào. Mày phải mất tiền mời các quan hút thuốc từ hôm qua tới nay. Lại mất con lợn hai mươi cân, chốc nữa mổ để các quan làng ăn vạ mày. A Phủ, mày đánh con quan làng, đáng nhẽ làng xử mày tội chết, nhưng làng tha cho mày được sống mà nộp vạ. Cả tiền phạt, tiền thuốc, tiền lợn, mày phải chịu một trăm bạc trắng. Mày không có trăm bạc thì tao cho mày vay để mày ở nợ. Bao giờ có tiền giả thì tao cho mày về, chưa có tiền giả thì tao bắt mày ở làm con trâu, con ngựa cho nhà tao. Đời mày, đời con, đời cháu mày tao cũng bắt thế, bao giờ hết nợ tao mới thôi. A Phủ ! Lại đây nhận tiền quan cho vay.

A Phủ lê hai cái đầu gối sưng bạnh lên như mặt hổ phù[1]. A Phủ cúi sờ lên đồng bạc trên tráp, trong khi Pá Tra đốt hương, lầm rầm khấn gọi ma về nhận mặt người vay nợ. Pá Tra khấn xong, A Phủ cũng nhặt xong bạc, nhưng nhặt xong lại để ngay cả xuống mặt tráp. Rồi Pá Tra lại trút cả bạc vào trong tráp.

Con lợn vừa mua về cho A Sử thết làng ăn vạ đã kêu eng éc ngoài sân. Từ lúc đếm tiền rồi, A Phủ không phải quỳ, phải đánh nữa. A Phủ đứng lên cầm con dao, chân đau bước tập tễnh, cùng với mấy trai làng, ra chọc tiết làm thịt lợn hầu làng. Trong nhà, thuốc phiện vẫn hút rào rào.

Thế là từ đấy A Phủ phải đi ở trừ nợ cho nhà quan thống lí Pá Tra. Đốt rừng, cày nương, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò, chăn ngựa, quanh năm một thân một mình bôn ba rong ruổi ngoài gò ngoài rừng. A Phủ đương tuổi sức lực. Công việc làm hay đi săn, cái gì cũng làm phăng phăng. Không còn có lúc nào trở về làng bên. Nhưng A Phủ cũng chẳng muốn trở về làm gì bên ấy nữa.

A Phủ cũng không phải người làng bên ấy. Bố mẹ đẻ A Phủ ở Háng-bla. Năm xưa, làng Háng-bla phải một trận bệnh đậu mùa, nhiều trẻ con, cả người lớn, chết, có nơi chết cả nhà. Anh của A Phủ, em A Phủ chết, bố mẹ A Phủ cũng chết. Còn sót lại có một mình A Phủ. Làng chết và đói nhiều quá, có người làng đói bụng bắt A Phủ đem xuống bán đổi lấy thóc của người Thái dưới cánh đồng. A Phủ mới mười tuổi, nhưng A Phủ gan bướng, không chịu ở dưới cánh đồng thấp. A Phủ trốn lên núi, lưu lạc đến Hồng Ngài. Đi làm cho nhà người, lần lữa mùa này sang mùa khác, chẳng bao lâu A Phủ đã lớn, đã biết đúc lưỡi cày, biết đục cuốc, lại cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo. A Phủ khoẻ, chạy nhanh như ngựa, con gái trong làng nhiều người mê, nhiều người nói : "Đứa nào được A Phủ cũng bằng được con trâu tốt trong nhà, chẳng mấy lúc mà giàu". Người ta ao ước đùa thế thôi chứ phép rượu cũng chẳng to hơn phép làng, còn tục lệ cưới xin, mà A Phủ thì không có bố mẹ, không có ruộng, không có bạc, A Phủ không thể lấy nổi vợ. Tuy nhiên, đang tuổi chơi, trong ngày Tết đến, dù A Phủ chẳng có quần áo mới như nhiều trai khác,

---

(1) *Hổ phù* : hình mặt con hổ, được chạm khắc vào gỗ hoặc kim loại ; ở Việt Nam chủ yếu để trang trí.

timdapan.com

A Phủ chỉ có độc một chiếc vòng vía[1] lần trên cổ, A Phủ cũng cứ cùng trai làng đem sáo, khèn, đem con quay và quả pao, quả yến đi tìm người yêu ở các làng trong vùng.

Vì thế mà sinh sự đánh nhau ở Hồng Ngài.

(**Lược một đoạn** : *Khi đó đang đói rừng, hổ gấu từng đàn ra phá nương, bắt bò ngựa. A Phủ trong lúc trông bò ngựa vì mải mê bẫy nhím đã để hổ bắt mất một con bò. A Phủ bị thống lí Pá Tra bắt trói đứng vào một cây cột trong góc nhà bằng dây mây quấn từ chân đến vai, chờ khi nào bắn được hổ mới tha. Nhưng A Sử và lính dõng của thống lí không lùng bắn được hổ, A Phủ vẫn bị trói.*)

Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn, nếu không có bếp lửa sưởi kia thì Mị cũng đến chết héo. Mỗi đêm, Mị đã dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần.

Thường khi đến gà gáy sáng Mị ngồi dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu thì các chị em trong nhà mới bắt đầu dậy ra dóm lò bung ngô, nấu cháo lợn. Chỉ chợp mắt được từng lúc, Mị lại thức sưởi lửa suốt đêm. Mỗi đêm, khi nghe tiếng phù phù thổi bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa sưởi bùng lên, cùng lúc ấy thì Mị cũng nhìn sang, thấy mắt A Phủ trừng trừng, mới biết A Phủ còn sống. Mấy đêm nay như thế. Nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. Mị vẫn trở dậy, vẫn sưởi, chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chợt về, thấy Mị ngồi đấy, A Sử đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau Mị vẫn ra sưởi như đêm trước.

Lúc ấy đã khuya. Trong nhà đã ngủ yên, thì Mị trở dậy thổi lửa. Ngọn lửa bập bùng sáng lên, Mị lé mắt trông sang, thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại. Nhìn thấy tình cảnh như thế, Mị chợt nhớ lại đêm năm trước A Sử trói Mị, Mị cũng phải trói đứng thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết, nó bắt mình chết cũng thôi, nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết thế. A Phủ... Mị phảng phất nghĩ như vậy.

Đám than đã vạc hẳn lửa. Mị không thổi, cũng không đứng lên. Mị nhớ lại đời mình, Mị lại tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng đã

---

(1) *Vòng vía* : vòng đeo để tránh tai hoạ hay bệnh tật như một thứ bùa hộ mệnh – theo mê tín.

timdapan.com

trốn được rồi, lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo là Mị đã cởi trói cho nó, Mị liền phải trói thay vào đấy, Mị phải chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, trong tình cảnh này, làm sao Mị cũng không thấy sợ...

Lúc ấy, trong nhà đã tối bưng, Mị rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt, nhưng Mị tưởng như A Phủ đương biết có người bước lại... Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ cứ thở phè từng hơi, không biết mê hay tỉnh. Lần lần, đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì Mị cũng hốt hoảng, Mị chỉ thì thào được một tiếng "Đi ngay...", rồi Mị nghẹn lại. A Phủ bỗng khuỵu xuống, không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy.

Mị đứng lặng trong bóng tối.

Rồi Mị cũng vụt chạy ra. Trời tối lắm. Nhưng Mị vẫn băng đi. Mị đuổi kịp A Phủ, đã lăn, chạy, chạy xuống tới lưng dốc, Mị nói, thở trong hơi gió thốc lạnh buốt :

– A Phủ cho tôi đi.

A Phủ chưa kịp nói, Mị lại nói :

– Ở đây thì chết mất.

A Phủ chợt hiểu.

Người đàn bà chê chồng đó vừa cứu sống mình.

A Phủ nói : "Đi với tôi". Và hai người lẳng lặng đỡ nhau lao chạy xuống dốc núi.

(Lược phần cuối : *Hai người thành vợ chồng và trốn sang Phiềng Sa. Quân Pháp tràn tới, dân Phiềng Sa lại hoang mang lo sợ. A Châu, cán bộ Đảng đã tìm đến. A Phủ kết nghĩa anh em với A Châu. Rồi A Phủ trở thành tiểu đội trưởng du kích, cùng với Mị và đồng đội bảo vệ quê hương.*)

1953

(Theo *Truyện Tây Bắc*, NXB Văn học, Hà Nội, 1960)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm hiểu số phận và tính cách nhân vật Mị qua :

– Cảnh ngộ bị bắt về làm dâu gạt nợ, cuộc sống bị đày đoạ tủi cực ở nhà thống lí Pá Tra.

– Diễn biến tâm trạng và hành động.

(Chú ý phân tích diễn biến tâm trạng Mị trong đêm mùa xuân về, kí ức tuổi thanh xuân và niềm khao khát sống trở lại, những đêm cô đơn dậy sớm sưởi

timdapan.com

lửa, khi chứng kiến cảnh A Phủ bị trói đứng, hành động cắt dây trói cứu A Phủ và cùng A Phủ trốn khỏi Hồng Ngài,...)

2. Ấn tượng của anh (chị) về tính cách nhân vật A Phủ (qua hành động đánh nhau với A Sử, lúc bị xử kiện và khi về làm công gạt nợ ở nhà thống lí Pá Tra). Bút pháp của nhà văn khi miêu tả nhân vật Mị và nhân vật A Phủ có gì khác nhau ?

3. Những nét độc đáo trong quan sát và diễn tả của tác giả về đề tài miền núi (nếp sinh hoạt, phong tục, thiên nhiên, con người, xây dựng tình huống, cốt truyện, nghệ thuật dẫn truyện,...) ?

GHI NHỚ

- *Vợ chồng A Phủ* là câu chuyện về những người dân lao động vùng cao Tây Bắc không cam chịu bọn thực dân, chúa đất áp bức, đày đoạ, giam hãm trong cuộc sống tăm tối đã vùng lên phản kháng, đi tìm cuộc sống tự do.
- Tác phẩm khắc hoạ chân thực những nét riêng biệt về phong tục, tập quán, tính cách và tâm hồn người dân các dân tộc thiểu số bằng một giọng văn nhẹ nhàng, tinh tế, đượm màu sắc và phong vị dân tộc, vừa giàu tính tạo hình vừa giàu chất thơ.

LUYỆN TẬP

Qua số phận hai nhân vật Mị và A Phủ, hãy phát biểu ý kiến của anh (chị) về giá trị nhân đạo của tác phẩm.

timdapan.com

VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 5 : NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

Vận dụng được các tri thức và kĩ năng đã học viết được bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

I – HƯỚNG DẪN CHUNG

Để bài viết đạt kết quả tốt, anh (chị) cần thực hiện các công việc chuẩn bị sau :

– Xem lại bài *Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.*

– Đọc lại các văn bản văn học đã học.

II – GỢI Ý MỘT SỐ ĐỀ BÀI

1. Trong một bức thư luận bàn về văn chương, Nguyễn Văn Siêu có viết : "Văn chương [...] có loại đáng thờ. Có loại không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chỉ chuyên chú ở văn chương. Loại đáng thờ là loại chuyên chú ở con người". Hãy phát biểu ý kiến về quan niệm trên.

2. Buy-phông, nhà văn Pháp nổi tiếng, có viết : "Phong cách chính là người". Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào ?

3. Anh (chị) hãy bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến của nhà văn Pháp La Bơ-ruy-e : "Khi một tác phẩm nâng cao tinh thần ta lên và gợi cho ta những tình cảm cao quý và can đảm, không cần tìm một nguyên tắc nào để đánh giá nó nữa : đó là một cuốn sách hay và do một nghệ sĩ viết ra".

III – GỢI Ý CÁCH LÀM BÀI

Đề 1. Đây là kiểu bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học. Bài làm cần có các nội dung sau :

– Phân tích, lí giải hai loại văn chương "đáng thờ" và "không đáng thờ".

– Nêu ý kiến về quan niệm của Nguyễn Văn Siêu.

timdapan.com

Đề 2. Cần lưu ý những ý chính sau :

– Phong cách chính là nét độc đáo và phần đóng góp riêng của nhà văn cho đời sống văn học.

– Phong cách bao gồm cả phương diện nội dung và nghệ thuật :

+ Độc đáo về nội dung thể hiện ở quan niệm về cuộc sống và con người từ việc lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, cách lí giải những vấn đề về cuộc sống và con người,...

+ Độc đáo về nghệ thuật thể hiện ở phương thức biểu hiện, ở việc lựa chọn các thủ pháp nghệ thuật, tổ chức kết cấu, sử dụng ngôn ngữ,...

– Điều thú vị khi đọc tác phẩm văn học là phát hiện được những nét độc đáo trong phong cách của mỗi nhà văn.

Đề 3. Cần làm sáng tỏ một số ý sau :

– Tiêu chí để đánh giá một tác phẩm hay, theo La Bơ-ruy-e, là giá trị giáo dục của tác phẩm đó.

– Giá trị giáo dục của tác phẩm văn học : "nâng cao tinh thần", gợi "những tình cảm cao quý và can đảm" của con người.

timdapan.com

NHÂN VẬT GIAO TIẾP

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm vững đặc điểm, vai trò và tác động chi phối lời nói của các nhân vật giao tiếp trong hoạt động giao tiếp.
- Có kĩ năng nói, viết thích hợp với vai giao tiếp trong từng ngữ cảnh nhất định.

1. Đọc đoạn trích sau và phân tích theo các câu hỏi nêu ở dưới.

Một lần hắn đang gò lưng kéo cái xe bò thóc vào dốc tỉnh, hắn hò một câu chơi cho đỡ nhọc. Hắn hò rằng :

Muốn ăn cơm trắng mấy giò này !
Lại đây mà đẩy xe bò với anh, nì !

Chủ tâm hắn cũng chẳng có ý chòng ghẹo cô nào, nhưng mấy cô gái lại cứ đẩy vai cô ả này ra với hắn, cười như nắc nẻ :

– Kìa anh ấy gọi ! Có muốn ăn cơm trắng mấy giò thì ra đẩy xe bò với anh ấy !

Thị cong cớn :

– Có khối cơm trắng mấy giò đấy ! Này, nhà tôi ơi, nói thật hay nói khoác đấy ?

Tràng ngoái cổ lại vuốt mồ hôi trên mặt cười :

– Thật đấy, có đẩy thì ra mau lên !

Thị vùng đứng dậy, ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng.

– Đã thật thì đẩy chứ sợ gì, đằng ấy nhỉ. – Thị liếc mắt, cười tít.

(Kim Lân, *Vợ nhặt*)

Câu hỏi :

a) Trong hoạt động giao tiếp trên, các nhân vật giao tiếp có đặc điểm như thế nào về lứa tuổi, giới tính, tầng lớp xã hội ?

timdapan.com

b) Các nhân vật giao tiếp chuyển đổi vai người nói, vai người nghe và luân phiên lượt lời ra sao ? Lượt lời đầu tiên của nhân vật "thị" hướng tới ai ?

c) Các nhân vật giao tiếp trên có bình đẳng về vị thế xã hội không ?

d) Họ có quan hệ xa lạ hay thân tình khi bắt đầu cuộc giao tiếp ?

e) Những đặc điểm về vị thế xã hội, quan hệ thân sơ, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp,... chi phối lời nói của các nhân vật như thế nào ? (Chú ý cách xưng hô, cách nói năng và những điệu bộ, cử chỉ phụ trợ cho lời nói của các nhân vật.)

2. Đọc đoạn trích sau và phân tích theo các câu hỏi nêu ở dưới.

Thoáng nhìn qua, cụ đã hiểu cơ sự rồi. Làm lí trưởng rồi chánh tổng, bây giờ lại đến lượt con cụ làm lí trưởng, những việc như thế này cụ không lạ gì. Cụ hãy quát mấy bà vợ đang xưng xỉa chực tâng công với chồng :

– Các bà đi vào nhà ; đàn bà chỉ lôi thôi, biết gì !

Rồi quay lại bọn người làng, cụ dịu giọng hơn một chút :

– Cả các ông, các bà nữa, về đi thôi chứ ! Có gì mà xúm lại như thế này ?

Không ai nói gì, người ta lảng dần đi. Vì nể cụ bá cũng có, nhưng vì nghĩ đến sự yên ổn của mình cũng có : người nhà quê vốn ghét lôi thôi. Ai dại gì mà đứng ỳ ra đấy, có làm sao họ triệu mình đi làm chứng. Sau còn trơ lại Chí Phèo và cha con cụ bá. Bây giờ cụ mới lại gần hắn khẽ lay mà gọi :

– Anh Chí ơi ! Sao anh lại làm ra thế ?

Chí Phèo lim dim mắt, rên lên :

– Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đấy thôi. Nhưng tao mà chết thì có thằng sạt nghiệp, mà còn rũ tù chưa biết chừng.

Cụ bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm ; người ta bảo cụ hơn người cũng bởi cái cười :

– Cái anh này nói mới hay ! Ai làm gì anh mà anh phải chết ? Đời người chứ có phải con ngoé đâu ? Lại say rồi phải không ?

Rồi, đổi giọng cụ thân mật hỏi :

– Về bao giờ thế ? Sao không vào tôi chơi ? Đi vào nhà uống nước.

Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn :

– Nào đứng lên đi. Cứ vào đây uống nước đã. Có cái gì, ta nói chuyện tử tế với nhau. Cần gì mà phải làm thanh động lên như thế, người ngoài biết, mang tiếng cả.

timdapan.com

Rồi vừa xốc Chí Phèo, cụ vừa phàn nàn :

– Khổ quá, giá có tôi ở nhà thì có đâu đến nỗi. Ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ. Chỉ tại thằng lí Cường nóng tính, không nghĩ trước nghĩ sau. Ai chứ anh với nó còn có họ kia đấy.

Chí Phèo chả biết họ hàng ra làm sao, nhưng cũng thấy lòng nguôi nguôi. Hắn cố làm ra vẻ nặng nề, ngồi lên. Cụ bá biết rằng mình đã thắng, đưa mắt nháy con một cái, quát :

– Lí Cường đâu ! Tội mày đáng chết. Không bảo người nhà đun nước, mau lên !

(Nam Cao, *Chí Phèo*)

Câu hỏi :

a) Trong đoạn trích trên có những nhân vật giao tiếp nào ? Trường hợp nào bá Kiến nói với một người nghe, trường hợp nào nói với nhiều người nghe ?

b) Vị thế của bá Kiến so với từng người nghe như thế nào ? Điều đó chi phối cách nói và lời nói của bá Kiến ra sao ?

c) Đối với Chí Phèo, bá Kiến đã thực hiện một chiến lược giao tiếp như thế nào ? Hãy phân tích cụ thể chiến lược đó theo các bước sau đây :

(1) Bá Kiến tìm cách đuổi hết mọi người về, chỉ đối thoại với riêng Chí Phèo. (Đuổi như thế nào và đuổi để làm gì ?)

(2) Bá Kiến "*hạ nhiệt*" cơn tức giận của Chí Phèo bằng cả hành động và lời nói. (Chú ý cách nói, từ xưng hô, nội dung lời nói.)

(3) Bá Kiến *nâng vị thế* của Chí Phèo lên ngang hàng với mình (chú ý từ xưng hô, cách nói trống, cách dùng ngôi gộp) và nhận Chí Phèo là có họ hàng.

(4) Bá Kiến *kết tội* lí Cường và yêu cầu lí Cường phải tiếp đón Chí Phèo. (Kết tội như thế nào ? Mục đích của việc làm này là gì ?)

d) Với chiến lược giao tiếp như trên, bá Kiến có đạt được mục đích và hiệu quả giao tiếp không ? Những người nghe trong cuộc hội thoại với bá Kiến có phản ứng như thế nào khi nghe những lời nói của bá Kiến ?

timdapan.com

GHI NHỚ

- Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các nhân vật giao tiếp xuất hiện trong vai người nói (người viết), hoặc vai người nghe (người đọc) ; ở giao tiếp dạng nói, các nhân vật giao tiếp thường đổi vai và luân phiên lượt lời với nhau.
- Các nhân vật giao tiếp có thể có vị thế ngang hàng hoặc cách biệt, có thể xa lạ hay có quan hệ thân tình. Những đặc điểm đó cùng với những đặc điểm riêng biệt khác của từng người (lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, vốn sống, văn hoá,...) luôn luôn chi phối lời nói của họ về nội dung và hình thức ngôn ngữ.
- Để đạt được mục đích và hiệu quả giao tiếp, mỗi nhân vật giao tiếp tuỳ thuộc vào ngữ cảnh mà lựa chọn và thực hiện một chiến lược giao tiếp phù hợp (bao gồm việc lựa chọn đề tài, nội dung, phương tiện ngôn ngữ, cách thức, thứ tự nói hoặc viết,...).

LUYỆN TẬP

1. Phân tích sự chi phối của vị thế xã hội ở các nhân vật đối với lời nói của họ trong đoạn trích sau :

Anh Mịch nhăn nhó, nói :

– Lạy ông, ông làm phúc tha cho con, mai con phải đi làm trừ nợ cho ông nghị, kẻo ông ấy đánh chết.

Ông lí cau mặt, lắc đầu, giơ roi song to bằng ngón chân cái lên trời, dậm doạ :

– Kệ mày, theo lệnh quan, tao chiếu sổ đinh, thì lần này đến lượt mày rồi.

– Cắn cỏ con lạy ông trăm nghìn mớ lạy, ông mà bắt con đi thì ông nghị ghét con, cả nhà con khổ.

– Thì mày hẹn làm ngày khác với ông ấy, không được à ?

– Đối với ông nghị, con là chỗ đầy tớ, con sợ lắm. Con không dám nói sai lời, vì là chỗ con nhờ vả quanh năm. Nếu không, vợ con con chết đói.

– Chết đói hay chết no, tao đây không biết, nhưng giấy quan đã sức, tao cứ phép tao làm. Đứa nào không tuân, để quan gắt, tao trình thì rũ tù.

– Lạy ông, ông thương phận nào con nhờ phận ấy.

– Mặc kệ chúng bay, tao thương chúng bay, nhưng ai thương tao. Hôm ấy mày mà không đi, tao sai tuần đến gô cổ lại, đừng kêu.

(Nguyễn Công Hoan, *Tinh thần thể dục*)

2. Phân tích mối quan hệ giữa đặc điểm về vị thế xã hội, nghề nghiệp, giới tính, văn hoá,... của các nhân vật giao tiếp với đặc điểm trong lời nói của từng người ở đoạn trích sau :

timdapan.com

Bỗng dưng tất cả dừng lại, dưới cây đũa thần, hay đúng hơn dưới ngọn roi gân bò mà viên đội sếp Tây vừa vung lên vừa quát tháo : "Cái giống tởm nhà mày ! Có cút đi không, cái giống tởm !". Thế là cái đám đông lúc nhúc đứng sắp hàng, vừa yên lại vừa lặng, hai bên lề đường. Gì thế nhỉ ? Xe ô tô quan Toàn quyền sắp đi qua đấy... Xe kia rồi ! Lại cả ông Toàn quyền đây rồi !

– Quan có cái mũ hai sừng trên chóp sọ ! – Một chú bé con thầm thì.

– Ồ ! Cái áo dài đẹp chửa ! – Một chị con gái thốt ra.

– Ngài sắp diễn thuyết đấy ! – Một anh sinh viên kêu lên.

– Đôi bắp chân ngài bọc ủng ! – Một bác cu-li xe thở dài.

– Rậm râu, sâu mắt ! – Một nhà nho lẩm bẩm.

Thế là ô tô ông Va-ren chạy qua giữa hai hàng rào con người, lưng khom lại khi ngài đến gần.

(Nguyễn Ái Quốc, *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*)

3. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.

Bà lão láng giềng lại lật đật chạy sang :

– Bác trai đã khá rồi chứ ?

– Cảm ơn cụ, nhà cháu đã tỉnh táo như thường. Nhưng xem ý hãy còn lề bề lệt bệt chừng như vẫn mỏi mệt lắm.

– Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ cứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại đánh trói thì khổ. Người ốm rề rề như thế, nếu lại phải một trận đòn, nuôi mấy tháng cho hoàn hồn.

– Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ. Nhưng để cháo nguội, cháu cho nhà cháu ăn lấy vài húp cái đã. Nhịn suông từ sáng hôm qua tới giờ còn gì.

– Thế thì phải giục anh ấy ăn mau đi, kẻo nữa người ta sắp sửa kéo vào rồi đấy !

Rồi bà lão lật đật trở về với vẻ mặt băn khoăn.

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

Câu hỏi :

a) Bà lão hàng xóm và chị Dậu có vị thế và có quan hệ với nhau như thế nào ? Điều đó chi phối lời nói và cách nói của hai người đối với nhau ra sao ? (Chú ý các từ xưng hô, từ gọi đáp và nội dung lời nói của hai nhân vật,...)

b) Phân tích sự tương tác về hành động nói giữa lượt lời của hai nhân vật giao tiếp trong đoạn trích.

Mẫu : hỏi thăm – cảm ơn.

c) Lời nói và cách nói của các nhân vật cho thấy tính cách và cách ứng xử của hai người có những nét văn hoá đáng trân trọng như thế nào ?

timdapan.com

VỢ NHẶT

KIM LÂN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hiểu được tình cảnh thê thảm của người nông dân nước ta trong nạn đói khủng khiếp năm 1945 do thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra. Cảm nhận được niềm khát khao tổ ấm gia đình, niềm tin vào cuộc sống và tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau giữa những con người nghèo khổ ngay trên bờ vực của cái chết.
- Nắm được những nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm trong việc tạo dựng tình huống truyện, miêu tả tâm lí, dựng đối thoại.

TIỂU DẪN

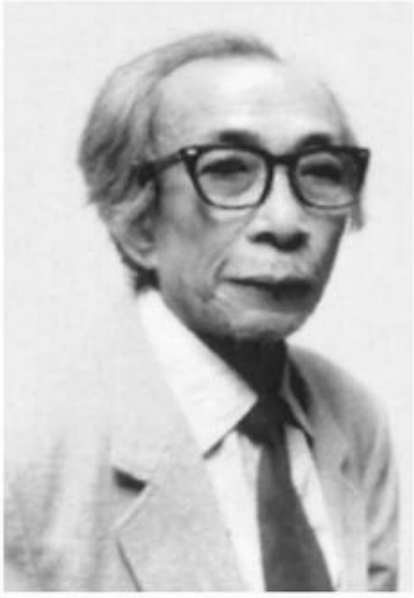

KIM LÂN

Kim Lân (1920 – 2007), tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài, quê ở làng Phù Lưu, xã Tân Hồng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông chỉ được học hết tiểu học, rồi vừa làm thợ sơn guốc, khắc tranh bình phong vừa viết văn. Năm 1944, Kim Lân tham gia Hội Văn hoá cứu quốc, sau đó liên tục hoạt động văn nghệ phục vụ kháng chiến và cách mạng (viết văn, làm báo, diễn kịch, đóng phim).

Tác phẩm chính : *Nên vợ nên chồng* (tập truyện ngắn, 1955), *Con chó xấu xí* (tập truyện ngắn, 1962).

Kim Lân là cây bút chuyên viết truyện ngắn. Ông thường viết về nông thôn và người nông dân. Ông có những trang viết đặc sắc về phong tục và đời sống làng quê – những thú chơi và sinh hoạt văn hoá cổ truyền của người nông dân vùng đồng bằng Bắc Bộ, được gọi là những "thú đồng quê", "phong lưu đồng ruộng" như : chơi núi non bộ, thả chim, đánh vật, chọi gà,... Ông viết chân thật, xúc động về cuộc sống và người dân quê mà ông hiểu sâu sắc cảnh ngộ và tâm lí của họ – những con người gắn bó tha thiết với quê hương và cách mạng. Dù viết về phong tục hay con người, trong tác phẩm của Kim Lân ta vẫn thấy thấp thoáng cuộc sống và con người của làng quê Việt Nam nghèo khổ, thiếu thốn mà vẫn yêu đời ; thật thà, chất phác mà thông minh, hóm hỉnh, tài hoa. Năm 2001 Kim Lân được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

timdapan.com

Vợ nhặt là truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân in trong tập *Con chó xấu xí* (1962). Tiền thân của truyện ngắn này là tiểu thuyết *Xóm ngụ cư* – được viết ngay sau Cách mạng tháng Tám nhưng dang dở và thất lạc bản thảo. Sau khi hoà bình lập lại (1954), ông dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết truyện ngắn này.

*

* *

VĂN BẢN

(**Lược phần đầu** : *Trước kia mỗi chiều đi làm về, Tràng chỉ đi một mình, anh thường đùa vui với lũ trẻ trong xóm ngụ cư. Nhưng độ này, trên đường về nhà, người ta thấy anh tỏ ra mỏi mệt, vẻ mặt đăm chiêu, lo lắng và lũ trẻ cũng ủ rũ, không buồn ra đón anh nữa.*)

Cái đói đã tràn đến xóm này tự lúc nào. Những gia đình từ những vùng Nam Định, Thái Bình, đội chiếu lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma, và nằm ngổn ngang khắp lều chợ. Người chết như ngả rạ. Không buổi sáng nào người trong làng đi chợ, đi làm đồng không gặp ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường. Không khí vẩn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người.

Giữa cái cảnh tối sầm lại vì đói khát ấy, một buổi chiều người trong xóm bỗng thấy Tràng về với một người đàn bà nữa. Mặt hắn có một vẻ gì phớn phở khác thường. Hắn tủm tỉm cười nụ một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh. Người đàn bà đi sau hắn chừng ba bốn bước. Thị cắp cái thúng con, đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che khuất đi nửa mặt. Thị có vẻ rón rén, e thẹn. Mấy đứa trẻ con thấy lạ vội chạy ra đón xem. Sợ chúng nó đùa như ngày trước, Tràng vội vàng nghiêm nét mặt, lắc đầu ra hiệu không bằng lòng.

Mấy đứa trẻ đứng dừng lại, nhìn Tràng, đột nhiên có đứa gào lên :

– Anh Tràng ơi ! – Tràng quay đầu lại. Nó lại cong cổ gào lên lần nữa – Chông vợ hài[1].

Tràng bật cười :

– Bố ranh !

Người đàn bà có vẻ khó chịu lắm. Thị nhíu đôi lông mày lại, đưa tay lên xóc xóc lại tà áo. Ngã tư xóm chợ về chiều càng xác xơ, heo hút. Từng trận gió từ cánh đồng thổi vào, ngăn ngắt. Hai bên dãy phố, úp súp, tối om, không nhà nào có ánh đèn, lửa. Dưới những gốc đa, gốc gạo xù xì, bóng những người đói dật dờ đi lại lặng lẽ như những bóng ma. Tiếng quạ trên mấy cây gạo ngoài bãi chợ cứ gào lên từng hồi thê thiết.

---

(1) *Chông vợ hài* (nói lái) : hai vợ chồng.

timdapan.com

Nhìn theo bóng Tràng và bóng người đàn bà lủi thủi đi về bến, người trong xóm lạ lắm. Họ đứng cả trong ngưỡng cửa nhìn ra bàn tán. Hình như họ cũng hiểu được đôi phần. Những khuôn mặt hốc hác u tối của họ bỗng dưng rạng rỡ hẳn lên. Có cái gì lạ lùng và tươi mát thổi vào cuộc sống đói khát, tăm tối ấy của họ. Một người thở dài. Người khác khẽ thì thầm hỏi :

– Ai đấy nhỉ ?... Hay là người dưới quê bà cụ Tứ mới lên ?

– Chả phải, từ ngày còn mồ ma ông cụ Tứ [1] có thấy họ mạc nào lên thăm đâu.

– Quái nhỉ ?

Im một lúc, có người bỗng lại cười lên rung rúc.

– Hay là vợ anh cu Tràng ? Ừ, khéo mà vợ anh cu Tràng thật anh em ạ, trông chị ta thèn thẹn hay đáo để.

– Ôi chao ! Giời đất này còn rước cái của nợ đời về. Biết có nuôi nổi nhau sống qua được cái thì này không ?

Họ cùng nín lặng.

Người đàn bà như cũng biết xung quanh người ta đang nhìn dồn cả về phía mình, thị càng ngượng nghịu, chân nọ bước díu cả vào chân kia. Hắn cũng biết thế, nhưng hắn lại lấy vậy làm thích ý lắm, cái mặt cứ vênh lên tự đắc với mình.

(**Lược một đoạn** : *Trên đường về nhà, người đàn bà thì ngượng nghịu, còn Tràng thì tỏ ra thích chí và tự đắc. Thỉnh thoảng họ nói với nhau những lời vụng về, lúng túng.*)

Thị lẳng lặng theo hắn vào trong nhà, cái nhà vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại. Thị đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô lên, nén một tiếng thở dài. Tràng xăm xăm bước vào trong nhà, nhấc tấm phên rách sang một bên, thu dọn những niêu bát, xống áo vứt bừa bộn cả trên giường, dưới đất. Hắn quay lại nhìn thị cười cười :

– Không có người đàn bà, nhà cửa thế đấy !

Thị nhếch mép cười nhạt nhẽo. Tràng vỗ vỗ xuống giường đon đả :

– Ngồi đây !... Ngồi xuống đây, tự nhiên...

Người đàn bà theo lời hắn ngồi mớm xuống mép giường. Cả hai bỗng cùng ngượng nghịu. Tràng đứng tây ngây ra giữa nhà một lúc, chợt hắn thấy sờ sợ. Chính hắn cũng không hiểu sao hắn sợ, hắn lấm lét bước vội mấy bước ra sân gắt lên :

– Sao hôm nay bà lão về muộn thế không biết !

---

(1) Lúc ông cụ Tứ còn sống.

timdapan.com

Hắn loanh quanh hết chạy ra ngõ đứng ngóng, lại chạy vào sân nhìn trộm vào trong nhà. Thị vẫn ngồi mớm ở mép giường, hai tay ôm khư khư cái thúng, mặt bần thần.

Hắn nghĩ bụng : "Quái sao nó lại buồn thế nhỉ ?... Ồ sao nó lại buồn thế nhỉ ?...". Hắn nhổ vu vơ một bãi nước bọt, tủm tỉm cười một mình. Nhìn thị ngồi ngay giữa nhà, đến bây giờ hắn vẫn còn ngờ ngợ như không phải thế. Ra hắn đã có vợ rồi đấy ư ? Hà ! Việc xảy ra thật hắn cũng không ngờ, hắn cũng chỉ tầm phơ tầm phào đâu có hai bận, ấy thế mà thành vợ thành chồng...

Ít lâu nay hắn xe thóc Liên đoàn[1] lên tỉnh. Mỗi bận qua cửa nhà kho lại thấy mấy chị con gái ngồi vêu ra ở đấy. Hắn đoán họ ngồi đấy nhặt hạt rơi hạt vãi, hay ai có công việc gì gọi đến thì làm. Một lần hắn đang gò lưng kéo cái xe bò thóc vào dốc tỉnh, hắn hò một câu chơi cho đỡ nhọc. Hắn hò rằng :

Muốn ăn cơm trắng mấy giò này !
Lại đây mà đẩy xe bò với anh, nì !

Chủ tâm hắn cũng chẳng có ý chòng ghẹo cô nào, nhưng mấy cô gái lại cứ đẩy vai cô ả này ra với hắn, cười như nắc nẻ :

– Kìa anh ấy gọi ! Có muốn ăn cơm trắng mấy giò thì ra đẩy xe bò với anh ấy !

Thị cong cớn :

– Có khối cơm trắng mấy giò đấy ! Này, nhà tôi ơi, nói thật hay nói khoác đấy ?

Tràng ngoái cổ lại vuốt mồ hôi trên mặt cười :

– Thật đấy, có đẩy thì ra mau lên !

Thị vùng đứng dậy, ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng.

– Đã thật thì đẩy chứ sợ gì, đằng ấy nhỉ. – Thị liếc mắt, cười tít.

Tràng thích lắm. Từ cha sinh mẹ đẻ đến giờ, chưa có người con gái nào cười với hắn tình tứ như thế.

Lần thứ hai, Tràng vừa trả hàng xong, ngồi uống nước ở ngoài cổng chợ tỉnh thì thị ở đâu sầm sập chạy đến. Thị đứng trước mặt hắn sưng sỉa nói :

– Điêu ! Người thế mà điêu !

---

(1) *Liên đoàn* : một tổ chức thu gom thóc cho phát xít Nhật ở nước ta trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

timdapan.com

Hắn giương mắt nhìn thị, không hiểu. Thật ra lúc ấy hắn cũng chưa nhận ra thị là ai. Hôm nay thị rách quá, áo quần tả tơi như tổ đỉa, thị gầy sọp hẳn đi, trên cái khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt.

– Hôm ấy leo lẻo cái mồm hẹn xuống, thế mà mất mặt.

À, hắn nhớ ra rồi, hắn toét miệng cười.

– Chả hôm ấy thì hôm nay vậy. Này hẵng ngồi xuống ăn miếng giầu đã.

– Có ăn gì thì ăn, chả ăn giầu.

Thị vẫn đứng cong cớn trước mặt hắn.

– Đấy, muốn ăn gì thì ăn.

Hắn vỗ vỗ vào túi.

– Rích bố cu[1], hở !

Hai con mắt trũng hoáy của thị tức thì sáng lên, thị đon đả :

– Ăn thật nhá ! Ừ ăn thì ăn sợ gì.

Thế là thị ngồi sà xuống, ăn thật. Thị cắm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì. Ăn xong thị cầm dọc đôi đũa quệt ngang miệng, thở :

– Hà, ngon ! Về chị ấy thấy hụt tiền thì bỏ bố.

Hắn cười :

– Làm đếch gì có vợ. Này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về.

Nói thế Tràng cũng tưởng là nói đùa, ai ngờ thị về thật. Mới đầu anh chàng cũng chợn, nghĩ : thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bòng[2]. Sau không biết nghĩ thế nào hắn tặc lưỡi một cái :

– Chặc, kệ !

Hôm ấy hắn đưa thị vào chợ tỉnh bỏ tiền ra mua cho thị cái thúng con đựng vài thứ lặt vặt và ra hàng cơm đánh một bữa thật no nê rồi cùng đẩy xe bò về...

Tràng chợt đứng dừng lại, lắng tai nghe. Ngoài đầu ngõ có tiếng người húng hắng ho, một bà lão từ ngoài rặng tre lọng khọng đi vào. Bà lão vừa đi

---

(1) *Rích bố cu* (tiếng Pháp bồi, ghép từ *riche* (giàu có) và *beaucoup* (nhiều)) : nhiều tiền.

(2) *Đèo bòng* : mang thêm, vướng bận thêm vào mình một cái gì khó gỡ ra được.

timdapan.com

vừa lẩm bẩm tính toán gì trong miệng. Thấy mẹ, Tràng reo lên như một đứa trẻ, và gọi với vào trong nhà :

– U đã về đấy !

Hắn lật đật chạy ra đón.

– Hôm nay sao u về muộn thế ! Làm tôi đợi nóng cả ruột.

Bà cụ Tứ nhấp nháy hai con mắt nhìn Tràng, chậm chạp hỏi :

– Có việc gì thế vậy ?

– Thì u hẳng cứ vào trong nhà đã nào.

Bà lão phấp phỏng bước theo con vào trong nhà. Đến giữa sân bà lão đứng sững lại, bà lão càng ngạc nhiên hơn. Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia ? Sao lại chào mình bằng u ? Không phải con cái Đục mà. Ai thế nhỉ ? Bà lão hấp háy cặp mắt cho đỡ nhoèn vì tự dưng bà lão thấy mắt mình nhoèn ra thì phải. Bà lão nhìn kĩ người đàn bà lần nữa, vẫn chưa nhận ra người nào. Bà lão quay lại nhìn con tỏ ý không hiểu.

Tràng tươi cười :

– Thì u hẳng vào ngồi lên giường lên giếc chĩnh chện cái đã nào.

Bà lão lập cập bước vào. Người đàn bà tưởng bà lão già cả, điếc lác, thị cất tiếng chào lần nữa :

– U đã về ạ !

Ô hay, thế là thế nào nhỉ ? Bà lão băn khoăn ngồi xuống giường. Tràng nhắc mẹ :

– Kìa nhà tôi nó chào u.

Thấy mẹ vẫn chưa hiểu, hắn bước lại gần nói tiếp :

– Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ ! Chúng tôi phải duyên phải kiếp với nhau... Chẳng qua nó cũng là cái số cả...

Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không.

timdapan.com

Bà lão khẽ thở dài ngửng lên, đăm đăm nhìn người đàn bà. Thị cúi mặt xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt. Bà lão nhìn thị và bà nghĩ : Người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được... Thôi thì bổn phận bà là mẹ, bà đã chẳng lo lắng được cho con... May ra mà qua khỏi được cái tao đoạn[1] này thì thằng con bà cũng có vợ, nó yên bề nó, chẳng may ra ông giời bắt chết cũng phải chịu chứ biết thế nào mà lo cho hết được ?

Bà lão khẽ dặng hắng một tiếng, nhẹ nhàng nói với "nàng dâu mới" :

– Ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng...

Tràng thở đánh phào một cái, ngực nhẹ hẳn đi. Hắn ho khẽ một tiếng, bước từng bước dài ra sân. Bà cụ Tứ vẫn từ tốn tiếp lời :

– Nhà ta thì nghèo con ạ. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi ra may mà ông giời cho khá... Biết thế nào hở con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời ? Có ra thì rồi con cái chúng mày về sau.

Bà lão đăm đăm nhìn ra ngoài. Bóng tối trùm lấy hai con mắt. Ngoài xa dòng sông sáng trắng uốn khúc trong cánh đồng tối. Mùi đốt đống rấm[2] ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt. Bà lão thở nhẹ ra một hơi dài. Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà lão nghĩ đến cuộc đời cực khổ dài dằng dặc của mình. Vợ chồng chúng nó lấy nhau, cuộc đời chúng nó liệu có hơn bố mẹ trước kia không ?...

– Con ngồi xuống đây. Ngồi xuống đây cho đỡ mỏi chân.

Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót. Nó bây giờ là dâu là con trong nhà rồi. Người đàn bà khẽ nhúc nhích, thị vẫn khép nép đứng nguyên chỗ cũ. Bà lão hạ thấp giọng xuống thân mật :

– Kể có ra làm được dăm ba mâm thì phải đấy, nhưng nhà mình nghèo, cũng chả ai người ta chấp nhặt chi cái lúc này. Cốt làm sao chúng mày hoà thuận là u mừng rồi. Năm nay thì đói to đấy. Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá...

Bà cụ nghẹn lời không nói được nữa, nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng.

---

(1) *Tao đoạn* (từ cổ) : thời buổi, giai đoạn.

(2) Ở đây, những nhà có người chết, vì quá nghèo – không có tiền mua hương, đã đốt đống rấm cốt có khói để xua đi tử khí.

timdapan.com

(**Lược một đoạn** : *Cảnh gia đình trước lúc đi ngủ ; vợ chồng Tràng sượng sùng chẳng biết nói gì ; có tiếng hờ khóc vẳng đến từ phía những nhà có người chết đói.*)

Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hắn có vợ đến hôm nay hắn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.

Hắn chắp hai tay sau lưng lững thững bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng loá xói vào hai con mắt còn cay sè của hắn. Hắn chớp chớp liên hồi mấy cái, và bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đỉa vẫn vắt khươm mươi niên[1] ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang[2] nước vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung bành ngay lối đi đã hót sạch.

Ngoài vườn người mẹ đang lúi húi giẫy những búi cỏ mọc nham nhở. Vợ hắn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sàn sạt trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường nhưng đối với hắn lại rất thấm thía cảm động. Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đấy. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.

Bà cụ Tứ chợt thấy con giai đã dậy, bà lão nhẹ nhàng bảo nàng dâu :

– Anh ấy dậy rồi đấy. Con đi dọn cơm ăn chẳng muộn.

– Vâng.

Người đàn bà lẳng lặng đi vào trong bếp. Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không còn vẻ gì chao chát chỏng lỏn[3] như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh. Không biết có phải vì mới làm dâu mà thị tu chí làm ăn không ? Bà mẹ Tràng cũng nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, cái mặt bủng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Bà lão xăm

---

(1) *Khươm mươi niên* (khẩu ngữ) : lâu, nhiều năm ; ở đây ý nói quần áo để lâu không giặt giũ, phơi phóng.

(2) *Ang* : đồ đựng nước bằng gốm.

(3) *Chao chát chỏng lỏn* : nói năng đanh đá, chua ngoa (trái nghĩa với *dịu dàng, lễ phép*).

timdapan.com

xắn thu dọn, quét tước nhà cửa. Hình như ai nấy đều có ý nghĩ rằng thu xếp cửa nhà cho quang quẻ, nền nếp thì cuộc đời họ có thể khác đi, làm ăn có cơ khấm khá hơn.

Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại. Giữa cái mẹt rách có độc một lùm rau chuối thái rối, và một đĩa muối ăn với cháo, nhưng cả nhà đều ăn rất ngon lành. Bà cụ vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn, gia cảnh với con dâu. Bà lão nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau này :

– Tràng ạ. Khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà. Tao tính rằng cái chỗ đầu bếp kia làm cái chuồng gà thì tiện quá. Này ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có ngay đàn gà cho mà xem...

Tràng chỉ vâng. Tràng vâng rất ngoan ngoãn. Chưa bao giờ trong nhà này mẹ con lại đầm ấm, hoà hợp như thế. Câu chuyện trong bữa ăn đang đà vui bỗng ngừng lại. Niêu cháo lõng bõng, mỗi người được có lưng lưng hai bát đã hết nhẵn.

Bà lão đặt đũa bát xuống, nhìn hai con vui vẻ :

– Chúng mày đợi u nhá. Tao có cái này hay lắm cơ.

Bà lão lật đật chạy xuống bếp, lễ mễ bưng ra một cái nồi khói bốc lên nghi ngút. Bà lão đặt cái nồi xuống bên cạnh mẹt cơm, cầm cái môi vừa khuấy khuấy vừa cười :

– Chè đây. – Bà lão múc ra một bát – Chè khoán[1] đây, ngon đáo để cơ.

Người con dâu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thị tối lại. Thị điềm nhiên và vào miệng. Tràng cầm cái bát thứ hai mẹ đưa cho, người mẹ vẫn tươi cười, đon đả :

– Cám đấy mày ạ, hì. Ngon đáo để, cứ thử ăn mà xem. Xóm ta khối nhà còn chả có cám mà ăn đấy.

Tràng cầm đôi đũa, gợt một miếng bỏ vội vào miệng. Mặt hắn chun ngay lại, miếng cám đắng chát và nghẹn bứ trong cổ. Bữa cơm từ đấy không ai nói câu gì, họ cắm đầu ăn cho xong lần, họ tránh nhìn mặt nhau. Một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người.

---

(1) *Chè khoán* : một thứ chè ngon, nấu bằng đậu xanh (đãi sạch vỏ) thật nhuyễn ; đây là cách gọi của vùng quê Kim Lân, những nơi khác gọi là *chè kho*.

timdapan.com

Ngoài đình bỗng dội lên một hồi trống, dồn dập, vội vã. Đàn quạ trên những cây gạo cao chót vót ngoài bãi chợ hốt hoảng bay vù lên, lượn thành từng đám bay vẩn trên nền trời như những đám mây đen.

Người con dâu khẽ thở dài, thị nói lí nhí trong miệng :

– Trống gì đấy, u nhỉ ?

– Trống thúc thuế đấy. Đằng thì nó bắt giồng đay, đằng thì nó bắt đóng thuế. Giời đất này không chắc đã sống qua được đâu các con ạ... – Bà lão ngoảnh vội ra ngoài. Bà lão không dám để con dâu nhìn thấy bà khóc.

Người con dâu có vẻ lạ lắm, thị lẩm bẩm :

– Ở đây vẫn phải đóng thuế cơ à ?

Im lặng một lúc thị lại tiếp :

– Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa đâu. Người ta còn phá cả kho thóc của Nhật, chia cho người đói nữa đấy.

Tràng thần mặt ra nghĩ ngợi. Cái mặt to lớn bặm lại, khó đăm đăm. Miếng cám ngậm trong miệng hắn đã bã ra chát xít... Hắn đang nghĩ đến những người phá kho thóc Nhật.

Tràng hỏi vội trong miếng ăn :

– Việt Minh phải không ?

– Ừ, sao nhà biết ?

Tràng không trả lời. Trong ý nghĩ của hắn vụt hiện ra cảnh những người nghèo đói ầm ầm kéo nhau đi trên đê Sộp. Đằng trước có lá cờ đỏ to lắm.

Hôm ấy hắn láng máng nghe người ta nói họ là Việt Minh đấy. Họ đi cướp thóc đấy. Tràng không hiểu gì sợ quá, kéo vội xe thóc của Liên đoàn tất cánh đồng đi lối khác.

À ra họ đi phá kho thóc chia cho người đói. Tự dưng hắn thấy ân hận, tiếc rẻ vẩn vơ, khó hiểu.

Ngoài đình tiếng trống thúc thuế vẫn dồn dập. Mẹ và vợ Tràng đã buông đũa đứng dậy.

Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới...

(*Truyện ngắn Việt Nam 1945 – 1985*,
NXB Giáo dục, 1985)

timdapan.com

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Dựa vào mạch truyện, có thể chia tác phẩm thành mấy đoạn ? Nêu ý chính của mỗi đoạn và cho biết mạch truyện đã được dẫn dắt như thế nào.
2. Vì sao người dân xóm ngụ cư lại ngạc nhiên khi thấy anh Tràng đi cùng với một người đàn bà lạ về nhà ? Sự ngạc nhiên của dân làng, của bà cụ Tứ, và của chính Tràng nữa cho thấy tác giả đã sáng tạo được một tình huống truyện độc đáo như thế nào ? Tình huống truyện đó có tác dụng gì đối với nội dung, ý nghĩa của tác phẩm ?
3. Dựa vào nội dung truyện, giải thích nhan đề *Vợ nhặt*. Qua hiện tượng "nhặt được vợ" của Tràng, anh (chị) hiểu gì về tình cảnh và thân phận của người nông dân nghèo trong nạn đói khủng khiếp năm 1945 ?
4. Kim Lân đã có những phát hiện tinh tế và sâu sắc như thế nào khi thể hiện niềm khao khát tổ ấm gia đình của nhân vật Tràng (lúc quyết định lấy vợ, khi dẫn vợ về qua xóm ngụ cư và nhất là trong buổi sáng đầu tiên sau khi có vợ) ?
5. Phân tích tâm trạng buồn vui xen lẫn của bà cụ Tứ. Qua đó, anh (chị) hiểu gì về tấm lòng của bà mẹ nông dân này ?
6. Tìm hiểu nghệ thuật viết truyện ngắn của Kim Lân : cách kể chuyện hấp dẫn, cách dựng cảnh gây ấn tượng với nhiều chi tiết đặc sắc, đối thoại sinh động, miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, sử dụng ngôn ngữ nông thôn nhuần nhị, tự nhiên.

GHI NHỚ

Truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân không chỉ miêu tả tình cảnh thê thảm của người nông dân nước ta trong nạn đói khủng khiếp năm 1945 mà còn thể hiện được bản chất tốt đẹp và sức sống kì diệu của họ : ngay trên bờ vực của cái chết, họ vẫn hướng về sự sống, khát khao tổ ấm gia đình và thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Nội dung nhân đạo sâu sắc và cảm động đó được thể hiện qua một tình huống truyện độc đáo, cách kể chuyện hấp dẫn, miêu tả tâm lí khá tinh tế, dựng đối thoại sinh động.

LUYỆN TẬP

1. Đoạn văn nào, chi tiết nào của tác phẩm gây xúc động và để lại ấn tượng sâu sắc nhất cho anh (chị) ? Vì sao ?
2. Phân tích ý nghĩa đoạn kết của tác phẩm.

timdapan.com

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM, MỘT ĐOẠN TRÍCH VĂN XUÔI

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hiểu và biết cách làm bài văn nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.
- Viết được bài văn nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.

1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý

Đề bài

Đề 1. Phân tích truyện ngắn *Tinh thần thể dục* của Nguyễn Công Hoan.

Đề 2. Hãy tìm hiểu sự khác nhau về từ ngữ, về giọng văn giữa hai văn bản *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân) và *Hạnh phúc của một tang gia* (trích *Số đỏ* – Vũ Trọng Phụng). Giải thích vì sao có sự khác nhau đó.

Gợi ý thảo luận

Đề 1

a) *Tìm hiểu đề*

Khi nói phân tích một truyện ngắn là nói đến thao tác chính (chứ không phải là thao tác duy nhất) cần vận dụng. Viết văn nghị luận nhiều khi phải dùng phối hợp các thao tác như phân tích, bình luận, giải thích, chứng minh,...

Muốn phân tích, phải đọc toàn bộ truyện, rồi tách ra từng phương diện để khảo sát, nhận xét ; sau đó chọn ba, bốn phương diện đặc sắc và tiêu biểu nhất để trình bày.

b) *Lập dàn ý*

Mở bài : Giới thiệu ngắn gọn truyện ngắn *Tinh thần thể dục*.

Thân bài :

– Đặc sắc của kết cấu truyện.

timdapan.com

– Mâu thuẫn và tính chất trào phúng của truyện.

– Đặc điểm ngôn ngữ của truyện (ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ các nhân vật).

– Giá trị hiện thực và ý nghĩa phê phán của truyện.

Kết bài : Đánh giá chung về truyện ngắn *Tinh thần thể dục* (có thể nêu những đóng góp của truyện ngắn đối với dòng văn học hiện thực phê phán nói riêng và văn học Việt Nam nói chung).

Đề 2

a) *Tìm hiểu đề*

– Có sự khác nhau về từ ngữ được sử dụng trong hai văn bản không ? Những loại từ ngữ nào xuất hiện nhiều trong văn bản *Chữ người tử tù* ? Những loại từ ngữ nào xuất hiện nhiều trong văn bản *Hạnh phúc của một tang gia* ? (Nêu dẫn chứng cụ thể.) Vì sao có những sự khác nhau đó ? Theo anh (chị), nguyên nhân nào là chủ yếu ?

– Có sự khác nhau về giọng văn trong hai văn bản không ? Sự khác nhau đó là gì ?

b) *Lập dàn ý*

Mở bài : Văn học cần sự phong phú và đa dạng để tái hiện muôn mặt khác nhau của đời sống. Nghệ thuật sử dụng từ ngữ và giọng văn cũng góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng đó.

Thân bài : Có thể viết theo trình tự :

– Sự khác nhau về từ ngữ được sử dụng trong hai văn bản (nêu dẫn chứng để chứng minh).

– Sự khác nhau về giọng văn trong hai văn bản (nêu dẫn chứng để chứng minh).

– Giải thích vì sao có sự khác nhau đó.

Kết bài : Đánh giá chung sự khác nhau về từ ngữ, giọng văn trong hai văn bản.

2. Từ các đề bài và gợi ý thảo luận ở trên, anh (chị) hãy nêu đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.

timdapan.com

GHI NHỚ

- Đối tượng của bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi rất đa dạng : có thể là giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm nói chung, có thể chỉ là một phương diện, thậm chí một khía cạnh nội dung hay nghệ thuật của một tác phẩm hoặc của các tác phẩm, đoạn trích khác nhau.
- Bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi thường có các nội dung :
  - Giới thiệu tác phẩm hoặc đoạn trích văn xuôi cần nghị luận.
  - Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật theo định hướng của đề hoặc một số khía cạnh đặc sắc nhất của tác phẩm, đoạn trích.
  - Nêu đánh giá chung về tác phẩm, đoạn trích.

LUYỆN TẬP

Nghệ thuật châm biếm, đả kích trong truyện ngắn "*Vi hành*" của Nguyễn Ái Quốc.

timdapan.com

RỪNG XÀ NU

NGUYỄN TRUNG THÀNH

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được tư tưởng cơ bản mà tác giả gửi gắm qua những hình tượng của tác phẩm : sự lựa chọn con đường đi của dân tộc ta trong cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù.
- Thấy được vẻ đẹp sử thi và nét đặc sắc Tây Nguyên, ý nghĩa và giá trị của tác phẩm trong hoàn cảnh chiến đấu chống Mĩ cứu nước lúc bấy giờ và trong thời đại ngày nay.

TIỂU DẪN

NGUYỄN TRUNG THÀNH

Nguyễn Trung Thành (bút danh khác là Nguyên Ngọc) tên khai sinh là Nguyễn Văn Báu, sinh năm 1932, quê ở huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Năm 1950 ông vào bộ đội, sau đó làm phóng viên báo *Quân đội nhân dân* Liên khu V. Những năm tháng lăn lộn trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở Liên khu V đã giúp ông hiểu biết sâu sắc về Tây Nguyên, để sau khi tập kết ra Bắc có thể viết cuốn tiểu thuyết đầu tay *Đất nước đứng lên* (tác phẩm được tặng giải Nhất – Giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 – 1955). Sau năm 1954, ông còn có những sáng tác phục vụ công cuộc xây dựng cuộc sống mới ở miền Bắc, như tập truyện ngắn *Rẻo cao* (1961). Năm 1962, ông tình nguyện trở về chiến trường miền Nam, hoạt động ở Quảng Nam và Tây Nguyên. Với bút danh Nguyễn Trung Thành, ông đã viết nhiều tác phẩm có tiếng vang lớn trong đời sống lúc bấy giờ, như tập truyện và kí *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc* (1969) và tiểu thuyết *Đất Quảng* (1971 – 1974). Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, ông tiếp tục cống hiến cho phong trào văn nghệ của nước nhà. Ông từng là Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng biên tập báo *Văn nghệ*.

timdapan.com

Truyện ngắn *Rừng xà nu* được viết năm 1965 (ra mắt lần đầu tiên trên tạp chí *Văn nghệ Quân giải phóng Trung Trung Bộ* số 2/1965, sau đó in trong tập *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*) là tác phẩm nổi tiếng nhất trong số các sáng tác của Nguyên Ngọc viết trong những năm kháng chiến chống đế quốc Mĩ. Văn bản dưới đây có lược một số đoạn.

VĂN BẢN

Làng ở trong tầm đại bác của đồn giặc. Chúng nó bắn, đã thành lệ, mỗi ngày hai lần, hoặc buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và sẩm tối, hoặc nửa đêm và trở gà gáy. Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu[1] cạnh con nước lớn[2]. Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quyện thành từng cục máu lớn.

Trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khoẻ như vậy. Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Cũng có ít loại cây ham ánh sáng mặt trời đến thế. Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, lóng lánh vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra, thơm mỡ màng. Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết. Nhưng cũng có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum sê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. Đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng. Chúng vượt lên rất nhanh, thay thế những cây đã ngã... Cứ thế hai ba năm nay rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng...

Đứng trên đồi xà nu ấy trông ra xa, đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp tới chân trời.

*

* *

(1) *Xà nu* : một loại cây họ thông, nhựa và gỗ đều có giá trị, mọc rất nhiều ở Kon Tum.

(2) *Con nước lớn* : suối nước lớn.

timdapan.com

Ba năm đi lực lượng[1] bữa nay Tnú mới có dịp ghé về thăm làng. Thằng bé Heng gặp ở con nước lớn dẫn anh về. Ngày anh ra đi nó mới đứng đến ngang bụng anh, chưa biết mang củi, chỉ mới đeo cái xà lét[2] nhỏ xíu theo người lớn ra rẫy. Bây giờ nó mang một khẩu súng trường Mát, dẫn anh đi. Vẫn là con đường cũ, qua cái nà bắp[3] đã trồng sắn và cây pom chu[4] vắt lên hai cái dốc đứng sững đã được cắt ra từng bực, chui qua một rừng lách rậm ngày mưa thì vô số vắt lá, rồi đến cái làng nhỏ của anh. Nhưng nếu không có người dẫn, chắc chắn Tnú không dám đi một mình. Đường cũ nay chằng chịt hầm chông, hố chông, cứ mười phút lại gặp một giàn thò[5] chuẩn bị sẵn, cần thò căng như dây ná, đánh một phát chắc chắn gẫy đôi ống quyển[6], lưỡi thò từng đôi, từng đôi gác lên giàn, sắc lạnh. Thằng bé Heng lớn lên cũng ít nói như những người dân làng Xô Man này. Nó đội một cái mũ sụp xin được của anh giải phóng quân nào đó, mặc một chiếc áo bà ba dài phết đít, vẫn đóng khố, súng đeo chéo ngang lưng ra vẻ một người lính thực sự.

(**Lược một đoạn** : *Trên đường dẫn Tnú về làng, Heng kể lại những đổi thay sau khi Tnú đi vắng : Dít đã làm Bí thư chi bộ. Tnú chợt nhớ đến những kỉ niệm về Mai, người vợ đã bị giặc giết hại. Về đến làng,Tnú được mọi người đón tiếp nồng nhiệt.*)

Một bàn tay nặng trịch nắm chặt lấy vai anh như một kìm sắt. Anh quay lại : Cụ Mết ! Ông cụ vẫn quắc thước như xưa, râu bây giờ đã dài tới ngực và vẫn đen bóng, mắt vẫn sáng và xếch ngược, vết sẹo ở má bên phải vẫn láng bóng. Ông ở trần, ngực căng như một cây xà nu lớn. Ông cụ đẩy Tnú ra một bước, nhìn anh từ đầu đến chân, rồi phá lên cười :

– Hà hà !... Đeo cả tôm xông[7] về à... anh "lực lượng"... Được !

Tnú hiểu ý ông cụ. Ông không bao giờ khen "Tốt ! Giỏi !". Những khi vừa ý nhất, ông chỉ nói "Được !".

Lúc ông cụ Mết nói, mọi người đều im bặt. Ông nói như ra lệnh, sáu mươi tuổi rồi mà tiếng nói vẫn ồ ồ, dội vang trong lồng ngực :

– Cấp chỉ huy cho về mấy đêm ?... Một đêm à, được ! Cho một đêm, về một đêm, cho hai đêm, về hai đêm, phải chấp hành cho đúng. Đêm nay mày ở nhà tau.

(**Lược một đoạn** : *Cụ Mết dẫn Tnú ra máng nước đầu làng. Dù đã rửa ở suối rồi, nhưng Tnú vẫn xúc động để cho vòi nước của làng mình giội lên khắp người như ngày trước.*)

*

* *

---

(1) *Lực lượng* (nói tắt) : lực lượng vũ trang của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

(2) *Xà lét* : gùi.

(3) *Nà bắp* : rẫy bắp (rẫy trồng ngô).

(4) *Pom chu* : một loại cây có nhiều bột, dùng làm lương thực.

(5) *Giàn thò* : một loại bẫy.

(6) *Ống quyển* : ống chân, cẳng chân.

(7) *Tôm xông* (tiếng Anh : *thompson*) : một loại súng tiểu liên Mĩ.

timdapan.com

Bữa cơm tối ở nhà cụ Mết, ngoài món canh tàu môn bạc hà[1] nấu lạt trong ống nứa, còn có thêm mấy con cá chua. Đó là món đặc biệt cụ Mết đãi người đi xa về. Tnú mở ống lương khô, xúc cho ông cụ một muỗng muối. Ông cụ bảo :

– Tau cũng còn nửa lon muối của huyện thưởng con Dít ngày nó đi đại hội chiến sĩ thi đua, nó về chia đều cho mỗi bếp một phần. Nhưng cái đó để dành cho người đau. Còn cái này mày cho thì tau ăn.

Ông cụ không nêm muối vào canh. Ông chia cho mỗi người mấy hạt, họ ăn sống từng hạt, ngậm rất lâu trong miệng để nghe chất mặn đậm đà tan dần. Cơm gạo trắng ghế rất nhiều củ pom chu. Ông cụ bưng chén cơm nói như thanh minh :

– Năm nay làng không đói. Gạo đủ ăn tới mùa suốt[2]. Nhưng phải để dành, dự trữ mỗi bếp cho được ba năm. Mày đi cách mạng, người chỉ huy cũng dạy mày rồi, đánh thằng Mĩ phải đánh dài.

Rồi đột ngột, ông cụ hỏi :

– Mười ngón tay mày vẫn cụt thế à ? Không mọc ra được nữa à ?... Ừ...

Ông cụ đặt chén cơm xuống, giận dữ :

– Nhưng làng biết rồi chớ ?... Được ! Ngón tay còn hai đốt cũng bắn súng được. Mày có đi qua chỗ rừng xà nu gần con nước lớn không ? Nó vẫn sống đấy. Không có cây gì mạnh bằng cây xà nu đất ta. Cây mẹ ngã, cây con mọc lên. Đố nó giết hết rừng xà nu này !... Kìa, ăn đi chớ ! Gạo người Strá mình làm ra ngon nhất rừng núi này đấy, con ạ...

... Cơm nước xong, từ phía nhà ưng[3] có ai đấy đánh lên một hồi mõ dài lại ba tiếng. Dân làng lũ lượt kéo tới nhà cụ Mết. Các cô gái dụi tắt đuốc ở cầu thang trước khi bước vào nhà. Cũng có người, các bà cụ, cầm cả cây đuốc còn cháy rực đi thẳng vào, soi lên mặt Tnú, nhìn đi nhìn lại thật kĩ rồi ném bó đuốc vào bếp, lửa bốc lên, cháy giần giật. Các ông cụ thì chưa bước lên cầu thang đã nói oang oang :

– Thằng Tnú đâu rồi ! Cho nó ăn no rồi chớ, ông Mết ?

Có tiếng một bà già :

– Bọn đàn ông này, xê ra một chút cho con Dít nó ngồi với chớ. Dít ơi, ngồi đây con !

---

(1) *Bạc hà* : dọc mùng.

(2) *Mùa suốt* : mùa tuốt lúa, mùa thu hoạch.

(3) *Nhà ưng* : nhà hội họp, sinh hoạt chung của dân làng, như *nhà rông* của người Ba-na.

timdapan.com

Tnú ngửng nhìn lên. Dít đã ngồi sụp xuống trước mặt anh, hai chân xếp về một bên, đưa tay kéo tấm váy che kín cả gót chân. Tnú bất chợt nghe một luồng lạnh rân rân ở mặt và ở ngực. Mai ! Trước mắt anh là Mai đấy ! Anh không ngờ Dít lớn lên lại giống Mai đến thế. Cái mũi hơi tròn của Dít ngày nay đã thẳng và nhỏ lại, hai hàng lông mày đậm đến che tối cả đôi mắt mở to, bình thản, trong suốt. Dít nhìn Tnú bằng đôi mắt ấy rất lâu, trong khi bốn, năm đứa bé, đứa nào cũng tranh chỗ ngồi gần chị Dít. Rồi chị hỏi Tnú, giọng hơi lạnh lùng :

– Đồng chí về có giấy không ?

Tnú không hiểu :

– Giấy gì ?

– Giấy cấp trên cho nghỉ phép đó. Không có giấy, trốn về thì không được. Uỷ ban phải bắt thôi.

Tnú cười ồ. Anh định đùa, bảo nhớ làng quá trốn về thăm làng một bữa, nhưng nhìn đôi mắt nghiêm khắc của Dít và nghe cái im lặng chờ đợi chung quanh, anh mở túi áo, lấy một mảnh giấy nhỏ đưa cho chị.

– Báo cáo đồng chí chính trị viên xã đội...

Dít cầm tờ giấy, soi lên ánh lửa. Hàng chục cái đầu chụm lại, mấy đứa bé lắp bắp đánh vần. Dít đọc rất lâu, đọc đi đọc lại đến ba lần. Cụ Mết hỏi :

– Đúng chớ ? Nó có phép chớ ?

Dít đưa trả lại cho Tnú. Bây giờ chị mới cười :

– Đúng rồi, có chữ kí người chỉ huy. Sao anh về có một đêm thôi ?

Rồi chị trả lời :

– Thôi cũng được. Về một đêm cho làng thấy mặt là được rồi. Bọn em miệng đứa nào cũng nhắc anh mãi.

Tiếng cười nói im đi một lúc bấy giờ lại rộn lên chật cả căn nhà nhỏ.

– Có chữ kí của người chỉ huy đó nghe !

– Tốt lắm rồi !

– Một đêm thôi, mai lại đi rồi, ít quá, tiếc quá !

Tiếng ông cụ Mết ồ ồ át tất cả :

– Hà hà... được !

Ông cụ đẩy hai, ba đứa bé ra, bước tới ngồi xuống trước bếp lửa, cạnh Tnú. Ông cụ gõ ống điếu lên đầu ông táo, bẻ một que nứa nhỏ ở sạp, cẩn thận

timdapan.com

xoi cho hết tàn thuốc trong ống điếu, rồi ngửng lên, nhìn quanh một lượt. Mọi người đã ngồi đâu vào đấy và lắng chờ. Ông cụ bắt đầu nói.

Bên ngoài lấm tấm một trận mưa đêm, rì rào như gió nhẹ. Ông cụ không cất cao giọng, tiếng nói rất trầm :

– Ông già bà già thì biết rồi. Thanh niên có đứa biết, có đứa chưa biết rõ. Còn lũ con nít thì chưa biết. – Ông cụ trừng mắt nhìn lũ trẻ, chúng nó cảm thấy cái nghiêm trang trong lời ông già, đứa nào đứa nấy ngồi im lặng thin thít, dán mắt vào miệng ông cụ. – Tnú, anh Tnú của chúng mày về rồi đó. – Ông cụ đặt bàn tay chắc nịch lên vai Tnú. – Anh Tnú mà tau đã kể cho chúng mày nghe bao nhiêu lần rồi đó. Đấy, nó đấy, nó đi giải phóng quân đánh giặc, nay nó về thăm làng một đêm, cấp trên cho về một đêm, có chữ kí người chỉ huy, chị bí thư coi rồi. Nó đấy ! Nó là người Strá mình. Cha mẹ nó chết sớm, làng Xô Man này nuôi nó. Đời nó khổ, nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta. Đêm nay tau kể chuyện nó cho cả làng nghe, để mừng nó về thăm làng. Người Strá ai có cái tai, ai có cái bụng thương núi, thương nước, hãy lắng mà nghe, mà nhớ. Sau này tau chết rồi, chúng mày phải kể lại cho con cháu nghe...

(**Lược một đoạn** : *Cụ Mết kể lại chuyện cũ, lúc Tnú và Mai còn bé, nhưng đã góp phần tích cực vào việc nuôi giấu cán bộ ở trong rừng.*)

*

* *

Anh cán bộ ở trong rừng lúc bấy giờ là anh Quyết. Từ ngày thằng Mĩ – Diệm tới rừng núi này, không bữa nào nó không đi lùng, không đêm nào chó của nó và súng của nó không sủa vang cả rừng. Nhưng dân làng Xô Man vẫn tự hào : năm năm, chưa hề có một cán bộ bị giặc bắt hay giết trong rừng làng này. Lúc đầu thanh niên đi nuôi và gác cho cán bộ. Thằng Mĩ – Diệm biết được, nó bắt thanh niên. Nó treo cổ anh Xút lên cây vả[1] đầu làng.

– Ai nuôi cộng sản thì coi đó !

Rồi nó cấm thanh niên đi rừng. Bà già ông già thay thanh niên đi nuôi cán bộ. Nó lại biết được. Nó giết bà Nhan, chặt đầu cột tóc treo đầu súng.

Sau cùng đến lũ trẻ thay ông già, bà già. Trong đám đó, hăng nhất có Tnú và Mai. Hễ Tnú đi rẫy thì Mai đi với cán bộ. Hễ Mai ở nhà giữ con Dít cho mẹ

(1) *Vả* : một loại cây họ sung, thân và lá đều to, nhiều nhựa, gỗ mềm và xốp, quả ăn được.

timdapan.com

thì Tnú đi. Cũng có bữa cả hai đứa cùng đi. Chúng ở lại luôn ngoài rừng ban đêm. Để cán bộ ngủ một mình ngoài rừng một đêm, bụng dạ không yên được. Lỡ giặc lùng, ai dẫn cán bộ chạy. Anh Quyết hỏi :

– Các em không sợ giặc bắt à ? Nó giết như anh Xút, như bà Nhan đó.

Tnú đang nằm trong lòng anh Quyết, ngồi dậy, tung cái dồ[1] ra :

– Cụ Mết nói : Cán bộ là Đảng. Đảng còn, núi nước này còn.

Trong rừng, anh Quyết dạy Tnú và Mai học chữ. Anh chẻ nứa, đập giập ra, ghép lại thành mấy tấm bảng to bằng ba bàn tay. Ba anh em đốt khói xà nu xông bảng nứa đen kịt rồi lấy nhựa cây luông tờ ngheo[2] phết lên một lớp dày, rửa nước cũng không phai được. Tnú đi ba ngày đường tới núi Ngọc Linh mang về một xà lét đầy đá trắng làm phấn. Mai học giỏi hơn Tnú, ba tháng đọc được chữ, viết được cái ý trong bụng mình muốn, sáu tháng làm được toán hai con số. Tnú học chậm hơn, mà lại hay nổi nóng. Học tới chữ *i* dài, nó quên mất chữ *o* thêm cái móc thì đọc là chữ *a*. Có lần thua Mai, nó đập bể cả cái bảng nứa trước mặt Mai và anh Quyết, bỏ ra suối ngồi một mình suốt ngày. Anh Quyết ra dỗ, nó không nói. Mai ra dỗ, nó đòi đánh Mai. Mai cũng ngồi lì đó với nó :

– Tnú không về, tui cũng không về. Về đi, anh Tnú. Mai làm cái bảng khác cho anh rồi.

Nó cầm một hòn đá, tự đập vào đầu, chảy máu ròng ròng. Anh Quyết phải băng lại cho nó. Đêm đó, anh ôm nó trong hốc đá. Anh rủ rỉ :

– Sau này, nếu Mĩ – Diệm giết anh, Tnú phải làm cán bộ thay anh. Không học chữ sao làm được cán bộ giỏi.

Tnú giả ngủ không nghe. Nó lén chùi nước mắt giàn giụa. Sáng hôm sau, nó gọi Mai ra sau hốc đá :

– Mai nói cho tôi chữ *o* có móc là chữ chi đi. Còn chữ chi đứng sau chữ đó nữa, chữ chi có cái bụng to đó.

Mai quay mặt đi, không dám cười. Nó viết một chữ có cái bụng to lên tấm bảng nó mới làm cho Tnú. Nó cố nói nhỏ nhưng giọng vẫn lanh lảnh :

– Anh nhớ giỏi lắm, chữ *bê* đó.

– Ừ, *bê*... *bê*... đầu tôi ngu quá !

---

(1) *Dồ* : tấm chăn quàng trên người.

(2) *Luông tờ ngheo* : một loại cây có nhựa rất độc.

timdapan.com

Tnú hay quên chữ, nhưng đi đường núi thì đầu nó sáng lạ lùng. Nó liên lạc cho anh Quyết từ xã về huyện. Không bao giờ nó đi đường mòn. Giặc vây các ngả đường, nó leo lên một cây cao nhìn quanh một lượt rồi xé rừng mà đi, lọt tất cả các vòng vây. Qua sông nó không thích lội chỗ nước êm, cứ lựa chỗ thác mạnh mà bơi ngang, vượt lên trên mặt nước, cỡi lên thác băng băng như một con cá kình. Nó nói :

– Qua chỗ nước êm thằng Mĩ – Diệm hay phục[1], chỗ nước mạnh nó không ngờ.

Nhưng lần đó, Tnú tới một thác sông Đắc Năng, vừa cuốn cái thư của anh Quyết gửi về huyện trong một ngọn lá dong, ngậm vào miệng định vượt thác, thì họng súng của thằng giặc phục kích chĩa vào tai lạnh ngắt, Tnú chỉ kịp nuốt luôn cái thư.

(**Lược một đoạn** : *Tnú bị giặc bắt và tra tấn dã man. Ba năm sau, Tnú vượt ngục trở về làng. Anh Quyết đã bị thương nặng trong một trận phục kích. Trước lúc hi sinh, anh viết thư động viên dân làng Xô Man. Nghe lời anh, mọi người chuẩn bị chiến đấu.*)

Tin làng Xô Man mài giáo đến tai bọn giặc ở đồn Đắc Hà. Giữa mùa suốt lúa, chúng kéo về một tiểu đội vừa đúng lúc đứa con trai đầu lòng của Mai và Tnú ra đời. Cũng thằng chỉ huy năm trước, thằng Dục. Nó đội mũ đỏ màu máu. Nó gầm lên :

– Lại thằng Tnú chứ không ai hết. Con cọp đó mà không giết sớm, nay nó làm loạn rừng núi này rồi.

Cụ Mết và Tnú dẫn thanh niên lánh vào rừng. Họ không đi đâu xa, chỉ luẩn quẩn ở các gốc cây, hốc đá quanh làng, bám theo giặc. Chúng nó đóng lại trong làng bốn đêm. Ngọn roi của nó không từ một ai. Tiếng kêu khóc dậy cả làng. Thằng Dục lăm lăm khẩu súng lục :

– Đứa nào ra khỏi làng, bắt được, bắn chết ngay tại chỗ.

Không ai lọt ra được. Chỉ có con Dít nhỏ, lanh lẹn, cứ sẩm tối lại bò theo máng nước đem gạo ra rừng cho cụ Mết, Tnú và thanh niên. Tảng sáng ngày thứ tư thì chúng bắt được con bé khi nó ở ngoài rừng về. Chúng để con bé đứng giữa sân, lên đạn tôm xông rồi từ từ bắn từng viên một, không bắn trúng, đạn chỉ sượt qua tai, sém tóc, cày đất quanh hai chân nhỏ của Dít. Váy nó rách tượt từng mảng. Nó khóc thét lên nhưng rồi đến viên thứ mười nó chùi nước mắt,

---

(1) *Phục* (nói tắt) : phục kích.

timdapan.com

từ đó im bặt. Nó đứng lặng giữa bọn lính, cứ mỗi viên đạn nổ, cái thân hình mảnh dẻ của nó lại quật lên một cái nhưng đôi mắt nó thì vẫn nhìn bọn giặc bình thản lạ lùng, bình thản như đôi mắt chị bí thư bây giờ vậy.

Không làm gì được con bé, thằng Dục dùng đến ngón đòn cuối cùng. Nó bắt Mai.

– Bắt được con cọp cái và cọp con, tất sẽ dụ được cọp đực trở về.

Tnú nghe rõ câu nói đó của thằng Dục. Anh nấp ở gốc cây cạnh máng nước đầu làng. Từ chỗ ấy nhìn thấy sân làng rõ mồn một. Hai bàn tay anh bíu chặt lấy gốc cây khi bọn lính, mười thằng, dẫn Mai ra giữa sân. Mai địu con trên lưng, thằng bé chưa được một tháng. Ai cũng bảo nó giống Tnú lạ lùng. Không đi Kon Tum mua vải được, Tnú phải xé đôi tấm dồ của mình ra làm tấm choàng cho Mai địu con. Thằng bé nằm trong tấm choàng ấy, ngủ say trên lưng mẹ.

Thằng Dục hỏi :

– Chồng mày ở đâu, con mọi cộng sản kia ?

Mai xốc lại đứa con trên lưng, ngửng đôi mắt rất lớn nhìn thằng Dục.

– Mày câm à, con chó cái ! – Nó quát bọn lính – Đứng ì ra đó à !

Một thằng lính to béo nhất liếc mắt nhìn thằng Dục, cầm một cây sắt dài bước tới cạnh Mai. Nó lè lưỡi liếm quanh môi một lượt, rồi chậm rãi giơ cây sắt lên. Mai thét lên một tiếng. Chị vội tháo tấm địu, vừa kịp lật đứa con ra phía bụng lúc cây sắt giáng xuống trên lưng.

– Thằng Tnú ở đâu, hả ?

Cây sắt thứ hai đập vào trước ngực Mai, chị lật đứa bé ra sau lưng. Nó lại đánh sau lưng, chị lật thằng bé ra trước ngực. Trận mưa cây sắt mỗi lúc một dồn dập. Không nghe thấy tiếng thét của Mai nữa. Chỉ nghe đứa bé khóc ré lên một tiếng rồi im bặt. Chỉ còn tiếng cây sắt nện xuống hừ hự.

Tnú bỏ gốc cây của anh. Đó là một cây vả. Anh đã bứt đứt hàng chục trái vả mà không hay. Anh chồm dậy. Một bàn tay níu vai anh lại. Tiếng cụ Mết nặng trịch :

– Không được, Tnú ! Để tau !

Tnú gạt tay ông cụ ra. Ông cụ nhắc lại :

– Tnú !

Tnú quay lại. Ông cụ không nhìn ra Tnú nữa. Ở chỗ hai con mắt anh bây giờ là hai cục lửa lớn. Ông cụ buông vai Tnú ra.

timdapan.com

Một tiếng hét dữ dội. Tnú đã nhảy xổ vào giữa bọn lính. Anh không biết đã làm gì. Chỉ thấy thằng lính giặc to béo nằm ngửa ra giữa sân, thằng Dục tháo chạy vào nhà ưng. Tiếng lên đạn lách cách quanh anh. Rồi Mai ôm đứa con chui vào ngực anh. Hai cánh tay rộng lớn như hai cánh lim chắc của anh ôm chặt lấy mẹ con Mai.

– Đồ ăn thịt người, tau đây, Tnú đây !...

Tnú không cứu sống được Mai.

– Ừ, Tnú không cứu sống được mẹ con Mai...

Tiếng ông cụ Mết vẫn trầm và nặng. Ông cụ vụng về trở tay lau một giọt nước mắt. Bỗng nhiên ông cụ nói to lên :

– Tnú không cứu được vợ con. Tối đó Mai chết. Còn đứa con thì đã chết rồi. Thằng lính to béo đánh một cây sắt vào ngang bụng nó, lúc mẹ nó ngã xuống, không kịp che cho nó. Nhớ không, Tnú, mày cũng không cứu sống được vợ mày. Còn mày thì chúng nó bắt mày, trong tay mày chỉ có hai bàn tay trắng, chúng nó trói mày lại. Còn tau thì lúc đó tau đứng sau gốc cây vả. Tau thấy chúng nó trói mày bằng dây rừng. Tau không nhảy ra cứu mày. Tau cũng chỉ có hai bàn tay không. Tau không ra, tau quay đi vào rừng, tau đi tìm bọn thanh niên. Bọn thanh niên thì cũng đã đi vào rừng, chúng nó đi tìm giáo mác. Nghe rõ chưa, các con, rõ chưa. Nhớ lấy, ghi lấy. Sau này tau chết rồi, bay còn sống phải nói lại cho con cháu : Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo !...

Chúng nó trói chặt Tnú bằng dây rừng, khiêng ném vào góc nhà ưng rồi kéo đi ăn thịt con heo của anh Brôi.

Tnú nằm trong góc nhà. Bóng tối đã dày đặc. Anh suy nghĩ, ngạc nhiên tự thấy mình rất bình thản :

"Đứa con chết rồi. Mai chắc cũng chết rồi, Tnú cũng sắp chết. Ai sẽ làm cán bộ ? Đến khi có lệnh Đảng cho đánh, ai sẽ làm cán bộ lãnh đạo dân làng Xô Man đánh giặc ? Cụ Mết đã già. Được, còn có bọn thanh niên. Rồi con Dít sẽ lớn lên. Con bé ấy vững hơn cả chị nó. Không sao... Chỉ tiếc cho Tnú, Tnú không sống được tới ngày cầm vũ khí đứng dậy với dân làng...".

Thằng Dục không giết Tnú ngay. Nó đốt một đống lửa lớn ở nhà ưng, lùa tất cả dân làng tới, cởi trói cho Tnú, rồi nói với mọi người :

– Nghe nói chúng mày đã mài rựa, mài giáo cả rồi, phải không ? Được, đứa nào muốn cầm rựa, cầm giáo thì coi bàn tay thằng Tnú đây.

timdapan.com

Nó hất hàm ra hiệu cho thằng lính to béo nhất. Chúng nó đã chuẩn bị sẵn cả. Thằng lính mở túi se[1] lấy ra một nhúm giẻ đã tẩm dầu xà nu. Nó quấn giẻ lên mười đầu ngón tay Tnú. Rồi nó cầm lấy một cây lửa. Nhưng thằng Dục bảo :

– Để đó cho tau.

Nó giật lấy cây lửa.

Tnú không kêu lên một tiếng nào. Anh trợn mắt nhìn thằng Dục. Nó cười sằng sặc. Nó gí cây lửa lại sát mặt anh :

– Coi kĩ cái mặt thằng cộng sản muốn cầm vũ khí này xem sao nào ! Số kiếp chúng mày không phải số kiếp cầm giáo mác. Bỏ cái mộng cầm giáo mác đi, nghe không !

Một ngón tay Tnú bốc cháy. Hai ngón, ba ngón. Không có gì đượm bằng nhựa xà nu. Lửa bắt rất nhanh. Mười ngón tay đã thành mười ngọn đuốc.

Tnú nhắm mắt lại, rồi mở mắt ra, trừng trừng.

Trời ơi ! Cha mẹ ơi ! Anh không cảm thấy lửa ở mười đầu ngón tay nữa. Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy ở bụng. Máu anh mặn chát ở đầu lưỡi. Răng anh đã cắn nát môi anh rồi. Anh không kêu lên. Anh Quyết nói : "Người cộng sản không thèm kêu van...". Tnú không thèm, không thèm kêu van. Nhưng trời ơi ! Cháy, cháy cả ruột đây rồi ! Anh Quyết ơi ! Cháy ! Không, Tnú sẽ không kêu ! Không !

Tiếng cười giần giật của thằng Dục. Các cụ già chồm dậy. Bọn lính gạt ra. Tiếng kêu ré của đồng bào. Tiếng chân ai rầm rập quanh nhà ưng. Ai thế ?

Tnú thét lên một tiếng. Chỉ một tiếng thôi. Nhưng tiếng thét của anh bỗng vang dội thành nhiều tiếng thét dữ dội hơn. Tiếng "Giết !". Tiếng chân người đạp trên sàn nhà ưng ào ào. Tiếng bọn lính kêu thất thanh. Tiếng cụ Mết ồ ồ : "Chém ! Chém hết !". Cụ Mết đúng rồi, cụ Mết đã đứng đấy, lưỡi mác dài trong tay. Thằng Dục nằm dưới lưỡi mác của cụ Mết. Và thanh niên, tất cả thanh niên trong làng, mỗi người một cây rựa sáng loáng, những cây rựa mài bằng đá Tnú mang từ đỉnh núi Ngọc Linh về...

Tiếng anh Brôi nói, trầm tĩnh :

– Tnú, Tnú. Tỉnh dậy chưa ! Đây này, chúng tôi giết hết rồi. Cả mười đứa, đây này ! Bằng giáo, bằng mác. Đây này !

---

(1) *Túi se* (tiếng Pháp : *cartouchière*) : bao đạn.

timdapan.com

Lửa đã tắt trên mười đầu ngón tay Tnú. Nhưng đống lửa xà nu lớn giữa nhà vẫn đỏ. Xác mười tên lính giặc ngổn ngang quanh đống lửa đó.

Cụ Mết chống giáo xuống sàn nhà, tiếng nói vang vang :

– Thế là bắt đầu rồi. Đốt lửa lên ! Tất cả người già, người trẻ, người đàn ông, người đàn bà, mỗi người phải tìm lấy một cây giáo, một cây mác, một cây dụ, một cây rựa. Ai không có thì vót chông, năm trăm cây chông. Đốt lửa lên !

Tiếng chiêng nổi lên...

Đứng trên đồi xà nu gần con nước lớn, suốt đêm nghe cả rừng Xô Man ào ào rung động. Và lửa cháy khắp rừng...

(**Lược một đoạn** : *Tnú kể cho dân làng nghe trong một trận chiến đấu, anh đã bóp chết tên chỉ huy đồn bằng đôi bàn tay tàn tật khi nó cố thủ trong hầm.*)

Tnú lại ra đi. Cụ Mết và Dít đưa anh ra đến rừng xà nu gần con nước lớn. Trận đại bác đêm qua đã đánh ngã bốn năm cây xà nu to. Nhựa ứa ra ở những vết thương đang đọng lại, lóng lánh nắng hè. Quanh đó vô số những cây con đang mọc lên. Có những cây mới nhú khỏi mặt đất, nhọn hoắt như những mũi lê.

Ba người đứng ở đấy nhìn ra xa. Đến hút tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những rừng xà nu nối tiếp chạy đến chân trời.

(*Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*,
NXB Giải phóng, 1969)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Anh (chị) cảm nhận được ý nghĩa gì của truyện ngắn qua :

a) Nhan đề tác phẩm.

b) Đoạn văn miêu tả cánh rừng xà nu dưới tầm đại bác.

c) Hình ảnh những ngọn đồi, cánh rừng xà nu trải ra hút tầm mắt, chạy tít tắp đến tận chân trời luôn trở đi trở lại trong tác phẩm.

2. Tác giả vẫn coi "*Rừng xà nu* là truyện của một đời, và được kể trong một đêm.". Hãy cho biết :

a) Người anh hùng mà cụ Mết kể trong cái đêm dài ấy có những phẩm chất đáng quý nào ? So với nhân vật A Phủ (trong *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài), hình tượng Tnú có gì mới mẻ hơn ?

timdapan.com

b) Vì sao trong câu chuyện bi tráng về cuộc đời Tnú, cụ Mết nhắc đi nhắc lại rằng Tnú đã không cứu sống được vợ con, để rồi khắc ghi vào tâm trí của người nghe câu nói : "Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo" ?

c) Câu chuyện của Tnú cũng như của dân làng Xô Man nói lên chân lí lớn nào của dân tộc ta trong thời đại bấy giờ ? Vì sao cụ Mết muốn chân lí đó phải được nhớ, được ghi để truyền cho con cháu ?

d) Các hình tượng cụ Mết, Mai, Dít, bé Heng có vai trò gì trong việc khắc hoạ nhân vật chính và làm nổi bật tư tưởng cơ bản của tác phẩm ?

3. Theo anh (chị), hình ảnh cánh rừng xà nu và hình tượng nhân vật Tnú gắn kết hữu cơ, khăng khít với nhau như thế nào ?

4. Nêu và phân tích những cảm nhận của anh (chị) về vẻ đẹp nghệ thuật của tác phẩm.

GHI NHỚ

- *Rừng xà nu* là một thiên truyện mang ý nghĩa và vẻ đẹp của một khúc sử thi trong văn xuôi hiện đại. Với lời văn trau chuốt, giàu hình ảnh, tác phẩm đã tái hiện được vẻ đẹp tráng lệ, hào hùng của núi rừng, của con người và của truyền thống văn hoá Tây Nguyên.
- Thông qua câu chuyện về những con người ở một bản làng hẻo lánh, bên những cánh rừng xà nu bạt ngàn, xanh bất tận, tác giả đã đặt ra một vấn đề có ý nghĩa lớn lao của dân tộc và thời đại : Để cho sự sống của đất nước và nhân dân mãi mãi trường tồn, không có cách nào khác hơn là phải cùng nhau đứng lên, cầm vũ khí chống lại kẻ thù tàn ác.

LUYỆN TẬP

1. Tìm đọc trọn vẹn tác phẩm.

2. Viết một đoạn văn phát biểu suy nghĩ và cảm xúc của anh (chị) về hình ảnh đôi bàn tay Tnú.

timdapan.com

ĐỌC THÊM

BẮT SẤU RỪNG U MINH HẠ[1]

SƠN NAM

TIỂU DẪN

SƠN NAM

Sơn Nam (1926 – 2008) còn có bút danh khác là Phạm Anh Tài, tên khai sinh là Phạm Minh Tài, sinh tại làng Đông Thới, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang ; học tiểu học ở Rạch Giá, học trung học ở Cần Thơ. Ông tham gia cách mạng từ năm 1945 và hoạt động văn nghệ thời kháng chiến chống Pháp ở Khu IX. Từ năm 1954 đến năm 1975, ông làm báo – viết văn ở Sài Gòn. Sau năm 1975, ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Uỷ viên Ban Chấp hành Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Tác phẩm chính của Sơn Nam thời kì kháng chiến chống Pháp : *Tây đầu đỏ, Bên rừng cù lao Dung* (Giải thưởng Văn nghệ Cửu Long) ; thời kì 1954 – 1975 : *Hương rừng Cà Mau, Hai cõi U Minh, Vọc nước giỡn trăng* (tập truyện), *Bà Chúa Hòn, Chim quyên xuống đất* (tiểu thuyết), *Tìm hiểu đất Hậu Giang, Văn minh miệt vườn* (khảo cứu) ; thời kì sau 1975 : *Bến Nghé xưa, Người Sài Gòn* (khảo cứu),...

Hương rừng Cà Mau gồm 18 truyện ngắn. Tập truyện đưa ta vào một thế giới bao la và kì thú của vùng rừng U Minh với những người dân lao động có sức sống mãnh liệt, đậm sâu ân nghĩa và cũng đầy tài ba, trí dũng, gan góc, can trường. Thấm đượm trong mỗi trang viết là tình yêu thiết tha của nhà văn với đất nước quê hương. Truyện Sơn Nam còn hấp dẫn người đọc bằng cách dựng truyện li kì, những chi tiết gợi cảm, nhân vật giàu chất sống, ngôn ngữ đậm màu sắc Nam Bộ. Có thể thấy rõ những điều đó qua truyện ngắn *Bắt sấu rừng U Minh Hạ* dưới đây.

VĂN BẢN

(Lược phần đầu : *Ở vùng U Minh Hạ, cá sấu thường đi ngược sông vào giữa rừng tràm sinh sống. Một người lên rừng lấy mật ong phát hiện ra ở ngọn rạch Cái Tàu có cái ao sấu "nhiều như trái mù u chín rụng".*)

---

(1) Rừng U Minh có diện tích khoảng 2000 km^2, trải dài từ sông Ông Đốc đến Rạch Giá, tựa lưng vào miền Tây Nam Bộ, mặt hướng ra vịnh Thái Lan. Sông Trẹm và sông Cái Tàu chia U Minh thành hai phần : U Minh Thượng phía bắc thuộc Kiên Giang, U Minh Hạ phía nam thuộc Cà Mau.

timdapan.com

Cái ao sấu ở ngọn rạch[1] Cái Tàu đã bị phát giác. Tin ấy đồn đại lần lần, thấu đến tai ông Năm Hên, người thợ già chuyên bắt sấu ở Kiên Giang đạo[2], tức là vùng Rạch Giá ngày nay. Ông bơi chiếc xuồng ba lá[3] nhỏ đến địa phận làng Khánh Lâm, ngọn rạch Cái Tàu. Trong xuồng, có vỏn vẹn một lọn nhang trần[4] và một hũ rượu.

Từ sớm tới chiều, ông bơi xuồng tới lui theo rạch mà hát :

Hồn ở đâu đây ?
Hồn ơi ! Hồn hỡi !
Xa cây xa cối,
Xa cội xa nhành,
Đầu bãi cuối gành,
Hùm tha, sấu bắt,
Bởi vì thắt ngặt,
Manh áo chén cơm,
U Minh đỏ ngòm
Rừng tràm xanh biếc !
Ta thương ta tiếc,
Lập đàn giải oan...

Giọng nghe ảo não, rùng rợn. Dân làng thấy chuyện kì lạ, xuống đứng dưới bến để nhìn kĩ. Đoán chừng ông lão nọ là người có kì tài, họ mời ông lên nhà, làm thịt gà, mua rượu thết đãi.

Sau khi tự xưng danh tánh, ông bảo :

– Nghe đồn có ao sấu, tôi chẳng nệ đường xa để tới xứ Khánh Lâm này...

– Té ra ông là thợ câu sấu !

Ông Năm Hên lắc đầu :

– Thợ bắt sấu chớ không phải thợ câu. Hai nghề đó khác nhau. Câu thì dùng lưỡi sắt, móc mồi bằng con vịt sống. Đó là ở dưới nước. Đằng này tôi chuyên bắt sấu trên khô, không cần lưỡi.

---

(1) *Rạch* : đường dẫn nước từ sông vào đồng ruộng, thuyền bè có thể đi lại.

(2) *Kiên Giang đạo* (*đạo* : đơn vị hành chính thời xưa, tương đương *huyện*) : đạo Kiên Giang.

(3) *Xuồng ba lá* : thuyền nhỏ làm bằng ván gỗ ghép lại.

(4) *Lọn nhang trần* : bó nhang (hương) không có bao, rẻ tiền ; nhà nghèo thường dùng loại nhang này.

timdapan.com

– Vậy chớ ông bắt bằng gì ?

– Tôi bắt bằng... hai tay không.

Ai nấy ngạc nhiên. Ông Năm Hên cười giòn :

– Bà con cô bác không tin sao ?

Ai nấy nửa tin nửa nghi. Họ cố nhớ lại cách bắt sấu của mấy người thợ nào đến giờ. Bắt sấu bằng hai tay không quả là phi phàm[1], thế gian hi hữu[2]. Không lẽ ông Năm Hên này lại nói láo để lường gạt, ổng nào đã mở miệng xin tiền bạc cơm gạo gì của xóm này ! Ai nấy nôn nao, thiếu điều muốn năn nỉ ông đi bắt sấu tức thì để coi thử cách thức.

– Thưa ông, chừng nào ông ra nghề để cho dân làng chúng tôi được mừng ? Nếu cần tiếp giúp chuyện chi, chúng tôi sẵn sàng. Ở xóm này, thiếu gì trai lực lưỡng đã từng gài bẫy cọp, săn heo rừng.

Ông Năm Hên đáp :

– Sáng mai sớm, đi cũng không muộn. Tôi cần một người dẫn đường đến ao cá sấu đó. Có vậy thôi ! Chừng một giờ đồng hồ sau là xong chuyện ! Sấu ở ao giữa rừng, tôi bắt nhiều lần rồi. Bà con cứ tin tôi. Xưa nay, bị sấu bắt là người đi ghe xuồng hoặc ngồi rửa chén dưới bến, có bao giờ sấu rượt người ta giữa rừng mà ăn thịt ? Tôi đây không tài giỏi gì hết, chẳng qua là biết mưu mẹo chút ít, theo như người khác thì họ nói đó là bùa phép để kiếm tiền. Nghề bắt sấu có thể làm giàu được, ngặt tôi không mang thứ phú quới[3] đó. Nói thiệt với bà con : cha mẹ tôi sanh ra chỉ có hai anh em tụi tôi. Anh tôi xuống miệt Gò Quao phá rừng lập rẫy hồi mười hai năm về trước. Sau được tin cho hay : ảnh bị sấu ở ngã ba Đình bắt mất. Tôi thề quyết trả thù cho anh. Cực lòng biết bao nhiêu khi nghe ở miệt Rạch Giá, Cà Mau này có nhiều con rạch, ngã ba, mang tên Đầu Sấu, Lưng Sấu, Bàu Sấu, sau này hỏi lại tôi mới biết đó là nơi ghê gớm, hồi xưa lúc đất còn hoang. Rạch Cà Bơ He, đó là chỗ sấu lội nhiều, người Miên sợ sấu không dám đi qua nên đặt tên như vậy, cũng như phá Tam Giang, truông Nhà Hồ[4] của mình ngoài Huế.

*

* *

---

(1) *Phi phàm* : khác thường.

(2) *Hi hữu* : hiếm có.

(3) *Phú quới* : phú quý.

(4) *Phá Tam Giang* : vùng biển ở huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế có ba con sông chảy vào rồi đổ ra cửa Thuận An, nơi đây sông rộng, sóng dữ, thuyền bè hay bị đắm. *Truông Nhà Hồ* : rừng Nhà Hồ (Hồ Xá Lâm) ở huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, thời xưa có nhiều giặc cướp (*Thương anh, em cũng muốn vô – Sợ truông Nhà Hồ, sợ phá Tam Giang* – Ca dao).

timdapan.com

Sáng hôm sau, ông Năm Hên đi lên ao sấu, có Tư Hoạch – một tay ăn ong rất rành địa thế vùng Cái Tàu dẫn đường. Nhiều người nài nỉ xin đi theo. Ông Năm Hên cản lại :

– Đi nhiều chộn rộn[1] lắm. Tôi không giấu nghề với bà con đâu. Có Tư Hoạch đi theo coi mà.

Đã quá giờ ngọ.

Ngóng về phía ao sấu U Minh Hạ, ai nấy đều thấy một làn khói đen bốc lên. Ban đầu ngỡ là cháy rừng, chập sau, khói lụn xuống. Trong lúc đó bà con xóm Cái Tàu lo nấu cơm, mua rượu đợi chiều làm tiệc ăn mừng. Nhưng ngạc nhiên làm sao, trời vừa xế, lúc ai nấy đang nghỉ trên nhà, bỗng nghe tiếng kêu réo từng hồi :

– Bà con ơi ! Ra coi sấu... Bốn mươi lăm con còn sống nhăn.

Rõ ràng là giọng Tư Hoạch.

– Diệu kế ! Diệu kế ! Tôi là Tư Hoạch đi bắt sấu về đây. Bà con coi sấu lội có hàng dưới sông mình nè ! Một đời người mới có một lần.

Dưới sông, Tư Hoạch ngồi trên xuồng, bơi nhè nhẹ như đi dạo mát.

Tiếp theo lái xuồng là một bầy sấu, con này buộc nối đuôi con kia, đen ngòm như khúc cây khô dài. Mỗi con sấu, hai chân sau thúc ké[2] trên lưng, hai chân trước tự do, quạt nước cầm chừng như tiếp sức với Tư Hoạch để đẩy chiếc bè quái dị kia đi nhẹ nhàng. Thực tế hay là chiêm bao ? Người thì đứng há miệng sửng sốt rồi toan chạy vào nhà trốn. Người khác khấn vái lâm râm, e nay mai xóm này bị sự trừng phạt của quỷ thần. Vài người dạn hơn, bơi xuồng ra giữa sông, nhìn bầy sấu nọ cho tỏ rõ rồi rước Tư Hoạch vào bờ hỏi han rối rít.

Đại khái, Tư Hoạch trình bày :

– Tới ao sấu, ông Năm Hên đi vòng quanh dòm địa thế rồi ngồi xuống uống một chung[3] rượu. Kế đó ổng với tôi lấy xuổng[4] đào một đường nhỏ, ngày một cạn, từ bờ ao lên rừng chừng mười thước. Xong xuôi, ổng biểu tôi bứt cho ổng một nắm dây cóc kèn[5]. Phần ổng thì lo đốn một đống cây mốp[6] tươi, chặt ra khúc chừng ba tấc.

---

(1) *Chộn rộn* : nhốn nháo, lộn xộn.

(2) *Thúc ké* : trói quặt chân ra sau lưng.

(3) *Chung* : chén uống rượu, uống trà.

(4) *Xuổng* : thuổng.

(5) *Cóc kèn* : loại dây leo ở rừng nước mặn, dùng để trói, buộc ; rất bền, chắc.

(6) *Mốp* : một loại cây giống như cây vông, gỗ xốp, ruột mềm, rất dẻo, dính ; cá sấu ngậm phải khúc gỗ mốp, hai hàm răng dính chặt không mở miệng ra được nữa.

timdapan.com

Lửa châm vô sậy đế[1], cóc kèn xung quanh, bắt cháy xuống đám sậy đế trong ao. Chập sau, bị khói bay cay mắt, ngộp thở, phần thì nước sôi nóng, sấu bò lên rừng theo con đường đào sẵn hồi nãy. Tức thời, ông Năm Hên chạy lại. Sấu há miệng hung hăng đòi táp[2] ổng. Ổng đút vô miệng sấu một khúc mốp. Sấu táp lại, dính chặt hai hàm răng : như mình ngậm một cục mạch nha[3] quá lớn, muốn há miệng cho rộng để nhả ra cũng không được. Sấu bị khúc mốp khoá miệng, còn cái đuôi đập qua đập lại. Ông Năm xách cây mác, nhắm ngay sau lưng sấu mà xắn nhè nhẹ để cắt gân đuôi. Đuôi sấu bị liệt. Thế là mình yên trí, lấy dây cóc kèn trói thúc ké hai chân sau của nó lại ; chừa hai chân trước để nó bơi tiếp với mình.

– Thực là bực thánh của xứ này rồi ! Mưu kế như vậy thực quá cao cường. Ổng đâu rồi ? Sao không thấy ổng về ? Xóm mình nhất định đền ơn ổng một số tiền, nuôi ổng cho tới già, ở xóm này. Bà con tính sao ?

Tư Hoạch nói :

– Mà quên ! Ông biểu tôi về trước cho bà con coi thử. Phần ổng mắc ở lại cúng "đất đai vương trạch"[4] rồi đi bộ về sau.

Chưa dứt lời, bên sông nghe tiếng hát của ông Năm Hên, ngày một rõ :

Hồn ở đâu đây ?
Hồn ơi ! Hồn hỡi !
Xa cây xa cối,
Xa cội xa nhành,
Đầu bãi cuối gành,
Hùm tha, sấu bắt,
Bởi vì thắt ngặt,
Manh áo chén cơm,
U Minh đỏ ngòm,
Rừng tràm xanh biếc !
Ta thương ta tiếc,
Lập đàn giải oan...

---

(1) *Sậy đế* : một loại lau sậy.

(2) *Táp* : ngoạm, đớp nhanh, mạnh bằng miệng há rộng.

(3) *Mạch nha* : thứ kẹo rất quánh, dẻo, nấu bằng mầm thóc.

(4) *Cúng "đất đai vương trạch"* : cúng thổ thần cai quản nhà đất ruộng vườn.

timdapan.com

Tiếng như khóc lóc, nài nỉ. Tiếng như phẫn nộ, bi ai. Ghê rợn nhứt là khi thấy ông đi ra khỏi mé rừng, áo rách vai, tóc rối nùi[1], mắt đỏ ngầu, bó nhang cháy đỏ quơ qua quơ lại trên tay.

– Coi tướng của ổng ghê như tướng thầy pháp[2] ! – Một người thốt lên như vậy.

Nhưng có tiếng khóc sụt sùi đâu đây. Đó là vài cụ già, bà lão chạnh nhớ đến tổ tiên, đến bạn bè của mình, biết đâu trên bước đường sanh nhai giữa chốn nước đỏ rừng xanh, có thân nhân của họ đã bỏ thân vì đàn sấu này. Bó nhang đang cháy kia có giải oan được cái chết của họ không chớ ?

(*Hương rừng Cà Mau*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1986)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Qua tác phẩm, thiên nhiên và con người vùng U Minh Hạ hiện lên với những đặc điểm nổi bật nào ?
2. Phân tích tính cách, tài nghệ của nhân vật Năm Hên. Bài hát của Năm Hên gợi cho anh (chị) cảm nghĩ gì ?
3. Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật kể chuyện, sử dụng ngôn ngữ của Sơn Nam trong tác phẩm.
4. Cảm nhận của anh (chị) về vùng đất và con người miền cực nam Tổ quốc qua truyện ngắn *Bắt sấu rừng U Minh Hạ*.

(1) *Rối nùi* : xoắn kết vào nhau như búi chỉ rối.

(2) *Thầy pháp* : thầy cúng, thầy phù thuỷ, người có pháp thuật trừ được ma quỷ – theo mê tín.

timdapan.com

NHỮNG ĐỨA CON TRONG GIA ĐÌNH — NGUYỄN THI

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hiểu được sự gắn bó sâu nặng giữa tình cảm gia đình và tình yêu nước, yêu cách mạng, giữa truyền thống gia đình với truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.
- Nắm được nghệ thuật trần thuật, khắc hoạ tính cách, miêu tả tâm lí và đặc điểm ngôn ngữ của tác phẩm.

TIỂU DẪN

NGUYỄN THI

Nguyễn Thi (1928 – 1968), bút danh khác là Nguyễn Ngọc Tấn, tên khai sinh là Nguyễn Hoàng Ca, quê ở xã Quần Phương Thượng (nay là xã Hải Anh), huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Mồ côi cha từ năm mười tuổi, mẹ đi bước nữa, Nguyễn Thi phải sống nhờ họ hàng nên vất vả, tủi cực từ nhỏ. Năm 1943, ông theo người anh vào Sài Gòn, vừa đi làm kiếm sống vừa tự học. Năm 1945, ông tham gia cách mạng rồi gia nhập lực lượng vũ trang. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Nguyễn Thi làm công tác tuyên huấn, vừa chiến đấu vừa hăng hái hoạt động văn nghệ. Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, công tác ở toà soạn tạp chí *Văn nghệ Quân đội*. Hai tập truyện ngắn *Trăng sáng* (1960) và *Đôi bạn* (1962) của ông (với bút danh Nguyễn Ngọc Tấn) đã báo hiệu triển vọng của một tài năng. Năm 1962, Nguyễn Thi tình nguyện trở lại chiến trường miền Nam, công tác tại Cục chính trị Quân giải phóng miền Nam, là một trong những thành viên sáng lập và phụ trách tạp chí *Văn nghệ Quân giải phóng*. Ông hi sinh ở mặt trận Sài Gòn, trong cuộc tổng tấn công Mậu Thân năm 1968.

Sáng tác của Nguyễn Thi gồm nhiều thể loại : bút kí, truyện ngắn, tiểu thuyết. Sau khi hi sinh, tác phẩm của ông được sưu tập và in lại trong *Truyện và kí*, xuất bản năm 1978,

timdapan.com

Nguyễn Ngọc Tấn – Nguyễn Thi toàn tập (4 quyển), xuất bản năm 1996. Năm 2000 ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Nguyễn Thi là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của văn nghệ giải phóng miền Nam thời kì kháng chiến chống đế quốc Mĩ. Ông quê ở miền Bắc nhưng đã gắn bó sâu nặng với nhân dân miền Nam và thực sự xứng đáng với danh hiệu Nhà văn của người nông dân Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Tác phẩm của Nguyễn Thi từ khi ông trở lại miền Nam (1962) thường bắt nguồn trực tiếp từ hiện thực nóng bỏng, ác liệt ở mặt trận miền Đông – Nam Bộ. Nhân vật tiêu biểu trong sáng tác của ông là những người nông dân vùng đất này, những con người bản chất vừa hồn nhiên, bộc trực, trung hậu vừa có lòng căm thù giặc sâu sắc ; vô cùng gan góc, sẵn sàng hi sinh vì quê hương, vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Nguyễn Thi là cây bút có năng lực phân tích tâm lí sắc sảo. Văn Nguyễn Thi vừa giàu chất hiện thực, đầy những chi tiết dữ dội, ác liệt của chiến tranh, vừa đằm thắm chất trữ tình với một ngôn ngữ phong phú, góc cạnh, đậm chất Nam Bộ, có khả năng tạo nên những nhân vật có cá tính mạnh mẽ.

Những đứa con trong gia đình là một trong những truyện ngắn xuất sắc nhất của Nguyễn Thi, được viết ngay trong những ngày chiến đấu ác liệt khi ông công tác ở tạp chí *Văn nghệ Quân giải phóng.*

VĂN BẢN

(**Lược phần đầu** : *Việt là một chiến sĩ Giải phóng quân, xuất thân từ một gia đình nông dân có mối thù sâu nặng với Mĩ – ngụy : ông nội và bố Việt đều bị giặc giết hại ; mẹ Việt vừa phải vất vả nuôi con vừa phải đương đầu với những đe doạ, hạch sách của bọn giặc, cuối cùng cũng chết vì bom đạn. Gia đình chỉ còn lại Việt, chị Chiến, thằng Út em, chú Năm, và một người chị nuôi đi lấy chồng xa. Truyền thống cách mạng vẻ vang của gia đình và những đau thương mất mát nặng nề do tội ác của Mĩ – ngụy gây ra đối với gia đình Việt đều được chú Năm ghi chép vào một cuốn sổ của gia đình.*

Việt và Chiến hăng hái tòng quân đi giết giặc. Việt nhỏ tuổi, đồng đội gọi thân mật là cậu Tư. Anh rất gắn bó với đơn vị, đặc biệt là với tiểu đội trưởng Tánh, như tình ruột thịt. Ở anh luôn luôn sôi nổi một tinh thần chiến đấu. Anh quyết lập được nhiều chiến công để cùng chị Chiến trả thù cho ba má.

Trong trận chiến đấu ác liệt tại một khu rừng cao su, Việt đã hạ được một xe bọc thép của địch nhưng bị thương nặng và lạc đồng đội. Việt ngất đi tỉnh lại nhiều lần. Mỗi lần tỉnh lại, dòng hồi ức lại đưa anh trở về với những kỉ niệm thân thiết đã qua : kỉ niệm về má, chị Chiến, chú Năm, về đồng đội và anh Tánh,...)

Việt tỉnh dậy lần thứ tư, trong đầu còn thoáng qua hình ảnh của người mẹ. Đêm nữa lại đến. Đêm sâu thăm thẳm, bắt đầu từ tiếng dế gáy u u cao vút mãi lên. Người Việt như đang tan ra nhè nhẹ. Ước gì bây giờ lại được gặp má.

timdapan.com

Phải, ví như lúc má đang bơi xuồng, má sẽ ghé lại, xoa đầu Việt, đánh thức Việt dậy, rồi lấy xoong cơm đi làm đồng để ở dưới xuồng lên cho Việt ăn... Nhưng mấy giọt mưa lất phất trên cổ làm Việt choàng tỉnh hẳn. Một sự vắng lặng như từ trên trời lao xuống chạy từ cổ Việt, lan dài cho tới ngón chân. Việt có một mình ở đây thôi ư ? Câu hỏi bật ra trong đầu Việt rồi dội lại trong từng chân lông kẽ tóc. Cái cảm giác một mình bật lên một cách rõ ràng nhất, mênh mông nhất, trong đêm thứ hai này, khi Việt cảm thấy không còn bò đi được nữa, khi những hình ảnh thân yêu thường kéo đến rất nhanh rồi cũng vụt tan biến đi rất nhanh chỉ vì một cành cây gãy, một giọt mưa rơi trên mặt, hoặc một tiếng động nhỏ của ban đêm. Việt muốn chạy thật nhanh, thoát khỏi sự vắng lặng này, về với ánh sáng ban ngày, gặp lại anh Tánh, níu chặt lấy các anh mà khóc như thằng Út em vẫn níu chân chị Chiến, nhưng chân tay không nhấc lên được. Bóng đêm vắng lặng và lạnh lẽo bao tròn lấy Việt, kéo theo đến cả con ma cụt đầu vẫn ngồi trên cây xoài mồ côi và thằng chỏng thụt lưỡi hay nhảy nhót trong những đêm mưa ngoài vàm sông[1], cái mà Việt vẫn nghe các chị nói hồi ở nhà, Việt nằm thở dốc...

Một loạt đạn súng lớn văng vẳng dội đến ầm ĩ trên ngọn cây. Rồi loạt thứ hai... Việt ngóc dậy. Rõ ràng không phải tiếng pháo lễnh lãng của giặc. Đó là những tiếng nổ quen thuộc, gom vào một chỗ, lớn nhỏ không đều, chen vào đó là những dây súng nổ vô hồi vô tận. Súng lớn và súng nhỏ quyện vào nhau như tiếng mõ và tiếng trống đình đánh dậy trời dậy đất hồi Đồng khởi. Đúng súng của ta rồi ! Việt muốn reo lên. Anh Tánh chắc ở đó, đơn vị mình ở đó. Chà, nổ dữ, phải chuẩn bị lựu đạn xung phong thôi ! Đó, lại tiếng hụp hùm... chắc là một xe bọc thép vừa bị ta bắn cháy. Tiếng súng nghe thân thiết và vui lạ. Những khuôn mặt anh em mình lại hiện ra... Cái cằm nhọn hoắt ra của anh Tánh, nụ cười và cái nheo mắt của anh Công mỗi lần anh động viên Việt tiến lên... Việt vẫn còn đây, nguyên tại vị trí này, đạn đã lên nòng, ngón cái còn lại vẫn sẵn sàng nổ súng. Các anh chờ Việt một chút. Tiếng máy bay vẫn gầm rú hỗn loạn trên cao, nhưng mặc xác chúng. Kèn xung phong của chúng ta đã nổi lên. Lựu đạn ta đang nổ rộ...

Việt đã bò đi được một đoạn, cây súng đẩy đi trước, hai cùi tay lôi người theo. Việt cũng không biết rằng mình đang bò đi nữa, chính trận đánh đang gọi

---

(1) *Vàm sông* : cửa sông.

timdapan.com

Việt đến. Phía đó là sự sống. Tiếng súng đã đem lại sự sống cho đêm vắng lặng. Ở đó có các anh đang chờ Việt, đạn ta đang đổ lên đầu giặc Mĩ những đám lửa dữ dội, và những mũi lê nhọn hoắt trong đêm đang bắt đầu xung phong...

*

* *

Ngày má chết rồi, ý nghĩ đi bộ đội cũng thôi thúc Việt như vậy. Nhưng hồi đó rắc rối hơn đêm nay bò tới mặt trận nhiều. Việt vừa ngỏ lời ra, chị Chiến đã giành đi trước. Hai đứa lớn đòi đi hết, còn thằng Út em mới mười tuổi, làm sao ? Việt đi đâu chị Chiến cũng dòm chừng, coi Việt có bọc quần áo theo không. Chị nói :

– Tao lớn tao mới đi, mầy còn nhỏ, ở nhà phụ làm với chú Năm, qua năm hãy đi.

Việt đá trái dừa rụng dưới chân xuống mương cái đùng :

– Bộ mình chị biết đi trả thù à ?

– Hồi đó má nói cho tao đi, mầy ở nhà làm ruộng với má, trọng trọng rồi đi sau.

– Má nói hồi nào ?

Má chết rồi, không biết ai mà phân chứng. Nhưng chị Chiến vẫn không chịu, việc này đâu có nhường được, chị sang vận động chú Năm.

Trong đêm mít tinh để ghi tên thanh niên tòng quân, trước mặt bà con cả xã, đèn sáng rực, anh cán bộ của huyện đội vừa dứt lời, cả hai chị em Việt giành nhau chạy lên.

– Tôi tên là Việt, anh cho tôi đi bộ đội với.

Chị Chiến đứng sau Việt, thở :

– Đề nghị mấy anh xét cho. Nó là em tôi mà cái gì nó cũng giành...

Đôi chân mày rộng của anh cán bộ cứ nhướng lên giữa trán, không hiểu chuyện gì. Bà con cô bác ở dưới bàn tán lao xao. Anh cán bộ hỏi Việt :

– Hai em là chị em ruột ?

– Dạ, nhà em ở ấp Một, em mười tám, chị Chiến em mười chín.

Việt dòm chị, mình đứng đâu có thua chị, tuy tóc chị có cao hơn mình một chút thật.

timdapan.com

Chị Chiến nói :

– Đến Tết này nó mới được mười tám anh à ! Em nói để em đi trước, nó ở nhà, thủng thẳng để chú Năm em thu xếp rồi hãy đi, mà nó không chịu.

Anh cán bộ nhìn hai bộ mặt bầu bầu cùng một khuôn có hai cái chót mũi hơi hớt lên của chị em Việt, rồi cười :

– Ba má có đi đây không em ?

– Dạ không.

– Ba má em chết rồi. – Chị Chiến nói thêm cho rõ.

Anh cán bộ đã cầm viết[1] rồi lại đặt xuống. Từ dưới sân, chú Năm bước lên. Chú nheo mắt nhìn chị em Việt, rồi nói với anh cán bộ :

– Tôi xin có một câu với đồng chí huyện đội. Hai đứa cháu tôi nó một lòng theo Đảng như vậy, tôi cũng mừng. Vậy xin trên cứ ghi tên cho cả hai. Việc lớn ta tính theo việc lớn, còn việc thỏn mỏn trong nhà tôi thu xếp khắc xong.

Đêm ấy thanh niên ghi tên tòng quân đông lắm.

Cũng ngay đêm ấy, về tới nhà, trước khi ngủ, chị Chiến từ trong buồng nói với ra với Việt :

– Chú Năm nói mầy với tao đi kì này là ra chân trời mặt biển, xa nhà thì ráng học chúng học bạn, thù cha mẹ chưa trả mà bỏ về là chú chặt đầu.

Việt lăn kềnh ra ván, cười khì khì :

– Chị có bị chặt đầu thì chặt chớ chừng nào tôi mới bị.

– Tao đã thưa với chú Năm rồi. Đã làm thân con gái ra đi thì tao chỉ có một câu : Nếu giặc còn thì tao mất, vậy à !

Chà, chị Chiến bữa nay nói in như má vậy ! Cũng ở trong buồng mà nói với ra, cũng nằm với thằng Út em, ở trên cái giường đó. Việt nói :

– Chị biết vậy sao hồi nãy chị ngăn tôi ? Người ta mười tám rồi mà nói chưa...

– Hồi đó má tính tuổi cho mầy chớ bộ tao tính ha ?

Nhà day cửa ra sông, trong đêm vui náo nức này, đom đóm từ ngoài rặng bần cũng kéo vào đầy nhà. Chúng bay chớp chớp như dò trên nóc rồi sà xuống trước mặt Việt. Chị Chiến cũng không ngủ được. Sắp tới đây biết bao nhiêu

---

(1) *Cầm viết* : cầm bút.

timdapan.com

chuyện phải lo, ngay bây giờ cũng bao nhiêu chuyện phải nhớ. Cả chị cả em cùng nhớ đến má. Hình như má cũng đã về đâu đây. Má biến theo ánh đom đóm trên nóc nhà hay đang ngồi dựa vào mấy thúng lúa mà cầm nón quạt ? Đêm nay, dễ gì má vắng mặt, má cũng phải về dòm ngó coi chị em Việt tính toán việc nhà làm sao chớ ?

Chị Chiến lại nói với ra, đúng là cái giọng rành rọt tiếng nào ra tiếng nấy :

– Mai mầy viết thư cho chị Hai biết nghen ?

– Sắp đi tới nơi mà còn bắt viết thư.

– Thôi tao viết.

Chị Hai là con nuôi của má. Cha mẹ chị cũng vì một tay thằng Tây mà chết. Hồi ba dắt về trao cho má, chị mới chín tuổi, ốm nhom, một mảng tóc bị bom xăng làm cháy còn sém như đuôi bò. Chị lớn tuổi hơn chị Chiến nên má đặt chị là thứ hai. Sống với gia đình được mấy năm thì một người chú bà con của chị xuống xin chị về dưới biển. Rồi chị lớn lên, lấy chồng, công tác luôn dưới đó. Sau này, mỗi năm đôi ba lần, chị lại vượt cánh đồng mấy chục cây số, lội qua mấy chục đồn bót giặc về thăm má, thăm em. Trừ mắc công tác thì thôi, còn thì trời sập chị cũng về, cứ một mình một nón mà đi. Có bữa về, dầm mưa trắng hết mặt mũi, chơi với em được một buổi chiều, ăn bữa cơm, ngủ với má một đêm, hừng đông lại tất tưởi đi sớm.

Chị Chiến lại nói, giọng còn rành rọt hơn cả hồi nãy :

– Bây giờ chị Hai ở xa. Chị em mình đi thì thằng Út sang ở với chú Năm, chú nuôi. Còn cái nhà này ba má làm ra đó thì cho các anh ở xã mượn mở trường học. Chú Năm nói có con nít học ê a có gì nó quét dọn cho. Thằng Út cũng học ở đây. Mầy chịu không ?

Việt chụp một con đom đóm úp trong lòng tay :

– Sao không chịu ?

– Giường ván cũng cho xã mượn làm ghế học, nghen ?

– Hồi đó má dặn chị làm sao, giờ chị cứ làm y vậy, tôi chịu hết.

– Má dặn tao hồi nào ? Giờ còn có tao với mầy thôi. Nếu đồng ý thì nồi, lu, chén, đĩa, cuốc, vá, đèn soi với nơm để gởi chú Năm. Chừng nào chị Hai ở dưới biển về làm giỗ má, chị có muốn lấy gì thì chị chở về dưới, nghen ?

– Tôi nói chị tính sao cứ tính mà...

timdapan.com

Chị Chiến cựa mình, làm như chị nghĩ ngợi lung lắm. Phải chị thở dài rồi kêu thằng Út dậy đi đái nữa thì giống hệt như má vậy. Chị lại nói, lần này không gọi Việt bằng mầy, mà bằng em và xưng chị :

– Còn năm công ruộng hồi trước mấy chú cấp cho ba má, giờ mình đi mình trao lại chi bộ đặng chia cho cô bác khác mần, nghen ? Hai công mía thì chừng nào tới mùa, nhờ chú Năm đốn, để dành đó làm đám giỗ ba má. Em cũng ừ nghen ?

– Ừ !

– Còn bàn thờ má em tính gởi đâu ? Gởi sang chú Năm cho thằng Út nó coi chừng hay là để chị Hai về đem đi ?

Việt khẽ ngóc đầu lên dòm bàn thờ. Từ nãy giờ đang mải với ý nghĩ má đã về, nghe chị hỏi, Việt lại tin má đã về ngồi đâu đó thật. Việt nói :

– Mình đi đâu thì má đi theo đó chớ lo gì mà lo ?

– Vậy chớ ba má không theo con thì theo ai, nhưng mà cũng phải tính cho đâu ra đó chớ. Đem bàn thờ sang gởi chú Năm, em có ừ không ?

– Ừ !... Mà hồi đó má dặn chị vậy hả ?

– Má có biết má chết đâu mà dặn.

Việt sải chân ra giường :

– Vậy mà nói nghe in như má vậy.

Chị Chiến hứ một cái "cóc" rồi trở mình. May mà chị không bẻ tay rồi đập vào bắp vế than mỏi.

Chị nói :

– Tao cũng lựa ý nếu má còn sống chắc má tính vậy, nên tao cũng tính vậy.

Đúng rồi, hèn chi chị nói nghe thiệt gọn. Vậy mà hồi nãy còn giành đi với mình. Việt nghĩ vậy, rồi ngủ quên lúc nào không biết.

Sáng hôm sau, nghe chị Chiến nói, chú Năm cứ ngồi y trên ván nhìn hai cháu thiệt lâu. Một lát, chú nói :

– Khôn ! Việc nhà nó thu được gọn thì việc nước nó mở được rộng, gọn bề gia thế, đặng bề nước non. Con nít chúng bây kì đánh giặc này khôn hơn chú hồi trước. – Chú cười, đưa mấy ngón tay cứng còng chùi mắt. – Đây rồi tao giao cuốn sổ gia đình cho chị em bây. Gọi là giao vậy chớ đưa cho bây rồi bây lội đùng đùng qua sông là hư hết. Gọi vậy chớ tao vẫn giữ, tao sẽ ghi cho hai đứa bây từng ngày.

timdapan.com

Trong lúc chị Chiến xuống bếp nấu cơm, Việt đi câu ít con cá về làm bữa cúng má trước khi dời bàn thờ sang nhà chú, còn một mình ở nhà trên, chú Năm lại cất tiếng hò. Không phải giọng hò trong trẻo trong đêm bay ra hai bên bờ sông, rồi dội lại trên cái ghe heo chèo mướn của chú. Câu hò nổi lên giữa ban ngày, bắt đầu cất lên như một hiệu lệnh dưới ánh nắng chói chang, rồi kéo dài, từng tiếng một vỡ ra, nhấn nhủ, tha thiết, cuối cùng ngắt lại như một lời thề dữ dội.

Cúng mẹ và cơm nước xong, mấy chị em, chú cháu thu xếp đồ đạc dời nhà. Chị Chiến ra đứng giữa sân, kéo cái khăn trên cổ xuống, cũng xắn tay áo để lộ hai bắp tay tròn vo sạm đỏ màu cháy nắng, rồi dang cả thân người to và chắc nịch của mình nhấc bổng một đầu bàn thờ má lên. Việt ghé vào một đầu. Nào, đưa má sang ở tạm bên nhà chú, chúng con đi đánh giặc trả thù cho ba má, đến chừng nước nhà độc lập con lại đưa má về. Việt khiêng trước. Chị Chiến khiêng bịch bịch phía sau. Nghe tiếng chân chị, Việt thấy thương chị lạ. Lần đầu tiên Việt mới thấy lòng mình rõ như thế. Còn mối thù thằng Mĩ thì có thể rờ thấy được, vì nó đang đè nặng ở trên vai.

Hai chị em khiêng má băng tắt qua dãy đất cày trước cửa, men theo chân vườn thoảng mùi hoa cam, con đường hồi trước má vẫn đi để lội hết đồng này sang bưng khác.

(**Lược phần cuối** : *Tánh cùng tiểu đội đi suốt ba ngày mới tìm được Việt trong một lùm cây rậm và suýt nữa thì bị ăn đạn của "cậu Tư", bởi dù đã kiệt sức không bò đi được nữa nhưng một ngón tay Việt vẫn đang đặt ở cò súng, đạn đã lên nòng và anh tưởng là quân địch tới. Nếu Tánh không lên tiếng ngay, có lẽ Việt đã nổ súng...*

Việt được đưa về điều trị tại một bệnh viện dã chiến, sức khoẻ dần hồi phục. Anh Tánh giục Việt viết thư cho chị Chiến kể chiến công của mình. Việt nhớ chị Chiến, muốn viết thư nhưng không biết viết sao. Việt cũng không muốn kể chiến công của mình vì tự thấy chưa thấm gì với thành tích của đơn vị và những ước mong của má.)

Tháng 2 – 1966

(*Truyện và kí*, NXB Văn học Giải phóng, 1978)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đoạn trích *Những đứa con trong gia đình* được trần thuật chủ yếu từ điểm nhìn của nhân vật nào ? Cách trần thuật này có tác dụng như thế nào đối với kết cấu truyện và khắc hoạ tính cách nhân vật ?

timdapan.com

2. Tác phẩm kể chuyện một gia đình nông dân Nam Bộ. Truyền thống nào đã gắn bó những người con trong gia đình với nhau ? (Chú ý mối quan hệ của Chiến, Việt với má và chú Năm.)

3. Phân tích và so sánh tính cách các nhân vật Chiến, Việt để làm rõ sự tiếp nối truyền thống gia đình của những người con.

4. Phân tích những biểu hiện của khuynh hướng sử thi trong đoạn trích này.

5. Đối với anh (chị), đoạn văn nào cảm động nhất ? Vì sao ?

GHI NHỚ

- Truyện kể về những người con trong một gia đình nông dân Nam Bộ có truyền thống yêu nước, căm thù giặc, thuỷ chung son sắt với quê hương, cách mạng. Chính sự gắn bó sâu nặng giữa tình cảm gia đình với tình yêu nước, giữa truyền thống gia đình với truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.
- Tác phẩm thể hiện những đặc sắc về nghệ thuật truyện ngắn của Nguyễn Thi : trần thuật qua dòng hồi tưởng của nhân vật, khắc hoạ tính cách và miêu tả tâm lí sắc sảo ; ngôn ngữ phong phú, góc cạnh và đậm chất Nam Bộ.

LUYỆN TẬP

1. Phân tích đối thoại giữa Chiến và Việt đêm trước ngày nhập ngũ. Tâm lí và tính cách của mỗi nhân vật thể hiện như thế nào qua đoạn đối thoại này ?

2. Tìm đọc trọn vẹn tác phẩm.

timdapan.com

TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 5

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

Củng cố thêm tri thức và kĩ năng viết bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

I – HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Xác định yêu cầu bài viết

– Đọc lại đề bài để xác định yêu cầu của đề.

– Đối chiếu những yêu cầu đã xác định với bài viết để nhận ra những ưu điểm và nhược điểm của bài viết.

2. Xây dựng lại dàn ý

Trên cơ sở những yêu cầu đã xác định, tập thể lớp cùng xây dựng lại dàn ý chi tiết.

Gợi ý dàn ý cho bài làm văn đề số 1 :

Mở bài :

– Khi cầm bút, các nghệ sĩ chân chính đều phấn đấu để đạt được mục đích cao cả của văn chương.

– Là một danh sĩ ("thần Siêu, thánh Quát"), Nguyễn Văn Siêu đã nêu lên một quan niệm đúng đắn và thuyết phục về văn chương (dẫn câu nói của ông).

Thân bài :

– Giải thích ý kiến của Nguyễn Văn Siêu :

+ Tiêu chuẩn để Nguyễn Văn Siêu phân loại văn chương là tính mục đích của nó.

+ Thế nào là văn chương "chỉ chuyên chú ở văn chương" ?

+ Thế nào là văn chương "chuyên chú ở con người" ?

timdapan.com

– Bình luận, đánh giá. Có thể nêu một số ý như sau :

+ Tiêu chí đánh giá một tác phẩm văn chương trước hết là ở mục đích của người cầm bút : Viết để nâng cao khả năng và tác dụng giáo dục của văn chương chứ không phải vì thú vui trau chuốt câu chữ hình thức.

+ Tuy nhiên, khi đề cao mục đích cao cả của văn chương là "chuyên chú ở con người", chúng ta không vì thế mà coi nhẹ sự sáng tạo nghệ thuật của nhà văn vì tính nghệ thuật của tác phẩm văn chương càng cao thì hiệu quả giáo dục của tác phẩm đó càng lớn.

Kết bài :

– Ý kiến của Nguyễn Văn Siêu về tính mục đích của văn chương rất tiêu biểu cho quan niệm truyền thống "văn dĩ tải đạo" của cha ông ta.

– Ý kiến của Nguyễn Văn Siêu cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

3. Sửa chữa những sai sót cụ thể trong bài viết

– Đọc nhận xét của thầy (cô) giáo về bài viết.

– Sửa lại các sai sót trong bài viết.

II – LUYỆN TẬP Ở NHÀ VÀ CHUẨN BỊ CHO BÀI VIẾT SAU

1. Viết lại toàn bộ hoặc một phần bài viết.

2. Thực hiện các yêu cầu của thầy (cô) giáo, chuẩn bị tốt cho bài viết số 6.

timdapan.com

VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 6 : NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

(Bài làm ở nhà)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm vững hơn nữa các tác phẩm truyện và tuỳ bút đã học ở lớp 12.
- Vận dụng tốt hơn các kĩ năng làm bài văn nghị luận, nhất là các kĩ năng phân tích truyện, tuỳ bút và kĩ năng lập luận.
- Thông qua việc phân tích tác phẩm, có được những hiểu biết đúng đắn về cuộc sống.

I – HƯỚNG DẪN CHUNG

Để bài viết đạt kết quả tốt, anh (chị) cần thực hiện các công việc chuẩn bị sau :

1. Đọc lại các tác phẩm (đoạn trích) truyện và tuỳ bút đã học ở chương trình Ngữ văn lớp 12 để :

– Nhớ rõ cốt truyện, nhân vật, chi tiết, sự việc chính của mỗi truyện cũng như dòng ý nghĩ, cảm xúc và những lời văn đẹp của mỗi thiên tuỳ bút.

– Tìm hiểu những nội dung cơ bản và đặc sắc nghệ thuật của từng tác phẩm (đoạn trích).

– Ghi lại những ý kiến, đánh giá, những điều muốn bàn luận cùng cảm nghĩ về tác phẩm hoặc về từng mặt, từng khía cạnh của tác phẩm.

2. Học lại để nắm vững hơn cách thức tìm hiểu và phân tích một tác phẩm tự sự.

3. Ôn luyện những kiến thức và kĩ năng về tiếng Việt đã học để có cách diễn đạt chính xác, rành mạch, chặt chẽ, phù hợp với tính chất của bài văn nghị luận văn học.

4. Ôn lại các kiến thức và kĩ năng làm văn nghị luận, nhất là những kĩ năng về lập luận đã học ở lớp 12. Chú ý rèn luyện thêm những mặt còn yếu của bản thân ở các khâu : tìm hiểu đề ; lập dàn ý ; tìm lí lẽ, dẫn chứng và tiến hành lập luận,...

timdapan.com

II – GỢI Ý MỘT SỐ ĐỀ BÀI

1. Trong truyện *Những đứa con trong gia đình*, Nguyễn Thi có nêu lên quan niệm : Chuyện gia đình cũng dài như sông, mỗi thế hệ phải ghi vào một khúc. Rồi trăm con sông của gia đình lại cùng đổ về một biển, "mà biển thì rộng lắm [...], rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta".

Anh (chị) có cho rằng, trong thiên truyện của Nguyễn Thi quả đã có một dòng sông truyền thống liên tục chảy từ những lớp người đi trước : tổ tiên, ông cha, cho đến lớp người đi sau : chị em Chiến, Việt ?

2. Phân tích hình ảnh thơ mộng, trữ tình của những dòng sông Việt Nam qua hai bài tuỳ bút *Người lái đò Sông Đà* (Nguyễn Tuân) và *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường).

3. Về một truyện ngắn trong nền văn xuôi hiện đại Việt Nam mà anh (chị) yêu thích.

III – GỢI Ý CÁCH LÀM BÀI

1. Cần đọc kĩ đề bài để tránh những hiểu lầm đáng tiếc dẫn đến lạc đề hoặc xa đề (ví dụ : cho rằng đề 1 chỉ yêu cầu nhắc lại những đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của truyện *Những đứa con trong gia đình*, đề 2 đòi hỏi phải đề cập tới cả hai mặt hung bạo và trữ tình của sông Đà, còn để làm đề 3 thì chỉ cần nhắc lại những kiến thức đã học về một tác phẩm tự sự,...).

2. Cần tìm đủ các luận điểm, luận cứ cần thiết, nhằm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của đề bài.

3. *Xây dựng một dàn ý* rõ ràng, mạch lạc. Phần *mở bài* giới thiệu được vấn đề nghị luận và gây được hứng thú cho người đọc. Phần *thân bài* trình bày các luận điểm, luận cứ theo một tiến trình lập luận hợp lí, chặt chẽ. Phần *kết bài* thâu tóm được tinh thần và nội dung cơ bản của bài làm, đồng thời lưu lại những suy ngẫm sâu xa trong người đọc.

4. Trong quá trình trình bày luận điểm, luận cứ, cần vận dụng các thao tác lập luận thích hợp. Các thao tác ấy phải kết hợp hài hoà, nhuần nhuyễn với nhau. Chú ý không để bài làm mắc lỗi về lập luận.

5. Cần cố gắng nâng cao hiệu quả diễn đạt. Lưu ý vận dụng hợp lí, sáng tạo các biện pháp chuyển ý, chuyển đoạn và các phép tu từ để các câu, các đoạn văn thêm chặt chẽ và hấp dẫn, phù hợp với một bài nghị luận văn học.

timdapan.com

CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA

NGUYỄN MINH CHÂU

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Cảm nhận được suy nghĩ của người nghệ sĩ nhiếp ảnh khi phát hiện ra sự thật : đằng sau bức ảnh rất đẹp về chiếc thuyền trong sương sớm mà anh tình cờ chụp được là số phận đau đớn của người phụ nữ và bao ngang trái trong một gia đình hàng chài. Từ đó thấu hiểu : mỗi người trong cõi đời, nhất là người nghệ sĩ, không thể đơn giản, sơ lược khi nhìn nhận cuộc sống và con người.
- Thấy được nghệ thuật kết cấu độc đáo, cách triển khai cốt truyện, khắc hoạ nhân vật của một cây bút viết truyện ngắn có bản lĩnh và tài hoa.

TIỂU DẪN

NGUYỄN MINH CHÂU

Nguyễn Minh Châu (1930 – 1989) quê ở làng Thơi, xã Quỳnh Hải (nay là xã Sơn Hải), huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Đầu năm 1950, ông gia nhập quân đội, theo học Trường Sĩ quan Lục quân Trần Quốc Tuấn. Từ năm 1952 đến năm 1958, ông công tác và chiến đấu tại Sư đoàn 320. Năm 1962, ông về Phòng Văn nghệ quân đội, sau chuyển sang tạp chí *Văn nghệ Quân đội*.

Tác phẩm chính : *Cửa sông* (tiểu thuyết, 1967), *Những vùng trời khác nhau* (tập truyện ngắn, 1970), *Dấu chân người lính* (tiểu thuyết, 1972), *Miền cháy* (tiểu thuyết, 1977), *Lửa từ những ngôi nhà* (tiểu thuyết, 1977), *Những người đi từ trong rừng ra* (tiểu thuyết, 1982), *Mảnh đất tình yêu* (tiểu thuyết, 1987). Ông cũng có nhiều sáng tác viết cho thiếu nhi như : *Từ giã tuổi thơ* (tiểu thuyết, 1974), *Những ngày lưu lạc* (tiểu thuyết, 1981), *Đảo đá kì lạ* (tiểu thuyết, 1985),... và một tập tiểu luận phê bình *Trang giấy trước đèn* (1994). Đặc biệt, với các tập truyện ngắn : *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* (1983), *Bến quê* (1985), *Chiếc thuyền ngoài xa* (1987), *Cỏ lau* (1989), Nguyễn Minh Châu được coi là một trong những cây bút tiên phong của văn học Việt Nam thời kì đổi mới. Năm 2000 ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

timdapan.com

Truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* in đậm phong cách tự sự – triết lí của Nguyễn Minh Châu. Với ngôn từ dung dị đời thường, truyện kể lại chuyến đi thực tế của một nghệ sĩ nhiếp ảnh và những chiêm nghiệm sâu sắc của ông về nghệ thuật và cuộc đời.

VĂN BẢN

(**Lược phần đầu** : *Để có thể xuất bản một bộ lịch nghệ thuật về thuyền và biển thật ưng ý, trưởng phòng đề nghị nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng đi thực tế chụp bổ sung một bức ảnh với cảnh biển buổi sáng có sương mù. Nhân chuyến đi thăm Đẩu, người bạn chiến đấu năm xưa, giờ đang là chánh án toà án huyện, Phùng đi tới một vùng biển từng là chiến trường cũ của anh thời kháng chiến chống đế quốc Mĩ. Phùng đã "phục kích" mấy buổi sáng mà chưa chụp được bức ảnh nào. Sau gần một tuần lễ suy nghĩ, tìm kiếm, Phùng quyết định thu vào tờ lịch tháng bảy năm sau cảnh thuyền đánh cá thu lưới vào lúc bình minh.*)

Lúc bấy giờ trời đầy mù từ ngoài biển bay vào. Lại lác đác mấy hạt mưa. Tôi rúc vào bên bánh xích của một chiếc xe tăng[1] để tránh mưa, đang lúi húi thay phim, lúc ngẩng lên thấy một chuyện hơi lạ : một chiếc thuyền lưới vó[2] mà tôi đoán là trong nhóm đánh cá ban nãy đang chèo thẳng vào trước mặt tôi.

Có lẽ suốt một đời cầm máy ảnh chưa bao giờ tôi được thấy một cảnh "đắt" trời cho như vậy : trước mặt tôi là một bức tranh mực tàu của một danh hoạ thời cổ. Mũi thuyền in một nét mơ hồ loè nhoè vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mui khum khum, đang hướng mặt vào bờ. Tất cả khung cảnh ấy nhìn qua những cái mắt lưới và tấm lưới nằm giữa hai chiếc gọng vó hiện ra dưới một hình thù y hệt cánh một con dơi, toàn bộ khung cảnh từ đường nét đến ánh sáng đều hài hoà và đẹp, một vẻ đẹp thực đơn giản và toàn bích khiến đứng trước nó tôi trở nên bối rối, trong trái tim như có cái gì bóp thắt vào. Chẳng biết ai đó lần đầu đã phát hiện ra bản thân cái đẹp chính là đạo đức ? Trong giây phút bối rối, tôi tưởng chính mình vừa khám phá thấy cái chân lí của sự toàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn.

Chẳng phải lựa chọn xê dịch gì nữa, tôi gác máy lên bánh xích của chiếc xe tăng hỏng bấm "liên thanh" một hồi hết một phần tư cuốn phim, thu vào

---

(1) Đây là bãi xe tăng hỏng do quân ngụy tháo chạy để lại khi bị quân giải phóng tấn công vào mùa xuân năm 1975.

(2) *Thuyền lưới vó* : thuyền đánh cá có hai gọng ở mũi thuyền để giăng lưới, khi cá được dồn vào thì cất lên như cất vó.

timdapan.com

chiếc Pra-ti-ca[1] cái khoảnh khắc hạnh phúc tràn ngập tâm hồn mình, do cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh vừa mang lại.

Tôi chắc mẩm ngay trong ngày hôm nay hoặc sáng mai đã có thể nhảy lên tàu hoả trở về, nếu cái anh bạn đồng ngũ không cố níu giữ ở chơi thêm vài bữa.

*

* *

Ngay lúc ấy, chiếc thuyền đâm thẳng vào trước chỗ tôi đứng. Một người đàn ông và một người đàn bà rời chiếc thuyền. Họ phải lội qua một quãng bờ phá[2] nước ngập đến quá đầu gối. Bất giác tôi nghe người đàn ông nói chõ lên thuyền như quát : "Cứ ngồi nguyên đấy. Động đậy tao giết cả mày đi bây giờ".

Chắc chắn họ không trông thấy tôi. Người đàn bà trạc ngoài bốn mươi, một thân hình quen thuộc của đàn bà vùng biển, cao lớn với những đường nét thô kệch. Mụ rỗ mặt. Khuôn mặt mệt mỏi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt và dường như đang buồn ngủ. Người đàn ông đi sau. Tấm lưng rộng và cong như lưng một chiếc thuyền. Mái tóc tổ quạ. Lão đi chân chữ bát, bước từng bước chắc chắn, hàng lông mày cháy nắng rủ xuống hai con mắt đầy vẻ độc dữ lúc nào cũng nhìn dán vào tấm lưng áo bạc phếch và rách rưới, nửa thân dưới ướt sũng của người đàn bà.

Từ chỗ chiếc xe tăng mà tôi đang đứng với chiếc máy ảnh, đi quá mươi bước sâu vào phía trong có một chiếc xe rà phá mìn của công binh Mĩ, chiếc xe sơn màu vàng tươi và to lớn gấp đôi một chiếc xe tăng. Hai người đi qua trước mặt tôi. Họ đi đến bên chiếc xe rà phá mìn. Người đàn bà đứng lại, ngước mắt nhìn ra ngoài mặt phá nước chỗ chiếc thuyền đậu một thoáng, rồi đưa một cánh tay lên có lẽ định gãi hay sửa lại mái tóc nhưng rồi lại buông thõng xuống, đưa cặp mắt nhìn xuống chân.

Lão đàn ông lập tức trở nên hùng hổ, mặt đỏ gay, lão rút trong người ra một chiếc thắt lưng của lính ngụy ngày xưa, có vẻ như những điều phải nói với nhau họ đã nói hết, chẳng nói chẳng rằng lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quất xuống

---

(1) Chiếc máy ảnh hiệu Pra-ti-ca.

(2) *Phá* : vùng biển ăn sâu vào đất liền.

timdapan.com

lão lại nguyền rủa bằng cái giọng rên rỉ đau đớn : "Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ !".

Người đàn bà với một vẻ cam chịu đầy nhẫn nhục, không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách chạy trốn.

Tất cả mọi việc xảy đến khiến tôi kinh ngạc đến mức, trong mấy phút đầu, tôi cứ đứng há mồm ra mà nhìn. Thế rồi chẳng biết từ bao giờ, tôi đã vứt chiếc máy ảnh xuống đất chạy nhào tới.

Bóng một đứa con nít lao qua trước mặt tôi. Tôi vừa kịp nhận ra thằng Phác – thằng bé trên rừng xuống vừa nằm ngủ với tôi từ lúc nửa đêm. Thằng bé cứ chạy một mạch, sự giận dữ căng thẳng làm nó khi chạy qua không nhìn thấy tôi. Như một viên đạn trên đường lao tới đích đã nhắm, mặc cho tôi gọi nó vẫn không hề ngoảnh lại, nó chạy tiếp một quãng ngắn giữa những chiếc xe tăng rồi lập tức nhảy xổ vào cái lão đàn ông.

Cũng y hệt người đàn bà, thằng bé của tôi cũng như một người câm, và đến lúc này tôi mới biết là nó khoẻ đến thế !

Khi tôi chạy đến nơi thì chiếc thắt lưng da đã nằm trong tay thằng bé, không biết làm thế nào nó đã giằng được chiếc thắt lưng, liền dướn thẳng người vung chiếc khoá sắt quật vào giữa khuôn ngực trần vạm vỡ cháy nắng có những đám lông đen như hắc ín, loăn xoăn từ rốn mọc ngược lên. Lão đàn ông định giằng lại chiếc thắt lưng nhưng chẳng được nữa, liền dang thẳng cánh cho thằng bé hai cái tát khiến thằng nhỏ lảo đảo ngã dúi xuống cát. Rồi lão lẳng lặng bỏ đi về phía bờ nước để trở về thuyền. Không hề quay mặt nhìn lại, chỉ có tảng lưng khum khum và vạm vỡ càng có vẻ cúi thấp hơn, nom lão như một con gấu đang đi tìm nguồn nước uống, hai bàn chân chữ bát để lại những vết chân to và sâu trên bãi cát hoang vắng.

Người đàn bà dường như lúc này mới cảm thấy đau đớn – vừa đau đớn vừa vô cùng xấu hổ, nhục nhã.

– Phác, con ơi !

Miệng mếu máo gọi, người đàn bà ngồi xệp xuống trước mặt thằng bé, ôm chầm lấy nó rồi lại buông ra, chắp tay vái lấy vái để, rồi lại ôm chầm lấy. Thằng nhỏ cho đến lúc này vẫn chẳng hề hé răng, như một viên đạn bắn vào người đàn ông và bây giờ đang xuyên qua tâm hồn người đàn bà, làm rỏ xuống những dòng nước mắt, và cái thằng nhỏ, lặng lẽ đưa mấy ngón tay khẽ sờ trên khuôn mặt người mẹ, như muốn lau đi những giọt nước mắt chứa đầy trong những nốt rỗ chằng chịt.

timdapan.com

Thế rồi bất ngờ người đàn bà buông đứa trẻ ra, đi thật nhanh ra khỏi bãi xe tăng hỏng, đuổi theo lão đàn ông. Cả hai người lại trở về chiếc thuyền.

Khoảnh khắc sau, bãi cát lại trở về với vẻ mênh mông và hoang sơ. Giữa tiếng sóng ngoài khơi dội những tiếng kêu ồ ồ vào cõi im lặng, chỉ có tôi và thằng bé đứng trơ giữa bãi xe tăng hỏng, trên tay thằng nhỏ vẫn cầm chiếc thắt lưng, hai chúng tôi đưa mắt ngơ ngác nhìn ra một quãng bờ phá vừa ban nãy chiếc thuyền đậu.

Như trong câu chuyện cổ đầy quái đản, chiếc thuyền lưới vó đã biến mất.

*

* *

(**Lược một đoạn** : *Biết Phùng chứng kiến sự tàn bạo của cha mình, thằng bé Phác đâm ra căm ghét anh. Ba hôm sau, cũng trong làn sương sớm, Phùng lại chứng kiến cảnh lão đàn ông đánh vợ, cảnh cô chị gái tước đoạt con dao găm mà đứa em trai định dùng làm vũ khí để bảo vệ người mẹ đáng thương. Không thể nén chịu hơn được nữa, Phùng xông ra buộc lão đàn ông phải chấm dứt hành động độc ác. Lão đàn ông đánh trả, Phùng bị thương, anh được đưa về trạm y tế của toà án huyện. Ở đấy anh đã nghe câu chuyện của người đàn bà hàng chài với bao sự cảm thông và ngỡ ngàng, ngạc nhiên.*)

Đây là lần thứ hai, người đàn bà được Đẩu mời đến về công việc gia đình.

Cũng không phải là lần đầu đến một nơi công sở nhưng người đàn bà vẫn có vẻ sợ sệt, lúng túng – cái vẻ lúng túng, sợ sệt mà ngay lúc mụ đứng giữa bãi xe tăng cũng không hề thấy có.

Người đàn bà chỉ quen sống giữa mặt nước vừa đặt chân vào trong gian phòng đầy bàn ghế và giấy má liền tìm đến một góc tường để ngồi.

Ngồi sau một chiếc bàn lớn, Đẩu nhổm dậy chỉ chiếc ghế mây trước mặt, cố làm ra vẻ thân mật :

– Chị ngồi lên đây, sao lại thế, hãy ngồi lên chiếc ghế này...

Đẩu phải nói đến lượt thứ hai, mụ mới dám rón rén đến ngồi ghé vào mép chiếc ghế và cố thu người lại.

Đẩu hỏi :

– Thế nào, chị đã nghĩ kĩ chưa ?

Người đàn bà ngước lên nhìn Đẩu, rồi lại cúi mặt xuống.

– Thưa đã...

timdapan.com

Đẩu gật đầu. Anh đứng dậy. Tự nhiên anh rời chiếc bàn đến đứng vịn vào lưng ghế người đàn bà ngồi, giọng trở nên đầy giận dữ, khác hẳn với giọng một vị chánh án :

– Ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng. Cả nước không có một người chồng nào như hắn. Tôi chưa hỏi tội của hắn mà tôi chỉ muốn bảo ngay với chị : Chị không sống nổi với cái lão đàn ông vũ phu ấy đâu ! Chị nghĩ thế nào ?

Người đàn bà hướng về phía Đẩu, tự nhiên chắp tay lại vái lia lịa :

– Con lạy quý toà...

– Sao, sao ?

– Quý toà bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó...

Lúc bấy giờ tôi đang ngồi giấu mặt sau bức màn vải hoa ngăn chỗ làm việc bên ngoài và phòng ngủ bên trong của Đẩu. Sau câu nói của người đàn bà, tôi cảm thấy gian phòng ngủ lồng lộng gió biển của Đẩu tự nhiên bị hút hết không khí, trở nên ngột ngạt quá. Tôi vén lá màn bước ra.

Người đàn bà nhận ra được tôi ngay. Mụ nhấp nhổm xoay mình trên chiếc ghế như bị kiến đốt, và về sau tôi mới sực nghĩ ra, mụ nghĩ rằng toà án đã bố trí sẵn tôi ngồi phía sau để chuẩn bị làm nhân chứng.

– Chị cứ ngồi nguyên đấy ! – Đẩu nói với vẻ đầy hào hứng của một con người bảo vệ công lí vừa có thêm người đến tiếp viện, anh chạy sang phòng bên xách một chiếc ghế cho tôi. Bấy giờ dưới con mắt của người đàn bà hàng chài, vị chánh án không phải là Đẩu đã trở về ngồi sau chiếc bàn lớn mà là tôi, với mấy vết thương đã lên da non nhưng vẫn để dấu vết trên mặt.

– Tuỳ bà ! – Đẩu thay đổi cách xưng hô, khoác lên mình cái cung cách bề ngoài của một vị chánh án – chủ trương nguyên tắc của chúng tôi là kêu gọi hoà thuận...

Đang ngồi cúi gục xuống, người đàn bà bỗng ngẩng lên nhìn thẳng vào chúng tôi, lần lượt từng người một, với một vẻ ban đầu hơi ngơ ngác.

– Chị cám ơn các chú ! – Người đàn bà đột nhiên thốt lên bằng một giọng khẩn thiết – Đây là chị nói thành thực, chị cám ơn các chú. Lòng các chú tốt, nhưng các chú đâu có phải là người làm ăn... cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc...

Chỉ mấy lời mào đầu ấy, người đàn bà đã mất hết cái vẻ ngoài khúm núm, sợ sệt. Điệu bộ khác, ngôn ngữ khác.

timdapan.com

Cũng phải nói thật, những lời ấy, nhất là đấy lại là lời một người đàn bà khốn khổ, không phải dễ nghe đối với chúng tôi. Dầu mặt hãy còn trẻ, Đẩu cũng là một chánh án huyện. Còn tôi, một người đáng lẽ mụ phải biết ơn...

Nhưng người đàn bà để lộ ra cái vẻ sắc sảo chỉ đến thế, chỉ vừa đủ để kích thích trí tò mò của chúng tôi. Mụ đưa cặp mắt đầy vẻ mệt mỏi nhìn ra ngoài bờ phá bên kia con đường chính của phố huyện ở đấy, thiếu nữ mặc áo tím vẫn ngồi đợi mụ trên chiếc mủng[1].

Trong phút chốc, ngồi trước mặt chúng tôi lại vẫn là một người đàn bà lúng túng, đầy sợ sệt, nhưng có vẻ thông cảm với chúng tôi hơn. Mụ bắt đầu kể :

– Từ nhỏ tuổi tôi đã là một đứa con gái xấu, lại rỗ mặt, sau một bận lên đậu mùa. Hồi bấy giờ nhà tôi còn khá giả, nhà tôi trước ở trong cái phố này. Cũng vì xấu, trong phố không ai lấy, tôi có mang với một anh con trai một nhà hàng chài giữa phá hay đến nhà tôi mua bả[2] về đan lưới. Lão chồng tôi khi ấy là một anh con trai cục tính nhưng hiền lành lắm, không bao giờ đánh đập tôi.

Người đàn bà bỗng chép miệng, con mắt như đang nhìn suốt cả đời mình :

– Giá tôi đẻ ít đi, hoặc chúng tôi sắm được một chiếc thuyền rộng hơn, từ ngày cách mạng về đã đỡ đói khổ chứ trước kia vào các vụ bắc[3], ông trời làm động biển suốt hàng tháng, cả nhà vợ chồng con cái toàn ăn cây xương rồng luộc chấm muối...

– Lão ta trước hồi bảy nhăm có đi lính nguỵ không ? – Tôi bỗng hỏi một câu như lạc đề.

– Không chú à, cũng nghèo khổ, túng quẫn đi vì trốn lính – bỗng mụ đỏ mặt – nhưng cái lỗi chính là đám đàn bà ở thuyền đẻ nhiều quá, mà thuyền lại chật.

– Vậy sao không lên bờ mà ở – Đẩu hỏi.

– Làm nhà trên đất ở một chỗ đâu có thể làm được cái nghề thuyền lưới vó ? Từ ngày cách mạng về, cách mạng đã cấp đất cho nhưng chẳng ai ở, vì không bỏ nghề được !

– Ở trên thuyền có bao giờ lão ta đánh chị không ? – Tôi hỏi.

---

(1) *Mủng* : thuyền thúng.

(2) *Bả* : sợi đan lưới.

(3) *Vụ bắc* : ở biển có hai vụ đánh cá là vụ nam (theo mùa gió nồm nam từ tháng 5 đến tháng 10) và vụ bắc (theo mùa gió đông bắc từ tháng 11 đến tháng 4) ; vụ bắc thường là mùa biển động.

timdapan.com

– Bất kể lúc nào thấy khổ quá là lão xách tôi ra đánh, cũng như đàn ông thuyền khác uống rượu... Giá mà lão uống rượu... thì tôi còn đỡ khổ... Sau này con cái lớn lên, tôi mới xin được với lão... đưa tôi lên bờ mà đánh...

– Không thể nào hiểu được, không thể nào hiểu được ! – Đẩu và tôi cùng một lúc thốt lên.

– Là bởi vì các chú không phải là đàn bà, chưa bao giờ các chú biết như thế nào là nỗi vất vả của người đàn bà trên một chiếc thuyền không có đàn ông...

– Phải, phải, bây giờ tôi đã hiểu, – bất ngờ Đẩu trút một tiếng thở dài đầy chua chát, – trên thuyền phải có một người đàn ông... dù hắn man rợ, tàn bạo ?

– Phải – Người đàn bà đáp – Cũng có khi biển động sóng gió chứ chú ?

Lát lâu sau mụ lại mới nói tiếp :

– Mong các chú cách mạng thông cảm cho, đám đàn bà hàng chài ở thuyền chúng tôi cần phải có người đàn ông để chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng đặng một sấp[1] con nhà nào cũng trên dưới chục đứa. Ông trời sinh ra người đàn bà là để đẻ con, rồi nuôi con cho đến khi khôn lớn cho nên phải gánh lấy cái khổ. Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được ! Mong các chú lượng tình cho cái sự lạc hậu. Các chú đừng bắt tôi bỏ nó ! – Lần đầu tiên trên khuôn mặt xấu xí của mụ chợt ửng sáng lên như một nụ cười – vả lại, ở trên chiếc thuyền cũng có lúc vợ chồng con cái chúng tôi sống hoà thuận, vui vẻ.

– Cả đời chị có một lúc nào thật vui không ? – Đột nhiên tôi hỏi.

– Có chứ, chú ! Vui nhất là lúc ngồi nhìn đàn con tôi chúng nó được ăn no...

Viên chánh án huyện rời chiếc bàn xếp đến phát ngốt lên những chồng hồ sơ, giấy má. Đẩu đi đi lại lại trong phòng, hai tay thọc sâu vào hai bên túi chiếc quần quân phục đã cũ. Một cái gì vừa mới vỡ ra trong đầu vị Bao Công của cái phố huyện vùng biển, lúc này trông Đẩu rất nghiêm nghị và đầy suy nghĩ.

Người đàn bà đã khóc khi nghe tôi nhắc đến thằng Phác. Nhưng tình thương con cũng như nỗi đau, cũng như cái sự thâm trầm trong việc hiểu thấu các lẽ đời hình như mụ chẳng bao giờ để lộ rõ rệt ra bề ngoài. Trong cái đám con cái đông đúc đang sống ở dưới thuyền, mụ không yêu một đứa nào bằng thằng Phác, cái thằng con từ tính khí đến mặt mũi giống như lột ra từ cái lão đàn ông đã từng hành hạ mụ, và không khéo sẽ còn hành hạ mụ cho đến khi chết – nếu không có cách mạng về.

---

(1) *Sấp* (phương ngữ Trung Bộ, Nam Bộ) : lũ, bầy, đàn.

timdapan.com

Mụ cho chúng tôi biết, vì sợ thằng bé có thể làm điều gì dại dột đối với bố nó, mụ đã phải gửi nó lên rừng nhờ bố mình nuôi đã nửa năm nay. Ở với ông ngoại, thằng bé sướng hơn ở trên thuyền với bố mẹ. Nhưng hễ rời ra là nó trốn về. Thằng bé tuyên bố với các bác ở xưởng đóng thuyền rằng nó còn có mặt ở dưới biển này thì mẹ nó không bị đánh.

Chiều hôm ấy trong khi Đẩu gặp lão đàn ông để giáo dục răn dạy lão thì tôi trở lại xưởng đóng thuyền. Vắng thằng Phác, dù sao cái bãi cát cũng như cả vùng phá nước trở nên trống trải thế nào ấy. Đêm, những đàn chim di cư vẫn vỗ cánh trong sương, bay qua vùng phá. Tôi khoác chiếc máy ảnh đi lang thang cho đến tận khuya, đã mỏi cả chân, tôi đến ngồi bên một ngọn lửa. Nhúm phoi bào bắt cháy sang mấy cái đầu mẩu gỗ cưa ra từ các lẻ ván của một chiếc thuyền mới vớt lên được, sau vụ đắm thuyền trong vụ bắc năm ngoái.

Gần sáng trời trở gió đột ngột, từng tảng mây đen xếp ngổn ngang trên mặt biển đen ngòm, và biển bắt đầu gào thét, sóng bạc đầu ngoài cửa lạch nổi cồn lên, cao như những ngọn núi tuyết trắng.

Trong phá, các thứ tàu thuyền đều tìm vào bờ để trú, duy ở giữa phá chẳng hiểu vì sao vẫn còn thấy một chiếc thuyền vó bè đang đậu.

Gió rú ào ào chung quanh chiếc xe Reo vừa mới ở trên rừng xuống, chưa dỡ gỗ xuống hết. Cái ông lão đã ngoài sáu mươi mà vẫn còn theo đuổi nghề sơn tràng đang ngồi bên bếp lửa giữa trời, vẫn đặt hai con mắt đầy vẻ lo lắng ra ngoài mặt phá, nơi có chiếc thuyền.

Cái bếp lửa cũng bị gió ném tung ra khắp bãi cát, những tàn lửa đỏ rực bay quẩn lên chung quanh chỗ tôi và ông lão ngồi. Tôi xem lại xoong cơm đã sống nhăn hộ ông lão đoạn gào lên :

– Chiều gió này không khéo bão cấp 11 rồi ?

– Ừ, ừ...! – Ông lão lẩm bẩm, vẫn không rời mắt khỏi chiếc thuyền đang chống chọi với sóng gió giữa phá.

*

* *

Những tấm ảnh tôi mang về, đã được chọn lấy một tấm. Trưởng phòng rất bằng lòng về tôi.

Không những trong bộ lịch năm ấy mà mãi mãi về sau, tấm ảnh chụp của tôi vẫn còn được treo ở nhiều nơi, nhất là trong các gia đình sành nghệ thuật. Quái lạ, tuy là ảnh đen trắng nhưng mỗi lần ngắm kĩ, tôi vẫn thấy hiện lên cái

timdapan.com

màu hồng hồng của ánh sương mai lúc bấy giờ tôi nhìn thấy từ bãi xe tăng hỏng, và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ tôi cũng thấy người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh, đó là một người đàn bà vùng biển cao lớn với những đường nét thô kệch, tấm lưng áo bạc phếch có miếng vá, nửa thân dưới ướt sũng, khuôn mặt rỗ đã nhợt trắng vì kéo lưới suốt đêm. Mụ bước những bước chậm rãi, bàn chân giậm trên mặt đất chắc chắn, hoà lẫn trong đám đông...

8 – 1983

(*Nguyễn Minh Châu, Toàn tập*, tập 3, NXB Văn học, Hà Nội, 2001)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phát hiện thứ nhất của người nghệ sĩ nhiếp ảnh đầy thơ mộng. Anh đã cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của chiếc thuyền ngoài xa trên biển sớm mờ sương ?
2. Phát hiện thứ hai của người nghệ sĩ nhiếp ảnh đầy nghịch lí. Anh đã chứng kiến và có thái độ như thế nào trước những gì diễn ra ở gia đình hàng chài ?
3. Câu chuyện của người đàn bà ở toà án huyện nói lên điều gì ?
4. Nêu cảm nghĩ về các nhân vật : người đàn bà vùng biển, lão đàn ông độc ác, chị em thằng Phác, người nghệ sĩ nhiếp ảnh.
5. Cách xây dựng cốt truyện của Nguyễn Minh Châu trong tác phẩm này có nét gì độc đáo ?
6. Ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật trong truyện có gì đáng chú ý ?

GHI NHỚ

Từ câu chuyện về một bức ảnh nghệ thuật và sự thật cuộc đời đằng sau bức ảnh, truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* mang đến một bài học đúng đắn về cách nhìn nhận cuộc sống và con người : một cách nhìn đa diện, nhiều chiều, phát hiện ra bản chất thật sau vẻ đẹp bên ngoài của hiện tượng. Cách khắc hoạ nhân vật, xây dựng cốt truyện, sử dụng ngôn ngữ rất linh hoạt, sáng tạo đã góp phần làm nổi bật chủ đề – tư tưởng của tác phẩm.

LUYỆN TẬP

Nhân vật nào trong truyện để lại cho anh (chị) ấn tượng sâu sắc nhất ? Vì sao ?

timdapan.com

THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Củng cố và nâng cao những kiến thức cơ bản về hàm ý, cách tạo hàm ý, tác dụng của hàm ý trong giao tiếp ngôn ngữ.
- Có kĩ năng lĩnh hội được hàm ý, kĩ năng nói và viết câu có hàm ý trong những ngữ cảnh cần thiết.

1. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.

Về đến nhà, A Phủ lẳng vai ném nửa con bò xuống gốc đào trước cửa. Pá Tra bước ra hỏi :

– Mất mấy con bò ?

A Phủ trả lời tự nhiên :

– Tôi về lấy súng, thế nào cũng bắn được. Con hổ này to lắm.

Pá Tra hất tay, nói :

– Quân ăn cướp làm mất bò tao. A Sử ! Đem súng đi lấy con hổ về.

(Tô Hoài, *Vợ chồng A Phủ*)

Câu hỏi :

a) Nếu căn cứ vào lời đáp của A Phủ đối với câu hỏi của Pá Tra thì :

(1) Lời đáp đó thiếu thông tin gì cần thiết đối với yêu cầu của câu hỏi ?

(2) Lời đáp đó thừa thông tin gì so với yêu cầu của câu hỏi ?

(3) Cách trả lời của A Phủ có hàm ý gì và thể hiện sự khôn khéo như thế nào ?

b) Từ sự phân tích trên, hãy nhớ lại kiến thức đã học ở Trung học cơ sở : Thế nào là hàm ý ? Căn cứ vào phương châm hội thoại đã được học ở Trung học cơ sở, thì ở đoạn trích trên, A Phủ đã chủ ý vi phạm phương châm về lượng (lượng tin) khi giao tiếp như thế nào ?

timdapan.com

2. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.

Những lúc như thế, thì một người dẫu khôn ngoan cũng không bình tĩnh được. Nhất là khi trông thấy một thằng chỉ đến vòi tiền uống rượu như Chí Phèo. Tuy vậy, cụ cũng móc sẵn năm hào. Thà móc sẵn để tống nó đi cho chóng. Nhưng móc rồi, cụ cũng phải quát một câu cho nhẹ người :

– Chí Phèo đấy hở ? Lè bè vừa vừa chứ, tôi không phải là cái kho.

Rồi ném bẹt năm hào xuống đất, cụ bảo hắn :

– Cầm lấy mà cút, đi đi cho rảnh. Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à ?

Hắn trợn mắt, chỉ vào mặt cụ :

– Tao không đến đây xin năm hào.

Thấy hắn toan làm dữ, cụ đành dịu giọng :

– Thôi, cầm lấy vậy, tôi không còn hơn.

Hắn vênh cái mặt lên, rất là kiêu ngạo :

– Tao đã bảo tao không đòi tiền.

– Giỏi ! Hôm nay mới thấy anh không đòi tiền. Thế thì anh cần gì ?

Hắn dõng dạc :

– Tao muốn làm người lương thiện.

(Nam Cao, *Chí Phèo*)

Câu hỏi :

a) Câu nói của bá Kiến "Tôi không phải là cái kho" có hàm ý gì ? Cách nói như thế có đảm bảo phương châm cách thức (cần nói rõ ràng, rành mạch) không ?

b) Ở lượt lời thứ nhất và thứ hai của bá Kiến có những câu dạng câu hỏi. Những câu đó thực hiện hành động nói gì ? Chúng có hàm ý như thế nào ?

c) Ở lượt lời thứ nhất và thứ hai của mình, Chí Phèo đều không nói hết ý. Phần hàm ý còn lại được tường minh hoá (được nói rõ) ở lượt lời nào ? Cách nói ở hai lượt lời đầu của Chí Phèo không đảm bảo phương châm về lượng và phương châm cách thức như thế nào ?

3. Đọc truyện cười sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.

VĂN HAY

Một ông đồ ngồi cặm cụi viết. Bà vợ đến bên cạnh bảo :

– Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không ?

timdapan.com

Thầy đồ lấy làm đắc chí cho là vợ khen tài văn chương của mình, ý văn dồi dào giấy khổ nhỏ không đủ chép. Nhưng thầy cũng hỏi lại :

– Bà nói vậy là thế nào ?

Bà vợ thong thả nói :

– Ông chả biết tính toán gì cả, giấy khổ to bỏ đi còn gói hàng, chứ giấy khổ nhỏ thì làm gì được.

(Theo *Truyện cười những chàng ngốc*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1993)

Câu hỏi :

a) Lượt lời thứ nhất của bà đồ có hình thức câu hỏi nhưng thực chất là thực hiện hành động nói gì (ngăn cản, khuyên, đề nghị, khen,...) ? Ở lượt lời đó, bà đồ tỏ ý "khen tài văn chương" của ông đồ hay thực chất đánh giá như thế nào về văn chương của ông ?

b) Vì sao bà đồ không nói thẳng ý mình mà chọn cách nói như trong truyện ?

4. Qua các bài tập trên, anh (chị) hãy xác định : Để nói một câu có hàm ý, người ta dùng những cách thức nào ? Chọn câu trả lời đúng và đầy đủ nhất.

A – Chủ ý vi phạm phương châm về lượng trong giao tiếp (nói thừa lượng tin cần thiết hoặc nói thiếu lượng tin so với yêu cầu của cuộc giao tiếp)

B – Chủ ý vi phạm phương châm cách thức (nói mập mờ, vòng vo, không rõ ràng, rành mạch)

C – Sử dụng các hành động nói gián tiếp

D – Tuỳ ngữ cảnh mà sử dụng một hay phối hợp các cách thức trên

timdapan.com

ĐỌC THÊM

MÙA LÁ RỤNG TRONG VƯỜN

MA VĂN KHÁNG

(Trích)

TIỂU DẪN

MA VĂN KHÁNG

Ma Văn Kháng tên khai sinh là Đinh Trọng Đoàn, sinh năm 1936, quê gốc ở phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội. Mười bốn tuổi, Ma Văn Kháng tham gia tổ chức thiếu sinh quân, rồi được cử đi học ở Khu học xá Việt Nam tại Trung Quốc. Năm 1964, sau khi tốt nghiệp Đại học Sư phạm, ông lên dạy học ở tỉnh Lào Cai và bắt đầu viết văn. Lấy bút danh Ma Văn Kháng chính là cách để ông ghi nhớ những kỉ niệm không thể nào quên về một thời tuổi trẻ đầy nhiệt huyết, không ngại gian khó, lăn lộn với công việc dạy học nơi bản làng, và bày tỏ niềm tri ân sâu nặng của mình đối với đồng bào các dân tộc vùng cao, nơi ông đã gắn bó hơn mười năm trời. Năm 1976 ông chuyển về công tác tại Hà Nội, làm Phó Giám đốc – Tổng biên tập Nhà xuất bản Lao động, Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng biên tập tạp chí *Văn học nước ngoài*,... Với những đóng góp tích cực cho sự vận động và phát triển nhiều mặt của văn học nghệ thuật, Ma Văn Kháng được tặng Giải thưởng Văn học ASEAN năm 1998 và Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2012.

Tác phẩm chính : *Đồng bạc trắng hoa xoè* (tiểu thuyết, 1979), *Vùng biên ải* (tiểu thuyết, 1983), *Mùa lá rụng trong vườn* (tiểu thuyết, 1985), *Ngày đẹp trời* (tập truyện ngắn, 1986), *Đám cưới không có giấy giá thú* (tiểu thuyết, 1989), *Trăng soi sân nhỏ* (tập truyện ngắn, 1994), *Một chiều dông gió* (tập truyện ngắn, 1998),...

Mùa lá rụng trong vườn là cuốn tiểu thuyết được tặng Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1986. Tác phẩm thể hiện sự quan sát và cảm nhận tinh nhạy của nhà văn về những biến động, những đổi thay trong tư tưởng và tâm lí của con người Việt Nam giai đoạn xã hội chuyển mình xoá bỏ dần mô hình kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường với những rạn vỡ tất yếu theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực trong quan niệm sống, cách sống và cách lựa chọn các giá trị. Chuyện xảy ra ngay trong chính gia đình ông Bằng, một gia đình được coi là nền nếp, luôn giữ gìn gia pháp và gia phong, nay trở nên chao đảo trước những cơn địa chấn tinh thần từ bên ngoài. Nhà văn bày tỏ niềm lo lắng sâu sắc cho các giá trị truyền thống trước những đổi thay của thời cuộc.

Văn bản dưới đây trích từ chương 2 của tiểu thuyết *Mùa lá rụng trong vườn*.

timdapan.com

VĂN BẢN

Cầu được, ước thấy. Người phụ nữ mà Lí và Phượng cùng ao ước hiện ra, thật như đã hiện ra ngay trước cổng nhà, vào đúng lúc cả nhà đang tíu tít vào buổi cúng tất niên chiều ba mươi Tết.

Nghe tiếng chuông điện, Phượng chạy ra cửa. Trước hai cánh cổng sắt là một phụ nữ nông thôn trạc năm mươi, người thon gọn trong cái áo bông chần hạt lựu[1]. Chiếc khăn len nâu thắt ôm một khuôn mặt rộng có cặp mắt hai mí đằm thắm và cái miệng tươi. Người phụ nữ đeo một cái tay nải[2] nặng, dáng vừa đi bộ từ ga xe lửa về, không có cái vẻ ngác ngơ lạ lẫm, nhưng hai con mắt đậm nỗi bồi hồi.

Phượng kéo cánh cửa sắt, dè dặt :

– Bác... bác hỏi ai ạ ? A, có phải bác là... là chị Hoài không ạ ?

– Cô Phượng đấy như ?

Phượng quay ngoắt về sau, reo to :

– Chị Hoài ! Chị Hoài lên, anh Đông, chị Lí, anh Luận ơi !

Sự việc diễn ra quá ư đột ngột ! Đông, Lí, Luận hấp tấp từ phòng khách ùa ra vệt đường lát xi măng đi qua vườn cây ra cổng, nhìn thấy chị Hoài thật rồi mà vẫn còn ngơ ngơ ngác ngác, nửa tin nửa ngờ. Chị Hoài lên ! Lên đúng chiều ba mươi Tết ! Thật ngoài sức tưởng tượng ! Trong tâm ức vẫn là có hình bóng chị Hoài. Chị Hoài, vợ anh cả Tường liệt sĩ. Chị Hoài, dâu trưởng, nết na, thuỳ mị. Trong tiềm thức vẫn sống động một chị Hoài đẹp người, đẹp nết. Nhưng bây giờ chị Hoài đã có một gia đình riêng với những quan hệ riêng, lo toan riêng, nên vẫn nhớ, vẫn quý, vẫn yêu chị đấy, mà lại không dám, không nỡ níu kéo chị về mình. Quan hệ của chị ở gia đình này đã thuộc về quá khứ. Kỉ niệm của chị ở đây đẹp nhưng buồn. Chị có quyền quên mà không ai được trách cứ.

Phượng sôi nổi, nồng hậu :

– Em mừng quá, chị Hoài ơi. Để em xách tay nải cho.

Lí ôm chầm người phụ nữ đã một thời là dâu trưởng, nức nở :

– Đúng là có linh tính nhé. Chị xem lời em nói có thiêng không ? Em vừa nói : Ước gì chị Hoài hiện ra bây giờ nhỉ.

---

(1) Áo bông may bằng những đường chỉ đan chéo nhau tạo ra các ô nhỏ hình hạt lựu trên mặt vải.

(2) *Tay nải* (có nơi gọi là *tay đẫy*) : túi vải khoác vai, dùng đựng đồ mang đi đường.

timdapan.com

– Hơn chục năm nay chị Hoài chưa lên Hà Nội rồi đấy. – Luận nói.

– Làm gì ! Đám cưới chú và cô Phượng chị còn lên dự cơ mà. Mới có chín năm thôi. Bận quá. Nhà nông chẳng bao giờ hết việc. Ông đâu ?

Luận ra vẻ thành thạo :

– Tháng này đã cấy đâu chị ? Ông ở trên nhà, có lẽ sắp xuống đấy.

– Dưng mà còn rỡ[1] khoai tây. Còn họp Đại hội. Định đi từ sớm kia, mà công kia việc nọ cứ dồn tới.

– Cứ vứt toạch công việc một chỗ đã, chị ạ – Lí chêm, hai mắt tít lại – Đời người chỉ những lo cùng lo có chết !

– Ông có khoẻ không, hai cô ?

– Ông không khoẻ lắm, chị ạ – Phượng đáp, chưa hết mừng rỡ – Gặp chị ở ngoài đường không chắc em đã nhận ra được đâu. Hôm cưới em, chị mặc áo vét như cán bộ kia.

Luận đi cạnh chị Hoài, nghiêng nghiêng đầu :

– Thì chị vẫn là chủ nhiệm chứ, chị Hoài ?

Người phụ nữ cười :

– Vẫn, nhưng tôi chuyển sang làm chủ nhiệm hợp tác xã đan dệt thảm ngô rồi. Đấy, cái bãi soi[2] hồi chú về chơi, đi thuyền ra, xem chọi trâu ấy, giờ bạt ngàn là ngô. À, cô Phượng chuyển được công tác về dưới này rồi nhỉ. Thôi thế cũng mừng. Rồi lo cho bà, cho cháu về dần cô ạ.

Phượng nắm tay chị Hoài :

– Sao chị biết em chuyển công tác về dưới này ?

– Ông viết thư cho tôi. Ông kể hết. Cả chuyện cậu Cừ. Thế nên tôi mới sốt ruột, phải lên ngay. Tôi sợ ông buồn.

Đưa mắt nhìn Phượng, Luận nhận ra Phượng buột khỏi tay chị Hoài. Phượng cúi mắt chớp chớp vì một cảm kích bất ngờ. Người phụ nữ tưởng đã cắt hết mối dây liên hệ với gia đình này, vẫn giao cảm, vẫn chia sẻ buồn vui và cùng tham dự cuộc sống của gia đình này. Luận đi tụt lại phía sau cùng Phượng, anh muốn gần gũi Phượng trong mối đồng cảm này. Phía trước, Lí kéo tay chị Hoài, vui vẻ quá mức, cùng Đông đưa chị vào phòng khách.

---

(1) *Rỡ* (cách phát âm của một số vùng) : dỡ.

(2) *Bãi soi* : bãi phù sa nổi lên ở giữa sông.

timdapan.com

Trong phòng khách đã bày cỗ cúng, Đông súc ấm, pha trà. Lí sà xuống tay nải cùng chị Hoài.

– Chẳng mang được cái gì lên đâu – Chị Hoài xởi lởi – Cái Ngoan, thằng Tung cứ nhét vào, rồi giục : Mẹ đi đi, không ông buồn, các chú, các cô mong ! Đây là gạo nếp tăng sản[1] của nhà. Cái giò thủ anh ấy gói đây, ông thích ăn giò thủ lắm đấy, cô Lí ạ. Còn bọc này là sắn dây. Trẻ con nó giã, nó rây đấy. À, cái giống mướp hương này thơm ngon mà to quả lắm. Cô Phượng cất đi mà gieo. Gieo đêm nay là tốt nhất đấy. Ở nhà, trồng bờ ao, có quả hai cân bảy kia. Ờ, cho nó leo bờ tường. À, ông thợ mộc còn đấy không ? Mấy con rồi ? Chú Đông tóc bạc nhưng vẫn khoẻ nhỉ ! Cháu Dư có hay gửi thư về không ? Cô Lí trông không nhận ra được nữa. Trẻ như gái mười tám ấy !

Lí tít mắt, hai má hây hây :

– Ông Đông sắp thành ông Di Lặc rồi, chị ạ. Còn em... bệnh đấy chị ơi...

Cầu thang có tiếng ba toong[2] chống lịch kịch. Phượng và Luận chạy ra chân cầu thang.

Ông Bằng đã xuống hết bậc. Đã đến lúc phải xuống để cúng, cũng là lúc ông nghe thấy xôn xao tin chị Hoài lên. Ông cố đi cho ngay ngắn. Trông ông cao, gầy hơn mọi ngày, nhưng trang trọng, chỉnh tề hơn, mặc dầu vẫn là bộ com lê đen, kẻ sọc mờ, cài khuy chéo. Có lẽ do gương mặt ông ánh lên cái cảm xúc của con người trước ngưỡng cửa của năm mới, do con mắt đã qua khỏi căn bệnh, sáng dậy, át đi vẻ già nua, tàn lụi và nỗi ưu tư còn ghi vết ở trên trán, và nếp da xệ ở hai bên cằm.

Ông sững lại khi nhìn thấy Hoài, mặt thoáng một chút ngơ ngẩn. Rồi mắt ông chớp liên hồi, môi ông lật bật không thành tiếng, có cảm giác ông sắp khóc oà.

Hoài gần như không chủ động được mình, chị lao về phía ông Bằng, quên cả đôi dép, đôi chân to bản, gót nứt nẻ thâm đen, giẫm trên nền đá lạnh, kịp hãm lại khi còn cách ông già hai hàng gạch hoa.

– Ông !

Người phụ nữ thốt lên một tiếng như tiếng nấc. Và giọng ông Bằng bỗng khê đặc, khàn rè :

– Hoài đấy ư, con ?

---

(1) *Tăng sản* : tăng sản lượng nhờ áp dụng biện pháp kĩ thuật và chăm sóc.

(2) *Ba toong* (phiên âm tiếng Pháp : *baton*) : gậy chống.

timdapan.com

Phượng quay mặt đi, mắt ngấn lệ không nỡ nhìn cảnh gặp gỡ, không nỡ thấy đôi gót chân nứt nẻ của chị Hoài, ngực dội lên những cơn sóng nghẹn ngào và hai cánh mũi se se cay. Cảnh gặp gỡ vui mừng nhiễm một nỗi tiếc thương, đau buồn, ê nhức cả tim gan.

Ông Bằng nén xúc động, rút khăn tay, chấm kẽ mắt :

– Anh ấy và các cháu vẫn khoẻ cả chứ, con ?

– Thưa ông, bốn cháu của con nhờ trời vẫn khoẻ mạnh cả. Cháu đầu đi bộ đội đóng ở biên giới Hà Tuyên[1], vừa rồi hết nghĩa vụ, về xã tham gia sản xuất. Cháu thứ hai học lớp mười. Cháu gái thứ ba học lớp tám. Cháu trai út học lớp sáu. Nhà con, cảm ơn ông, vẫn được bình thường. Anh ấy giờ tham gia Uỷ ban xã. Lẽ ra, anh ấy thu xếp công việc được cũng lên kính thăm ông dịp này. Cả các cháu nữa, bốn đứa, đứa nào cũng đòi đi. Nhất là thằng lớn, nó cứ bảo mấy lần nó qua Hà Nội mà chưa được vào nhà thăm ông, lần này rỗi rãi nó phải đi...

Câu chuyện của người phụ nữ nông thôn có cái vẻ kề cà đã đưa cuộc gặp gỡ ra khỏi những chấn động tình cảm bất thường. Và Lí đã hí húi xếp xong mâm cúng, nhảy từ cái ghế đẩu xuống, xoa xoa hai bàn tay rất ý tứ trước ông Bằng :

– Ông ạ, con đề nghị thế này, hàn huyên còn nhiều chuyện, để lát nữa tha hồ. Giờ, mời ông lại khấn cho lễ cúng gia tiên bắt đầu ạ.

Mọi người dạt ra, để trống một khoảng rộng trước bàn thờ.

Ông Bằng soát lại hàng khuy áo, chỉnh lại cái cà vạt, ho khan một tiếng, dịch chân lại trước mặt bàn thờ.

Hương cháy, uốn cong một đoạn tàn, bốc toả một làn khói ảo mờ. Hai cái bánh chưng bọc lá xanh tươi, buộc lạt điều, xếp cạnh mâm ngũ quả và những chén rượu xinh xắn đặt rải hàng ngang trước bệ thờ. Ngọn đèn dầu lim dim in cái chấm vàng vào dãy khung ảnh đặt sát tường. Ảnh song thân ở chính giữa ; bên trái, ảnh bà Bằng mặt hoa da phấn, tóc vấn khăn nhung, phía phải, ảnh anh cả Tường áo trấn thủ ô quả trám, mũ ca lô nghiêng, nét đã phôi pha.

Ngước mái đầu hói, diềm tóc lơ thơ đã bạc hết, ông Bằng chắp hai tay trước ngực. Khói hương và khung cảnh trầm tĩnh đưa hiện tại về quá khứ.

---

(1) Nay là Hà Giang và Tuyên Quang.

timdapan.com

Thoáng cái, ông Bằng như quên hết xung quanh và bản thể[1]. Dâng lên trong ông cái cảm xúc thiêng liêng rất đỗi quen thân và tâm trí ông bỗng mờ nhoà, phiêu diêu lãng đãng gần xa, ẩn hiện tầng tầng lớp lớp những ảnh hình khi tỏ khi mờ, chập chờn như trong chiêm bao. Thưa thầy mẹ đã cách trở ngàn trùng mà vẫn hằng sống cùng con cháu. Con vẫn văng vẳng nghe đâu đây lời giáo huấn[2] ông cha, tiên tổ. Con vẫn đinh ninh ghi khắc công ơn sinh thành dưỡng dục[3] của thầy mẹ, gia tộc, ông bà, cha mẹ, tổ tiên, con như thấy từ trong tâm linh, huyết mạch sự sinh sôi nảy nở, phúc thọ an khang[4] của cháu con đời đời nối tiếp trong cộng đồng dân tộc yêu thương. Và em, cùng con trai cả của ba mẹ. Em cùng con đã mất và vẫn hằng sống, hằng vui buồn, chia sẻ, đỡ nâng, dắt dìu tôi cùng các cháu, các con, các em...

Trong giây lát, nhập vào dòng xúc động tri ân[5] tiên tổ và những người đã khuất, ông Bằng lâng lâng trong những hoài niệm hư ảo, thoát trần. Nhưng, ông chỉ ở trong dòng tình cảm trôi lững lờ đó trong giây phút. Quá khứ không cắt rời với hiện tại. Tổ tiên không tách rời với con cháu. Tất cả liên kết một mạch bền chặt thuỷ chung. Bởi vậy, ông lại trở về với những ngày đang sống, với những người đang sống. Mắt ông bỗng cay sè. Lòng ông lại bồn ngộn. Và ông vội cúi xuống, bật trên đôi môi những lời cầu khấn thành kính và run rẩy :

– Hôm nay ngày ba mươi tháng chạp năm Bính Tuất, buổi tất niên, con cùng các nam tử, nữ tử, tôn tử[6]...

Rõi[7] theo lời cha, Luận bỗng bấm tay Đông. Mặt Luận biến sắc. Rõ ràng là khi kể tên các con trai, ông cụ đã gạt tên thằng Cừ. Lí ngọ nguậy không yên, lát sau, ghé tai chị Hoài, hí hửng : "Chị ơi, em biết khấn đúng bài kinh nhà Phật cơ".

Mắt chị Hoài đăm đắm ngước lên bàn thờ. Và khi ông Bằng vừa buông tay chắp, rút mùi xoa lau mắt, lui ra, chị liền thế chân ông cụ, hai tay nâng lên trước ngực.

*

* *

---

(1) *Bản thể* (khái niệm triết học) : những vấn đề cơ bản về sự tồn tại và bản chất con người ; ở đây dùng theo nghĩa : bản thân mình.

(2) *Giáo huấn* : dạy bảo điều hay lẽ phải.

(3) *Dưỡng dục* (cách nói cũ) : nuôi nấng và dạy dỗ.

(4) *Phúc thọ an khang* : *phúc* : tốt lành ; *thọ* : sống lâu ; *an* : yên bình ; *khang* : khoẻ mạnh.

(5) *Tri ân* : biết ơn.

(6) *Nam tử* : các con trai ; *nữ tử* : các con gái ; *tôn tử* : các cháu.

(7) *Rõi* (cách phát âm của một số vùng) : dõi.

timdapan.com

Thật là một mâm cỗ quá ư thịnh soạn vào cái thời buổi đất nước còn rất nhiều khó khăn sau hơn ba mươi năm chiến tranh và so với đồng lương có hạn của cán bộ, công nhân, viên chức lúc này.

Tràn trề trên mặt bàn, chạm cả vào cành quất Lí cố tình để sát vào mâm cỗ cho bữa ăn thêm đẹp, thêm sang, là la liệt bát đĩa ngồn ngộn các món ăn. Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò... – món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến – là các món khác thường như gà quay ướp húng lìu, vịt tần hạt sen, chả chìa, mọc, vây...

Đặc sắc nhất, mà có lẽ Lí muốn bộc lộ khiếu năng, cùng tấm lòng mình nhiều nhất ở đó, là các món vịt tần, vây và mọc, nhất là món mọc. Chị đã rất tỉ mỉ, và kĩ tính hết sức khi chế biến món này. Miếng thăn được chọn lựa, giã thật nhuyễn nhừ thay cho giò sống, được chính tay chị trộn với mộc nhĩ, nấm hương, rồi nặn thành từng viên tròn trĩnh. Nồi nước dùng đảm bảo phải trong veo. Và chính tay chị vớt, chia đều ra các bát nhỏ.

Mọi người vào mâm, hân hoan khác thường.

(*Mùa lá rụng trong vườn*,
NXB Phụ nữ, Hà Nội, 1985)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Nhân vật chị Hoài trong tác phẩm để lại cho anh (chị) ấn tượng gì ? Vì sao mọi người trong gia đình, với những tính cách khác nhau, nhưng tất cả đều yêu quý chị Hoài ?
2. Phân tích diễn biến tâm lí hai nhân vật ông Bằng và chị Hoài trong cảnh gặp lại trước giờ cúng tất niên. Sự xúc động sâu sắc của hai người có ý nghĩa gì ?
3. Khung cảnh Tết và dòng tâm tư cùng với lời khấn của ông Bằng trước bàn thờ gợi cho anh (chị) cảm xúc và suy nghĩ gì về truyền thống văn hoá riêng của dân tộc ta ?

timdapan.com

ĐỌC THÊM

MỘT NGƯỜI HÀ NỘI

NGUYỄN KHẢI

TIỂU DẪN

NGUYỄN KHẢI

Nguyễn Khải (1930 – 2008) tên khai sinh là Nguyễn Mạnh Khải, sinh tại Hà Nội nhưng sống ở nhiều nơi. Năm 1947 ông gia nhập tự vệ chiến đấu ở thị xã Hưng Yên, sau đó vào bộ đội, làm y tá rồi làm báo. Năm 1951 ông làm công tác tuyên huấn ở Phòng chính trị Quân khu III. Năm 1952 ông làm Thư kí toà soạn báo *Chiến sĩ* Quân khu III. Từ năm 1956 ông công tác ở toà soạn tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, là Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam. Sau năm 1975, ông chuyển vào sinh sống, công tác tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Khải bắt đầu viết văn từ năm 1950. Năm 1951 ông được tặng giải khuyến khích về văn xuôi trong cuộc thi văn nghệ 1951 – 1952 với truyện *Xây dựng*, và bắt đầu được chú ý từ tiểu thuyết *Xung đột* (phần I – 1959, phần II – 1962). Nguyễn Khải có nhiều tác phẩm viết về nông thôn trong quá trình xây dựng cuộc sống mới : *Mùa lạc* (tập truyện ngắn, 1960), *Một chặng đường* (truyện dài, 1962), *Tầm nhìn xa* (truyện, 1963), *Người trở về* (tập truyện vừa, 1964), *Chủ tịch huyện* (truyện, 1972) ; về bộ đội trong những năm chiến tranh chống Mĩ : *Họ sống và chiến đấu* (kí sự, 1966), *Hoà Vang* (bút kí, 1967), *Đường trong mây* (tiểu thuyết, 1970), *Ra đảo* (tiểu thuyết, 1970), *Chiến sĩ* (tiểu thuyết, 1973), *Tháng ba ở Tây Nguyên* (kí sự, 1976). Từ sau năm 1975, sáng tác của ông đề cập đến nhiều vấn đề xã hội – chính trị có tính thời sự và đặc biệt quan tâm đến tính cách, tư tưởng, tinh thần của con người hiện nay trước những biến động phức tạp của đời sống – tiêu biểu là các tiểu thuyết : *Cha và con, và...* (1979), *Gặp gỡ cuối năm* (1982), *Thời gian của người* (1985), và các tập truyện ngắn : *Một người Hà Nội* (1990), *Một thời gió bụi* (1993), *Hà Nội trong mắt tôi* (1995), *Sống ở đời* (2002),... Năm 2000 ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Truyện ngắn *Một người Hà Nội* phát hiện vẻ đẹp trong chiều sâu tâm hồn, tính cách con người Việt Nam qua bao biến động, thăng trầm của đất nước. Văn bản dưới đây có lược một số đoạn.

timdapan.com

VĂN BẢN

1

Chúng tôi gọi là cô, cô Hiền, là chị em đôi con dì ruột với mẹ già tôi. Năm 1955, tôi từ kháng chiến trở về một Hà Nội nhỏ hơn trước, vắng hơn trước, còn họ hàng chỉ còn lại có dăm gia đình vì chồng và con đều đi theo cách mạng. Cô Hiền cũng ở lại, dầu cô chú vẫn sống ở Hà Nội suốt chín năm đánh Pháp, các con lại còn nhỏ, chả có dính líu gì đến chính phủ "ngoài kia" cả. Họ ở lại chỉ vì không thể rời xa Hà Nội, không thể sinh cơ lập nghiệp ở một vùng đất khác. Lại thêm, chú tôi làm nghề giáo học, một ông giáo dạy cấp Tiểu học, là người cần thiết của mọi chế độ, chế độ cộng sản cũng phải khuyến khích trẻ con đi học, học văn hoá và học làm người. Còn chính trị, chính em là những lứa tuổi trên, học sinh tú tài và sinh viên đại học. Tính thế là đúng, nhưng tôi vẫn lo, thật ra không có gì đáng để phải lo nhưng tôi vẫn nghi ngại gia đình này rất khó gắn bó với chế độ mới và chế độ mới cũng không thể tin cậy được ở họ. Là vì họ ở rộng quá, một toà nhà toạ lạc ngay tại một đường phố lớn, hướng nhà nhìn thẳng ra cây si cổ thụ và hậu cung của đền Ngọc Sơn. Với người vô sản, ở quá rộng là một cái tội, trong khi cán bộ và gia đình họ phải ở chen chúc trong những khu nhà tập thể, có khi phải ở ngay dưới gầm cầu thang của một nhà bạn bè. Cái mặc cũng sang trọng quá. Mùa đông ông mặc áo ba-đờ-xuy[1], đi giày da, bà mặc áo măng-tô cổ lông, đi giày nhung đính hạt cườm. Lại cái ăn nữa cũng không giống với số đông. Bàn ăn trải khăn trắng, giữa bàn có một lọ hoa nhỏ, bát úp trên đĩa, đũa bọc trong giấy bản và từng người ngồi đúng chỗ đã quy định. Gia đình tôi thì ăn uống bình dân hơn, vợ chồng con cái ngồi xúm xít quanh cái mâm nhôm, thức ăn có khi múc ra bát ra đĩa, có khi cứ để nguyên trong nồi, nồi lớn đặt giữa mâm, nồi nhỏ đặt cạnh mâm, cứ việc sục muôi vào, sục đũa vào, vừa ăn vừa quát con mắng cái, nhồm nhoàm, hả hê, không cần phải khuôn bó theo một quy tắc nào cả. Ăn cốt để sống, để làm việc, hay hớm gì cái thứ lễ nghi rườm rà của... giai cấp tư sản. Tôi không dám thốt ra miệng nhưng vợ chồng vẫn bảo riêng nhau : "Cô Hiền đích thị là tư sản rồi. Đã là tư sản thì không thể tin cậy được. Việc mình mình biết, việc cô mặc cô, dính líu nhiều có ngày lại rắc rối.".

---

(1) Áo khoác dài kiểu Âu, bằng len, dạ, dùng cho đàn ông mặc ngoài về mùa rét.

timdapan.com

(**Lược đoạn 2** : *Cô Hiền xuất thân trong một gia đình giàu có lương thiện : mẹ buôn nước mắm, bố đỗ tú tài, mê văn thơ, dạy con cái theo khuôn phép nhà quan. Cô Hiền xinh đẹp, thông minh, được gia đình cho phép mở phòng tiếp khách văn chương, gọi là xa lông văn học.*)

3

Được sống năm đầu ở Hà Nội vừa giải phóng, với lứa tuổi chúng tôi ngày ấy mới hăm bốn hăm nhăm cái xuân xanh, là cực kì khoan khoái. Chín năm xa phố phường, xa ánh điện, không được vào rạp xem chiếu bóng hoặc cải lương, không được vào một cái chợ đông người giữa ban ngày, bây giờ mỗi ngày đều ở Hà Nội, mỗi đêm đều ở Hà Nội, mãi mãi còn ở Hà Nội. Chúng tôi thì vui thế, tại sao những người vốn sống ở Hà Nội chưa thật vui nhỉ ? Họ đang tìm cách thích ứng với chế độ mới, cách sống, cách làm việc, cả cách nói năng nữa. Một lần tôi đến thăm cô chú, thằng em trai đã mười bốn, mười lăm tuổi chạy ra mở cửa kêu ầm lên : "Mẹ ơi ! Đồng chí Khải đến !". Cô tôi cau mặt gắt : "Phải gọi là anh Khải, hiểu chưa ?". Bất đồ chú tôi cũng bước tới, nắm tay tôi rồi hỏi hồn nhiên : "Tại sao chủ nhật trước đồng chí không ra chơi, cả nhà chờ cơm mãi". Cô tôi thở dài, quay người đi. Tôi nói : "Nước được độc lập vui quá cô nhỉ ?". Cô trả lời : "Vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều, phải nghĩ đến làm ăn chứ ?". Theo cô, Chính phủ can thiệp vào nhiều việc của dân quá, nào phải tập thể dục mỗi sáng, phải sinh hoạt văn nghệ mỗi tối, vợ chồng phải sống ra sao, trai gái phải yêu nhau như thế nào, thậm chí cả tiền công sá cho kẻ ăn người ở. Về sau tổ dân phố lại vận động nhau không nên nuôi người ở. Nhà này trước đây có hai người ở, một anh bếp và một chị vú[1]. Chị vú là vợ anh bếp, đẻ được đứa con nào lại đưa về quê cho bà ngoại nuôi. Sau ngày giải phóng, cô tôi cho anh bếp về quê làm ruộng, còn chị vú vẫn ở lại, vì chủ tớ còn cần dựa vào nhau. Mỗi ngày chị đi chợ, đều có cán bộ bám theo, dò hỏi : "Chị có bị nhà chủ hành hạ không ? Tiền công có được trả đều đặn không ? Thái độ chính trị của họ là như thế nào ?". Chị vú gắt ầm lên : "Nếu họ không tử tế thì tôi đã xéo từ lâu rồi không khiến anh phải xui". Chị ta kể lại chuyện đó cho cả nhà nghe, bình luận : "Cách mạng gì toàn để ý đến những chuyện lặt vặt". Bây giờ thì chị vú đã mất rồi, về quê được bốn năm thì mất. Chị trông con cho bà cô tôi từ năm mười chín tuổi, đến năm bốn lăm tuổi mới về quê, tình nghĩa như người trong họ. Anh chồng không lấy vợ khác vì các con đã trưởng thành, anh làm chủ nhiệm một

(1) Những người đi ở (trong xã hội cũ), người nấu ăn, người nuôi con chủ,...

timdapan.com

cửa hàng mua bán của xã, ngày giỗ ông chú và ngày Tết đều đem gạo, đậu xanh, miến và rượu, toàn của nhà làm cả, lên biếu cô và các em.

4

Trong lí lịch cán bộ tôi không ghi tên cô Hiền. Họ thì xa, bắn súng đại bác chưa chắc đã tới, huống hồ còn là bà tư sản, dính líu vào lại thêm phiền. Tôi vẫn đinh ninh cô phải thuộc giai cấp tư sản vì cô có gương mặt đặc biệt là tư sản, càng già lại càng rõ. Tôi hỏi cô :

– Tại sao cô không phải học tập cải tạo, cô giấu cũng tài nhỉ ?

Cô Hiền cười rất tươi :

– Tao chưa đủ tiêu chuẩn.

Tôi cũng cười :

– Lại còn chưa đủ.

Cô nói thản nhiên :

– Tao có bộ mặt rất tư sản, một cách sống rất tư sản, nhưng lại không bóc lột ai cả thì làm sao thành tư sản được.

Tôi nín lặng vì đó là sự thật. Cửa hàng của cô chỉ bán có một thứ : hoa giấy, các loại hoa giấy và các lẵng hoa đan bằng tre, thêm ít bưu ảnh và sổ tay kỉ niệm. Hoa làm rất đẹp, bán rất đắt, nhưng chịu thuế rất nhẹ, chỉ có một mình cô làm, các con thì chạy mua vật liệu, hoặc làm giúp phần cuống lá vào dịp Tết ta và Tết tây. Nhiều bà bạn cũng tỏ ý ngờ vực : "Trông bà như tư sản mà không bị học tập cũng lạ nhỉ ?". Cô tôi trả lời thật nhẹ nhàng : "Các bà không biết nhưng nhà nước lại rất biết". Tất nhiên là cô khôn hơn các bà bạn của cô và cũng thức thời hơn ông chồng. Sau ngày Hà Nội giải phóng cô vẫn có hai dinh cơ, một nhà đang ở và một nhà ở Hàng Bún cho thuê. Ông làm nghề dạy học, con đông, đủ ăn là may, có tiền dư để tậu nhà là do ông viết sách giáo khoa cấp Tiểu học, được Nha Học chính[1] công nhận và cho in bán. Năm 1956, cô bán ngôi nhà ở Hàng Bún cho một người bạn mới ở kháng chiến về. Một năm sau, có một cán bộ tới hỏi về nhà cửa và có nhắc tới ngôi nhà ở Hàng Bún. Cô trả lời tỉnh khô : "Xin mời anh tới ngôi nhà anh vừa nói, hỏi thẳng nhà chủ xem họ trả lời ra sao. Nếu còn thắc mắc xin mời anh trở lại.".

---

(1) *Nha Học chính* : cơ quan Trung ương về giáo dục, như Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện nay.

timdapan.com

Cũng trong năm 1956, ông chú tôi muốn mua một máy in nhỏ để kinh doanh trong ngành in vì chế độ mới không cho phép ông mở trường tư thục. Bà vợ hỏi lại : "Ông có đứng máy được không ?". Ông chồng trả lời : "Không", "Ông có sắp chữ được không ?", "Không", "Ông sẽ phải thuê thợ chứ gì. Đã có thợ tất có chủ, ông muốn làm một ông chủ dưới chế độ này à ?". Ông chồng tính vốn nhát, rút lui ngay [...].

5

Cô Hiền bên ngoại, chị Đại[1] bên nội là những người đàn bà có đầu óc rất thực tế. Mọi sự mọi việc đều được các bà ấy tính toán trước cả. Và luôn luôn tính đúng vì không có lòng tự ái, sự ganh đua, thói thời thượng chen vô. Không có cả sự lãng mạn hay mơ mộng vớ vẩn. Đã tính là làm, đã làm là không thèm để ý đến những đàm tiếu của thiên hạ. Cô tuyên bố thẳng thừng với tôi : "Một đời tao chưa từng bị ai cám dỗ, kể cả chế độ". Gần ba chục tuổi cô mới đi lấy chồng, không lấy một ông quan nào hết, cũng chả hứa hẹn gì với đám nghệ sĩ văn nhân, đùa vui một thời son trẻ thế là đủ, bây giờ phải làm vợ, làm mẹ, cô chọn bạn trăm năm là một ông giáo cấp Tiểu học hiền lành, chăm chỉ, khiến cả Hà Nội phải kinh ngạc. Có gì mà kinh ngạc, cô đã tính trước cả. Sau khi sinh đứa con gái út, người con thứ năm, cô nói với chồng : "Từ nay là chấm dứt chuyện sinh đẻ, bốn mươi tuổi rồi, nếu ông và tôi sống đến sáu chục thì con út đã hai mươi, có thể tự lập được, khỏi phải sống bám vào các anh chị.". Là thôi hẳn. Cô bảo tôi : "Mày bắt nạt vợ mày quá, không để nó tự quyết định bất cứ việc gì, vậy là hỏng. Người đàn bà không là nội tướng[2] thì cái gia đình ấy cũng chả ra sao.". Khi các con còn nhỏ, ngồi vào bàn ăn cô thường chú ý sửa chữa cách ngồi, cách cầm bát cầm đũa, cách múc canh, cả cách nói chuyện trong bữa ăn. Cô vẫn răn lũ con tôi : "Chúng mày là người Hà Nội thì cách đi đứng nói năng phải có chuẩn, không được sống tuỳ tiện, buông tuồng.". Có lần tôi cãi : "Chúng tôi là người của thời loạn, các cụ lại bắt dạy con cái theo thời bình là khó lắm.". Cô ngồi ngẩn ra một lúc, rồi bảo : "Tao chỉ dạy chúng nó biết tự trọng, biết xấu hổ, còn sau này muốn ra sao là tuỳ.".

---

(1) *Chị Đại* : một người phụ nữ Hà Nội thông minh, sắc sảo – nhân vật trong truyện *Nắng chiều* của Nguyễn Khải.

(2) *Nội tướng* : chỉ người vợ – hàm ý đề cao người quản lí mọi việc trong gia đình.

timdapan.com

Đầu năm 1965, Hà Nội có đợt tuyển quân vào chiến đấu trong Nam, là đợt đầu tiên nên tuyển chọn rất kĩ càng, lứa tuổi từ mười tám đến hai lăm, diễn viên cải lương và kịch nói có, nhạc sĩ có, hoạ sĩ có, giáo viên trung học rất đông, là những chàng trai ưu tú của Hà Nội. Nghe nói khoảng sáu trăm sáu mươi người. Người con trai đầu của cô Hiền vừa tốt nghiệp trung học, tình nguyện đăng kí xin đi đánh Mĩ. Tháng 4 năm 1965, lên Thái Nguyên huấn luyện. Tháng 7 rời Thái Nguyên vào Nam. Họ có dừng lại Hà Nội vài giờ vào lúc tối, nhưng không một ai biết. Tôi hỏi cô : "Cô bằng lòng cho em đi chiến đấu chứ ?". Cô trả lời : "Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hi sinh của bạn bè. Nó dám đi cũng là biết tự trọng". Ba năm cô không nhận được một tin tức gì về đứa con đã ra đi, lại đến thằng em kế làm đơn xin tòng quân, cũng đòi vào chiến trường phía trong để gặp anh, nếu anh đã hi sinh thì nối tiếp chí hướng của anh. Tôi lại hỏi cô : "Cô cũng đồng ý cho nó đi à ?". Cô trả lời buồn bã : "Tao không khuyến khích, cũng không ngăn cản, ngăn cản tức là bảo nó tìm đường sống để các bạn nó phải chết, cũng là một cách giết chết nó.". Rồi cô chép miệng : "Tao cũng muốn được sống bình đẳng với các bà mẹ khác, hoặc sống cả hoặc chết cả, vui lẻ thì có hay hớm gì". Cũng may chú em tôi học rất giỏi, thi vào đại học với số điểm rất cao, nên nhà trường giữ lại. Tôi đến chúc mừng cô và em, cô nói : "Hiện tại thì nó may hơn anh nó, nhưng nếu anh nó còn sống rồi cũng chưa biết đứa nào may hơn đứa nào.". Cô tôi tính toán việc nhà việc nước đại khái là như thế.

6

Tháng 12 năm 1975, cô Hiền cho con gái xuống nhà gọi vợ chồng tôi tới ăn liên hoan mừng em Dũng đã về. Cô nói : "Nó đeo ba lô bước vào đến giữa nhà, tao còn hỏi, anh muốn mua gì ?". Tôi cũng không thể nhận ra nếu được gặp đồng chí thượng uý này ở đâu đó. Gầy ốm quá, da đen quá, râu ria cũng nhiều quá, chả còn tí dấu vết gì là một chàng trai của Hà Nội. Trong mấy chục năm sống dưới chế độ ta, mỗi tháng cô chú đều tổ chức một bữa ăn bạn bè, gồm các cựu công dân Hà Nội, những tên tuổi đã thành danh của đất kinh kì. Khoảng mươi, mười lăm người gì đó. Cửa hàng đóng từ chiều, các bà lần lượt đến trước, xông ngay vào bếp cùng làm cơm, các ông đến sau, mũ dạ, áo ba-đờ-xuy, bỏ áo khoác ngoài bên trong còn mặc đồ bộ, thắt cà vạt, nhưng đã sờn bạc cũ kĩ. Tiệc đã bày xong, vẫn chỉ có mấy ông ngồi tán suông chứ chưa thấy các bà. Rồi cửa trong mở, bà chủ xuất hiện trước như diễn viên trên

timdapan.com

sân khấu, lược giắt trâm cài hoa hột lấp lánh, rồi một loạt bảy tám bà tóc đã bạc hoặc nửa xanh nửa bạc, áo nhung, áo dạ, đeo ngọc đeo dây đi lại uyển chuyển. Ngày thường các bà mặc áo bông ngắn, quần thâm, đi dép đi guốc, vuông khăn len tơi tớp buộc cổ hay bịt đầu, là các cô Lọ Lem của mỗi ngày, có phải trò chuyện mình cũng dễ ăn nói buông tuồng, thiếu ý tứ. Tất cả là bình dân, tất cả đều có quyền ăn nói thô tục. Còn lúc này, toàn là những người quý phái, mình phải xử sự ra sao nhỉ ? Cô hỏi tôi : "Xã hội nào cũng phải có một giai tầng thượng lưu của nó để làm chuẩn cho mọi giá trị. Theo anh, ở xã hội ta là tầng lớp nào ?". Tôi cười phá lên : "Thưa cô, là bọn lính chúng tôi, là giai cấp lính chúng tôi, chứ còn ai nữa.". Cho nên cái mùi lính tráng thâm nhiễm vào mọi nơi mọi chỗ, quan hệ kiểu lính, vui chơi kiểu lính, ăn nói kiểu lính, văn chương cũng là một mùi lính. Là người lính vừa chiến thắng, người lính đang được cả xã hội trọng vọng. Còn bây giờ, sau bữa tiệc mừng đại thắng mười lăm năm, tầng lớp lính đã mất ngôi vị độc tôn của mình rồi. Bây giờ là thời các giám đốc công ti, các tổng giám đốc công ti, các cố vấn, chuyên viên kinh tế thật giả đủ loại lên ngôi ban phát mọi tiêu chuẩn giá trị cho cả xã hội. Tôi xin trở lại cái bữa tiệc của buổi tối hôm ấy, bữa tiệc của mấy người thượng lưu của Hà Nội đã mất ngôi tiếp đãi, chiều nịnh hai anh bộ đội từ một thành phố lớn nhất nước trở về. Nói cho thật, Dũng mới là nhân vật chính, còn tôi chỉ là một loại nhân vật phụ, ghé gẩm vào cái vinh quang chung mà thôi. Trong bữa tiệc hình như tôi nói có hơi nhiều, nói về thành phố Sài Gòn rộng hơn, đông hơn, đẹp hơn cái Hà Nội của mình, về người dân Sài Gòn cũng lịch thiệp nhã nhặn hơn người dân Hà Nội. Những người ngồi nghe đều nín lặng, không một ai hỏi lại, không một ai bình phẩm gì thêm. Tôi đã nói điều gì thất thố ? Một ông già hướng mặt về phía Dũng bảo : "Đồng chí bộ đội có chuyện gì vui kể nghe nào ?". Dũng nói : "Thưa các bác, chỉ có những chuyện không được vui lắm.". Một bà nói : "Cứ nói, người đi xa về có quyền muốn nói gì thì nói.". Dũng nói rằng trong nửa năm nay anh không ngớt nghĩ về những người từ Hà Nội ra đi cách đây đúng mười năm. Sáu trăm sáu mươi người. Bây giờ còn lại khoảng chừng trên dưới bốn chục. Anh kể về một người bạn cùng trung đoàn, cùng một cấp thượng uý, tên là Tuất. Khi chuyến tàu từ Thái Nguyên tiến vào ga Hà Nội đã gần nửa đêm. Vừa mưa to xong, ánh điện loà nhoà trên lá cây, trên những mặt đường vắng hun hút, trên sân ga Hà Nội. Tàu vừa dừng lại thì đâu đó bật lên tiếng loa rất sâu, rất vang : "Quý khách chú ý ! Quý khách chú ý ! Chuyến tàu từ Thái Nguyên...". Tuất ngồi cạnh Dũng chợt nhoài người qua mặt bạn, gần như đưa cả nửa thân người qua khuôn cửa sổ, hất mặt lên phía có tiếng loa,

timdapan.com

kêu nho nhỏ : "Dũng ơi, Dũng, tiếng của mẹ mình đấy ! Tiếng của mẹ đấy !...". Không một ai được phép rời khỏi toa tàu, không một người thân nào được biết trước để chờ sẵn ở sân ga, để được nhìn nhau lần cuối, nói với nhau một lời cuối. Tất cả đều phải bí mật. Dũng kể tiếp :

– Thằng Tuất hi sinh ở trận đánh vào Xuân Lộc, trước ngày toàn thắng có mấy ngày. Cháu về Hà Nội là muốn nhào ngay lại nhà ga, đến phòng phát thanh, gặp mẹ Tuất, nói với bà một lời, vì bọn cháu vẫn ở cạnh nhau trong suốt mười năm. Vậy mà phải mấy ngày sau cháu mới dám đến. Cháu biết nói thế nào với một bà mẹ có con hi sinh, mà bạn của con mình lại vẫn còn sống, sống đến bây giờ, đến hôm nay. Bà bước ra giữa một đám đông nhưng cháu vẫn nhận ngay được là mẹ của Tuất. Tuất vẫn nói là hắn giống mẹ hơn giống cha. Cháu chỉ vừa kịp nói : Thưa cô, cháu là Dũng... nước mắt đã đầm đìa, rồi cháu oà khóc y hệt một đứa trẻ. Bà níu chặt lấy một cánh tay của cháu, người bà run bần bật nhưng không khóc, và bà nói run rẩy : "Nín đi con, nín đi Dũng. Cô đã biết cả. Cô biết từ mấy tháng nay rồi.".

7

Nhiều năm đã trôi qua. Tôi sống ở Thành phố Hồ Chí Minh thỉnh thoảng có việc phải ra Hà Nội đều ghé lại thăm cô Hiền. Chú tôi đã mất rồi. Các em đã có gia đình riêng. Chúng nó cũng đã bắt đầu già. Lớp các cụ trong họ chỉ còn vài người, cô Hiền là một. Cô đã yếu nhiều, đã già hẳn, ngoài bảy mươi rồi còn gì, nhưng cô vẫn là người của hôm nay, một người Hà Nội của hôm nay, thuần tuý Hà Nội, không pha trộn. Nơi tiếp khách của cô sau tấm bình phong cao hơn đầu người bằng gỗ chạm suốt mấy chục năm không hề thay đổi. Một bộ xa lông gụ "cái khánh"[1], cái sập gụ chân quỳ chạm rất đẹp nhưng không khảm, cái tủ chùa một cánh bên trong bày một cái lọ men Thuý hồng, một cái lư hương đời Hán, một cái liễn hấp sâm Giang Tây, và mấy thứ bình lọ màu men thì thường nhưng có dáng lạ, chả rõ từ đời nào. Cô đang lau đánh một cái bát thuỷ tiên men đỏ, hai cái đầu rồng gắn nối bằng đồng, miệng chân cũng đều bịt đồng, thật đẹp. Bên ngoài trời rét, mưa rây lả lướt chỉ đủ làm ẩm áo chứ không làm ướt, lại nhìn một bà lão (nếu là một thiếu nữ thì phải hơn) lau đánh cái bát bày thuỷ tiên thấy Tết quá, Hà Nội quá, muốn ở thêm ít ngày ăn lại một cái Tết Hà Nội. Năm nay chắc chưa thể có thuỷ tiên. Dân Hà Nội nhảy

(1) Bộ bàn ghế gỗ gụ kiểu Tàu, chạm hình trang trí chính là cái khánh.

timdapan.com

tàu lên Lạng Sơn buôn bán đủ thứ mà không buôn được vài ngàn củ thuỷ tiên nhỉ ? Ví thử có thuỷ tiên liệu còn có người biết gọt tỉa thuỷ tiên ? Lại thêm cái cách sống, cái tâm lí sống ồ ạt, xô bồ, vụ lợi của đám người vừa thoát khỏi cái chết cái khổ đã dễ gì có được sự bình tĩnh để thưởng thức vẻ đẹp trang trọng của một dò hoa thuỷ tiên. Cô Hiền hỏi :

– Anh ra Hà Nội lần này thấy phố xá thế nào, dân tình thế nào ?

Tôi vừa cười vừa nói :

– Chưa bao giờ Hà Nội vui như bây giờ. Phố xá vui, mặt người vui.

– Nhiều người nói Hà Nội đã sống lại.

Tôi nói :

– Có đúng một phần, phần xác thôi, còn phần hồn thì chưa. Cứ nhìn nghe những người Hà Nội buôn bán, ăn uống, nói năng, cư xử với nhau ở ngoài đường là đủ rõ.

Nói thế cũng hơi nghiệt. Vì có mấy việc vừa xảy ra làm tôi tức, tức và đau. Tôi đạp xe ở đường Phan Đình Phùng, tôi đạp chậm, vừa đạp vừa nghĩ ngợi. Một ông bạn trẻ đạp xe như gió thúc mạnh bánh xe vào đít xe tôi, may mà gượng kịp. Tôi quay lại nói cũng nhẹ nhàng : "Cậu đi đâu mà vội thế ?". Hắn không trả lời, đạp vượt qua xe tôi, rồi quay mặt lại chửi một câu đến sững sờ : "Tiên sư cái anh già !". Lại một buổi sáng tôi tới thăm một người bạn ở quận Đống Đa, đã lâu không đến nên quên đường, lát lát phải hỏi thăm. Có người trả lời, là nói sõng hoặc hất cằm, có người cứ giương mắt nhìn mình như nhìn con thú lạ. Tôi có than phiền với vợ chồng bạn về sự thiếu lễ độ của người Hà Nội, cô con gái đang cho con bú góp lời liền : "Ông ăn mặc tẩm[1] như thế lại đi xe đạp họ khinh là phải, thử đội mũ dạ, áo ba-đờ-xuy, cưỡi cái Cúp xem, thưa gửi tử tế ngay". Tôi cười nhăn nhó : "Lại ra thế !". Cô Hiền không bình luận một lời nào về những nhận xét không mấy vui vẻ của tôi về Hà Nội. Cô than thở với tôi rằng dạo này cô thường nghĩ ngợi mọi chuyện một cách duy tâm, y hệt một bà già nhà quê. Mùa hè năm nọ, bão vào Hà Nội gào rú một đêm, sáng ra mở cửa nhìn sang đền Ngọc Sơn mà hãi. Cây si cổ thụ đổ nghiêng, tán cây đè lên hậu cung, một phần bộ rễ bật đất chổng ngược lên trời. Lập tức cô nghĩ ngay tới sự khác thường, sự dời đổi, điềm xấu, là sự ra đi của một thời.

---

(1) *Tẩm* (khẩu ngữ – thô tục) : chỉ người quê kệch, ngây ngô, ngốc nghếch.

timdapan.com

Với người già, bất kể ai, cái thời đã qua luôn luôn là thời vàng son. Mỗi thế hệ đều có thời vàng son của họ. Hà Nội thì không thế. Thời nào nó cũng đẹp, một vẻ đẹp riêng cho mỗi lứa tuổi. Cô nói với tôi thế, đã biết nói thế đâu phải đã già. Mấy ngày sau, cô kể tiếp, thành phố cho máy cẩu tới đặt bên kia bờ quàng dây tời vào thân cây si rồi kéo dần lên, mỗi ngày một tí. Sau một tháng, cây si lại sống, lại trổ ra lá non, vẫn là cây si của nhiều thế hệ Hà Nội, nghĩ cứ lạ, tưởng là chết đứt bổ ra làm củi, mà lại sống. Cô nói thêm : "Thiên địa tuần hoàn, cái vào ra của tạo vật không thể lường trước được.". Cô muốn mở rộng sự tính toán vốn dĩ đã rất khôn ngoan của mình lên thêm một tầng nữa chăng, cái tầng vô hình, không thể biết, nhưng phải biết là trên đời này còn có nhiều lí sự không thể biết để khỏi bị bó vào những cái có thể biết. Bà già vẫn giỏi quá, bà khiêm tốn và rộng lượng quá. Một người như cô phải chết đi thật tiếc, lại một hạt bụi vàng của Hà Nội rơi xuống chìm sâu vào lớp đất cổ. Những hạt bụi vàng lấp lánh đâu đó ở mỗi góc phố Hà Nội hãy mượn gió mà bay lên cho đất kinh kì chói sáng những ánh vàng !

Ngày 19 – 1 – 1990

(Theo *Hà Nội trong mắt tôi*, NXB Hà Nội, 1995)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Nhân vật trung tâm của truyện là cô Hiền. Nhận xét về tính cách cô Hiền, đặc biệt là suy nghĩ, cách ứng xử của cô trong từng thời đoạn của đất nước. Vì sao tác giả cho cô Hiền là "một hạt bụi vàng" của Hà Nội ?
2. Nêu cảm nghĩ về nhân vật "tôi", Dũng, người mẹ của Tuất, những thanh niên Hà Nội và cả những người tạo nên "nhận xét không mấy vui vẻ" của nhân vật "tôi" về Hà Nội.
3. Chuyện cây si cổ thụ ở đền Ngọc Sơn bị bão đánh bật rễ rồi lại hồi sinh gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì ?
4. Giọng điệu trần thuật và nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Khải có gì đáng chú ý ?

timdapan.com

THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý

(Tiếp theo)

1. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.

Bác Phô gái, dịu dàng, đặt cành cau lên bàn, ngồi xổm ở xó cửa, gãi tai, nói với ông lí :

– Lạy thầy, nhà con thì chưa cất cơn, mấy lại sợ thầy mắng chửi, nên không dám đến kêu. Lạy thầy, quyền phép trong tay thầy, thầy tha cho nhà con, đừng bắt nhà con đi xem đá bóng vội.

– Ồ, việc quan không phải thứ chuyện đàn bà của các chị !

(Nguyễn Công Hoan, *Tinh thần thể dục*)

Câu hỏi :

a) Lời bác Phô gái thực hiện hành động van xin, cầu khẩn ; ông lí đã đáp lại bằng hành động nói như thế nào ?

b) Lời đáp của ông lí có hàm ý gì ? Chọn câu trả lời đúng và đầy đủ.

A – Bộc lộ quyền uy của mình

B – Thể hiện sự từ chối quyết liệt, mạnh mẽ lời van xin của bác Phô gái

C – Biểu lộ thái độ mỉa mai, giễu cợt cách suy nghĩ kiểu đàn bà

D – Tất cả các phương án trên

2. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.

Khi hắn ngừng nói đã được một lúc khá lâu, Từ mới làm như chợt nhớ :

– Có lẽ hôm nay đã là mồng hai, mồng ba tây rồi, mình nhỉ ?

– À phải ! Hôm nay mồng ba... Giá mình không hỏi tôi thì tôi quên... Tôi phải đi xuống phố.

Từ nhắc khéo :

– Hèn nào mà em thấy người thu tiền nhà sáng nay đã đến...

Hộ sầm mặt lại :

– Tiền nhà... tiền giặt... tiền thuốc... tiền nước mắm... Còn chịu tất ! Tháng vừa rồi tiêu tốn quá, mới mồng mười đã hết tiền. May mà còn có đất mua chịu được.

(Nam Cao, *Đời thừa*)

timdapan.com

Câu hỏi :

a) Câu hỏi đầu tiên của Từ là hỏi về thời gian hay còn có hàm ý gì khác ?

b) Câu nhắc khéo (ở lượt lời thứ hai) của Từ thực chất có hàm ý nói với Hộ về điều gì ?

c) Ở cả hai lượt lời, Từ tránh nói trực tiếp đến những vấn đề "cơm áo gạo tiền". Hãy phân tích tác dụng của cách nói trên.

3. Đọc lại bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh và cho biết lớp nghĩa tường minh và lớp nghĩa hàm ý của bài thơ là gì. Hàm ý được thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào ? Hàm ý mang lại tác dụng và hiệu quả nghệ thuật như thế nào cho tác phẩm văn học ?

4. Qua các bài tập thực hành về hàm ý, anh (chị) thấy cách nói có hàm ý trong những ngữ cảnh cần thiết mang lại tác dụng gì đối với hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ ? Chọn câu trả lời đúng và đầy đủ.

A – Có hiệu quả mạnh mẽ, sâu sắc hơn cách nói trực tiếp, tường minh

B – Thể hiện được sự tế nhị, khéo léo và tính lịch sự trong giao tiếp ngôn ngữ ; giữ được thể diện của các nhân vật trong giao tiếp

C – Tạo ra những lời nói hàm súc, nói được nhiều hơn những điều mà từ ngữ thể hiện ; hơn nữa, người nói có thể không phải chịu trách nhiệm về hàm ý, vì hàm ý là do người nghe suy ra

D – Tuỳ từng ngữ cảnh mà hàm ý có một hay một số tác dụng đó

5. Chọn cách trả lời có hàm ý cho câu hỏi : "Cậu có thích truyện *Chí Phèo* của Nam Cao không ?".

– Rất thích.

– Ai mà chẳng thích ?

– Hàng chất lượng cao đấy !

– Thích nhất trong các truyện ngắn Việt Nam.

– Xưa cũ như trái đất rồi !

– Ví đem vào tập đoạn trường

Thì treo giải Nhất chi nhường cho ai ?

timdapan.com

THUỐC

LỖ TẤN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hiểu được *Thuốc* là hồi chuông cảnh báo căn bệnh mê muội của người Trung Hoa đầu thế kỉ XX ; nhà văn bày tỏ niềm tin vào tương lai : nhân dân sẽ thức tỉnh, hiểu cách mạng và dấn bước theo cách mạng.
- Hiểu được cách viết cô đọng, súc tích, giàu hình ảnh mang tính biểu tượng của Lỗ Tấn.

TIỂU DẪN

Lỗ Tấn (1881 – 1936) tên khai sinh là Chu Chương Thọ, sau đổi thành Chu Thụ Nhân, là nhà văn cách mạng Trung Quốc. Bóng dáng của ông bao trùm cả văn đàn Trung Quốc thế kỉ XX. Nhà thơ nổi tiếng Trung Quốc là Quách Mạt Nhược từng nói : "Trước Lỗ Tấn, chưa hề có Lỗ Tấn ; sau Lỗ Tấn, có vô vàn Lỗ Tấn."[1].

LỖ TẤN

Quê ông ở phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, miền Đông Nam Trung Quốc. Bút danh Lỗ Tấn ghép từ họ mẹ (bà Lỗ Thuỵ) và chữ *Tấn hành*, nghĩa là : "Đi nhanh lên !". Năm 13 tuổi, chứng kiến cảnh người cha lâm bệnh, vì không có thuốc mà chết, ông ôm ấp nguyện vọng học nghề thuốc. Nhờ học giỏi, ông được nhận học bổng của Nhật. Ông chọn học ngành Y để chữa bệnh cho những người nghèo, ốm mà không có thuốc, chết vì ngu dốt và mê tín,... như cha mình. Đang học Trường Cao đẳng Y khoa Tiên Đài thì ông đột ngột thay đổi chí hướng. Một lần xem phim ông thấy những người Trung Quốc khoẻ mạnh, hăm hở xem quân Nhật chém một người Trung Quốc làm gián điệp cho quân Nga (thời kì chiến tranh Nga – Nhật, 1901 – 1905). Ông giật mình mà nhận ra rằng : Chữa bệnh thể xác không quan trọng bằng chữa bệnh tinh thần. Và thế là ông chuyển sang làm văn nghệ.

(1) Xem *Truyện Lỗ Tấn* của Lâm Chí Hạo, NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2002.

timdapan.com

Làm văn nghệ, ông dùng ngòi bút để phanh phui các "căn bệnh tinh thần" của quốc dân, lưu ý mọi người tìm phương thuốc chạy chữa. Ông đã hát cho đồng bào mình nghe bài hát lạc điệu của chính họ, chỉ cho họ thấy những bước đi sai nhịp trên con đường tiến về tương lai. Toàn bộ sáng tác của ông, chủ yếu là ba tập truyện ngắn, nhiều tập tạp văn (bình luận chính trị, xã hội, văn nghệ) đều tập trung phê phán các căn bệnh tinh thần khiến cho quốc dân mê muội, tự thoả mãn, "ngủ say trong một cái nhà hộp bằng sắt không có cửa sổ". Chủ đề "phê phán quốc dân tính" trong sáng tác của ông càng trở nên sâu sắc, thấm thía, vì nhà văn đã viết với thái độ tự phê phán nghiêm khắc. Nếu cả một dân tộc thực sự nhận thức được như nhà văn thì họ sẽ trở nên vô địch. Sự vươn mình vĩ đại của dân tộc Trung Hoa ngày càng chứng tỏ điều đó.

Truyện ngắn *Thuốc* của Lỗ Tấn viết năm 1919, đúng vào lúc cuộc vận động Ngũ tứ[1] bùng nổ. Nói về căn bệnh "đớn hèn" của dân tộc Trung Hoa do nhân dân thì chìm đắm trong mê muội, lạc hậu mà những người cách mạng thì hoàn toàn xa lạ với nhân dân, nhà văn muốn cảnh báo : Người Trung Quốc cần suy nghĩ nghiêm túc về một phương thuốc để cứu dân tộc.

Người Việt Nam đầu tiên đọc Lỗ Tấn chính là Bác Hồ. Ngay từ tuổi thanh niên, Người đã "thích đọc Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Quốc"[2] và trong cả cuộc đời hoạt động cách mạng, không chỉ một lần Người nêu gương Lỗ Tấn.

VĂN BẢN

I

Một đêm thu gần về sáng, trăng lặn rồi, nhưng mặt trời chưa mọc. Tầng không xanh thẳm. Ngoài những giống đi ăn đêm, còn thì ngủ say cả. Lão Hoa bỗng ngồi dậy, đánh diêm, thắp cái đèn nhầy nhụa những dầu là dầu. Ánh đèn trắng xanh sáng khắp hai gian quán trà.

– Bố thằng Thuyên đi đấy à ?

Đó là tiếng một người đàn bà đã có tuổi. Ở buồng phía trong bỗng nổi lên một cơn ho.

– Ừ.

Lão vừa trả lời, vừa lắng tai nghe tiếng ho, vừa cài nút áo, rồi chìa tay ra, nói tiếp :

– Đưa đây tôi !

---

(1) Phong trào chống phong kiến đế quốc, đòi tự do dân chủ của học sinh, sinh viên Bắc Kinh, nổ ra vào ngày 4 tháng 5 năm 1919.

(2) Xem *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* của Trần Dân Tiên, NXB Văn học, Hà Nội, 1962.

timdapan.com

Bà Hoa moi dưới gối một lúc lâu, lấy ra một gói bạc, đưa cho chồng. Lão cầm lấy, run run bỏ vào túi áo, lại còn ấn xuống vào lần phía ngoài túi, rồi thắp cái đèn lồng, tắt ngọn đèn con, đi vào buồng phía trong. Buồng phía trong có tiếng động lạch cạch, tiếp theo là một cơn ho. Đợi cơn ho dứt, lão mới khẽ nói :

– Thuyên à ! Con cứ nằm đấy ! Công việc dọn hàng để mẹ con lo.

Không nghe con nói gì, lão cho rằng nó đã yên tâm nằm ngủ lại rồi, bèn mở cửa đi ra. Ngoài đường, trời tối om, và hết sức vắng. Chỉ mặt đường xam xám là trông thấy rõ. Chiếc đèn lồng chiếu thẳng vào hai chân lão bước đều đều. Thỉnh thoảng, gặp một vài con chó, nhưng chẳng con nào buồn sủa. Trời lạnh hơn trong nhà nhiều, nhưng lão cảm thấy sảng khoái, như bỗng dưng mình trẻ lại, và ai cho phép thần thông cải tử hoàn sinh. Lão bước những bước thật dài. Trời cũng sáng dần và đường cũng càng lâu càng rõ.

Đang chăm chú bước, bỗng lão giật mình nhìn thấy ngã ba đường đằng xa, trước mặt. Lão quay lại, đi mấy bước, tìm một cửa hiệu còn đóng kín mít, rẽ vào dưới mái hiên, tựa lưng vào cửa. Một lúc lâu, lão thấy hơi lành lạnh.

– Hừ ! Một ông già !

– Thích nhé !...

Lão lại giật mình, trố mắt nhìn. Có mấy người đi qua. Một người còn quay đầu lại nhìn lão. Lão không trông rõ là ai, nhưng thấy ánh mắt cú vọ ngời lên, như người đói lâu ngày thấy cơm. Lão nhìn chiếc đèn lồng. Đèn tắt rồi. Lão đặt tay lên túi áo. Gói bạc vẫn cồm cộm ở đấy. Ngước đầu nhìn xung quanh, lão thấy bao nhiêu người kì dị hết sức, cứ hai ba người một, đi đi lại lại như những bóng ma. Nhưng nhìn kĩ thì lại chẳng lấy gì làm quái lạ nữa.

Một lát, lại thấy mấy người lính đến. Đằng xa cũng thấy rõ miếng vải tròn màu trắng ở vạt áo trước và vạt áo sau ; khi họ lại gần trước mắt thì thấy cả đường viền màu đỏ thẫm trên chiếc áo dấu[1]. Tiếng chân bước ào ào. Trong nháy mắt, bao nhiêu người đi qua. Những người tụm năm tụm ba lúc nãy cũng dồn lại một chỗ, rồi xô nhào tới như nước thuỷ triều, gần đến ngã ba đường thì đứng dừng lại, quây thành một nửa vòng tròn.

Lão Hoa cũng nhìn về phía đó, nhưng chỉ thấy lưng người mà thôi. Người nào, người nấy dướn cổ ra như cổ vịt bị một bàn tay vô hình nắm lấy xách lên.

---

(1) *Áo dấu* : áo lính ngày xưa.

timdapan.com

Im lặng một lát. Bỗng hình như có tiếng động. Rồi cả đám xô đẩy nhau ào ào, lùi về phía sau đến chỗ lão đứng, chen lão suýt nữa ngã.

– Này ! Tiền trao cháo múc, đưa đây !

Một người áo quần đen ngòm đứng trước mặt lão, mắt sắc như hai lưỡi dao chọc thẳng vào lão làm lão co rúm lại. Hắn xoè về phía lão một bàn tay to tướng, tay kia cầm một chiếc bánh bao nhuốm máu, đỏ tươi, máu còn nhỏ từng giọt, từng giọt[1].

Lão vội vàng móc gói bạc trong túi ra, run run định đưa cho hắn, nhưng lại không dám đưa tay cầm chiếc bánh. Hắn sốt ruột, nói to :

– Sợ cái gì ? Sao không cầm lấy ?

Lão còn trù trừ. Người mặc đồ đen giật lấy chiếc đèn lồng, xé toạc tờ giấy dán bên ngoài, bọc chiếc bánh lại, nhét vào tay lão, tay kia thì giật lấy gói bạc, nắn nắn, rồi quay đi, miệng càu nhàu :

– Cái lão này !

– Chữa bệnh cho ai đấy ?

Lão Hoa nghe hình như có người nào hỏi, nhưng lão không trả lời. Lúc này, lão còn để hết tinh thần vào cái gói bánh như nâng niu đứa con của gia đình mười đời độc đinh, không chú ý đến gì nữa. Lão sẽ mang cái gói này về nhà, đem sinh mệnh lại cho con lão, và lão sung sướng biết bao !

Mặt trời đã mọc, chiếu sáng con đường lớn đi về nhà lão, và cũng chiếu sáng cái biển mục nát trên cái nhà bia ở ngã ba đường sau lưng lão, có đề bốn chữ thếp vàng đã nhạt màu : *Cổ... Đình Khẩu*[2].

II

Lão Hoa về đến nhà thì quán hàng đã bày biện sạch sẽ, các dãy bàn trà trơn bóng sắp đặt ngăn nắp. Nhưng không có khách, chỉ có thằng Thuyên đang ngồi ăn cơm ở cái bàn dãy phía trong, mồ hôi trán nhỏ từng giọt to tướng, chiếc áo kép dính vào sống lưng, hai xương vai gồ lên thành chữ "bát"

---

(1) Ở Trung Quốc, trước kia có tục mê tín cho rằng máu người có thể trị được bệnh lao. Mỗi khi có tù bị chém, thường có người đến mua những chiếc bánh bao mà tên đao phủ đã tẩm máu đưa về cho người bệnh ăn.

(2) Tức *Cổ Hiên Đình Khẩu*, ở cái nhà bia đường Hiên Đình Khẩu, nơi Thu Cận – một nữ chiến sĩ cách mạng – cùng với một số người bị hành hình ; ở đây tác giả cố ý để trống chữ *Hiên* không viết. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng Lỗ Tấn dựa vào một số sự việc có thật trong cuộc đời hoạt động của Thu Cận và các chiến hữu của bà để sáng tạo nên hình tượng Hạ Du.

timdapan.com

in nổi. Thấy vậy, lão không khỏi chau mày. Bà Hoa từ trong bếp vội vã chạy ra, giương to mắt nói, đôi môi run run :

– Được chưa ?

– Được rồi !

Hai người cùng trở vào bếp, bàn bạc một hồi. Bà Hoa lại đi ra, một lát cầm về một cánh lá sen già, trải lên mặt bàn. Lão cũng mở cái chao đèn, cầm chiếc bánh đẫm máu, lấy lá sen bọc lại. Thằng Thuyên đã ăn xong. Bà Hoa vội nói :

– Thuyên, con cứ ngồi đấy, đừng vào trong này !

Lão Hoa vừa thổi lửa trong bếp, vừa cầm cái gói lá xanh và cái chao đèn rách nát loang lổ máu, dúi vào bếp. Ngọn lửa đỏ sẫm bốc lên. Một mùi thơm quái lạ tràn ngập cả quán trà.

– Thơm ghê nhỉ ! Hai bác ăn quà sáng gì đấy ?

Cậu Năm Gù đi vào. Cậu ta ngày nào cũng lê la ở cái quán này, thường đến sớm nhất mà cũng về muộn hơn ai hết. Vừa đi vào, cậu ta liền ngồi vào cái bàn ở góc tường phía ngoài gần đường cái, hỏi ngay. Nhưng không ai trả lời.

– Rang cơm[1] đấy à ?

Vẫn không ai trả lời. Lão Hoa vội vàng chạy ra, pha trà cho cậu.

– Thuyên ơi ! Vào đây con !

Bà Hoa gọi con vào nhà trong, giữa nhà đặt sẵn một chiếc ghế đẩu. Thuyên ngồi xuống, bà ta bưng một cái đĩa lại, trên đĩa có vật gì tròn tròn, đen thui, nói rất khẽ :

– Ăn đi con ! Sẽ khỏi ngay !...

Thuyên cầm lấy vật đen thui, nhìn một lúc, có cảm giác rất lạ không biết thế nào mà nói, như đang cầm tính mệnh của chính mình trong tay. Y bẻ đôi ra, rất cẩn thận. Một làn hơi trắng bốc ra từ lần vỏ cháy sém. Làn hơi tan dần, mới thấy đó là hai nửa miếng bánh bao bằng bột mì trắng. Không bao lâu, chiếc bánh đã nằm gọn trong bụng, mùi vị như thế nào cũng đã quên rồi. Trước mặt chỉ còn trơ lại chiếc đĩa không. Lão Hoa đứng một bên, bà Hoa đứng một bên, trố mắt nhìn con như muốn rót vào người con một cái gì, đồng thời cũng muốn lấy ra một cái gì. Thuyên nghe tim mình đập mạnh không sao cầm nổi, đưa tay vuốt ngực. Lại một cơn ho.

– Thôi con đi ngủ một giấc, sẽ khỏi ngay !

---

(1) Nguyên văn *sao mễ chúc*, nghĩa là : cháo gạo rang ; người Hoa thường ăn cháo vào buổi sáng.

timdapan.com

Thuyên nghe lời mẹ, vừa ho vừa nằm xuống. Đợi nghe tiếng thở dìu dịu, bà Hoa mới nhẹ nhàng lấy chiếc mền kép vá chằng chịt đắp cho con.

III

Quán trà đã đông khách. Lão Hoa tay xách chiếc ấm đồng lớn, đi đi lại lại, pha trà. Hai mắt lão thâm quầng.

Một người râu hoa râm nói :

– Ông Hoa à ! Mệt phải không ? Hay là ốm đấy !

– Có làm sao đâu !

Người râu hoa râm chữa lời :

– Không sao à ? Ừ, nghe tiếng cười thì không ra người ốm.

– Chỉ vì ông ta lận đận quá ! Giá thằng con...

Cậu Năm Gù chưa dứt lời thì một người mặt thịt ngang phè từ ngoài đâm sầm vào. Hắn mặc chiếc áo vải màu huyền, không gài khuy, dải thắt lưng cũng màu huyền quấn ở ngoài, xộc xệch. Vừa vào, đã nói oang oang :

– Đã ăn chưa ? Đỡ rồi chứ ? Ông Hoa này ! May phúc cho nhà ông đấy nhé ! Phúc nhà ông, đấy là nhờ tôi biết tin sớm...

Lão Hoa một tay xách ấm trà, một tay buông xuống, vẻ cung kính, cười hề hề, lắng tai nghe hắn nói. Cả quán cũng cung kính lắng tai nghe hắn nói. Bà Hoa mắt cũng thâm quầng, tươi cười, mang đến trước mặt hắn một cái chén, bỏ một nhúm trà và thêm vào một quả trám. Lão Hoa liền đem nước sôi lại chế.

Người mặt thịt ngang phè vẫn nói oang oang :

– Cam đoan thế nào cũng khỏi. Thứ thuốc này đặc biệt lắm. Ông tính lấy về còn nóng hôi hổi, và ăn cũng còn nóng hôi hổi.

Bà Hoa cảm ơn hắn hết lời :

– Thật đấy ! Không có bác Cả Khang đây giúp cho thì đừng có hòng...

– Cam đoan thế nào cũng khỏi. Ăn còn nóng hôi hổi thế kia mà ! Bánh bao tẩm máu người như thế, lao gì ăn mà chẳng khỏi !

Bà Hoa nghe nói "lao", sắc mặt hơi đổi khác, ý không được vui, có điều cũng gượng cười, bỏ đi, ngượng nghịu. Nhưng bác Cả Khang không để ý đến, cứ giương cổ nói oang oang đến nỗi thằng Thuyên nằm ngủ trong nhà cũng phải ho lên như phụ hoạ theo.

timdapan.com

– Ừ, thằng Thuyên nhà ông may phúc thật ! Nhất định khỏi thôi mà ! Chẳng trách ông cứ cười cả ngày !

Người râu hoa râm vừa nói vừa đi lại trước mặt bác Cả Khang, hạ thấp giọng nói :

– Bác Cả này ! Nghe nói tên phạm chém hôm nay là người họ Hạ. Con nhà ai đấy nhỉ ? Tội gì thế hở bác ?

– Con nhà ai nữa ? Con nhà bà Tứ chứ con nhà ai ? Thằng quỷ sứ !

Bác Cả Khang thấy mọi người vểnh tai nghe, lấy làm thú lắm, những thớ thịt trên mặt nổi từng cục. Bác ta cao hứng nói càng to :

– Cái thằng nhãi con ấy không muốn sống nữa, thế thôi. Lần này, tớ chẳng nước mẹ gì. Đến cái áo nó cởi ra, cũng lão Nghĩa, cái lão đề lao, mất đỏ như mất cá chép ấy, lấy mất. May nhất có thể nói là ông Hoa nhà này, thứ đến là cụ Ba. Cụ ta được thưởng hai mươi lạng bạc trắng xoá, một mình bỏ túi tất, chẳng mất cho ai một đồng kẽm !

Thằng Thuyên từ nhà trong đi ra, bước chậm rãi, hai tay ôm ngực, ho lấy ho để. Y vào bếp, xúc một bát cơm nguội, chan ít nước nóng, ngồi ăn. Bà Hoa bước theo con, khẽ hỏi :

– Thuyên ! Con có đỡ tí nào không, con ? Con vẫn cứ hay đói bụng thế à ?

– Cam đoan khỏi mà !

Bác Cả Khang liếc nhìn thằng Thuyên một cái, rồi quay lại, tiếp tục câu chuyện với mọi người :

– Cụ Ba đến là khôn ! Giá cụ ta không đem thằng cháu ra thú thì cả nhà mất đầu hết. Nay thì được bao nhiêu là bạc ! Còn cái thằng nhãi con ấy thì chẳng ra cái thá gì hết. Nằm trong tù rồi mà còn dám rủ lão đề lao làm giặc !

Một anh chàng trạc hơn hai mươi tuổi ngồi dãy bàn sau, nghe nói, tức máu :

– Ái chà chà ! Ghê nhỉ !

– Anh phải biết, lão Nghĩa mất cá chép đến lân la hỏi dò hắn thì hắn bắt chuyện ngay. Hắn nói : Thiên hạ nhà Mãn Thanh chính là của chúng ta[1]. Thử nghĩ xem, nói thế mà nói được. Lão Nghĩa mất cá chép cũng biết nhà hắn chỉ

(1) Các nhà cách mạng Trung Quốc năm 1907 hô hào đồng bào nổi dậy chống Mãn Thanh, thường đưa ra khẩu hiệu : *Thiên hạ nhà Mãn Thanh là của chúng ta*, nghĩa là "Nước Trung Quốc là của người Trung Quốc.".

timdapan.com

có mụ mẹ già, nhưng không ngờ hắn lại nghèo gặm không ra đến như thế, đã tức anh ách rồi, thế mà hắn lại vuốt râu cọp, nên lão ta liền đánh cho hai bạt tai.

Cậu Năm Gù ngồi ở góc tường, nghe nói, thú quá :

– Lão Nghĩa là tay võ rất cừ, hai cái tát ấy cũng đủ cho hắn ta xài đấy nhỉ !

– Cái thằng khốn nạn ! Đánh, có sợ đâu ! Lại còn nói : Thật đáng thương hại, thật đáng thương hại !

Người râu hoa râm nói :

– Đánh cái đồ ấy, thương hại cái gì ?

Bác Cả Khang tỏ vẻ khinh bỉ, cười nhạt :

– Ông chưa nghe ra, xem bộ hắn lúc đó, thì hắn muốn nói : đáng thương hại, là lão Nghĩa đáng thương hại kia !

Mặt ai nấy bỗng ngơ ngác. Không ai nói gì cả.

Thằng Thuyên đã ăn cơm xong, mồ hôi ướt đầm, trên đầu hơi bốc phừng phừng.

Người râu hoa râm bỗng vỡ nhẽ, nói :

– Lão Nghĩa mà đáng thương hại à ? Điên ! Hắn điên thật rồi !

Anh chàng hai mươi tuổi cũng vỡ nhẽ :

– Điên thật !

Khách trong quán lại nhao nhao lên, nói nói cười cười.

Thằng Thuyên cũng thừa dịp ho rũ rượi. Bác Cả Khang chạy lại, vỗ vai, nói :

– Thuyên à ! Cam đoan thế nào mày cũng khỏi. Mày đừng ho như thế. Cam đoan thế nào cũng khỏi.

Cậu Năm Gù gật gù nói :

– Điên thật rồi !

IV

Miếng đất dọc chân thành phía ngoài cửa Tây vốn là đất công. Ở giữa có con đường mòn nhỏ hẹp, cong queo, do những người hay đi tắt giẫm mãi thành đường. Đó cũng lại là cái ranh giới tự nhiên giữa nghĩa địa những người chết chém hoặc chết tù, ở về phía tay trái, và nghĩa địa những người nghèo, ở

timdapan.com

về phía tay phải. Cả hai nơi, mộ dày khít, lớp này lớp khác, như bánh bao nhà giàu ngày mừng thọ.

Tiết Thanh minh năm ấy, trời lạnh lắm. Những cây dương liễu mới đâm ra được những mầm non bằng nửa hạt gạo. Trời vừa rạng đã thấy bà Hoa bày ra trước nấm mộ mới đắp, bên phải đường mòn, một bát cơm, bốn đĩa thức ăn, rồi khóc một hồi. Đốt xong thếp vàng giấy, bà ta ngồi bệt xuống đất, ngẩn ngơ như đang chờ đợi cái gì. Chính bà ta cũng chẳng biết bà ta chờ đợi cái gì nữa. Gió hiu hiu thổi vào mớ tóc cắt ngắn của bà ta, so với năm ngoái chắc là bạc nhiều lắm rồi.

Lại một người đàn bà khác đang đi dọc đường mòn, tóc cũng bạc già nửa, áo quần rách rưới, tay xách chiếc giỏ tròn sơn đỏ, cũ nát, phía ngoài giắt thếp vàng giấy, cứ đi ba bước, lại đứng dừng lại. Chợt thấy bà Hoa ngồi bệt giữa đất đang nhìn mình thì bà kia ngập ngừng không dám bước tới nữa, sắc mặt xanh xao bỗng hơi đỏ lên vì xấu hổ, nhưng rồi cũng đánh liều đi tới trước nấm mộ bên trái đường mòn, đặt chiếc giỏ xuống.

Nấm mộ này với nấm mộ thằng Thuyên nằm cùng một hàng, chỉ cách con đường mòn ở giữa. Thấy bà kia cũng bày ra một bát cơm, bốn đĩa thức ăn, đứng khóc một hồi, rồi đốt vàng, thì bà Hoa trong bụng nghĩ thầm : "Chắc cũng là con chết !". Bà kia nhìn vơ vẩn xung quanh một lát, bỗng tay chân hơi run lên, rồi loạng choạng lùi lại mấy bước, mắt trợn trừng, ngơ ngác.

Thấy thế, bà Hoa sợ bà kia thương con quá phát điên chăng, không cầm lòng đậu, bèn đứng dậy, bước sang bên kia đường mòn, khẽ nói :

– Bà ơi ! Thôi mà, thương xót làm chi nữa ! Ta về đi thôi !

Bà kia hơi gật đầu, nhưng mắt vẫn trừng trừng rồi ấp úng nói khe khẽ :

– Kìa,... bà trông kia kìa, cái gì thế này ?

Bà Hoa nhìn theo ngón tay chỉ, thấy nấm mộ trước mặt, cỏ chưa xanh khắp, còn loang lổ từng mẩu đất vàng khè, rất khó coi ; lại nhìn kĩ phía trên, bất giác giật mình. Rõ ràng có một vòng hoa[1], hoa trắng hoa hồng xen lẫn nhau, nằm khoanh trên nấm mộ khum khum.

---

(1) Chính là vòng hoa mà trong bài *Tựa viết lấy*, Lỗ Tấn nói đã thêm vào mộ anh Du. Vòng hoa này chứng tỏ tác giả còn ủ ấp hi vọng đối với ngày mai mặc dù lúc bấy giờ những người cách mạng bị khủng bố ráo riết, và chính tác giả đang có một tâm trạng bàng hoàng.

timdapan.com

Cả hai bà, mắt mờ từ lâu rồi, nhưng nhìn những cánh hoa trắng hoa hồng kia thì còn thấy rõ. Hoa không nhiều lắm, xếp thành vòng tròn tròn, không lấy gì làm đẹp, nhưng cũng chỉnh tề. Bà Hoa vội nhìn về phía mộ con mình và những nấm mộ khác xung quanh, chỉ thấy lác đác vài nụ hoa không sợ lạnh, bé tí, trắng trắng, xanh xanh. Bà ta bỗng thấy lòng trống trải, không thoả, nhưng rồi cũng không muốn suy nghĩ thêm. Bà kia bước lại gần mộ con, nhìn kĩ một lượt, rồi nói một mình : "Hoa không có gốc, không phải dưới đất mọc lên ! Ai đã đến đây ? Trẻ con không thể đến chơi. Bà con họ hàng nhất định là không ai đến rồi !... Thế này là thế nào ?". Nghĩ rồi lại nghĩ, bỗng nước mắt trào ra, bà ta khóc to :

– Du ơi ! Oan con lắm, Du ơi ! Chắc con không quên được, con đau lòng lắm cho nên con hiển hiện lên để cho mẹ biết, phải không con ?

Bà ta nhìn xung quanh, chỉ thấy một con quạ đen đậu trên cành khô trụi lá. Rồi lại khóc tiếp :

– Mẹ biết rồi ! Du ơi ! Trời có mắt, thật tội nghiệp, chúng nó giết con thì rồi chúng nó sẽ bị báo ứng thôi ! Con nhắm mắt thế cũng yên lòng. Nếu hồn con quả thật đang ở đây nghe lời mẹ nói thì con ứng vào con quạ kia, đến đậu vào nấm mộ con cho mẹ xem, con ơi !

Gió đã tắt. Những ngọn cỏ khô đứng thẳng tắp như những sợi dây đồng. Một tiếng rên rỉ run run đưa lên giữa không trung, nhỏ dần nhỏ dần, rồi tắt hẳn. Xung quanh vắng lặng như tờ. Hai bà già đứng giữa đám cỏ khô, ngước mắt nhìn con quạ. Con quạ vẫn đậu trên cành khô trụi lá, rụt cổ lại, im lìm như đúc bằng sắt.

Một lúc lâu, người đi viếng càng đông. Bóng kẻ già người trẻ thấp thoáng giữa các nấm mộ.

Không hiểu sao, bà Hoa cảm thấy người nhẹ đi như cất được gánh nặng. Bà ta nghĩ đến chuyện về, khuyên giải bà già kia :

– Ta về đi thôi !

Bà kia thở dài một cái, uể oải thu dọn bát đĩa, lại chần chừ một lúc, rồi cũng chậm rãi bước đi, lẩm bẩm nói một mình :

– Thế là thế nào nhỉ ?

timdapan.com

Hai bà đi, chưa được vài ba chục bước, bỗng nghe sau lưng một tiếng "Cờ... oạ" rất to. Hai bà giật mình, ngoảnh lại, thì thấy con quạ xoè đôi cánh, nhún mình, rồi như một mũi tên, vút bay thẳng về phía chân trời xa.

Tháng 4 năm 1919

(Theo bản dịch của Trương Chính trong *Gào thét*, tập truyện ngắn, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1961)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu người mang ý nghĩa gì ?

2. Hình tượng người cách mạng Hạ Du hiện lên như thế nào ? Qua cuộc bàn luận trong quán trà về Hạ Du, Lỗ Tấn muốn nói lên điều gì ?

3. Không gian nghệ thuật của truyện là tù hãm, ẩm mốc, bế tắc, nhưng thời gian nghệ thuật thì có tiến triển. Từ mùa thu "trảm quyết" đến mùa xuân Thanh minh đã thể hiện mạch suy tư lạc quan của tác giả. Tìm hiểu ý nghĩa của hình ảnh vòng hoa.

GHI NHỚ

- Lỗ Tấn được tôn vinh là "linh hồn dân tộc" vì nhà văn đã đau nỗi đau của dân tộc Trung Hoa thời cận đại : nhân dân thì "ngủ say trong một cái nhà hộp bằng sắt", còn người cách mạng thì "bôn ba trong chốn quạnh hiu".
- Cô đọng và súc tích, *Thuốc* là một truyện ngắn mang kích thước của một truyện dài.

LUYỆN TẬP

1. Hãy nêu ý nghĩa của các chi tiết : nghĩa địa người chết chém bên trái, nghĩa địa người chết bệnh, chết nghèo bên phải, chia cắt bởi một con đường mòn.

2. Câu hỏi của bà mẹ trước vòng hoa trên nấm mộ người tử tù "Thế này là thế nào ?" có ý nghĩa gì ?

timdapan.com

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG MỞ BÀI, KẾT BÀI TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hiểu sâu hơn về chức năng của mở bài và kết bài trong bài văn nghị luận.
- Có kĩ năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiểu mở bài và kết bài thông dụng.

I – VIẾT PHẦN MỞ BÀI

1. Tìm hiểu các phần mở bài sau đây và cho biết phần mở bài nào phù hợp hơn với yêu cầu trình bày vấn đề nghị luận. Giải thích vắn tắt lí do lựa chọn của anh (chị).

Đề bài : Phân tích giá trị nghệ thuật của tình huống truyện trong tác phẩm *Vợ nhặt* (Kim Lân).

(1) *Nhà văn Kim Lân sinh năm 1920, tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài, quê ở làng Phù Lưu, xã Tân Hồng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Kim Lân bắt đầu viết truyện ngắn từ năm 1941. Tác phẩm của ông được đăng trên các báo* ***Tiểu thuyết thứ Bảy*** *và* ***Trung Bắc chủ nhật****. Ông là tác giả của các tập truyện ngắn :* ***Nên vợ nên chồng*** *(1955),* ***Con chó xấu xí*** *(1962). Truyện ngắn* ***Vợ nhặt*** *lúc đầu có tên gọi* ***Xóm ngụ cư****. Tác phẩm được viết ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công. Sau khi hoà bình lập lại, nhà văn dựa vào một cốt truyện cũ và viết lại tác phẩm này.* ***Vợ nhặt*** *được in trong tập* ***Con chó xấu xí****. Đây là tác phẩm có tình huống truyện đặc sắc.*

(2) *Truyện ngắn* ***Vợ nhặt*** *của nhà văn Kim Lân được viết ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công. Cái tên mà tác giả chọn đặt cho truyện ngắn này đã cho thấy một tình huống rất "có vấn đề" của câu chuyện được kể. Từ chuyện "nhặt được vợ" của Tràng – nhân vật chính trong tác phẩm – đúng vào những ngày đói thê thảm của năm Ất Dậu (1945), nhà văn đã thâu tóm trong đó không chỉ cái bi kịch và khát vọng sống của một con người mà còn phản ánh trọn vẹn tấn bi kịch lịch sử và khát vọng sống, xu thế tất yếu của dân tộc.*

timdapan.com

Tình huống "nhặt được vợ" (như nhan đề của truyện ngắn đã nêu rõ) có vai trò quyết định đối với toàn bộ giá trị nghệ thuật và nội dung của tác phẩm.

(3) *Đọc **Vợ nhặt** của Kim Lân, cái ấn tượng đậm nét nhất mà truyện ngắn để lại trong tâm trí người đọc là hình ảnh Tràng dắt về "người vợ theo" trong cái cảnh "tối sầm lại vì đói khát" của năm Ất Dậu. Sự lựa chọn đầy táo bạo của con người trong tình huống trớ trêu ấy cũng là sự lựa chọn của cả một cộng đồng : phải sống và làm người, phải vượt lên cái đói và cái chết. Đó cũng là tình huống của lịch sử. Có thể nói, thành công của **Vợ nhặt** trước hết là thành công của tình huống truyện.*

2. Đọc các phần mở bài sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới.

(1) *Hỡi đồng bào cả nước,*

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

*Lời bất hủ ấy ở trong bản **Tuyên ngôn Độc lập** năm 1776 của nước Mĩ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là : tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.*

*Bản **Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền** của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói :*

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi ; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi."

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

(2) *Vị trí của Thâm Tâm đối với Thơ mới có cái gì na ná như Thôi Hiệu đối với thơ Đường. Nếu chọn mười nhà thơ Đường lớn nhất, chưa chắc đã có Thôi Hiệu, nhưng nếu chọn mười bài thơ Đường hay nhất không thể không có **Hoàng Hạc lâu**. Vâng, kể tên mười nhà thơ mới lớn nhất không chắc có Thâm Tâm, nhưng chọn mười bài thơ mới hay nhất khó có thể bỏ qua **Tống biệt hành**. Thi phẩm là sự thăng hoa đột xuất của ngòi bút Thâm Tâm.*

(Chu Văn Sơn, *Tống biệt hành*,
trong *Tinh hoa thơ mới, thẩm bình và suy ngẫm*,
Lê Bá Hán (Chủ biên), NXB Giáo dục, 2005)

timdapan.com

(3) *Năm thập kỉ trước đây, khi Nam Cao quyết định bắt tay vào viết* ***Cái lò gạch cũ*** *– tên đầu tiên của* ***Chí Phèo*** *– thì trong văn học hiện thực phê phán, đề tài nông thôn đã qua mùa nở rộ, và những sáng tác thành công về nông dân của Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng,... đã tồn tại sừng sững giữa văn đàn. Tác phẩm của một cây bút hồi ấy còn chưa mấy ai biết đến tên tuổi như Nam Cao cầm chắc sẽ bị che khuất, sẽ bị rơi vào cõi lãng quên, nếu tác giả không tìm cho mình được một hướng khai thác riêng cho một đề tài đã thành quen thuộc. Thử thách đó, Nam Cao đã lặng lẽ chấp nhận, và đã vượt qua, với một* ***Chí Phèo*** *thật sự sâu sắc và độc đáo.*

(*Theo* Đỗ Kim Hồi, "*Chí Phèo*" *của Nam Cao*,
trong *Tạp chí Văn học*, số 3 / 1990)

Yêu cầu :

a) Xác định vấn đề được triển khai trong văn bản và vai trò của mở bài trong việc trình bày vấn đề nghị luận.

b) Phân tích tính hấp dẫn của các mở bài trên.

3. Theo anh (chị), phần mở bài cần đáp ứng yêu cầu gì trong quá trình tạo lập văn bản ?

II – VIẾT PHẦN KẾT BÀI

1. Tìm hiểu các phần kết bài sau đây và cho biết phần kết bài nào phù hợp hơn với vấn đề nghị luận. Giải thích vắn tắt lí do lựa chọn của anh (chị).

Đề bài : Suy nghĩ của anh (chị) về nhân vật ông lái đò trong tuỳ bút *Người lái đò Sông Đà* (Nguyễn Tuân).

(1) *Thiên tuỳ bút* ***Người lái đò Sông Đà*** *đã thể hiện rõ sự tài hoa và uyên bác trong phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân. Đó chính là sự phong phú, tinh tế trong cách biểu hiện thiên nhiên, con người để khắc hoạ rõ nét cái kì vĩ, phi thường của công cuộc chinh phục thiên nhiên. Tác phẩm hấp dẫn ở nhịp văn giàu nhạc điệu, đầy lôi cuốn ; cách dùng từ ngữ phong phú, sinh động và đầy bất ngờ. Đặc biệt, hình tượng người lái đò sông Đà đã để lại những ấn tượng thật sâu sắc.*

(2) *Hình tượng người lái đò sông Đà, như đã đề cập tới, mang vẻ đẹp vừa mạnh mẽ, kì vĩ vừa bay bổng, phóng túng. Sự sáng tạo, dũng cảm và tài hoa của người lái đò trong cuộc đối mặt với thách thức trên sóng nước là biểu tượng*

timdapan.com

cho những phẩm chất đáng trân trọng nhất ở người lao động – đồng thời là người nghệ sĩ – theo cảm quan đặc biệt của Nguyễn Tuân. Từ tay lái "nở hoa" trên thác ghềnh, sóng nước, một lần nữa, Nguyễn Tuân lại khẳng định rõ bản lĩnh và quan niệm nghệ thuật của mình.

2. Những phần kết bài sau đây đã nêu được nội dung gì của văn bản và có khả năng tác động đến người đọc như thế nào ? Tại sao ?

(1) *Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng :*

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

(2) ***Hai đứa trẻ** đã thực hiện được điều này. Hơn thế nữa, dấu ấn của phố huyện ấy luôn khảm trong ta bằng quyền năng kì lạ. Bây giờ và mãi sau này, mỗi khi đứng trước một phố huyện nào thì câu chuyện của Thạch Lam dễ sống dậy trong ta, bằng ánh sáng đẹp, diệu kì.*[1]

(Lê Huy Bắc, *Ấn tượng phố huyện "Hai đứa trẻ"*,
trong *Truyện ngắn : lí luận, tác gia và tác phẩm*,
tập 1, NXB Giáo dục, 2004)

3. Từ những nội dung đã tìm hiểu ở các mục 1 và 2, theo anh (chị), phần kết bài cần đáp ứng được yêu cầu gì trong quá trình tạo lập văn bản ? Chọn phương án trả lời đầy đủ và chính xác nhất.

A – Tóm tắt lại toàn bộ những nội dung đã trình bày và liên hệ với thực tế

B – Nêu đánh giá khái quát và bộc lộ cảm xúc của người viết về khía cạnh nổi bật nhất của vấn đề

C – Thông báo việc trình bày vấn đề đã hoàn thành, nêu đánh giá khái quát và gợi những liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn

D – Tóm tắt lại toàn bộ nội dung đã trình bày và bộc lộ cảm xúc của người viết

(1) Đề tài : Tìm hiểu những nét độc đáo trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam).

timdapan.com

GHI NHỚ

- Mở bài thông báo chính xác, ngắn gọn vấn đề nghị luận ; hướng người đọc (người nghe) vào nội dung bàn luận một cách tự nhiên và gợi sự hứng thú với vấn đề được trình bày trong văn bản.
- Kết bài thông báo về sự kết thúc của việc trình bày vấn đề, nêu đánh giá khái quát của người viết về những khía cạnh nổi bật nhất của vấn đề ; gợi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn.

LUYỆN TẬP

1. So sánh sự giống nhau và khác nhau của hai phần mở bài sau đây trong bài văn nghị luận về tác phẩm *Ông già và biển cả* với đề bài : "Cảm nhận của anh (chị) về số phận con người qua hình tượng ông lão đánh cá Xan-ti-a-gô trong tác phẩm *Ông già và biển cả* của nhà văn Ơ. Hê-minh-uê".

(1) ***Ông già và biển cả*** *(1952) là tác phẩm thể hiện rõ nét bút pháp và quan niệm nghệ thuật của Ơ. Hê-minh-uê. Trong truyện ngắn này, tác giả đã khắc hoạ hình tượng Con Người đối mặt với Đại Dương. Cuộc quyết đấu của ông lão đánh cá Xan-ti-a-gô trước biển với khát vọng lớn lao, chiến thắng phi thường và cả nỗi mất mát đau đớn là một biểu tượng đầy sức gợi mở và ám ảnh.*

(2) *Ôi ! Biết bao thuyền viên, thuyền trưởng*
Buổi ra đi vui sướng đường xa.

(V. Huy-gô)

Bi kịch của con người trước biển cả cũng là bi kịch của khát vọng quá lớn và những thất bại không thể tránh khỏi trên hành trình tìm kiếm những giá trị của tồn tại. Nhưng vì sao hành trình ấy vẫn thôi thúc con người ? Và con người vẫn ra đi theo tiếng gọi của biển cả bí ẩn ? Vì sao hành trình ấy vẫn tiếp nối không ngừng trong suốt lịch sử của loài người như một khúc bi ca bất tận, như một bản giao hưởng diễm tuyệt ? Liệu số phận của con người trong ***Ông già và biển cả*** *của Ơ. Hê-minh-uê có phải là một phần của bản giao hưởng bi tráng đó ?*

2. Tại sao phần mở bài và kết bài sau đây chưa đạt yêu cầu ? Anh (chị) hãy viết lại để những phần này hay hơn, phù hợp hơn.

timdapan.com

Đề bài : Suy nghĩ của anh (chị) về hình tượng nhân vật Mị trong tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* của nhà văn Tô Hoài.

– Mở bài : *Tô Hoài tên khai sinh là Nguyễn Sen, sinh ngày 7 tháng 9 năm 1920 ở quê ngoại – làng Nghĩa Đô, thuộc phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay là phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội). Ông là tác giả của nhiều tác phẩm nổi tiếng như* ***Dế Mèn phiêu lưu kí*** *(1941),* ***Truyện Tây Bắc*** *(1953),... Truyện ngắn* ***Vợ chồng A Phủ*** *in trong tập* ***Truyện Tây Bắc*** *là tác phẩm viết về số phận của Mị và A Phủ – những người dân vùng cao trên hành trình đến với cách mạng. Mị là hình tượng nhân vật thể hiện rõ bi kịch của người phụ nữ vùng cao trước Cách mạng : bị bóc lột, bị xúc phạm nhân phẩm, bị tước đoạt quyền sống. Đồng thời, ở Mị cũng tiềm ẩn một sức sống tiềm tàng, mãnh liệt.*

– Kết bài : *Qua đó, có thể thấy Mị là hình tượng người phụ nữ vùng cao chịu một số phận đầy bi kịch nhưng vẫn tiềm ẩn một vẻ đẹp tâm hồn đáng quý : khao khát sống, khao khát yêu thương. Bi kịch của Mị cũng là bi kịch của những phụ nữ vùng cao trước Cách mạng. Nhà văn Tô Hoài đã thể hiện thành công diễn biến nội tâm đầy phức tạp và phong phú của Mị.*

3. Anh (chị) hãy viết một số mở bài và kết bài khác nhau cho cùng một bài văn theo một trong những đề bài sau :

Đề 1. Suy nghĩ của anh (chị) về hình tượng "sóng" và khát vọng tình yêu trong bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh.

Đề 2. Anh (chị) hiểu thế nào về tình yêu và khát vọng đối với tự do trong bài thơ *Tự do* của nhà thơ P. Ê-luy-a ?

Đề 3. Hãy lí giải nguyên nhân và ý nghĩa của hành động quyết liệt : Mị cắt dây trói cho A Phủ và cùng A Phủ trốn khỏi nhà thống lí Pá Tra.

timdapan.com

SỐ PHẬN CON NGƯỜI

SÔ-LÔ-KHỐP

(Trích)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hiểu rõ tính cách Nga kiên cường và nhân ái qua bút pháp hiện thực táo bạo và nghệ thuật truyện ngắn của Sô-lô-khốp.
- Tin tưởng rằng ý chí và nghị lực của con người có thể khắc phục mọi khó khăn gian khổ, vượt qua số phận éo le.

TIỂU DẪN

Mi-khai-in A-lếch-xan-đrô-vích Sô-lô-khốp (1905 – 1984) là nhà văn Nga lỗi lạc, đã vinh dự nhận Giải thưởng Nô-ben về văn học năm 1965. Tác phẩm của Sô-lô-khốp được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Là một nhà tiểu thuyết có tài, ông được liệt vào hàng các nhà văn lớn nhất thế kỉ XX.

M. SÔ-LÔ-KHỐP

Sô-lô-khốp sinh tại thị trấn Vi-ô-sen-xcai-a thuộc tỉnh Rô-xtốp trên vùng thảo nguyên sông Đông. Ông tham gia công tác cách mạng từ khá sớm (thư kí uỷ ban trấn, nhân viên thu mua lương thực, tiễu phỉ,...). Cuối năm 1922 ông đến Mát-xcơ-va, làm nhiều nghề để kiếm sống như : đập đá, khuân vác, kế toán. Thời gian rảnh rỗi, ông dành cả cho việc tự học và đọc văn học. Năm 1926, ở tuổi 21, ông đã in hai tập truyện ngắn là *Truyện sông Đông* và *Thảo nguyên xanh*. Năm 1925, ông trở về quê và bắt đầu viết tác phẩm tâm huyết nhất của đời mình – tiểu thuyết *Sông Đông êm đềm*.

Bộ tiểu thuyết được in dần từng phần, vượt qua nhiều trắc trở, hoàn thành vào năm 1940 (4 quyển, 8 phần) và lập tức được tặng Giải thưởng Quốc gia. Nhà văn lão thành A. Xê-ra-phi-mô-vích vui mừng chào đón tài năng trẻ Sô-lô-khốp : "... con đại bàng non tung cánh trong bầu trời văn học". Sô-lô-khốp là đảng viên Đảng Cộng sản Liên Xô từ năm 1932. Năm 1939 ông được bầu làm Viện sĩ Viện hàn lâm Khoa học Liên Xô. Trong thời gian chiến tranh vệ quốc vĩ đại chống phát xít Đức xâm lược, ông theo sát Hồng quân trên nhiều chiến trường với tư cách phóng viên báo *Sự thật*.

Truyện ngắn *Số phận con người* (1957) của Sô-lô-khốp là cột mốc quan trọng mở ra chân trời mới cho văn học Nga. Dung lượng tư tưởng lớn của truyện khiến có người liệt nó vào loại

timdapan.com

tiểu anh hùng ca. Tác phẩm thể hiện cách nhìn cuộc sống và chiến tranh một cách toàn diện, chân thực ; sự đổi mới cách miêu tả nhân vật, khám phá tính cách Nga, khí phách anh hùng và nhân hậu của người lính Xô viết. Sự thật táo bạo bao trùm toàn bộ tác phẩm của Sô-lô-khốp. Sự thật đó được tôn trọng trong từng câu văn, từng chi tiết, từng hình ảnh. Ông dám nói lên sự thật dù đôi khi khắc nghiệt, cay đắng. Ông coi sứ mạng cao cả nhất của nghệ thuật là "ca ngợi nhân dân – người lao động, nhân dân – người xây dựng, nhân dân anh hùng" của mình. Văn bản dưới đây là phần kết thúc truyện.

VĂN BẢN

(**Lược phần đầu** : *Mùa xuân năm 1946, trên đường đi công tác, tác giả gặp anh lái xe An-đrây Xô-cô-lốp 46 tuổi và bé Va-ni-a chừng 5 – 6 tuổi trên bến đò. Nhân dịp này, An-đrây Xô-cô-lốp đã kể cho tác giả nghe về cuộc đời đau khổ của mình. Khi chiến tranh bùng nổ, anh ra trận, để lại vợ và ba con ở hậu phương. Chiến đấu chừng một năm, anh bị thương hai lần, vào tay và chân. Tiếp đó là hai năm bị đoạ đày trong các trại tập trung của phát xít Đức. Năm 1944, bọn phát xít bị thua to trên mặt trận Xô – Đức, buộc phải dùng cả tù binh làm lái xe. Nhân cơ hội đó, An-đrây Xô-cô-lốp đã cướp xe, bắt sống tên thiếu tá phát xít, chạy thoát về phía quân ta. Mãi lúc ấy An-đrây Xô-cô-lốp mới biết vợ và hai con gái anh đã bị bom phát xít giết hại từ giữa năm 1942. A-na-tô-li, con trai anh, một học sinh giỏi toán, giờ là đại uý pháo binh. Hai cha con cùng tiến đánh Béc-lin, sào huyệt của bọn phát xít. Đúng ngày 9 tháng 5 năm 1945, ngày chiến thắng, một tên thiện xạ Đức đã bắn chết A-na-tô-li, đứa con trai yêu quý, niềm hi vọng cuối cùng của An-đrây Xô-cô-lốp...*)

Tôi đã chôn trên đất người, đất Đức, niềm vui sướng và niềm hi vọng cuối cùng của tôi ; đại đội pháo đã nổ súng vĩnh biệt tiễn người chỉ huy của họ tới nơi an nghỉ cuối cùng ; trong người tôi như có cái gì đó vỡ tung ra... Tôi trở về đơn vị mình như người mất hồn. Nhưng chả mấy chốc tôi được giải ngũ. Về đâu bây giờ ? Chả nhẽ lại về Vô-rô-ne-giơ ? Không được ! Tôi chợt nhớ ở U-riu-pin-xcơ có một người bạn, giải ngũ hồi mùa đông vì bị thương, – có lần anh ấy mời tôi về nhà, tôi nhớ ra và tìm đến U-riu-pin-xcơ.

Hai vợ chồng người bạn tôi không có con, sống trong một ngôi nhà riêng nho nhỏ ở rìa thành phố. Mặc dù được hưởng phụ cấp thương binh, nhưng anh bạn tôi vẫn làm lái xe cho một đội vận tải, tôi cũng đến xin làm ở đó. Tôi ở nhà bạn, họ thu xếp cho tôi chỗ nương thân. Chúng tôi chở các thứ hàng hoá về các huyện, và mùa thu thì chuyển sang chở lúa mì. Chính vào hồi ấy tôi gặp chú con trai mới của tôi, đấy chú bé đang nghịch cát đấy.

Thường cứ chạy xe xong trở về thành phố, việc đầu tiên cũng dễ hiểu thôi, là tôi vào hiệu giải khát, nhấm nháp chút gì đó và tất nhiên, có uống một li rượu lử người. Phải nói rằng tôi đã quá say mê cái món nguy hại ấy... Thế rồi một hôm, tôi thấy chú bé ấy ở gần cửa hàng giải khát, hôm sau vẫn lại thấy –

timdapan.com

thằng bé rách bươm xơ mướp. Mặt mũi thì bê bết nước dưa hấu, lem luốc, bụi bặm, bẩn như ma lem, đầu tóc rối bù, nhưng cặp mắt – cứ như những ngôi sao sáng ngời sau trận mưa đêm ! Tôi thích nó, và lạ thật, thích đến nỗi bắt đầu thấy nhớ nó, cố chạy xe cho nhanh để được về gặp nó. Nó ăn ngay ở hiệu giải khát, ai cho gì thì ăn nấy.

Sang ngày thứ tư, tôi chở lúa mì từ nông trường, ghé lại hiệu giải khát. Chú bé của tôi ngồi ở bậc thềm, hai bàn chân nhỏ xíu đung đưa, và nom có vẻ như đang đói. Tôi thò đầu ra ngoài cửa buồng lái và hét gọi : "Ê, Va-ni-a ! Lên ô tô đi, nhanh lên, chú đưa đến kho thóc rồi trở về đây ăn trưa.". Nghe tiếng hét gọi của tôi, nó giật mình nhảy khỏi thềm, leo lên bậc xe hỏi nhỏ : "Sao chú lại biết tên cháu là Va-ni-a ?". Và đôi mắt nhỏ của nó mở to ra chờ tôi trả lời. Còn tôi thì bảo nó rằng tôi là người từng trải, cái gì cũng biết.

Nó bước sang bên phải xe, tôi mở cửa đặt nó ngồi bên cạnh mình và cho xe chạy. Thằng bé hoạt bát đến thế mà bỗng nhiên không biết vì sao lại lặng thinh, tư lự, chốc chốc lại liếc nhìn tôi dưới đôi hàng mi dài cong vút, và lại thở dài. Một con chim con non nớt như thế mà đã học thở dài ư ? Đấy đâu phải việc của nó ? Tôi hỏi : "Bố cháu đâu, hả Va-ni-a ?". Nó rỉ tai : "Chết ở mặt trận." – "Thế mẹ cháu ?" – "Mẹ bị bom chết trên tàu hoả khi mẹ con cháu đang đi tàu." – "Thế cháu từ đâu đến ?" – "Cháu không biết, không nhớ..." – "Thế ở đây cháu không có ai là bà con thân thuộc à ?". – "Không có ai cả." – "Thế đêm cháu ngủ ở đâu ?" – "Bạ đâu ngủ đó".

Những giọt nước mắt nóng hổi sôi lên ở mặt tôi, và lập tức tôi quyết định : "Không thể để cho mình với nó chìm nghỉm riêng rẽ được ! Mình sẽ nhận nó làm con.". Ngay lúc ấy, tâm hồn tôi bỗng nhẹ nhõm và bừng sáng lên. Tôi cúi xuống bên nó khẽ hỏi : "Va-niu-ska, có biết ta là ai không nào ?". Nó hỏi lại nghẹn ngào : "Thế chú là ai ?". Tôi nói lại cũng khẽ như thế : "Ta là bố của con !".

Trời ơi, thật không thể tưởng tượng được. Nó nhảy chồm lên cổ tôi hôn vào má, vào môi, vào trán và như con chim chích, nó ríu rít líu lo vang rộn cả buồng lái : "Bố yêu của con ơi ! Con biết mà ! Con biết thế nào bố cũng tìm thấy con mà ! Thế nào cũng tìm thấy mà ! Con chờ mãi mong được gặp bố !". Nó áp sát vào người tôi, toàn thân cứ run lên như ngọn cỏ trước gió. Còn mắt tôi thì cứ mờ đi, cả người cũng run lên, hai bàn tay lẩy bẩy... Thế mà tôi vẫn không bị mất tay lái thì cũng kì lạ thật. Nhưng rồi xe cũng lảo đảo đâm xuống rãnh, tôi tắt máy. Giữa lúc mắt còn mờ đi như vậy, tôi không dám chạy tiếp, sợ đâm phải người. Tôi dừng xe chừng dăm phút, còn chú bé con trai của tôi cứ ghì chặt lấy tôi lặng im, run rẩy. Tay phải tôi quàng sang ôm lấy nó, khẽ áp nó vào

timdapan.com

người, còn tay trái tôi mở máy quay trở về nhà mình. Đến kho thóc làm gì nữa, khi mà tôi không còn bụng dạ nào để đi đến đó.

Tôi để xe cạnh cổng, bế con trai mới của tôi vào nhà. Còn nó thì hai tay bé bỏng cứ ôm chặt lấy cổ tôi, vào đến nơi vẫn không chịu buông ra. Nó áp chặt má vào cái má lởm chởm chưa cạo của tôi, cứ như là dán vào đó. Tôi cứ thế bế vào. May quá, cả hai vợ chồng nhà chủ đều đang ở nhà. Tôi bước vào, nháy mắt ra hiệu cho cả hai người rồi nói một cách phấn khởi : "Đây, tôi tìm được cháu Va-niu-ska của tôi rồi ! Hai bác là người tốt bụng, cho chúng tôi ở nhờ nhé !". Cả hai, những người không có con, lập tức hiểu ngay câu chuyện, cứ lăng xăng tíu tít. Còn tôi thì không làm sao dứt khỏi chú con trai. Cuối cùng, rồi cũng dỗ được nó. Tôi lấy xà phòng rửa tay cho nó rồi đặt ngồi vào bàn ăn. Bà chủ múc xúp bắp cải vào đĩa cho nó, rồi đứng nhìn nó ăn ngấu nghiến mà nước mắt ròng ròng. Bà đứng cạnh lò sưởi lấy tạp dề che mặt khóc. Bé Va-niu-ska của tôi thấy bác ấy khóc bèn chạy lại níu lấy vạt áo và nói : "Cô ơi, sao cô lại khóc ? Bố cháu tìm thấy cháu ở gần hiệu giải khát, mọi người phải vui mừng chứ, sao cô lại khóc ?". Chao ôi, nghe nói thế bác ta lại càng đầm đìa nước mắt, càng khóc sướt mướt.

Sau bữa ăn trưa, tôi đưa nó tới hiệu cắt tóc, rồi về nhà đặt ngồi vào chậu giặt, tắm rửa xong rồi bọc nó vào tấm khăn trải giường sạch. Nó ôm lấy tôi và cứ thế ngủ thiếp đi. Tôi cẩn thận đặt nó lên giường, rồi cho xe chạy tới kho thóc, dỡ lúa mì xuống, đem xe về trạm để đó, chạy ra cửa hàng tạp hoá. Tôi mua cho nó một cái quần dạ, một sơ mi, đôi dép và một cái mũ lưỡi trai bằng sợi. Tất nhiên là tất cả mọi thứ đều không vừa và chất lượng cũng kém. Về cái quần dạ thì bà chủ đã quở tôi : "Bác điên hay sao, trời nóng thế này mà mặc quần dạ cho con !". Và lập tức, chiếc máy khâu được đặt lên bàn ; rương hòm được lục tung lên. Một giờ sau, Va-niu-ska của tôi đã có một chiếc quần đùi xa tanh và một sơ mi trắng cộc tay. Tôi ngủ chung với nó, và lần đầu tiên, sau bao nhiêu năm tôi được ngủ một giấc yên lành. Nhưng trong đêm cũng phải dậy đến vài bốn bận. Tôi thức giấc, thấy nó rúc vào nách tôi như con chim sẻ dưới mái rạ, ngáy khe khẽ, tôi thấy lòng vui không lời nào tả xiết ! Tôi không dám trở mình để nó khỏi thức giấc, nhưng rồi không nén được, tôi nhẹ nhàng ngồi dậy đánh diêm ngắm nhìn nó ngủ...

Tôi thức giấc trước khi trời sáng, không hiểu vì sao mà lại khó thở thế. Hoá ra chú con trai của tôi đã đạp tung khăn trải giường, bò lên nằm vắt ngang trên người tôi, xoạc chân ra, bàn chân bé nhỏ đè lên cổ họng tôi. Ngủ với nó thật không yên, nhưng quen hơi, không có nó thì buồn. Đêm đêm khi thì nhìn

timdapan.com

nó ngủ, khi thì thơm mái tóc xù của nó, trái tim tôi đã suy kiệt, đã bị chai sạn vì đau khổ, nay trở nên êm dịu hơn...

Thời gian đầu, nó còn theo tôi trong các chuyến xe, nhưng rồi tôi hiểu ra rằng như thế không có lợi. Chỉ một mình tôi thì cần gì đâu ? Một mẩu bánh mì, một củ hành với tí muối, thế là đủ no cho một ngày của đời lính. Nhưng thêm nó thì khác : khi thì phải mua sữa cho nó, khi thì phải luộc quả trứng, không có thức ăn nóng cho nó là không xong. Nhưng công việc thì cần gấp. Tôi kiên quyết để nó ở nhà cho bà chủ chăm nom, nhưng nó cứ khóc suốt từ sáng cho đến tối, chiều tối chuồn ra kho thóc tìm tôi. Nó thường đợi tôi ở đó đến khuya.

Ban đầu thật là vất vả với nó. Có hôm trời còn sáng, hai bố con đã đi nằm ngủ – ban ngày tôi làm việc mệt lử người – còn nó, lúc thì cứ luôn luôn ríu rít như chim sẻ, có lúc không hiểu sao lại cứ tự nhiên im lặng. Tôi hỏi : "Con trai bố đang nghĩ gì đấy ?". Nó hỏi lại, mắt nhìn lên trần : "Bố ơi, cái áo bành tô bằng da của bố đâu rồi ?". Cả đời tôi, có bao giờ tôi có bành tô da nào đâu ! Tôi đành phải đánh trống lảng : "Bố để lại ở Vô-rô-ne-giơ rồi !" – Tôi bảo nó. "Thế tại sao bố lại tìm con lâu thế ?". Tôi đáp : "Bố tìm con ở bên Đức, bên Ba Lan, và đi bộ, đi xe tìm khắp cả Bê-lô-ru-xi-a, mà con thì lại ở U-riu-pin-xcơ.". – "Thế U-riu-pin-xcơ có gần nước Đức không hả bố ? Thế Ba Lan có cách xa nhà ta lắm không ?". Đấy hai bố con cứ nói chuyện huyên thuyên như thế cho đến khi ngủ thiếp đi.

Anh bạn ạ, không phải là vô cớ mà nó hỏi về cái áo bành tô da đâu ? Không, hoàn toàn không đơn giản. Tức là, ông bố đẻ của nó đã có thời mặc bành tô da, và nó chợt nhớ lại. Đấy, trí nhớ trẻ con cứ như quầng sáng mùa hạ, soi sáng tất cả trong chốc lát rồi vụt tắt. Trí nhớ của chú bé ấy cũng như vậy, như quầng sáng, cứ chợt loé lên như thế.

Cũng có thể là tôi và cháu bé còn ở U-riu-pin-xcơ, chừng hơn một năm nữa, nếu như hồi tháng mười một không bị chuyện rủi ro. Hôm ấy tôi lái xe đường lầy, đến một thôn nọ thì xe bị trượt, vừa lúc đó có một con bò quay lại, xe tôi chạm phải chân nó. Thế là như ta biết đấy, các bà gào thét ầm lên, người ta xúm lại, anh kiểm soát xe hơi lập tức đến ngay. Anh ta thu hồi bằng lái của tôi mặc dù tôi đã hết sức van nài mong anh rộng lượng tha thứ. Con bò đứng dậy, ve vẩy đuôi rồi chạy vào ngõ hẻm, còn tôi thì bị tước bằng lái. Mùa đông, tôi làm thợ mộc, rồi thư từ với một người bạn trước kia ở cùng đơn vị. Anh ta ở cùng một tỉnh với anh đấy, ở huyện Ka-sa-rư, làm nghề lái xe hơi – anh ấy mời tôi đến nhà anh ấy. Anh ấy viết thư bảo rằng đến đó tôi sẽ làm ở bộ phận thợ mộc chừng nửa năm, rồi ở tỉnh họ cấp lại bằng lái xe mới cho tôi. Thế là tôi và cháu bé cùng đi bộ tới Ka-sa-rư.

timdapan.com

Mà nói thực với anh, nếu không xảy ra chuyện lôi thôi với con bò thì rồi tôi cũng vẫn rời U-riu-pin-xcơ. Nỗi đau buồn không cho tôi ở lâu mãi một chỗ được. Có lẽ phải đến khi nào cháu Va-niu-ska lớn lên, buộc lòng phải gửi cháu vào một trường học ổn định, thì may ra lúc ấy, nguôi bớt nỗi buồn, tôi mới có thể ở yên một chỗ. Còn bây giờ thì hai bố con cứ cuốc bộ khắp nước Nga.

– Cháu bé đi vất vả lắm nhỉ, – tôi nói.

– Cháu đi bộ ít thôi, phần lớn thời gian tôi cõng cháu. Tôi để nó ngồi lên vai và cứ thế đi, nếu muốn vận động cho dãn gân cốt thì nó lại tụt xuống chạy, tung tăng bên đường như con dê con. Anh bạn ạ, tất cả những điều ấy cũng chẳng sao, miễn là bố con chúng tôi sống được ; nhưng mà quả tim của tôi đã rệu rã lắm rồi, đến phải thay pít-tông thôi... Có khi tự nhiên nó nhói lên, thắt lại, và giữa ban ngày mà tối tăm mặt mũi. Tôi chỉ sợ lúc nào đó đang ngủ mà tôi chết luôn làm cho con trai tôi phải khiếp sợ. Lại còn thêm một nỗi khổ tâm này nữa : hầu như đêm nào tôi cũng chiêm bao thấy những người thân quá cố. Và lúc nào cũng thế, tôi ở bên này, sau hàng rào dây thép gai, còn vợ con thì tự do ở bên kia... Tôi nói đủ chuyện với I-ri-na, với các con nhưng chỉ vừa mới toan lấy tay đẩy dây thép gai ra, thì vợ con lại rời bỏ tôi, cứ như là vụt tan biến mất... Và đây là một điều rất kì lạ : ban ngày bao giờ tôi cũng trấn tĩnh được, không hở ra một tiếng thở dài, một lời than vãn, nhưng ban đêm thức giấc thì gối ướt đẫm nước mắt...

Trong rừng đã nghe tiếng đồng chí của tôi gọi, tiếng mái chèo vỗ nước.

Người khách lạ nhưng đã trở thành thân thiết đối với tôi đứng dậy, đưa bàn tay to bè cứng rắn như bằng gỗ :

– Tạm biệt anh bạn, chúc anh may mắn.

– Chúc anh đến Ka-sa-rư may mắn.

– Cảm ơn anh. Này con, sang đò đi.

Chú bé chạy tới, đứng bên phải bố, túm lấy vạt áo bông của bố, chạy lon ton cho kịp bước sải dài của người lớn.

Hai con người côi cút, hai hạt cát đã bị sức mạnh phũ phàng của bão tố chiến tranh thổi bạt tới những miền xa lạ... Cái gì đang chờ đón họ ở phía trước ? Thiết nghĩ rằng con người Nga đó, con người có ý chí kiên cường, sẽ đứng vững được và sống bên cạnh bố, chú bé kia một khi lớn lên sẽ có thể đương đầu với mọi thử thách, sẽ vượt qua mọi chướng ngại trên đường nếu như Tổ quốc kêu gọi.

Với một nỗi buồn thấm thía, tôi nhìn theo hai bố con... Có lẽ cuộc chia tay của chúng tôi sẽ thanh thản tốt đẹp hơn ; nhưng Va-niu-ska, mới đi được ít

timdapan.com

bước, đôi chân lũn cũn chuệnh choạng, chợt quay lại nhìn tôi, vẫy bàn tay bé xíu hồng hồng. Bỗng như có một bàn chân con vật nào đó mềm mại nhưng móng sắc nhọn bóp lấy tim tôi, và tôi vội quay mặt đi. Không, không phải những người đứng tuổi đã bạc đầu trong chiến tranh chỉ khóc trong chiêm bao đâu. Họ cũng khóc trong thực tại đấy. Cái chính ở đây là phải biết kịp thời quay mặt đi. Cái chính ở đây là đừng làm tổn thương trái tim em bé, đừng để cho em thấy những giọt nước mắt đàn ông hiếm hoi nóng bỏng lăn trên má anh.

(*Tuyển tập Mi-khai-in Sô-lô-khốp*, bản dịch của Nguyễn Duy Bình, NXB Cầu vồng, Mát-xcơ-va, 1987)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hoàn cảnh và tâm trạng của An-đrây Xô-cô-lốp sau khi chiến tranh kết thúc và trước khi gặp bé Va-ni-a được miêu tả như thế nào ?
2. Việc An-đrây Xô-cô-lốp nhận bé Va-ni-a làm con nuôi tác động lớn lao đến hai cha con như thế nào ? Tâm hồn thơ ngây của bé Va-ni-a và lòng nhân hậu của An-đrây Xô-cô-lốp được biểu hiện như thế nào ? Điểm nhìn của người kể chuyện có giống điểm nhìn của nhân vật không ?
3. An-đrây Xô-cô-lốp đã vượt lên nỗi đau và sự cô đơn như thế nào (khó khăn trong đời thường, chiêm bao ám ảnh và nỗi đau không nguôi) ?
4. Nhận xét về thái độ của người kể chuyện. Ý nghĩa lời trữ tình ngoại đề ở cuối tác phẩm.
5. Theo anh (chị), qua đoạn trích này, Sô-lô-khốp nghĩ gì về số phận con người ?

GHI NHỚ

- Bản lĩnh kiên cường và nhân hậu của con người Xô viết.
- Sô-lô-khốp là nhà văn dũng cảm khám phá sự thật.

LUYỆN TẬP

1. Tìm cái mới của truyện ngắn *Số phận con người* trong việc miêu tả cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.
2. Tưởng tượng và viết một đoạn văn về cuộc sống tương lai của hai bố con An-đrây Xô-cô-lốp.

timdapan.com

TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 6

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

Nhận ra ưu điểm và hạn chế trong bài viết số 6 của mình, trên cơ sở đó rút ra những kinh nghiệm cần thiết để nâng cao khả năng viết một bài nghị luận văn học nói chung và nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi nói riêng.

1. Cũng như ở các tiết trả bài trước, anh (chị) tự đánh giá bài viết của mình về các mặt :

– Phân tích đề, nhận thức đúng đắn các yêu cầu của đề.

– Xác định luận điểm và các luận cứ làm sáng tỏ cho từng luận điểm.

– Sắp xếp các luận điểm, luận cứ thành dàn ý.

– Diễn đạt (dùng từ, đặt câu, liên kết văn bản, sự linh hoạt, trôi chảy của mạch văn,...).

Ngoài ra, cần tìm nguyên nhân dẫn đến những hạn chế và sai sót của bài viết, ví dụ : không mạnh dạn suy nghĩ để có ý kiến thật của mình, hoặc không dám nói lên suy nghĩ, cảm xúc của bản thân mà còn dựa dẫm, nghĩ theo người khác ; cách tư duy còn thiếu khoa học, thiếu trong sáng và chặt chẽ ; còn lúng túng khi sắp xếp các ý và diễn đạt ý kiến của mình,... Từ đó, rút ra những kinh nghiệm cần thiết để sau này có thể làm tốt hơn các bài kiểm tra hoặc các bài thi.

2. Đánh giá khả năng phân tích, bàn luận các tác phẩm truyện, tuỳ bút và khả năng vận dụng các thao tác lập luận. Cần nhìn lại xem, về hai mặt đó, anh (chị) có những điểm mạnh và điểm yếu nào ; từ đó đặt ra những kế hoạch thiết thực để phát huy những điểm mạnh mà mình đã có và hạn chế những điểm yếu mà mình còn mắc phải.

timdapan.com

ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ

HÊ-MINH-UÊ

(Trích)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Thấy được vẻ đẹp của con người trong hành trình theo đuổi một ước mơ giản dị nhưng rất lớn lao của đời mình.
- Từ hai hình tượng "nhân vật" chính, tìm ra một (hoặc vài) lớp nghĩa hàm ẩn trong đoạn trích.

TIỂU DẪN

Ơ-nít Hê-minh-uê (1899 – 1961) là nhà văn Mĩ đã để lại một dấu ấn sâu sắc trong văn xuôi hiện đại phương Tây và góp phần đổi mới lối viết truyện, tiểu thuyết của nhiều thế hệ nhà văn trên thế giới nói chung. Người thanh niên ấy bước vào đời với nghề viết báo và làm phóng viên mặt trận cho tới kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai. Ông nổi tiếng với những tiểu thuyết như : *Mặt trời vẫn mọc* (1926), *Giã từ vũ khí* (1929), *Chuông nguyện hồn ai* (1940),... song truyện ngắn của ông lại cũng được đánh giá là những tác phẩm mang phong vị độc đáo hiếm thấy, ngay từ một tập truyện đầu tay như *Trong thời đại chúng ta* (1925),... Dù viết về thể nghiệm của những nhân vật từng tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất và cuộc chiến tranh thế giới chống phát xít hay viết về những trận đấu bò, săn thú dữ, đấu quyền Anh, dù viết về châu Phi hay châu Mĩ, ông đều nhằm ý đồ "viết một áng văn xuôi đơn giản và trung thực về con người".

Ơ. HÊ-MINH-UÊ

Ông già và biển cả (1952) ra mắt bạn đọc trước khi Hê-minh-uê được tặng Giải thưởng Nô-ben về văn học năm 1954, là một kết tinh tiêu biểu của những nét mới mẻ trong lối kể chuyện của Hê-minh-uê. Truyện kể lại ba ngày hai đêm ra khơi đánh cá của ông lão Xan-ti-a-gô. Trong khung cảnh mênh mông trời biển, chỉ có một mình ông lão, khi chuyện trò với mây nước, chim cá, khi đuổi theo con cá lớn, khi đương đầu với đàn cá mập đang xông vào xâu xé con cá kiếm của lão, để rốt cục, kéo vào bờ một con cá chỉ còn trơ xương... Thời gian, nhân vật dường như được thu hẹp tới mức cực hạn, nhưng câu chuyện cực kì đơn giản ấy lại gợi mở nhiều tầng ý nghĩa cho người đọc : một cuộc tìm kiếm con cá lớn nhất, đẹp nhất đời ; hành trình nhọc nhằn và dũng cảm của người lao động trong một xã hội vô tình ; thể nghiệm về

timdapan.com

thành công và thất bại của người nghệ sĩ đơn độc khi theo đuổi ước mơ sáng tạo, rồi trình bày nó trước mắt người đời ; mối liên hệ giữa con người và thiên nhiên... Bởi vậy, đúng như hình ảnh về tác phẩm nghệ thuật mà Hê-minh-uê đã từng so sánh và phấn đấu để sáng tạo, tác phẩm này giống như một tảng băng trôi. *Ông già và biển cả* xuất hiện trên phần nổi của ngôn từ không nhiều, lối viết giản dị song phần chìm của nó rất lớn, bởi đã gợi lên nhiều tầng ý nghĩa mà người đọc sẽ rút ra được tuỳ theo thể nghiệm và cảm hứng trước hình tượng – đó là biểu hiện của nguyên lí sáng tác do nhà văn đề ra : tác phẩm nghệ thuật như một "tảng băng trôi".

Đoạn trích dưới đây nằm ở cuối truyện, kể lại việc ông lão Xan-ti-a-gô đuổi theo và bắt được con cá kiếm.

VĂN BẢN

Mặt trời đang mọc lên lần thứ ba kể từ lúc lão ra khơi thì con cá bắt đầu lượn vòng.

Lão chưa thể nhìn độ nghiêng của sợi dây để biết con cá đang bơi tròn. Hãy còn quá sớm cho điều đó. Lão chỉ cảm nhận áp lực của sợi dây hơi chùng lại và dùng tay phải, lão bắt đầu nhẹ nhàng kéo vào. Sợi dây chững lại, như mọi khi, nhưng ngay lúc lão kéo đến điểm sắp đứt thì sợi dây bắt đầu thu vào. Lão lách vai và đầu ra khỏi sợi dây và bắt đầu liên tục kéo nhẹ nhàng. Lão dùng cả hai tay, lắc người, dốc hết lực của cả cơ thể, của chân trụ ra mà kéo. Đôi chân già nua và vai lão bắt nhịp với động tác kéo.

"Vòng tròn rất lớn", lão nói. "Nhưng con cá đã quay tròn".

Rồi sợi dây không nhích thêm tí nào nữa và lão giữ cho tới lúc lão thấy trong ánh nắng, những tia nước từ sợi dây bắn ra. Thế rồi sợi dây thoát đi mất, ông lão quỳ gối và đành phải để nó lao hút trở lại vào trong vùng nước tối.

"Bây giờ nó đang lượn đến chỗ xa nhất của vòng tròn rồi đấy", lão nói. Mình phải dốc sức ra mà níu, lão nghĩ. Căng thẳng sẽ khiến nó dần thu hẹp các vòng lượn. Có lẽ độ tiếng nữa mình sẽ nhìn thấy nó. Bây giờ mình phải khuất phục nó rồi sau đó mình phải giết nó.

Nhưng con cá vẫn chậm rãi lượn vòng và hai giờ sau, mồ hôi ướt đẫm người ông lão và lão mệt thấu xương. Bây giờ các vòng tròn đã hẹp hơn nhiều và từ độ chếch của sợi dây lão có thể biết con cá đang liên tục ngoi lên trong lúc bơi.

Ông lão thấy hoa mắt suốt cả tiếng đồng hồ, mồ hôi xát muối vào mắt lão và xát muối lên vết cắt phía trên mắt và trán. Lão không ngại chuyện hoa mắt.

timdapan.com

Chứng ấy bình thường khi cứ căng người ra mà kéo sợi dây. Nhưng đã hai lần lão cảm thấy chóng mặt và choáng váng và điều ấy khiến lão sợ.

"Ta không thể tự chơi xỏ mình và chết trước một con cá như thế này được", lão nói. "Bây giờ lúc ta đã khiến nó đến một cách ngon lành, Chúa giúp ta chịu đựng. Ta sẽ đọc một trăm lần kinh Lạy Cha và một trăm lần kinh Mừng Đức Mẹ. Nhưng lúc này thì ta chưa thể đọc".

Cứ xem như mình đã đọc, lão nghĩ. Mình sẽ đọc sau vậy.

Đúng lúc đó lão cảm thấy một cú quật đột ngột và cú nảy mạnh ở sợi dây lão đang níu bằng cả hai tay. Thật là sắc và cảm thấy cứng và nặng.

Lưỡi kiếm của con cá đang quật vào đoạn dây thép đáy[1], lão nghĩ. Chuyện ấy tất xảy ra. Nó phải làm như thế. Mặc dù điều đó sẽ làm con cá nhảy lên, và bây giờ mình muốn nó hãy lượn vòng thì hơn. Những cú nhảy cũng cần để nó hít không khí. Nhưng sau mỗi lần nhảy, chỗ lưỡi câu mắc vào sẽ bị rộng hơn rồi nó có thể hất văng lưỡi câu.

"Đừng nhảy, cá", lão nói. "Đừng nhảy".

Con cá quật sợi dây thêm vài lần nữa và cứ mỗi lần nó văng đầu, ông lão lại nới thêm chút dây.

Mình phải giữ cho nó đừng đau quá, lão nghĩ. Nỗi đau của ta thì không thành vấn đề. Ta có thể chế ngự. Nhưng nỗi đau của con cá thì có thể khiến nó cuồng lên.

Lát sau, con cá không quật dây đáy nữa và bắt đầu lại lượn vòng chầm chậm. Bấy giờ ông lão liên tục thu dây. Nhưng lão lại cảm thấy choáng váng. Lão đưa tay trái vốc ít nước biển vỗ lên đầu. Rồi lão tiếp tục vỗ thêm, xoa cả xuống gáy.

"Ta không để bị chuột rút", lão nói. "Chốc nữa nó sẽ ngoi lên và ta có thể cầm cự. Mày phải cầm cự. Chớ có nói lằng nhằng".

Lão tì gối vào mạn mũi thuyền một lúc rồi lại quàng sợi dây lên lưng. Bây giờ mình sẽ nghỉ một lát trong lúc nó mải lượn vòng dưới kia rồi khi nó ngoi lên mình sẽ đứng dậy chiến đấu, lão quyết định.

Được nghỉ ngơi ở đằng mũi thuyền, để mặc con cá bơi cả một vòng mà không phải kéo dây thì quả thật là cám dỗ quá mức. Nhưng khi độ căng của

---

(1) Đoạn dây thép ở sát lưỡi câu.

timdapan.com

sợi dây cho thấy con cá quay về phía thuyền, ông lão nhổm người đứng dậy, xoay, lắc, kéo tất chỗ dây thu được vào.

Chưa bao giờ mình mệt như thế này, lão nghĩ, bây giờ gió mậu dịch[1] đang nổi lên. Nhưng đấy sẽ là hướng gió thuận để đưa con cá vào bờ. Mình rất cần thứ gió này.

"Lượt tới nó lượn ra, ta sẽ nghỉ", lão nói. "Ta cảm thấy đỡ hơn nhiều. Chỉ hai ba vòng nữa thôi thì ta sẽ có nó".

Chiếc mũ rơm của lão trật ra sau gáy và lão ngồi thụp xuống mũi thuyền với sức kéo sợi dây, khi lão cảm thấy con cá lượn lại.

Bây giờ mày cứ lượn đi, cá, lão nghĩ. Tao sẽ tóm mày ở đường lượn.

Biển dậy sóng. Nhưng gió ấy chỉ xuất hiện vào những lúc thời tiết tốt và lão phải cần nó để trở về đất liền.

"Ta chỉ việc lái theo hướng tây nam", lão nói. "Người ta không bao giờ lạc trên biển và đây lại là một hòn đảo dài".

Đến vòng thứ ba, lão lần đầu tiên thấy con cá.

Thoạt tiên lão thấy một cái bóng đen vượt dài qua dưới con thuyền, đến mức lão không thể tin nổi độ dài của nó.

"Không", lão nói. "Nó không thể lớn như thế được".

Nhưng đúng là con cá lớn như thế và đến cuối đường vòng ấy, chỉ cách chừng hai lăm mét, nó trồi lên và lão nom thấy cái đuôi nhô khỏi mặt nước. Cái đuôi lớn hơn cả chiếc lưỡi hái lớn, màu tím hồng dựng trên mặt đại dương xanh thẫm. Nó lại lặn xuống và khi con cá hãy còn mấp mé mặt nước, ông lão có thể nhìn thấy thân hình đồ sộ và những sọc màu tía trên mình nó. Cánh vi trên lưng xếp lại, còn bộ vây to sụ bên sườn xoè rộng.

Lần lượn này, ông lão có thể nhìn thấy mắt con cá và cả hai con cá chét xám bơi bên cạnh. Thỉnh thoảng hai con cá này rúc vào mình nó. Rồi có lúc chúng dạt ra. Chốc chốc chúng lại nhẹ nhàng bơi trong bóng của con cá lớn. Mỗi con dài cả thước và khi bơi nhanh, chúng vặn vẹo toàn thân như thể loài lươn.

---

(1) *Gió mậu dịch* (nguyên văn tiếng Anh : *trade wind*) : gió mạnh thổi tới vùng xích đạo từ hướng đông nam hay đông bắc.

timdapan.com

Bây giờ ông lão đang toát mồ hôi đầm đìa nhưng không phải vì mặt trời mà là vì một nguyên nhân khác. Cứ mỗi vòng bơi bình lặng của con cá thì lão lại thu dây vào và lão chắc chỉ chừng hai vòng nữa thôi thì lão sẽ có cơ hội phóng lao vào nó.

Nhưng mình phải để nó đến gần, gần, thật gần, lão nghĩ. Mình không cần nhằm vào đầu. Mình phải nhằm vào tim.

"Hãy bình tĩnh và giữ sức, lão già ạ", lão nói.

Vòng lượn tiếp theo, lưng con cá đã nhô lên nhưng hãy còn khá xa thuyền. Vòng tiếp theo đó, nó vẫn ở xa nhưng đã nhô mình lên cao hơn và ông lão tin chắc rằng nếu thu thêm dây thì con cá sẽ cập sát thuyền.

Lão đã chuẩn bị mũi lao trước đấy khá lâu ; cuộn dây nhỏ của nó để trong cái xô tròn và một đầu dây đã được buộc vào cái mấu ở mũi thuyền.

Bây giờ con cá lại tiếp tục lượn vào theo vòng tròn của nó, trông điềm tĩnh và tuyệt đẹp, chỉ có cái đuôi đồ sộ cử động. Ông lão dốc hết sức ra kéo con cá vào gần hơn. Con cá khẽ nghiêng mình trong chốc lát. Rồi trở mình thẳng dậy và bắt đầu lượn thêm vòng nữa.

"Ta đã di chuyển được nó", ông lão nói. "Ta đã di chuyển được nó rồi".

Lúc này lão lại thấy xây xẩm mặt mày nhưng vẫn gượng hết sức bình sinh ra mà kéo con cá khổng lồ. Mình di chuyển được nó, lão nghĩ. Có lẽ lần này mình sẽ tóm được nó. Kéo đi, tay ơi, lão thầm giục. Hãy đứng vững, đôi chân kia. Tỉnh táo vì tao, đầu à. Hãy tỉnh táo vì tao. Bọn mày chưa bao giờ bại trận. Lần này ta sẽ lật được nó.

Nhưng khi lão tập trung hết sức lực, chuẩn bị dốc kiệt ra trước khi con cá bơi song song với mạn thuyền và gắng sức bình sinh mà kéo thì con cá chao mình tránh ra rồi lật thẳng người lên bơi đi.

"Cá ơi", ông lão nói. "Cá này, dẫu sao thì mày cũng sẽ chết. Mày muốn tao cùng chết nữa à ?".

Cứ cái đà này thì không ổn rồi, lão nghĩ. Miệng lão khô khốc không thể nói nổi, nhưng lúc này lão không thể với lấy cái chai. Lần này mình phải kéo nó cập mạn, lão nghĩ. Cứ thêm vài vòng nữa thì mình sẽ đuối sức. Không, mày khoẻ, lão tự nhủ. Mày luôn khoẻ.

Vòng lượn tiếp theo, lão gần như kìm được con cá. Nhưng lần nữa nó lại lật thẳng mình, từ từ bơi ra xa.

timdapan.com

Mày đang giết tao, cá à, ông lão nghĩ. Nhưng mày có quyền làm như thế. Tao chưa bao giờ thấy bất kì ai hùng dũng, duyên dáng, bình tĩnh, cao thượng hơn mày, người anh em ạ. Hãy đến và giết ta đi. Ta không quan tâm chuyện ai giết ai.

Giờ thì đầu óc mày đang lú lẫn lên hết cả rồi, lão nghĩ. Mày phải giữ đầu óc tỉnh táo. Hãy giữ đầu óc tỉnh táo và biết cách chịu đựng như một con người. Hay như một con cá, lão nghĩ.

"Đầu ơi, hãy tỉnh táo", lão nói bằng giọng mà bản thân hầu như không còn nghe nổi. "Hãy tỉnh táo".

Con cá lượn thêm hai vòng nữa mà vẫn vậy.

Mình không biết, ông lão nghĩ. Đã đến lúc lão có cảm giác như lão có thể đổ sụp xuống bất cứ lúc nào. Mình không biết. Nhưng mình sẽ cố thêm lần nữa.

Lão cố thêm lần nữa và khi kìm con cá, lão cảm thấy mình sắp ngất đi. Con cá rướn thẳng mình, lại chầm chậm bơi xa, cái đuôi đồ sộ lắc lư trong không trung.

Mình sẽ lại cố thêm, ông lão hứa mặc dù hai tay lão đã rã rời và mắt lão chỉ có thể nhìn rõ được từng lúc mà thôi.

Lão lại cố và mọi chuyện vẫn như cũ. Thế đấy, lão nghĩ và lão cảm thấy xây xẩm cả mặt mày trước lúc bắt đầu ; mình sẽ lại cố thêm một lần nữa.

Dồn hết mọi đớn đau và những gì còn lại của sức lực và lòng kiêu hãnh đã rời bỏ từ lâu, lão mang ra đương đầu với cơn hấp hối của con cá và con cá tiến gần mạn thuyền, từ từ bơi nghiêng, mõm nó gần như chạm vào ván thuyền và sắp sửa vượt qua, dài, sâu, rộng, ánh bạc, vằn tía và bất tận trong dòng nước.

Ông lão buông sợi dây xuống, giẫm chân giữ rồi nhấc cao ngọn lao hết mức, vận hết sức bình sinh, cộng thêm sức lực lão vừa huy động trong người, phóng xuống sườn con cá ngay sau cái vây ngực đồ sộ, vươn cao trong không trung ngang ngực ông lão. Cảm thấy mũi sắt cắm phập vào, lão tì người lên ấn sâu xuống rồi dồn hết trọng lực lên cán lao.

Khi ấy con cá, mang cái chết trong mình, sực tỉnh, phóng vút lên khỏi mặt nước phô hết tầm vóc khổng lồ, vẻ đẹp và sức lực. Nó dường như treo lơ lửng trong không trung phía trên ông lão và chiếc thuyền. Thoáng chốc nó rơi sầm xuống làm nước bắn tung trùm lên cả ông lão lẫn con thuyền.

timdapan.com

Ông lão cảm thấy choáng váng, đau đớn và lão không thể nhìn rõ. Nhưng lão vẫn gỡ sợi dây của ngọn lao rồi để nó từ từ chạy qua đôi tay sây sát, và khi có thể nhìn rõ, lão thấy con cá nằm ngửa phơi cái bụng ánh bạc của nó lên trời. Cán lao nhô ra từ cái hốc sau vây cá, còn biển thì đang đổi màu bởi máu đỏ loang ra từ tim cá. Thoạt tiên, làn máu đen sẫm trông như bãi cát ngầm trong làn nước biếc sâu hơn ngàn thước. Rồi nó lan rộng tựa đám mây. Con cá trắng bạc, thẳng đơ và bồng bềnh theo sóng.

Ông lão chú mục quan sát khi thấp thoáng nhìn được. Rồi lão quấn sợi dây mũi lao hai vòng quanh cái mấu ở đầu thuyền và gục đầu vào lòng bàn tay.

"Hãy giữ đầu óc mình tỉnh táo", lão nói vào mạn thuyền. "Ta là lão già mệt mỏi. Nhưng ta đã giết con cá này, người anh em ta, và bây giờ ta phải làm cái thứ khổ dịch này."

Lúc này mình phải chuẩn bị dây và thòng lọng để buộc con cá vào mạn thuyền, lão nghĩ. Dầu cho mình có hai người để nghiêng thuyền kéo nó lên rồi tát nước ra thì chiếc thuyền này cũng không thể chứa nổi nó. Mình phải chuẩn bị mọi thứ, kéo nó vào buộc chặt rồi dựng cột, giong buồm trở về.

Lão bắt tay kéo con cá cập sát thuyền để có thể luồn sợi dây qua mang, ra mõm rồi buộc đầu nó vào mũi thuyền. Mình muốn ngắm nó, lão nghĩ, muốn chạm và sờ vào mình nó. Con cá là vận may của ta, lão nghĩ. Nhưng đấy không phải là lí do để ta muốn sờ nó. Ta chắc ta đã cảm thấy trái tim của nó, lão nghĩ. Khi ta ấn cái cán lao lần thứ hai. Bây giờ phải kéo nó vào, buộc chặt và tròng một chiếc thòng lọng vào giữa thân và một chiếc nữa vào đuôi để buộc nó vào thuyền.

"Làm ngay đi, lão già ơi", lão nói. Lão hớp một ngụm nước rất nhỏ. "Bây giờ khi trận đấu đã kết thúc, lại phải làm lắm thứ khổ dịch hơn".

Lão ngước nhìn bầu trời rồi cúi nhìn con cá. Lão chăm chú quan sát mặt trời. Chỉ vừa xế trưa thôi, lão nghĩ. Và gió mậu dịch đang thổi. Cả đám dây câu ấy bây giờ không quan trọng. Thằng bé sẽ cùng mình nối lại khi về đến nhà.

"Đến đây, cá", lão nói. Nhưng con cá không nhúc nhích. Thay vào đó, lúc này nó nằm ườn mình trên biển và ông lão phải lôi con thuyền lại chỗ nó.

Khi đến bên con cá và kéo đầu nó tì sát mũi thuyền, lão không thể nào tin được kích thước của nó. Tuy vậy lão tháo sợi dây ở cán lao ra khỏi cái mấu, luồn nó qua mang cá ra miệng, quấn một vòng quanh cái kiếm rồi lại đút sợi dây qua miệng ra mang kia, quấn một vòng nữa quanh miệng cá, gút chập sợi dây đôi lại rồi cột vào cái mấu đằng mũi thuyền. Rồi lão cắt sợi dây mang ra

timdapan.com

sau lái buộc thòng lọng vào đuôi cá. Da cá chuyển từ màu gốc, màu tía ánh bạc, sang màu trắng bạc và những cái sọc phô cùng màu tím nhạt như đuôi nó. Những đường sọc ấy lớn hơn cả bàn tay người xoè rộng, còn mắt nó trông dửng dưng như những tấm kính trong kính viễn vọng hay như một vị thánh trong đám rước.

"Đấy là cách duy nhất để giết nó", ông lão nói. Kể từ lúc uống nước, lão cảm thấy khoẻ hơn và lão biết lão sẽ không bị ngất và đầu óc lão tỉnh táo. Kiểu này thì con cá chắc phải nặng hơn nửa tấn, lão nghĩ. Có lẽ còn hơn cả thế. Nếu chỉ tính hai phần ba số lượng thịt từ trọng lượng ấy với giá ba mươi xen một pao[1] thì sẽ được bao nhiêu ?

"Ta cần một cây bút chì để tính", lão nói. "Đầu ta không thạo tính toán. Nhưng ta nghĩ Đi Ma-giô vĩ đại sẽ tự hào về ta hôm nay. Ta không mắc chứng nẻ cựa gà. Nhưng đôi tay và lưng thì thực sự nhức nhối.". Mình chẳng hay chứng nẻ cựa gà là gì, lão nghĩ. Không chừng mình đã mắc chứng ấy mà không biết.

Lão buộc chặt con cá vào mũi, đuôi thuyền và cả vào cái gióng ngang giữa thuyền. Con cá lớn đến nỗi trông như thể ông lão buộc một con thuyền khác lớn hơn nhiều vào thuyền mình. Lão cắt một mẩu dây và buộc chặt cái hàm dưới của con cá vào miệng để miệng nó không há ra, để con thuyền lướt đi càng êm càng tốt. Rồi lão dựng cột, căng buồm với thanh đỡ là cái sào móc ở bên trên và cây sào dài giữ ở bên dưới ; cánh buồm vá căng phồng, con thuyền bắt đầu lướt đi ; tựa ngả người lên đuôi thuyền, lão lái về hướng tây nam.

Lão không cần la bàn để biết hướng tây nam. Lão chỉ cần nương theo hướng gió mậu dịch và chiều xoay trở của cánh buồm. Tốt hơn là mình nên kiếm một cái mồi thìa[2] buộc vào sợi dây nhỏ để kiếm cái gì đó bỏ bụng và làm dịu cơn khát. Nhưng lão chẳng tìm thấy, còn mấy con cá mòi thì đã ươn. Vậy nên lão dùng cái móc khua một đám rong vàng vùng Nhiệt lưu lên thuyền khi đám rong đó trôi qua và rũ bắt những con tôm nhỏ rơi xuống lòng thuyền. Chừng hơn mười con và chúng nhảy búng chân như loài bọ chét trên cát. Ông lão dùng ngón cái và ngón trỏ rứt đầu rồi nhai gọn cả vỏ lẫn đuôi. Mấy con tôm rất bé nhưng lão biết chúng giàu chất dinh dưỡng, vả lại mùi vị của chúng thật dễ chịu.

---

(1) 1 xen (tiếng Anh : *cent*) = 0,01 đô la ; 1 pao (tiếng Anh : *pound*) = 0,454 kg.

(2) *Mồi thìa* (nguyên văn tiếng Anh : *spoon*) : một loại mồi cho cá ăn thịt sống.

timdapan.com

Ông lão vẫn còn trong chai độ hai ngụm nước và sau khi ăn xong chỗ tôm ấy, lão uống hết một phần tư. Con thuyền vẫn lướt êm bất chấp vật cản kia ; ông lão cặp tay lái vào nách, lái thuyền đi. Lão có thể nhìn thấy con cá, và chỉ khi nhìn đôi tay và cảm nhận cái mạn thuyền dưới lưng, lão biết việc này đã thực sự xảy ra chứ đâu phải trong mơ. Đã có lúc khi cuộc đấu sắp kết thúc, người lão rệu rã đến nỗi lão nghĩ chuyện con cá hẳn là trong mơ. Rồi khi lão thấy con cá tung mình lên khỏi mặt nước, lơ lửng bất động trong không trung trước lúc rơi xuống thì lão chắc chắn là có điều gì đó thực sự quái đản và lão không thể nào tin nổi. Khi ấy lão không thể nhìn rõ, nhưng bây giờ mắt lão lại tỏ như thường.

Lúc này lão biết con cá có thật và tay và lưng lão đâu phải là mơ. Tay sẽ chóng khỏi thôi, lão nghĩ. Mình đã làm chúng chảy máu và nước mặn sẽ chữa lành chúng. Làn nước sẫm đen của chính dòng Nhiệt lưu vốn là phương thuốc chữa lành vết thương hiệu nghiệm nhất. Những gì mình phải làm là giữ cho đầu óc tỉnh táo. Đôi tay vẫn làm công việc của nó và chúng ta lái giỏi. Với cái miệng mím chặt, cái đuôi nhịp nhàng, chúng ta lái thuyền đi như thể hai anh em. Rồi đầu óc lão bắt đầu hơi lẫn lộn và lão nghĩ con cá đưa ta hay ta đang đưa nó vào bờ ? Nếu ta đang kéo nó phía sau thì chẳng có vấn đề gì và nếu con cá ở trên thuyền nằm đờ ra, thì cũng chẳng có vấn đề gì. Nhưng ông lão và con cá lại đang cặp kè lướt đi nên lão nghĩ, cứ để cu cậu đưa ta vào bờ nếu việc đó làm hài lòng cu cậu. Ta chỉ thạo hơn cu cậu ở mỗi cái trò mánh lới ; còn cu cậu thì đâu có làm hại ta chút mảy may.

Họ lái thuyền êm, ông lão nhúng hai bàn tay xuống nước mặn và cố giữ đầu óc tỉnh táo. Có những đám mây tích[1] trên cao và nhiều dải mây tơ[2] bên trên, vì vậy ông lão biết gió nhẹ sẽ còn thổi suốt đêm. Ông lão thường xuyên nhìn con cá để chắc chắn là nó có thực. Một tiếng đồng hồ sau, con cá mập đầu tiên tấn công.

(*Ông già và biển cả*, bản dịch của Lê Huy Bắc, NXB Văn học, Hà Nội, 2004)

(1) *Mây tích* (nguyên văn tiếng Anh : *cumulus*) : loại mây có hình thù giống như những khối bông xốp trắng, lơ lửng ở độ cao dưới 10 km. Mây tích là dấu hiệu của những ngày nóng.

(2) *Mây tơ* (nguyên văn tiếng Anh : *cirrus*) : loại mây mỏng, ở độ cao từ 10 đến 12 km. Mây tơ là dấu hiệu của thời tiết nắng đẹp.

timdapan.com

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hình ảnh những vòng lượn của con cá kiếm được nhắc đi nhắc lại trong đoạn văn gợi lên những đặc điểm gì về cuộc đấu giữa ông lão và con cá kiếm (thời điểm, phong độ, tư thế,...) ?

2. Cảm nhận về con cá kiếm tập trung vào những giác quan nào của ông lão ? Chứng minh rằng những chi tiết này gợi lên một sự tiếp nhận từ xa đến gần, từ bộ phận đến toàn thể.

3. Hãy phát hiện thêm một lớp ý nghĩa mới : Phải chăng ông lão chỉ cảm nhận đối tượng bằng giác quan của một người đi săn, một kẻ chỉ nhằm tiêu diệt đối thủ của mình ? Hãy tìm những chi tiết chứng tỏ một cảm nhận khác lạ ở đây, từ đó nhận xét về mối liên hệ giữa ông lão và con cá kiếm.

4. So sánh hình ảnh con cá kiếm trước và sau khi ông lão chiếm được nó. Điều này gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì ? Vì sao có thể coi con cá kiếm như một biểu tượng ?

GHI NHỚ

Hình ảnh ông lão đánh cá đơn độc dũng cảm săn đuổi con cá lớn nhất đời là một biểu tượng về vẻ đẹp của ước mơ và hành trình gian khổ của con người để biến ước mơ thành hiện thực. Sự chuyển hoá từ bức tranh với những nét trần trụi, chân thực, giản dị sang một lớp nghĩa hàm ẩn, rộng lớn – đó chính là phong cách của Hê-minh-uê và cũng là sự thể hiện nguyên lí sáng tác của ông : tác phẩm nghệ thuật như một "tảng băng trôi".

LUYỆN TẬP

1. Ngoài việc miêu tả bằng lời của người kể chuyện, còn có loại ngôn từ nào trực tiếp nói lên hành động và thái độ của ông lão trước con cá kiếm nữa không ? Sử dụng loại ngôn từ này có tác dụng gì khi nói lên mối quan hệ giữa ông lão và con cá kiếm ?

2. Tên tác phẩm (nguyên văn tiếng Anh : *The old man and the sea*) trong các bản dịch ở Việt Nam đều được bổ sung thêm một định ngữ : *Ông già và biển cả*. Nếu dịch đúng nguyên văn, chỉ còn : *Ông già và biển*. Anh (chị) thích cách dịch nào hơn ? Vì sao ?

timdapan.com

DIỄN ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được những chuẩn mực diễn đạt của bài văn nghị luận.
- Biết cách tránh các lỗi về dùng từ, viết câu, sử dụng giọng điệu không phù hợp với chuẩn mực diễn đạt của bài văn nghị luận.
- Nâng cao kĩ năng vận dụng những cách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề linh hoạt, sáng tạo.

I – CÁCH SỬ DỤNG TỪ NGỮ TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1. Tìm hiểu các ví dụ sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới.

Đề tài : Vẻ đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh qua một số bài thơ của tập *Nhật kí trong tù : Chiều tối ; Giải đi sớm ; Mới ra tù, tập leo núi.*

(1) *Chúng ta hẳn ai cũng nghe nói về tập thơ* ***Nhật kí trong tù*** *của Hồ Chí Minh. Tập thơ gồm những bài được Bác làm trong lúc nhàn rỗi ở nhà lao cực khổ của bọn Tưởng Giới Thạch. Bác vốn chẳng thích làm thơ : "Ngâm thơ ta vốn không ham...". Nhưng trong hoàn cảnh nhà tù khổ sở, tăm tối, tâm hồn tác giả Hồ Chí Minh vẫn mang một vẻ đẹp lung linh. Vẻ đẹp ấy thể hiện rõ trong các bài thơ :* ***Chiều tối*** *;* ***Giải đi sớm*** *;* ***Mới ra tù, tập leo núi****.*

(2) *Nhắc tới sự nghiệp sáng tác của Hồ Chí Minh, chúng ta không thể không nhắc tới tập thơ* ***Nhật kí trong tù****. Tập thơ được viết trong những thời khắc hiếm hoi – được thanh nhàn bất đắc dĩ của Bác giữa chốn lao tù. Thơ không phải là mục đích cao nhất của người chiến sĩ cách mạng, như Người đã tự bạch một cách thật khiêm tốn :*

"Ngâm thơ ta vốn không ham
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây ?"

Nhưng những vần thơ vang lên trong cảnh tù đày, "tê tái gông cùm" lại là những "vần thơ thép" "mà vẫn mênh mông bát ngát tình". Bởi lẽ, với người nghệ sĩ –

timdapan.com

chiến sĩ ấy, chỉ có "thân thể ở trong lao", còn tinh thần Người vẫn vượt thoát qua chấn song, qua xiềng xích, qua dây trói của nhà tù. ***Chiều tối*** *;* ***Giải đi sớm*** *;* ***Mới ra tù, tập leo núi****,... là những thi phẩm tiêu biểu cho tinh thần đó.*

Yêu cầu :

a) Cùng trình bày một nội dung cơ bản giống nhau nhưng cách dùng từ ngữ trong hai ví dụ trên khác nhau như thế nào ? Hãy chỉ rõ ưu điểm hoặc nhược điểm trong cách dùng từ ngữ của mỗi ví dụ.

b) Chỉ rõ những từ ngữ dùng không phù hợp với đối tượng nghị luận trong các ví dụ trên. Theo anh (chị), có thể sửa lại những từ ngữ này như thế nào để việc diễn đạt đảm bảo yêu cầu của văn nghị luận mà vẫn giữ nguyên được ý chính của câu văn, đoạn văn ?

c) Hãy viết một đoạn văn có nội dung cơ bản tương tự như các ví dụ trên nhưng dùng một số từ ngữ khác để thay đổi cách diễn đạt.

2. Tìm hiểu đoạn trích sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới.

Ấy là Huy Cận đó – nhưng một thi sĩ "thiên nhiên" như chàng thì ở nơi nào chẳng được, ở thời nay cũng như ở thời xưa ; ***chàng*** *như không ở trong thời gian mà chỉ ở trong không gian ; người ta muốn tưởng* ***linh hồn Huy Cận*** *là đám mây kia, là* ***nỗi hắt hiu trong cõi trời****, là* ***hơi gió nhớ thương****...*

Trong thơ Việt Nam, nghe bay dậy ***một tiếng địch buồn****. Không phải* ***sáo Thiên Thai****, không phải* ***điệu ái tình****, không phải* ***lời li tao***[1] *kể chuyện một cái "tôi" ; mà ấy là* ***một bản ngậm ngùi dài*** *: có phải* ***tiếng đìu hiu của khóm trúc, bông lau*** *; có phải* ***niềm than van của bờ sông, bãi cát*** *; có phải* ***mặt trăng một mình đang cảm thương cùng các vì sao*** *?*

(Xuân Diệu, Lời tựa cho tập *Lửa thiêng*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1995)

Câu hỏi :

a) Những từ ngữ in đậm trong đoạn trích trên có tác dụng biểu hiện cảm xúc của người viết như thế nào và gợi lên điều gì về đối tượng nghị luận ?

b) Sắc thái biểu cảm của các từ ngữ đó có phù hợp với đối tượng nghị luận của đoạn trích không ? Tại sao ?

(1) *Li tao* : tên một tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ Trung Quốc Khuất Nguyên (340 – 278 trước Công nguyên) ; ở đây dùng để chỉ thơ ca, âm nhạc nói chung.

timdapan.com

3. Chỉ ra những từ ngữ dùng không phù hợp trong đoạn văn sau, thay thế bằng các từ ngữ thích hợp với yêu cầu của văn nghị luận và vấn đề cần nghị luận. Viết lại đoạn văn sau khi đã sửa lại những từ ngữ không thích hợp.

Đề bài : Trình bày những suy nghĩ của anh (chị) về mối quan hệ giữa linh hồn và thể xác con người qua đoạn trích cảnh VII của vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ).

Lưu Quang Vũ là một kịch tác gia vĩ đại. Vở kịch ***Hồn Trương Ba, da hàng thịt*** *xứng đáng là một kiệt tác trong kho tàng văn học nước nhà. Nhà văn đã nêu lên một vấn đề có ý nghĩa sâu sắc : sự tranh chấp giữa linh hồn và thể xác trong quá trình con người sống và hướng tới sự hoàn thiện. Thực ra, người ta ai mà chẳng phải sống bằng cả linh hồn và thể xác. Linh hồn có cao khiết, đẹp đẽ thế nào cũng chẳng là gì cả khi không có thể xác. Anh chàng Trương Ba trong vở kịch* ***Hồn Trương Ba, da hàng thịt*** *cũng thế mà thôi. Anh ta không thể sống chỉ bằng phần hồn. Nhưng phần hồn ấy, vì những trớ trêu, éo le của số phận, lại bị nhập vào xác của tên hàng thịt. Chẳng qua đó chỉ là một cái xác "âm u đui mù" nếu không có hồn Trương Ba. Nhưng nó cũng không để cho hồn Trương Ba được yên mà lại còn làm anh ta phát bệnh vì những đòi hỏi, ham muốn quá quắt của nó.*

4. Qua việc tìm hiểu những ví dụ đã nêu, theo anh (chị), khi sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận cần chú ý những yêu cầu gì ?

II – CÁCH SỬ DỤNG KẾT HỢP CÁC KIỂU CÂU TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1. Tìm hiểu các ví dụ sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới.

Đề bài : Phân tích nhân vật Trọng Thuỷ trong *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thuỷ*.

(1) *Ở phần đầu truyền thuyết, khi Trọng Thuỷ tìm cách đánh cắp nỏ thần, những âm mưu và tham vọng tăm tối xâm chiếm con người chàng. Sau khi đạt được âm mưu, phần con người trong chàng mới lên tiếng. Giờ đây, chàng phải đối mặt với những mất mát lớn. Chàng mất Mị Châu, người vợ hiền dịu, ngây thơ, hết lòng vì chồng. Đến lúc này chàng mới nhận ra sự tàn khốc của những âm mưu xâm lược mà chàng là kẻ thừa hành và là thủ phạm. Trọng Thuỷ luôn nhìn thấy hình bóng Mị Châu nơi giếng nước vì chàng không muốn tin và không chấp nhận*

timdapan.com

cái chết của nàng, cũng vì thế chàng không thể tha thứ cho bản thân mình. Tuy đã muộn, nhưng trong nỗi ân hận, Trọng Thuỷ đành lựa chọn cái chết để sám hối và mong chuộc lại lỗi lầm, tự trừng phạt và thanh tẩy tội lỗi.

(2) *Nếu như từ đầu truyền thuyết, khi Trọng Thuỷ tìm cách đánh cắp nỏ thần, những âm mưu và tham vọng tăm tối xâm chiếm con người chàng thì sau khi âm mưu hoàn tất, phần con người trong chàng mới lên tiếng. Giờ đây, Trọng Thuỷ phải đối mặt với những mất mát lớn. Mất Mị Châu – người vợ hiền dịu, ngây thơ, hết lòng vì chồng, chàng nhận ra sự tàn khốc của những âm mưu xâm lược mà chàng là kẻ thừa hành, hơn thế, chính là thủ phạm. Vì sao Trọng Thuỷ luôn nhìn thấy hình bóng Mị Châu nơi giếng nước ? Vì chàng không muốn tin và không chấp nhận rằng : "Nàng đã chết !". Không thể tha thứ cho bản thân mình, chàng đã lựa chọn cái chết. Cái chết sám hối. Cái chết trong ân hận muộn mằn. Cái chết với khao khát được chuộc lại lỗi lầm. Đó chính là cái chết của sự tự trừng phạt. Cái chết ấy có giá trị thanh tẩy những tội lỗi của Trọng Thuỷ.*

Yêu cầu :

a) So sánh cách sử dụng kết hợp các kiểu câu của hai đoạn văn và chỉ ra hiệu quả diễn đạt của cách sử dụng này.

b) Vì sao trong một đoạn văn nghị luận nên sử dụng kết hợp nhiều kiểu câu khác nhau ?

c) Đoạn văn nào trong hai đoạn văn trên sử dụng phép tu từ cú pháp ? Đó là những phép tu từ nào ? Phân tích ngắn gọn hiệu quả của những phép tu từ đó trong việc trình bày đề tài và biểu hiện cảm xúc của người viết.

d) Vì sao trong bài văn nghị luận nên sử dụng một số phép tu từ cú pháp ? Các phép tu từ cú pháp thường được sử dụng trong văn nghị luận là những phép tu từ nào ? Nêu một số ví dụ và phân tích ngắn gọn.

2. Tìm hiểu ví dụ sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới.

Cái làng Thiện Vịnh trong thơ Nguyễn Bính cũng chỉ là một bóng mơ. Làng Thiện Vịnh thật có giữa vùng chiêm khê mùa thối đất Nam Định, Thái Bình, đâu đâu cũng xơ xác nước trắng đồng, gió lùa sóng đồng cồn lên, quần lại, lật thuyền mảng, cả đến người ra cứu lúa cũng chết đuối. Mỗi năm, mỗi mùa, biết bao người đã bỏ làng đi tha phương. Nhà thơ bó gối ngồi nhìn vào trong đêm. Chỉ nghĩ lại cũng đã se lòng. Nhà thơ tưởng tượng, trên những khổ cực ấy, phấp phới những lứa tuổi đương tơ, hoa cải vàng tháng chạp, mưa dây mưa dợ, trăng rằm sáng như ban ngày và những đêm chèo hát...

timdapan.com

Thơ là niềm khao khát, là ước nguyện của con người. Khi chưa quen Nguyễn Bính, tôi cũng không thật hiểu được những bài thơ viết về đồng quê của Nguyễn Bính và cũng chưa phân biệt được đâu là chút lòng mộc mạc thiết tha của người làm thơ, đâu là cái hoa hoè hoa sói của chàng trai quê ra tỉnh.

(Tô Hoài, Lời giới thiệu *Tuyển tập Nguyễn Bính*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1986)

Yêu cầu :

a) Trong đoạn trích trên, người viết chủ yếu sử dụng kiểu câu nào của tiếng Việt ? Kiểu câu đó có hiệu quả thế nào trong việc truyền đạt nội dung thông báo ?

b) So sánh kiểu câu của câu văn "Chỉ nghĩ lại cũng đã se lòng." với những câu khác trong đoạn trích và phân tích ngắn gọn hiệu quả của kiểu câu này trong việc truyền đạt nội dung thông báo và biểu hiện cảm xúc của người viết.

3. Chỉ rõ những nhược điểm trong việc sử dụng kết hợp các kiểu câu của các đoạn văn sau và nêu cách khắc phục những nhược điểm đó để việc diễn đạt nội dung sáng rõ và linh hoạt hơn.

(1) *Qua việc xây dựng tình huống, khắc hoạ nhân vật và thể hiện tâm trạng cùng với việc sử dụng hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng, gợi những liên tưởng sâu sắc cho người đọc, Nguyễn Minh Châu đã sáng tạo nên một truyện ngắn hay và đặc sắc. Qua nhân vật Nhĩ trong* ***Bến quê,*** *nhà văn đã nói lên những suy tư, trăn trở của con người trong thời khắc mong manh giữa sự sống và cái chết. Qua nhân vật này, tác giả muốn nhắn nhủ : hãy biết trân trọng những giá trị, những điều bình dị và gần gũi nhất trong cuộc đời.*

(2) *Kho tàng văn học dân gian Việt Nam rất đồ sộ, gồm những tác phẩm của nhiều dân tộc trên khắp miền đất nước, với nhiều thể loại : thần thoại, sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích, ca dao, dân ca,... có giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ to lớn. Kho tàng văn học dân gian Việt Nam là cuốn "bách khoa thư" về cuộc sống, cung cấp cho nhân dân vốn hiểu biết phong phú, toàn diện về thế giới tự nhiên, con người và cuộc sống. Văn học dân gian góp phần bảo tồn và nuôi dưỡng con người : các tác phẩm văn học dân gian thường hướng tới chân, thiện, mĩ ; góp phần xây dựng và hoàn thiện nhân cách con người, giúp con người phân biệt điều hay, điều dở, cái thiện, cái ác. Ngoài ra, văn học dân gian còn bảo tồn, gìn giữ tiếng nói chung, nền văn hoá dân tộc,*

timdapan.com

là cơ sở, nguồn gốc của văn học viết trong suốt quá trình phát triển của nền văn học Việt Nam.

4. Từ những nội dung đã tìm hiểu ở các mục 1, 2, 3, theo anh (chị), khi sử dụng kết hợp các kiểu câu trong văn nghị luận cần chú ý những yêu cầu gì ?

GHI NHỚ

Khi viết bài văn nghị luận, cần chú ý :

– Về cách dùng từ ngữ :

+ Lựa chọn từ ngữ chính xác, phù hợp với vấn đề cần nghị luận ; tránh dùng từ lạc phong cách hoặc những từ ngữ sáo rỗng, cầu kì.

+ Kết hợp sử dụng các phép tu từ từ vựng và một số từ ngữ mang tính biểu cảm, gợi hình tượng để bộc lộ cảm xúc phù hợp.

– Về cách sử dụng kết hợp các kiểu câu :

+ Kết hợp một số kiểu câu trong đoạn, trong bài để tạo nên giọng điệu linh hoạt, biểu hiện cảm xúc.

+ Sử dụng các phép tu từ cú pháp để tạo nhịp điệu, nhấn mạnh rõ hơn thái độ, cảm xúc.

timdapan.com

HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT — LƯU QUANG VŨ

(Trích)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Cảm nhận được : bi kịch của con người khi bị đặt vào nghịch cảnh phải sống nhờ, sống tạm và trái tự nhiên khiến tâm hồn nhân hậu, thanh cao bị nhiễm độc và tha hoá trước sự lấn át của thể xác thô lỗ, phàm tục ; vẻ đẹp tâm hồn người lao động trong cuộc đấu tranh chống lại sự giả tạo và dung tục, bảo vệ quyền được sống đích thực và khát vọng hoàn thiện nhân cách.
- Thấy được kịch Lưu Quang Vũ đặc sắc trên nhiều phương diện : sự hấp dẫn của kịch bản văn học và nghệ thuật sân khấu, sự kết hợp giữa tính hiện đại với các giá trị truyền thống, sự phê phán mạnh mẽ, quyết liệt và chất trữ tình đằm thắm, bay bổng.

TIỂU DẪN

LƯU QUANG VŨ

Lưu Quang Vũ (1948 – 1988), quê gốc ở Đà Nẵng, sinh tại Phú Thọ trong một gia đình trí thức, cha là nhà viết kịch Lưu Quang Thuận, nên thiên hướng và năng khiếu nghệ thuật của ông đã sớm bộc lộ từ nhỏ. Từ năm 1965 đến năm 1970, ông vào bộ đội, phục vụ trong quân chủng Phòng không – Không quân. Từ năm 1970 đến năm 1978 ông xuất ngũ và làm đủ mọi nghề để mưu sinh, như làm hợp đồng cho Nhà xuất bản Giải phóng, chấm công trong một đội cầu đường, vẽ pa-nô, áp-phích,... Từ năm 1978 đến năm 1988, ông là biên tập viên tạp chí *Sân khấu* và bắt đầu sáng tác kịch nói – với vở kịch đầu tay *Sống mãi tuổi 17* (viết lại theo kịch bản của Vũ Duy Kỳ). Nhưng sau đó, một nguồn lực sáng tạo đột khởi mạnh mẽ đã bùng cháy dưới ngòi bút Lưu Quang Vũ. Với những vở kịch gây chấn động dư luận như : *Lời nói dối cuối cùng, Nàng Xi-ta, Chết cho điều chưa có, Nếu anh không đốt lửa, Lời thề thứ 9, Khoảnh khắc và vô tận, Bệnh sĩ, Tôi và chúng ta,...* Lưu Quang Vũ không chỉ trở thành một hiện tượng đặc biệt của sân khấu kịch trường những năm tám mươi của thế kỉ XX mà còn được coi là một trong những nhà soạn kịch tài năng nhất của nền văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại. Ông qua đời giữa lúc tài năng

timdapan.com

đang vào độ chín, ngày 29 – 8 – 1988, trong một tai nạn ô tô trên quốc lộ 5 cùng với người bạn đời là nhà thơ Xuân Quỳnh và con trai Lưu Quỳnh Thơ.

Trước khi đến với thể loại kịch nói, Lưu Quang Vũ từng làm thơ, sáng tác truyện ngắn, vẽ tranh. Thơ Lưu Quang Vũ không sắc sảo và dữ dội như kịch nhưng giàu cảm xúc, trăn trở, khát khao. Rất nhiều bài thơ của ông được bạn đọc yêu thích như : *Và anh tồn tại*, *Tiếng Việt*, *Vườn trong phố*, *Bầy ong trong đêm sâu*,... Ông còn là tác giả của một số truyện ngắn mang đậm phong cách riêng. Tác phẩm chính : *Hương cây* (thơ, 1968 – in chung trong tập *Hương cây – Bếp lửa*), *Mây trắng của đời tôi* (thơ, 1989), *Bầy ong trong đêm sâu* (thơ, 1993) cùng nhiều bài thơ khác chưa được in thành tập và một tập tiểu luận : *Diễn viên và sân khấu* (tiểu luận, 1979 – in chung). Năm 2000 ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Hồn Trương Ba, da hàng thịt (viết năm 1981 nhưng đến năm 1984 mới ra mắt công chúng) là một trong những vở kịch đặc sắc nhất của Lưu Quang Vũ, đã công diễn nhiều lần trên sân khấu trong và ngoài nước. Từ một cốt truyện dân gian, Lưu Quang Vũ đã xây dựng thành một vở kịch nói hiện đại, đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ, có ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân văn sâu sắc. (**Tóm tắt nội dung** : Trương Ba giỏi đánh cờ bị Nam Tào bắt chết nhầm. Vì muốn sửa sai, nên Nam Tào và Đế Thích cho hồn Trương Ba sống lại, nhập vào xác hàng thịt vừa mới chết. Trú nhờ linh hồn trong thể xác hàng thịt, Trương Ba gặp rất nhiều phiền toái : lí trưởng sách nhiễu, chị hàng thịt đòi chồng, gia đình Trương Ba cũng cảm thấy xa lạ... mà bản thân Trương Ba thì đau khổ vì phải sống trái tự nhiên, giả tạo. Đặc biệt thân xác hàng thịt làm Trương Ba nhiễm một số thói xấu và có những nhu cầu vốn không phải của chính bản thân ông. Trước nguy cơ tha hoá về nhân cách và sự phiền toái do mượn thân xác của kẻ khác, Trương Ba quyết định trả lại xác cho hàng thịt và chấp nhận cái chết.)

Văn bản dưới đây trích từ cảnh VII và đoạn kết của vở kịch.

VĂN BẢN

VII

NHÀ TRƯƠNG BA

Tóm lược các lớp (*Trương Ba – Trưởng Hoạt ; Trương Ba – lí trưởng – con trai Trương Ba ; Trương Ba – con dâu – cháu gái*) : Trưởng Hoạt sang nhà Trương Ba, phê phán Trương Ba dạo này đổi tính, đổi nết. Lí trưởng lại đến sách nhiễu. Con trai tỏ ra hư hỏng hơn. Cháu gái không nhận ông. Con dâu than phiền bố chồng thay đổi. Trương Ba rất đau khổ.

Hồn Trương Ba : (*ngồi ôm đầu một hồi lâu rồi đứng vụt dậy*) Không ! Không ! Tôi không muốn sống như thế này mãi ! (*nhìn chân tay, thân thể*) Tôi chán cái chỗ ở không phải của tôi này lắm rồi, chán lắm rồi ! Cái thân thể kềnh càng thô lỗ này, ta bắt đầu sợ mi, ta chỉ muốn rời xa mi tức khắc ! Nếu cái hồn của ta có hình thù riêng nhỉ, để nó được tách ra khỏi cái xác này, dù chỉ một lát !

timdapan.com

(Tới đây, bắt đầu lớp kịch "Cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác". Trên sân khấu, hồn Trương Ba tách ra khỏi xác anh hàng thịt và hiện hình lờ mờ trong dáng nhân vật Trương Ba thật. Thân xác bằng thịt vẫn ngồi nguyên trên chõng và lúc này chỉ còn là thân xác.)

Xác hàng thịt : (*bắt đầu*) Vô ích, cái linh hồn mờ nhạt của ông Trương Ba khốn khổ kia ơi, ông không tách ra khỏi tôi được đâu, dù tôi chỉ là thân xác...

Hồn Trương Ba : A, mày cũng biết nói kia à ? Vô lí, mày không thể biết nói ! Mày không có tiếng nói, mà chỉ là xác thịt âm u đui mù...

Xác hàng thịt : Có đấy ! Xác thịt có tiếng nói đấy ! Ông đã biết tiếng nói của tôi rồi, đã luôn luôn bị tiếng nói ấy sai khiến. Chính vì âm u, đui mù mà tôi có sức mạnh ghê gớm, lắm khi át cả cái linh hồn cao khiết của ông đấy !

Hồn Trương Ba : Nói láo ! Mày chỉ là cái vỏ bên ngoài, không có ý nghĩa gì hết, không có tư tưởng, không có cảm xúc !

Xác hàng thịt : Có thật thế không ?

Hồn Trương Ba : Hoặc nếu có, thì chỉ là những thứ thấp kém, mà bất cứ con thú nào cũng có được : thèm ăn ngon, thèm rượu thịt...

Xác hàng thịt : Tất nhiên, tất nhiên. Sao ông không kể tiếp : Khi ông ở bên nhà tôi... Khi ông đứng bên cạnh vợ tôi, tay chân run rẩy, hơi thở nóng rực, cổ nghẹn lại... Đêm hôm đó, suýt nữa thì...

Hồn Trương Ba : Im đi ! Đấy là mày chứ, chân tay mày, hơi thở của mày...

Xác hàng thịt : Thì tôi có ghen đâu ! Ai lại ghen với chính thân thể mình nhỉ ! Tôi chỉ trách là sao đêm ấy ông lại tự dưng bỏ chạy, hoài của !... Này, nhưng ta nên thành thật với nhau một chút : Chẳng lẽ ông không xao xuyến chút gì ? Hà hà, cái món tiết canh, cổ hũ, khấu đuôi, và đủ các thứ thú vị khác không làm hồn ông lâng lâng cảm xúc sao ? Để thoả mãn tôi, chẳng lẽ ông không tham dự vào chút đỉnh gì ? Nào, hãy thành thật trả lời !

Hồn Trương Ba : Ta... ta... đã bảo mày im đi !

Xác hàng thịt : Rõ là ông không dám trả lời. Giấu ai chứ không thể giấu tôi được ! Hai ta đã hoà với nhau làm một rồi !

Hồn Trương Ba : Không ! Ta vẫn có một đời sống riêng : nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn...

Xác hàng thịt : Nực cười thật ! Khi ông phải tồn tại nhờ tôi, chiều theo những đòi hỏi của tôi, mà còn nhận là nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn !

timdapan.com

Hồn Trương Ba : (*bịt tai lại*) Ta không muốn nghe mày nữa !

Xác hàng thịt : (*lắc đầu*) Ông cứ việc bịt tai lại ! Chẳng có cách nào chối bỏ tôi được đâu ! Mà đáng lẽ ông phải cảm ơn tôi. Tôi đã cho ông sức mạnh. Ông có nhớ hôm ông tát thằng con ông toé máu mồm máu mũi không ? Cơn giận của ông lại có thêm sức mạnh của tôi... Ha ha !

Hồn Trương Ba : Ta cần gì đến cái sức mạnh làm ta trở thành tàn bạo.

Xác hàng thịt : Nhưng tôi là cái hoàn cảnh mà ông buộc phải quy phục ! Đâu phải lỗi tại tôi... (*buồn rầu*) Sao ông có vẻ khinh thường tôi thế nhỉ ? Tôi cũng đáng được quý trọng chứ ! Tôi là cái bình để chứa đựng linh hồn. Nhờ tôi mà ông có thể làm lụng, cuốc xới. Ông nhìn ngắm trời đất, cây cối, những người thân... Nhờ có đôi mắt của tôi, ông cảm nhận thế giới này qua những giác quan của tôi... Khi muốn hành hạ tâm hồn con người, người ta xúc phạm thể xác... Những vị lắm chữ nhiều sách như các ông là hay vin vào cớ tâm hồn là quý, khuyên con người ta sống vì phần hồn, để rồi bỏ bê cho thân xác họ mãi khổ sở, nhếch nhác... Mỗi bữa tôi đòi ăn tám, chín bát cơm, tôi thèm ăn thịt, hỏi có gì là tội lỗi nào ? Lỗi là ở chỗ không có đủ tám, chín bát cơm cho tôi ăn chứ !

Hồn Trương Ba : Nhưng... Nhưng...

Xác hàng thịt : Hãy công bằng hơn, ông Trương Ba ạ ! Từ nãy tới giờ chỉ có ông nặng lời với tôi, chứ tôi thì vẫn nhã nhặn với ông đấy chứ. (*thì thầm*) Tôi rất biết cách chiều chuộng linh hồn...

Hồn Trương Ba : Chiều chuộng ?

Xác hàng thịt : Chứ sao ? Tôi thông cảm với những "trò chơi tâm hồn của ông". Nghĩa là : Những lúc một mình một bóng, ông cứ việc nghĩ rằng ông có một tâm hồn bên trong cao khiết, chẳng qua vì hoàn cảnh, vì để sống mà ông phải nhân nhượng tôi. Làm xong điều xấu gì ông cứ việc đổ tội cho tôi, để ông được thanh thản. Tôi biết : Cần phải để cho tính tự ái của ông được ve vuốt. Tâm hồn là thứ lắm sĩ diện ! Hà hà, miễn là... ông vẫn làm đủ mọi việc để thoả mãn những thèm khát của tôi !

Hồn Trương Ba : Lí lẽ của anh thật ti tiện !

Xác hàng thịt : Ấy đấy, ông bắt đầu gọi tôi là anh rồi đấy ! Có phải lí lẽ của tôi đâu, tôi chỉ nhắc lại những điều ông vẫn tự nói với mình và với người khác đấy chứ ! Đã bảo chúng ta tuy hai mà một !

Hồn Trương Ba : (*như tuyệt vọng*) Trời !

timdapan.com

Xác hàng thịt : (*an ủi*) Ông đừng nên tự dằn vặt làm gì ! Tôi đâu muốn làm khổ ông, bởi tôi cũng rất cần đến ông. Thôi, đừng cãi cọ nhau nữa ! Chẳng còn cách nào khác đâu ! Phải sống hoà thuận với nhau thôi ! Cái hồn vía ương bướng của tôi ơi, hãy về với tôi này !

> (*Hồn Trương Ba bần thần nhập lại vào xác hàng thịt. Trên sân khấu, nhân vật Trương Ba biến đi. Chỉ còn lại xác hàng thịt mang hồn Trương Ba ngồi lặng lẽ bên chõng... Vợ Trương Ba vào.*)

Vợ Trương Ba : Cái Gái chưa về hả ông ?

Hồn Trương Ba : (*thẫn thờ*) Chưa.

Vợ Trương Ba : Nó sang nhà cu Tị từ sớm. Cu Tị bị ốm nặng.

Hồn Trương Ba : Ốm nặng ? Vậy mà tôi không biết !

Vợ Trương Ba : Ông bây giờ còn biết đến ai nữa ! Cu Tị ốm thập tử nhất sinh, từ đêm qua tới giờ bắt đầu mê man, mẹ nó khóc đỏ con mắt. Khổ ! Thằng bé ngoan là thế ! Cái Gái thương bạn, ngơ ngẩn cả người... Không hiểu thằng bé có qua khỏi được không, khéo mà... (*một lát*) Cái thân tôi thì sao trời lại không bắt đi cho rảnh !

Hồn Trương Ba : Sao bà lại nói thế ?

Vợ Trương Ba : (*nghĩ ngợi*) Tôi nói thật đấy... ông Trương Ba ạ, tôi đã nghĩ kĩ : Có lẽ tôi phải đi...

Hồn Trương Ba : Đi đâu ?

Vợ Trương Ba : Chưa biết ! Đi cấy thuê làm mướn ở đâu cũng được... đi biệt... (*rưng rưng*). Để ông được thảnh thơi... với cô vợ người hàng thịt... Còn hơn là thế này... (*khóc*)

Hồn Trương Ba : Bà ! (*sau một hồi lâu*) Sao lại đến nông nỗi này ?

Vợ Trương Ba : Tôi biết, ông vốn là người hết lòng thương yêu vợ con... Chỉ tại bây giờ... (*khóc*) Ông đâu còn là ông, đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa, ông biết không : Thằng Cả đã quyết định dứt khoát sẽ bán khu vườn để có tiền mở thêm vốn liếng cửa hàng thịt.

Hồn Trương Ba : Thật sao ? Không được !

Vợ Trương Ba : Ông bảo không được nhưng tôi biết rồi sự thể sẽ cứ dẫn đến như vậy, ông sẽ đành ưng chịu như vậy... Thôi tuỳ ông, tôi chỉ muốn ông được thảnh thơi sung sướng... Tôi không còn giúp gì ông được, tốt nhất là... là... không có tôi nữa, cũng như không có khu vườn nữa ! (*bỏ ra*)

timdapan.com

Hồn Trương Ba : Bà ! (*ngồi xuống, tay ôm đầu*).

(*Khi Hồn Trương Ba ngẩng lên thì đã thấy cái Gái đứng trước mặt với cái nhìn lặng lẽ, soi mói.*)

Hồn Trương Ba : (*như cầu cứu*) Gái, cháu...

Cái Gái : (*lùi lại*) Tôi không phải là cháu của ông !

Hồn Trương Ba : (*nhẫn nhục*) Gái, rồi lớn lên cháu sẽ hiểu... ông đúng là ông nội cháu...

Cái Gái : Ông nội tôi chết rồi. Nếu ông nội tôi hiện về được, hồn ông nội tôi sẽ bóp cổ ông ! Ông dám nhận là ông nội, dám đụng vào cây cối trong vườn của ông nội tôi.

Hồn Trương Ba : Dù sao... Cháu... Sáng nào ông cũng ra cuốc xới chăm chút cây cối ngoài vườn, cháu không thấy sao : Chỉ có ông nội cháu mới biết quý cây như thế...

Cái Gái : Quý cây ! Hừ, tôi phải rình lúc này, cả nhà đi vắng hết để đến nói với ông : Từ nay ông không được động vào cây cối trong vườn ông tôi nữa ! Ông mà quý cây à ? Sáng qua, tôi để ý lúc ông chiết cây cam, bàn tay giết lợn của ông làm gãy tiệt cái chồi non, chân ông to bè như cái xẻng, giẫm lên nát cả cây sâm quý mới ươm ! Ông nội đời nào thô lỗ phũ phàng như vậy !

Hồn Trương Ba : Ông không dè... Đấy là... tại...

Cái Gái : Còn cái diều của cu Tị nữa, chiều hôm kia nó mang diều sang đây chơi, ông cầm lấy đòi chữa cho nó, thế là ông làm gãy cả nan, rách cả giấy, hỏng mất cái diều đẹp mà cu Tị rất quý ! Lúc nãy, trong cơn sốt mê man, cu Tị cứ khóc bắt đền cái diều, nó tiếc...

Hồn Trương Ba : Thế ư ? Khổ quá...

Cái Gái : Đừng vờ ! Chính ông làm cu Tị thêm khổ thì có ! Cu Tị nó cũng rất ghét ông ! Ông xấu lắm, ác lắm ! Cút đi ! Lão đồ tể, cút đi ! (*vừa khóc vừa chạy vụt đi*)

(*Chị con dâu Trương Ba ở trong nhà ra, nghe thấy những lời cuối cùng của cái Gái.*)

Chị con dâu : (*gọi theo con*) Gái, quay lại đây, Gái ! (*nhìn thấy Hồn Trương Ba đang run rẩy, liền đi tới bên cạnh*) Thầy, thầy đừng giận con trẻ... Nó rất yêu thương ông nội. Đêm nào nó cũng khóc thương ông... Nó cất giữ nâng niu từng chút kỉ niệm của ông : đôi guốc gỗ, bó đóm thuốc lào, nhất là những cây

timdapan.com

thuốc trong vườn... Chỉ tại nó nghĩ thầy không phải là ông nội của nó, con dỗ dành thế nào nó cũng không nghe... (*rưng rưng*) Khổ thân thầy...

Hồn Trương Ba : Đến lúc này, cả nhà chỉ còn mình con vẫn thương thầy như xưa.

Chị con dâu : Hơn xưa nữa, thưa thầy. Hơn cả hôm thầy mới từ nhà người hàng thịt trở về. Bởi con biết giờ thầy khổ hơn xưa nhiều lắm... (*khẽ*) Mà u con cũng khổ hơn nhiều lắm. U đã định bỏ đi đâu thật xa, cho thầy được thảnh thơi. Nhà ta như sắp tan hoang ra cả...

Hồn Trương Ba : Thầy đã làm u khổ. Có lẽ cái ngày u chôn xác thầy xuống đất, tưởng thầy đã chết hẳn, u cũng không khổ bằng bây giờ.

Chị con dâu : Thầy bảo con : Cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong, nhưng thầy ơi, con sợ lắm, bởi con cảm thấy, đau đớn thấy... mỗi ngày thầy một đổi khác dần, mất mát dần, tất cả cứ như lệch lạc, nhoà mờ dần đi, đến nỗi có lúc chính con cũng không nhận ra thầy nữa... Con càng thương thầy, nhưng thầy ơi, làm sao, làm sao giữ được thầy ở lại, hiền hậu, vui vẻ, tốt lành như thầy của chúng con xưa kia ? Làm thế nào, thầy ơi ?

Hồn Trương Ba : (*mặt lặng ngắt như tảng đá*) Giờ thì cả con cũng...

Chị con dâu : Thầy đừng giận nếu con đã nói điều gì không phải.

Hồn Trương Ba : Không, ta không giận. Cảm ơn con đã nói thật. Bây giờ thì... đi đi, cho ta được ngồi yên một lát. Đi đi !

(*Chị con dâu từ từ lui ra.*)

Hồn Trương Ba : (*một mình*) Mày đã thắng thế rồi đấy, cái thân xác không phải của ta ạ, mày đã tìm được đủ mọi cách để lấn át ta... (*sau một lát*) Nhưng lẽ nào ta lại chịu thua mày, khuất phục mày và tự đánh mất mình ? "Chẳng còn cách nào khác" ! Mày nói như thế hả ? Nhưng có thật là không còn cách nào khác ? Không cần đến cái đời sống do mày mang lại ! Không cần !

(*Đứng dậy, lập cập nhưng quả quyết, đến bên cột nhà, lấy một nén hương châm lửa, thắp lên. Đế Thích xuất hiện.*)

Đế Thích : Ông Trương Ba ! (*thấy vẻ nhợt nhạt của Hồn Trương Ba*) Ông có ốm đau gì không ? Một tuần nay tôi bị canh giữ chặt quá, không xuống đánh cờ với ông được, nhưng ông đốt hương gọi, đoán là ông có chuyện khẩn, tôi liều mạng xuống ngay. Có việc gì thế ?

timdapan.com

Hồn Trương Ba : (*sau một lát*) Ông Đế Thích ạ, tôi không thể tiếp tục mang thân anh hàng thịt được nữa, không thể được !

Đế Thích : Sao thế ? Có gì không ổn đâu !

Hồn Trương Ba : Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn.

Đế Thích : Thế ông ngỡ tất cả mọi người đều được là mình toàn vẹn cả ư ? Ngay cả tôi đây. Ở bên ngoài, tôi đâu có được sống theo những điều tôi nghĩ bên trong. Mà cả Ngọc Hoàng nữa, chính người lắm khi cũng phải khuôn ép mình cho xứng với danh vị Ngọc Hoàng. Dưới đất, trên trời đều thế cả, nữa là ông. Ông đã bị gạch tên khỏi sổ Nam Tào. Thân thể thật của ông đã tan rữa trong bùn đất, còn chút hình thù gì của ông đâu !

Hồn Trương Ba : Sống nhờ vào đồ đạc, của cải người khác, đã là chuyện không nên, đằng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết !

Đế Thích : (*không hiểu*) Nhưng mà ông muốn gì ?

Hồn Trương Ba : Ông từng nói : Nếu thân thể người chết còn nguyên vẹn, ông có thể làm cho hồn người đó trở về. Thì đây, (*chỉ vào người mình*) thân thể anh hàng thịt còn lành lặn nguyên xi đây, tôi trả lại cho anh ta. Ông hãy làm cho hồn anh ta được sống lại với thân xác này.

Đế Thích : Sao lại có thể đổi tâm hồn đáng quý của bác lấy chỗ cho cái phần hồn tầm thường của anh hàng thịt ?

Hồn Trương Ba : Tầm thường, nhưng đúng là của anh ta, sẽ sống hoà thuận được với thân anh ta, chúng sinh ra là để sống với nhau. Vả lại, còn... còn chị vợ anh ta nữa... chị ta thật đáng thương !

Đế Thích : Nhưng thế hồn ông muốn trú vào đâu ?

Hồn Trương Ba : Ở đâu cũng được, chứ không ở đây nữa. Nếu ông không giúp, tôi sẽ... tôi sẽ... nhảy xuống sông hay đâm một nhát dao vào cổ, lúc đó thì hồn tôi chẳng còn, xác anh hàng thịt cũng mất...

Đế Thích : Sao ông lại tính nước ấy ! Rắc rối thật ! Tôi đã phạm phép giời một lần. Trên thiên đình người ta còn đang treo tội tôi đấy để chờ xét xử. Tôi chẳng sợ, họ doạ thế chứ chưa chắc đã làm gì được tôi. Trị tội hết tiên hết thần thì lấy gì cho dân chúng họ thờ ! Cái khó nghĩ bây giờ là sắp xếp cho hồn ông nhập vào đâu đây ? (*đi lại, suy nghĩ, bỗng lắng nghe*) Có tiếng khóc ran lên từ đâu ấy nhỉ ? Từ nhà ai ?

timdapan.com

Hồn Trương Ba : (*cũng nhìn ra ngoài*) Từ phía nhà chị Lụa mẹ cu Tị. Thằng cu Tị đang ốm nặng... Trời, hay là...

(*Cái Gái chạy vào nhà, nước mắt đầm đìa.*)

Cái Gái : (*gọi thất thanh*) Mẹ ơi, mẹ ơi ! Cu Tị... cu Tị... chết rồi ! (*Oà khóc, rồi chạy đi, chị con dâu chạy theo.*)

Đế Thích : (*nhìn ra ngoài*) Cái nhà sau rặng cau kia phải không ? Tôi vừa thấy hồn thằng bé bay vụt lên khỏi mái nhà, tan mờ ra như một làn sương mỏng... Cu Tị là đứa trẻ như thế nào ?

Hồn Trương Ba : Con trai độc nhất của chị Lụa. Nó là bạn thân của cái Gái nhà tôi. Thằng bé ngoan lắm, khôn lắm. Tôi rất quý nó mà nó cũng rất thân với tôi. Dĩ nhiên, đấy là trước kia... Nhưng tại sao nó lại phải chết ?

Đế Thích : Kiểu này, chắc lại do hai ông Nam Tào, Bắc Đẩu tắc trách gạch tên bừa, hoặc cũng do bà Vương Hầu ép, bà ấy không ưa trẻ con. Lệnh của bà ấy thì chẳng ai cưỡng được ! (*bần thần nghĩ ngợi*) A, hay quá, tôi nghĩ ra rồi ! Ông Trương Ba ! Tôi sẽ giúp ông một lần nữa ! Ngay bây giờ đây, ông sẽ trả cái thân thể này cho anh hàng thịt, tôi sẽ làm cho hồn ông nhập vào xác cu Tị. Như vậy là anh hàng thịt được sống, hồn ông vẫn có chỗ trú, mà cái thân thể bé nhỏ của cu Tị sẽ không bị mất đi. Ông thấy được không ?

Hồn Trương Ba : Nhập vào xác cu Tị ? Tôi ?

Đế Thích : Chứ sao ! Ông với anh hàng thịt là hai người xa lạ, còn ông với thằng cu Tị đã từng quấn quýt quý mến nhau, ông sống trong thân thể thằng bé chắc sẽ ổn...

Hồn Trương Ba : Ông cho tôi suy nghĩ một lát đã... Việc này bất ngờ quá ! (*ngồi xuống, nghĩ ngợi*) Nhập vào cu Tị... (*lẩm bẩm*) Tôi, một ông già gần 60, cu Tị thì còn chưa bắt đầu cuộc đời, còn đang tuổi ăn, tuổi lớn, chạy nhảy vô tư... có ổn không nhỉ ? (*nhắm mắt lại*) Thử hình dung xem nào... sẽ phải giải thích cho chị Lụa : Tôi không phải là con chị, chị ấy sẽ không nguôi thương nhớ con... Có khi tôi còn phải sang nhà chị Lụa ở... Rồi còn hàng xóm, lí trưởng, trương tuần... Bao nhiêu sự rắc rối. Bà vợ tôi, các con tôi sẽ nghĩ ngợi, xử sự thế nào, khi chồng mình, bố mình mang thân một thằng bé lên 10 ? Làm trẻ con không phải dễ ! Mà cái Gái nhà tôi, nó sẽ nghĩ thế nào nhỉ ?

Đế Thích : Chắc nó sẽ thích. Nó thân với cu Tị mà.

timdapan.com

Hồn Trương Ba : (*lắc đầu*) Sợ chỉ càng oái oăm rắc rối hơn. Trẻ con phải ra trẻ con, người lớn phải ra người lớn. Thằng cu Tị bỗng thành ông nội, con bé đời nào chịu. Tôi đã lường trước thấy bao sự không ổn, ông Đế Thích ạ.

Đế Thích : Trong thân một đứa bé, ông sẽ có cả cuộc đời trước mặt.

Hồn Trương Ba : Để rồi, chẳng bao lâu nữa, bà nhà tôi, bạn bè cùng lứa với tôi như bác Trưởng Hoạt lần lượt nằm xuống, mình tôi vẫn phải sống suốt bao năm tháng dằng dặc. Mình tôi giữa đám người hậu sinh. Những gì chúng thích thì tôi ghét, những gì tôi thích chúng chẳng ưa. Tôi sẽ như ông khách ngồi dai ở nhà người ta, mọi khách khứa đã về cả rồi, mình vẫn dầm dề nán lại. Tôi sẽ bơ vơ lạc lõng, hoặc sẽ trở nên thảm hại đáng ghét như kẻ tham lam, một kẻ lí ra phải chết từ lâu mà vẫn cứ sống, cứ trẻ khoẻ, cứ ngang nhiên hưởng thụ mọi thứ lộc trời ! Vô lí lắm ! Không !

Tôi không thể cướp cái thân thể non nớt của cu Tị. (*nhìn ra ngoài*) Tiếng chị Lụa gào khóc nghe đứt ruột ! Mất đứa con, chị ấy làm sao sống được ? (*đột ngột*) Ông Đế Thích, hồn cu Tị bây giờ ở đâu ?

Đế Thích : Tôi đã nói với ông rồi : ra khỏi thân xác, hồn chẳng còn là gì nữa !

Hồn Trương Ba : Ông hãy đưa hồn cu Tị về nhập lại vào xác nó, cho nó được sống lại !

Đế Thích : Không được ! Việc cu Tị... chắc chắn đã có lệnh của bà Tây Vương Mẫu.

Hồn Trương Ba : Ông hãy cứu nó ! Ông phải cứu nó ! Ông có biết đứa con đối với người mẹ là thế nào không ? Còn to lớn hơn cả ý muốn bà Tây Vương Mẫu nhà ông. Ông Đế Thích, vì con trẻ ông ạ, vì con trẻ ! Ông hãy giúp tôi lần cuối cùng. Tôi sẽ không bao giờ làm phiền ông nữa, không đòi ông điều gì nữa ! (*lấy bó hương ra*) Đây ! (*bẻ gãy cả bó*)

Đế Thích : Ông Trương Ba... (*đắn đo rất lâu rồi quyết định*) Vì lòng quý mến ông, tôi sẽ làm cu Tị sống lại, dù có bị phạt nặng... Nhưng còn ông... rốt cuộc ông muốn nhập vào thân thể ai ?

Hồn Trương Ba (*sau một hồi lâu*) : Tôi đã nghĩ kĩ... (*nói chậm và khẽ*) Tôi không nhập vào hình thù ai nữa ! Tôi đã chết rồi, hãy để tôi chết hẳn !

Đế Thích : Không thể được ! Việc ông phải chết chỉ là một lầm lẫn của quan thiên đình. Cái sai ấy đã được sửa bằng cách làm cho hồn ông được sống.

Hồn Trương Ba : Có những cái sai không thể sửa được. Chắp vá gượng ép chỉ càng làm sai thêm. Chỉ có cách là đừng bao giờ sai nữa, hoặc phải bù lại

timdapan.com

bằng một việc đúng khác. Việc đúng còn làm kịp bây giờ là làm cu Tị sống lại. Còn tôi, cứ để tôi chết hẳn...

Đế Thích : Không ! Ông phải sống, dù với bất cứ giá nào...

Hồn Trương Ba : Không thể sống với bất cứ giá nào được, ông Đế Thích ạ ! Có những cái giá đắt quá, không thể trả được... Lạ thật, từ lúc tôi có đủ can đảm đi đến quyết định này, tôi bỗng cảm thấy mình lại là Trương Ba thật, tâm hồn tôi lại trở lại thanh thản, trong sáng như xưa...

Đế Thích : Ông có biết ông quyết định điều gì không ? Ông sẽ không còn lại một chút gì nữa, không được tham dự vào bất cứ nỗi vui buồn gì ! Rồi đây, ngay cả sự ân hận về quyết định này, ông cũng không có được nữa.

Hồn Trương Ba : Tôi hiểu. Ông tưởng tôi không ham sống hay sao ? Nhưng sống thế này, còn khổ hơn là cái chết. Mà không phải chỉ một mình tôi khổ ! Những người thân của tôi sẽ còn phải khổ vì tôi ! Còn lấy lí lẽ gì khuyên thằng con tôi đi vào con đường ngay thẳng được ? Cuộc sống giả tạo này có lợi cho ai ? Hoạ chăng chỉ có lão lí trưởng và đám trương tuần hỉ hả thu lợi lộc ! Đúng, chỉ bọn khốn kiếp là lợi lộc.

Đế Thích : Tôi không phải là kẻ khốn kiếp... Tôi quý mến ông... Tôi sẽ chẳng bao giờ được đánh cờ với ông nữa ư ? Nhờ ông đánh cờ với tôi, người trên trời, dưới đất mới biết tôi cao cờ như thế nào ! Ngoài ông ra, không ai dám đọ cờ với tôi. Ông chính là lẽ tồn tại của tôi.

Hồn Trương Ba : Vì để chứng minh ông tồn tại mà tôi cứ phải tiếp tục cuộc sống không phải là tôi ư ? Không, ông phải tồn tại lấy chứ !

Đế Thích : Nhưng không đánh cờ, Đế Thích sẽ không còn là Đế Thích.

Hồn Trương Ba : Người ta đánh cờ là để rèn luyện tâm trí, để sảng khoái minh mẫn hơn mà sống ! Còn ông đánh cờ chỉ để chứng tỏ mình là tiên cờ ! Nói thật với ông : Nếu còn tiếp tục sống, tôi cũng chẳng thích đánh cờ với ông nữa ! Đánh cờ với ông chán lắm ! Không có gì chán bằng đánh cờ với tiên !

Đế Thích : (*suy nghĩ*) Con người dưới hạ giới các ông thật kì lạ.

Hồn Trương Ba : Ông hãy trả lời đi ! Ông có giúp tôi không ? Nếu ông từ chối, tôi sẽ... Tôi đã nhất quyết ! Ông phải giúp tôi !

Đế Thích : Trả thân xác này cho anh hàng thịt... và thế là...

Hồn Trương Ba : Không còn cái vật quái gở mang tên "Hồn Trương Ba, da hàng thịt" nữa.

timdapan.com

(***Lược một đoạn*** : Nam Tào và Bắc Đẩu hiện ra báo cho Đế Thích biết Ngọc Hoàng đã tha cho Đế Thích tội nhập hồn Trương Ba vào xác hàng thịt và cho phép hồn Trương Ba được tiếp tục sống trong xác hàng thịt. Hồn Trương Ba không chấp nhận sống trong thân xác người khác, yêu cầu mọi người sang nhà chị Lụa báo tin cu Tị được sống lại, còn mình quyết chết để trả xác cho anh hàng thịt. Trước khi lìa đời, Hồn Trương Ba dặn dò, an ủi, vĩnh biệt vợ con.)

ĐOẠN KẾT

Vườn cây rung rinh ánh sáng. Ở một góc nhà đó, hiện lên cảnh tượng cu Tị đang ôm chầm lấy mẹ, chị Lụa cuống quýt vuốt ve con... Bà vợ Trương Ba xuất hiện ở phía trước sân khấu.

Vợ Trương Ba : Ông ở đâu ? Ông ở đâu ?

(*Giữa màu xanh cây vườn, Trương Ba chập chờn xuất hiện.*)

Trương Ba : Tôi đây bà ạ. Tôi vẫn ở liền ngay bên bà đây, ngay trên bậc cửa nhà ta, trong ánh lửa bà nấu cơm, cầu ao bà vo gạo, trong cái cơi bà đựng trầu, con dao bà giẫy cỏ... Không phải mượn thân ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời, trong mỗi trái cây cái Gái nâng niu...

(*Dưới một gốc cây, hiện lên cu Tị và cái Gái.*)

Cái Gái : (*tay cầm một trái na*) Cây na này, ông nội tớ trồng đấy ! Quả to mà ngon lắm ! Ta ăn chung nhé !

(*Bẻ quả na đưa cho cu Tị một nửa. Đôi trẻ ăn ngon lành. Cái Gái lấy những hạt na vùi xuống đất.*)

Cu Tị : Cậu làm gì thế ?

Cái Gái : Cho nó mọc thành cây mới. Ông nội tớ bảo vậy. Những cây sẽ nối nhau mà lớn khôn. Mãi mãi...

(*Tuyển tập kịch Lưu Quang Vũ*, NXB Sân khấu, Hà Nội, 1994)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Qua đoạn đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt, tìm hàm ý mà tác giả muốn gửi gắm.
2. Qua lớp kịch hồn Trương Ba và gia đình (vợ, cháu gái, con dâu), anh (chị) nhận thấy nguyên nhân nào đã khiến cho người thân của Trương Ba và cả

timdapan.com

chính Trương Ba rơi vào bất ổn và phải chịu đau khổ ? Trương Ba có thái độ như thế nào trước những rắc rối đó ?

3. Hãy chỉ ra sự khác nhau trong quan niệm của Trương Ba và Đế Thích về ý nghĩa sự sống. Theo anh (chị), Trương Ba trách Đế Thích, người đem lại cho mình sự sống : "Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết !" có đúng không ? Vì sao ? Màn đối thoại giữa Trương Ba và Đế Thích toát lên ý nghĩa gì ?

4. Khi Trương Ba kiên quyết đòi trả xác cho hàng thịt, Đế Thích định cho hồn Trương Ba nhập vào cu Tị, Trương Ba đã từ chối. Vì sao ?

5. Cảm nghĩ của anh (chị) sau khi đọc đoạn kết.

GHI NHỚ

Qua đoạn trích vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, Lưu Quang Vũ muốn gửi tới người đọc thông điệp : Được sống làm người quý giá thật, nhưng được sống đúng là mình, sống trọn vẹn những giá trị mình vốn có và theo đuổi còn quý giá hơn. Sự sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người được sống tự nhiên với sự hài hoà giữa thể xác và tâm hồn. Con người phải luôn luôn biết đấu tranh với những nghịch cảnh, với chính bản thân, chống lại sự dung tục, để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý.

LUYỆN TẬP

Giả định Đế Thích cho Trương Ba được quyền sống (không phải mượn) trong xác hàng thịt hoặc hồn Trương Ba nhập vào cu Tị và Trương Ba đồng ý, theo anh (chị), cuộc sống của Trương Ba sau đó sẽ như thế nào ? Trình bày ý tưởng về những rắc rối sẽ xảy ra và viết một lớp kịch ngắn về điều đó.

timdapan.com

DIỄN ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

(Tiếp theo)

III – XÁC ĐỊNH GIỌNG ĐIỆU PHÙ HỢP TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1. Tìm hiểu các đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới.

(1) *Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.*

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

(2) *Trong tình cảnh ấy, những lời thơ, ý thơ của Hàn Mặc Tử, những bài thơ mà anh thích gọi là "thơ điên, thơ loạn", thực ra không điên loạn chút nào ! Những bài thơ đọc nghe như là "kinh dị" thực ra không kinh dị chút nào. Trái lại đó là những bài thơ, văn thể hiện một sức sống phi thường, thể hiện một lòng ham sống vô biên, thể hiện một ước mơ rất chi là "con người" : ước mơ được sống khi ý thức được rằng mình sắp chết, đang chết. Hơn nữa vì ý thức được mình sắp chết cho nên phải "sống gấp", sống... bằng thơ :*

[...]"Tôi muốn hồn trào ra đầu ngọn bút
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta."

(Nguyễn Minh Vỹ, *Con người Hàn Mặc Tử qua thơ anh*, trong *Thơ văn Hàn Mặc Tử (Phê bình và tưởng niệm)*, NXB Giáo dục, 1993)

timdapan.com

Yêu cầu :

a) Đối tượng nghị luận và nội dung cụ thể của hai đoạn trích trên khác nhau nhưng giọng điệu trong lời văn có điểm gì tương đồng ? Ngoài điểm tương đồng đó, giọng điệu trong từng đoạn trích có những nét gì đặc trưng, riêng biệt ?

b) Cơ sở chủ yếu tạo nên sự khác biệt về giọng điệu của lời văn trong những đoạn trích trên là gì ?

c) Chỉ rõ cách sử dụng từ ngữ hoặc cách sử dụng kết hợp các kiểu câu, các phép tu từ từ vựng hoặc cú pháp có vai trò chủ yếu trong việc biểu hiện giọng điệu của từng đoạn trích.

2. Tìm hiểu các đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới.

(1) *Hỡi đồng bào toàn quốc !*

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa !

Không ! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào !

Chúng ta phải đứng lên !

(Hồ Chí Minh, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*)

(2) *Thơ Xuân Diệu còn là một nguồn sống dào dạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này. Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, sống cuống quýt, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui cũng như khi buồn, người đều nồng nàn, tha thiết.*

[...] Nhưng xét rộng ra, cái nao nức, cái xôn xao của Xuân Diệu cũng là cái nao nức, cái xôn xao của thanh niên Việt Nam bây giờ. Sự đụng chạm với phương Tây đã làm tan rã bao nhiêu bức thành kiên cố. Người thanh niên Việt Nam được dịp ngó trời cao đất rộng, nhưng cũng nhân đó mà cảm thấy cái thê lương của vũ trụ, cái bi đát của kiếp người.

(Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1993)

Yêu cầu :

a) Nhận xét về giọng điệu của lời văn nghị luận trong các đoạn trích trên. Chỉ rõ những phương tiện từ ngữ, kiểu câu được dùng để biểu hiện giọng điệu đó.

timdapan.com

b) Phân tích ngắn gọn những cơ sở tạo nên sự khác biệt của giọng điệu ấy trong từng trường hợp cụ thể.

3. Từ những nội dung đã tìm hiểu ở các mục 1 và 2, anh (chị) hãy xác định đặc điểm quan trọng nhất của giọng điệu trong văn nghị luận.

GHI NHỚ

Giọng điệu cơ bản của lời văn nghị luận là trang trọng, nghiêm túc nhưng ở mỗi phần trong bài văn có thể thay đổi sao cho phù hợp với nội dung cụ thể.

LUYỆN TẬP

1. Phân tích rõ những đặc điểm trong cách sử dụng từ ngữ, sử dụng kết hợp các kiểu câu, biểu hiện giọng điệu của lời văn trong các đoạn trích sau :

(1) *Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.*

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hoà.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

(2) *Con người thơ Tú Xương muốn đứng đắn mà đời sống lại thành ra lưu đãng hão huyền. Con nhà nho khái muốn thanh bần với đạo thánh hiền mà cuộc sống đặt cho nhiều mối luỵ. Cái tâm hồn thèm chan hoà ấy lại sa vào cô đơn, con người khái ấy lại sống nhờ vào tình bạn, lần hồi đắp đổi vào sự nhớ thương :*

[...] Bạn đàn chưa dễ tìm nhau
Bạn nghiên bạn bút có đâu được nhiều.

timdapan.com

[...] *Con người tú tài "nổi tiếng tài hoa", "phong nguyệt tình hoài" chơi ngông ấy, hiên ngang ấy đâm ra phá bĩnh :*

... Non nước thề bồi thôi xuý xoá
Quỷ thần nào chứng ở hai vai.

Lại xoay ra ba dọi[1] *với người ta :*

... Ba mươi mấy độ chôn chồng
Còn toan trang điểm má hồng chôn ai.

(Nguyễn Tuân, *Thời và thơ Tú Xương*, trong *Tuyển tập Nguyễn Tuân*, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1982)

(3) *Nhưng nếu Kiều là một người yếu đuối thì Từ Hải là kẻ hùng mạnh, Kiều là người tủi nhục thì Từ là kẻ vinh quang. Ở trong cuộc sống, mỗi bước chân Kiều đều vấp phải một bất trắc thì trên quãng đường ngang dọc Từ không hề gặp khó khăn. Suốt đời Kiều sống chịu đựng, Từ sống bất bình. Kiều quen tiếng khóc, Từ quen tiếng cười. Kiều đội trên đầu nào trung, nào hiếu thì trên đầu Từ chỉ có một khoảng trống không "nào biết trên đầu có ai". Nếu Kiều lê lết trên mặt đất đầy những éo le trói buộc thì Từ vùng vẫy trên cao phóng túng, tự do. Kiều là hiện thân của mối mặc cảm tự ti, còn Từ là nguyên hình của mối mặc cảm tự tôn.*

(Vũ Hạnh, dẫn theo Nguyễn Thị Ngọc Diệu, *Giáo trình Ngữ pháp văn bản*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004)

2. Anh (chị) hãy chọn một trong những đề bài sau và viết một bài văn nghị luận ngắn gọn (khoảng 1 – 2 trang), sử dụng từ ngữ, các kiểu câu và giọng điệu phù hợp.

a) Suy nghĩ của anh (chị) về việc lựa chọn nghề nghiệp của thanh niên hiện nay.

b) Một số bạn trẻ hiện nay cho rằng : "Trước hết là phải sống cho mình". Theo anh (chị), trách nhiệm với bản thân khác với tính vị kỉ như thế nào ?

c) "Giá trị của con người không ở chân lí người đó sở hữu hoặc cho rằng mình sở hữu, mà ở nỗi gian khó chân thành người đó nhận lãnh trong khi đi tìm chân lí" (Lét-xinh).

Từ câu nói trên, anh (chị) suy nghĩ gì về những thành công và thất bại trong hành trình tìm kiếm những giá trị cao đẹp của đời sống con người ?

(1) *Ba dọi* : ỡm ờ, đùa cợt.

timdapan.com

NHÌN VỀ VỐN VĂN HOÁ DÂN TỘC — TRẦN ĐÌNH HƯỢU

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được các luận điểm chủ yếu của bài viết và quan điểm của tác giả về những ưu điểm, nhược điểm của văn hoá truyền thống Việt Nam.
- Nâng cao năng lực đọc văn bản khoa học và văn bản chính luận.

TIỂU DẪN

Trần Đình Hượu (1926 – 1995) quê ở xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Ông chuyên nghiên cứu các vấn đề lịch sử tư tưởng và văn học Việt Nam trung cận đại. Các công trình chính : *Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời 1900 – 1930* (1988), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại* (1995), *Đến hiện đại từ truyền thống* (1996), *Các bài giảng về tư tưởng phương Đông* (2001) v.v... Năm 2000 ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ.

Văn bản dưới đây trích từ phần II, bài *Về vấn đề tìm đặc sắc văn hoá dân tộc*, in trong cuốn *Đến hiện đại từ truyền thống*. Nhan đề do người biên soạn đặt.

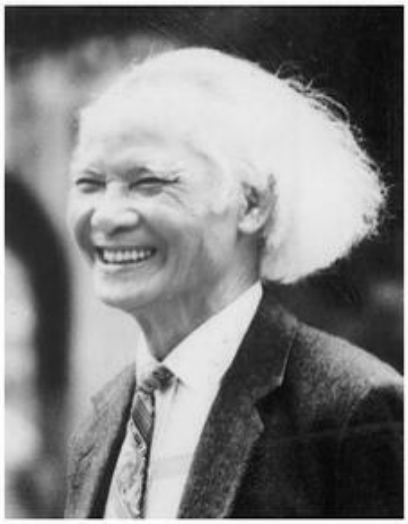

TRẦN ĐÌNH HƯỢU

VĂN BẢN

Trong lúc chờ đợi kết luận khoa học của các ngành chuyên môn, chúng tôi xin đưa ra một số nhận xét về vài ba mặt của cái vốn văn hoá dân tộc ; không phải cái hình thành vào thời kì định hình mà là cái ổn định dần, tồn tại cho đến trước thời cận – hiện đại. Chúng tôi không nghĩ đó là đặc sắc văn hoá dân tộc nhưng chắc chắn có liên quan gần gũi với nó. [...]

Giữa các dân tộc, chúng ta không thể tự hào là nền văn hoá của ta đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật. Ở một số dân tộc hoặc là một tôn giáo, hoặc là một trường phái triết học, một ngành khoa học, một nền âm nhạc, hội hoạ,... phát triển rất cao, ảnh hưởng phổ biến và lâu dài đến toàn bộ văn hoá, thành đặc sắc văn hoá của dân tộc đó, thành thiên hướng văn hoá của dân tộc đó. Ở ta, thần thoại không phong phú –

timdapan.com

hay là có nhưng một thời gian nào đó đã mất hứng thú lưu truyền ? Tôn giáo hay triết học cũng đều không phát triển. Người Việt Nam không có tâm lí kiền thành[1], cuồng tín tôn giáo, mà cũng không say mê tranh biện triết học. Các tôn giáo đều có mặt, nhưng thường là biến thành một lối thờ cúng, ít ai quan tâm đến giáo lí. Không có một ngành khoa học, kĩ thuật, giả khoa học nào phát triển đến thành có truyền thống. Âm nhạc, hội hoạ, kiến trúc đều không phát triển đến tuyệt kĩ[2]. Trong các ngành nghệ thuật, cái phát triển nhất là thơ ca. Hầu như người nào cũng có thể, cũng có dịp làm dăm ba câu thơ. Nhưng số nhà thơ để lại nhiều tác phẩm thì không có. Xã hội có trọng văn chương, nhưng [...] bản thân các nhà thơ cũng không ai nghĩ cuộc đời, sự nghiệp của mình là ở thơ ca. Chưa bao giờ trong lịch sử dân tộc, một ngành văn hoá nào đó trở thành đài danh dự, thu hút, quy tụ cả nền văn hoá.

Thực tế đó cho ta biết khuynh hướng, hứng thú, sự ưa thích, nhưng hơn thế, còn cho ta biết sự hạn chế của trình độ sản xuất, của đời sống xã hội. Đó là văn hoá của dân nông nghiệp định cư, không có nhu cầu lưu chuyển, trao đổi, không có sự kích thích của đô thị. [...]

Người Việt Nam có thể coi là ít tinh thần tôn giáo. Họ coi trọng hiện thế[3] trần tục hơn thế giới bên kia. Không phải người Việt Nam không mê tín, họ tin có linh hồn, ma quỷ, thần Phật. Nhiều người thực hành cầu cúng. Nhưng về tương lai, họ lo cho con cháu hơn là linh hồn của mình. Tuy là coi trọng hiện thế nhưng cũng không bám lấy hiện thế, không quá sợ hãi cái chết (sống gửi thác về). Trong cuộc sống, ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao. Của cải vẫn được quan niệm là của chung, giàu sang chỉ là tạm thời, tham lam giành giật cho nhiều cũng không giữ mãi mà hưởng được. Người ta mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp để làm ăn cho no đủ, sống thanh nhàn, thong thả, có đông con nhiều cháu, ước mong về hạnh phúc nói chung là thiết thực, yên phận thủ thường[4], không mong gì cao xa, khác thường, hơn người. Con người được ưa chuộng là con người hiền lành, tình nghĩa. Không chuộng trí mà cũng không chuộng dũng. Dân tộc chống ngoại xâm liên tục nhưng không thượng võ [...]. Trong tâm trí nhân dân thường có Thần và Bụt mà không có Tiên. Thần uy linh bảo quốc hộ dân và Bụt hay cứu giúp mọi người ; còn Tiên nhiều phép lạ, ngao du ngoài thế giới thì xa lạ. Không ca tụng trí tuệ mà ca tụng sự khôn khéo. Khôn khéo là ăn đi trước, lội nước theo sau, biết thủ thế, giữ mình,

---

(1) *Kiền thành* : cung kính, thành khẩn.

(2) *Tuyệt kĩ* : khéo léo đến cực điểm ; ở đây có thể hiểu là đỉnh cao tuyệt đối.

(3) *Hiện thế* : đời nay, đời hiện tại.

(4) *Yên phận thủ thường* : giữ yên phận mình, không đi ra ngoài cái đã biết, đã có.

timdapan.com

gỡ được tình thế khó khăn. Đối với cái dị kỉ[1], cái mới, không dễ hoà hợp nhưng cũng không cự tuyệt đến cùng, chấp nhận cái gì vừa phải, hợp với mình nhưng cũng chần chừ, dè dặt, giữ mình.

Cái đẹp vừa ý là xinh, là khéo. Ta không háo hức cái tráng lệ, huy hoàng, không say mê cái huyền ảo, kì vĩ. Màu sắc chuộng cái dịu dàng, thanh nhã, ghét sặc sỡ. Quy mô chuộng sự vừa khéo, vừa xinh, phải khoảng[2]. Giao tiếp, ứng xử chuộng hợp tình, hợp lí, áo quần, trang sức, món ăn đều không chuộng sự cầu kì. Tất cả đều hướng vào cái đẹp dịu dàng, thanh lịch, duyên dáng và có quy mô vừa phải.

Không có công trình kiến trúc nào, kể cả của vua chúa, nhằm vào sự vĩnh viễn. Hình như ta coi trọng Thế hơn Lực, quý sự kín đáo hơn sự phô trương, sự hoà đồng hơn rạch ròi trắng đen. Phải chăng đó là kết quả của ý thức lâu đời về sự nhỏ yếu, về thực tế nhiều khó khăn, nhiều bất trắc ?

Nhìn vào lối sống, quan niệm sống, ta có thể nói người Việt Nam sống có văn hoá, người Việt Nam có nền văn hoá của mình. Những cái thô dã[3], những cái hung bạo đã bị xoá bỏ để có cái nền nhân bản. *Tinh thần chung của văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hoà.* Không có khát vọng để hướng đến những sáng tạo lớn mà nhạy cảm, tinh nhanh, khôn khéo gỡ các khó khăn, tìm được sự bình ổn.

Những cái vừa nói là cái đã lắng đọng, đã ổn định, chắc chắn là kết quả của sự dung hợp của cái vốn có, của văn hoá Phật giáo, văn hoá Nho giáo, cái được dân tộc sàng lọc, tinh luyện để thành bản sắc của mình. Phật giáo, Nho giáo tuy từ ngoài du nhập vào nhưng đều để lại dấu ấn sâu sắc trong bản sắc dân tộc. Có điều, để thích ứng với cái vốn có, Phật giáo không được tiếp nhận ở khía cạnh trí tuệ, cầu giải thoát, mà Nho giáo cũng không được tiếp nhận ở khía cạnh nghi lễ tủn mủn, giáo điều khắc nghiệt. Đạo giáo hình như không có nhiều ảnh hưởng trong văn hoá nhưng tư tưởng Lão – Trang thì lại ảnh hưởng nhiều đến lớp trí thức cao cấp, để lại dấu vết khá rõ trong văn học.

Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hoá không chỉ trông cậy vào sự tạo tác của chính dân tộc đó mà còn trông cậy vào khả năng chiếm lĩnh, khả năng đồng hoá những giá trị văn hoá bên ngoài. Về mặt đó, lịch sử chứng minh là dân tộc Việt Nam có bản lĩnh.

(*Đến hiện đại từ truyền thống*,
NXB Văn hoá, Hà Nội, 1996)

(1) *Dị kỉ* : khác với bản thân mình.
(2) *Phải khoảng* : vừa phải.
(3) *Thô dã* : không tinh khéo, thuần thục ; ở đây dùng để chỉ phần hoang dã mang tính chất tự nhiên chưa được cải tạo, tồn tại trong từng con người và trong cuộc sống.

timdapan.com

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tác giả đã phân tích đặc điểm của vốn văn hoá dân tộc trên cơ sở những phương diện cụ thể nào của đời sống vật chất và tinh thần ?
2. Theo tác giả, đặc điểm nổi bật nhất trong các sáng tạo văn hoá của Việt Nam là gì ? Đặc điểm này nói lên thế mạnh gì của vốn văn hoá dân tộc ? Tìm một số ví dụ cụ thể trong đời sống văn hoá thực tiễn : tín ngưỡng, văn học nghệ thuật, ứng xử, sinh hoạt mang tính truyền thống của người Việt để làm rõ luận điểm này.
3. Những đặc điểm nào có thể coi là hạn chế của vốn văn hoá dân tộc ?
4. Những tôn giáo nào có ảnh hưởng mạnh nhất đến văn hoá truyền thống của Việt Nam ? Người Việt đã tiếp nhận tư tưởng của các tôn giáo này theo hướng nào để tạo nên bản sắc văn hoá dân tộc ? Tìm một số ví dụ cụ thể trong văn học để làm sáng tỏ luận điểm này.
5. Nhận định "Tinh thần chung của văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hoà" nhằm nêu lên mặt tích cực hay hạn chế của văn hoá Việt Nam ? Hãy giải thích rõ vấn đề này.
6. Vì sao có thể khẳng định : "Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hoá không chỉ trông cậy vào sự tạo tác của chính dân tộc đó mà còn trông cậy vào khả năng chiếm lĩnh, khả năng đồng hoá các giá trị văn hoá bên ngoài. Về mặt đó, lịch sử chứng minh là dân tộc Việt Nam có bản lĩnh." ? Hãy liên hệ với thực tế lịch sử, văn hoá và văn học để làm sáng tỏ vấn đề này.

GHI NHỚ

- Từ hiểu biết sâu sắc về vốn văn hoá dân tộc, tác giả đã phân tích rõ những mặt tích cực và một số hạn chế của văn hoá truyền thống. Bài viết có văn phong khoa học chính xác, mạch lạc.
- Nắm vững bản sắc văn hoá dân tộc, chúng ta có thể phát huy điểm mạnh, khắc phục hạn chế để hội nhập với thế giới trong thời đại ngày nay.

LUYỆN TẬP

Viết một bài luận (khoảng 3 trang) về một trong những vấn đề sau đây :

1. Anh (chị) hiểu thế nào là truyền thống "tôn sư trọng đạo" – một nét đẹp của văn hoá Việt Nam ? Trình bày những suy nghĩ của anh (chị) về truyền thống này trong nhà trường và xã hội hiện nay.
2. Theo anh (chị), nét đẹp văn hoá gây ấn tượng nhất trong những ngày Tết Nguyên đán của Việt Nam là gì ? Trình bày hiểu biết và quan điểm của anh (chị) về vấn đề này.
3. Theo anh (chị), hủ tục cần bài trừ nhất trong các ngày lễ, tết ở Việt Nam là gì ? Trình bày hiểu biết và quan điểm của anh (chị) về vấn đề này.

timdapan.com

PHÁT BIỂU TỰ DO

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hiểu được thế nào là phát biểu tự do.
- Thông qua thực hành, luyện tập, bước đầu biết cách phát biểu tự do về một lĩnh vực quen thuộc.

1. Anh (chị) hãy tìm một vài ví dụ từ đời sống và của bản thân để chứng tỏ rằng : Trong thực tế, không phải lúc nào con người cũng chỉ phát biểu những ý kiến mà mình đã chuẩn bị kĩ càng, theo những chủ đề định sẵn.

2. Trên cơ sở những ví dụ đã tìm được, anh (chị) hãy trả lời câu hỏi : Vì sao con người lại có nhu cầu phát biểu tự do ?

Gợi ý : Có thể xem xét thêm tình huống được kể lại sau đây để tìm lời giải đáp đầy đủ và xác đáng.

Đêm nay mưa dầm, trung đội lái xe được dịp trở về gần đông đủ. [...] Không biết ở trên đời còn có cảnh gì vui và náo nhiệt hơn đêm như đêm nay, những chiến sĩ lái xe sau nhiều chuyến rong ruổi trên các ngả đường nay trở về gặp mặt nhau. Sau hàng chục đêm thức chong bên tay lái, tưởng như họ cứ nằm xuống là con mắt sẽ díp lại, vậy mà chẳng ai buồn ngủ cả. – Xong chưa nào, đến lượt tớ kể nhé ? – Người này chưa nói hết, người khác đã dọn trước như thế bằng giọng hết sức háo hức. Hình như trong đầu từng người đang xôn xao vô vàn hình ảnh trên dọc đường, và chính lúc này, những hình ảnh ấy đang chen lấn nhau đòi sống lại...

(Nguyễn Minh Châu, *Mảnh trăng*,
trong *Nguyễn Minh Châu, Toàn tập*, tập 3, Sđd)

3. Những ví dụ trên đây cho thấy, người phát biểu tự do thường không đủ thời gian để chuẩn bị kĩ cho lời phát biểu. Vậy phải làm thế nào để có thể đạt được thành công ? Hãy chọn trong các phương án sau đây những câu trả lời đúng.

a) Không phát biểu những gì mình không hiểu biết và thích thú.

b) Phải bám sát chủ đề, không để bị xa đề hoặc lạc đề.

c) Phải tự rèn luyện để có thể nhanh chóng tìm ý và sắp xếp ý.

d) Nên xây dựng lời phát biểu thành một bài hoàn chỉnh.

timdapan.com

e) Chỉ nên tập trung vào những nội dung có khả năng làm cho người nghe cảm thấy mới mẻ và thú vị.

g) Luôn luôn quan sát nét mặt, cử chỉ của người nghe để có sự điều chỉnh kịp thời.

4. Hãy tưởng tượng tình huống sau :

Anh (chị) đang có mặt giữa đông đảo bạn bè. Mọi người đang trao đổi, bàn luận với nhau về những vấn đề (hiện tượng, câu chuyện,...) đang được bàn cãi sôi nổi trong giới trẻ... Anh (chị) có những ý kiến riêng về một chủ đề nảy sinh khi nghe thảo luận và muốn phát biểu những ý kiến đó cho các bạn cùng nghe.

Hãy cho biết :

a) Anh (chị) định phát biểu về chủ đề cụ thể nào ?

b) Vì sao anh (chị) lựa chọn chủ đề ấy ?

c) Anh (chị) đã phác nhanh trong óc mình những ý chính nào của lời phát biểu và đã sắp xếp chúng lại theo thứ tự nào ?

d) Anh (chị) định làm thế nào để thu hút sự chú ý của người nghe ?

– Nhấn mạnh những chỗ có ý nghĩa quan trọng trong lời phát biểu.

– Đưa ra những thông tin mới, bất ngờ, gây ấn tượng.

– Lồng nội dung phát biểu vào những câu chuyện kể lí thú, hấp dẫn.

– Tìm cách diễn đạt dễ tiếp nhận và trong hoàn cảnh thích hợp, có thêm sự biểu cảm hay hài hước.

– Thể hiện sự hào hứng của bản thân qua ánh mắt, giọng nói, điệu bộ.

– Tạo cảm giác gần gũi, có sự giao lưu giữa người nói và người nghe.

GHI NHỚ

- Trong cuộc sống, người ta có thể gặp những tình huống khiến mình muốn (hoặc cần phải) phát biểu không theo các nội dung đã chuẩn bị kĩ càng từ trước. Phát biểu trong những tình huống như thế được gọi là phát biểu tự do.
- Muốn thành công, người phát biểu tự do phải hiểu biết và có hứng thú với chủ đề mà mình đã chọn. Người phát biểu tự do còn cần quan tâm đến nhu cầu của người nghe, để từ đó tìm được nội dung và cách phát biểu thích hợp, có khả năng đem lại cho người nghe những điều đúng đắn, mới mẻ và bổ ích.

timdapan.com

LUYỆN TẬP

1. Sưu tầm những lời phát biểu tự do mà anh (chị) đánh giá là đặc sắc, đáng để cho mình học tập.
2. Giả sử anh (chị) tham gia cuộc thảo luận về một cuốn sách đang được giới trẻ quan tâm, yêu thích và đã phát biểu một cách tự do những ý kiến của riêng mình. Hãy ghi lại lời phát biểu đó và tự đánh giá xem so với những yêu cầu đặt ra thì lời phát biểu của anh (chị) có những ưu điểm và hạn chế gì.

ĐỌC THÊM

Pa-ven kéo cái yên ngựa lại gần ánh lửa, ngồi cưỡi lên yên, mở trên đầu gối cuốn sách khổ nhỏ song khá dày.

– Báo cáo các đồng chí, cuốn truyện này tên là "Ruồi trâu"[1]*. Đồng chí chính uỷ tiểu đoàn cho tôi mượn đấy. Cuốn truyện rất thấm thía đối với tôi. Các đồng chí ngồi yên đừng đùa, tôi đọc cho mà nghe.*

– Thôi đọc đi, nhanh lên. Chẳng ai phá đám đâu.

[...] Đọc xong những trang cuối, Pa-ven đặt sách lên gối và bâng khuâng nhìn chăm chăm vào ngọn lửa, nghĩ ngợi.

Trong mấy phút đồng hồ, không ai nói một lời. Tất cả mọi người đều xúc động vì cái chết của "Ruồi trâu".

Pu-dư-rép-xki hút một hơi thuốc lá, chờ đợi anh em lên tiếng.

Lời phát biểu của Xê-rê-đa phá tan cái không khí yên lặng.

– Câu chuyện bi thảm thật. Ai mà tưởng có được những con người bản lĩnh như thế trên đời này. Một người thường không thể chịu được cực hình đến độ ấy. Nhưng khi người ấy đã vì lí tưởng mà chiến đấu thì nhất định giữ vững được tinh thần.

Giọng Xê-rê-đa hết sức xúc động. Câu chuyện làm anh cảm xúc sâu xa.

An-đriu-sa, một người thợ học việc đóng giày vùng Bê-lai-a Xe-rơ-cốp, bừng bừng phẫn nộ :

– Thằng ác tăng khốn nạn đó mà vớ phải tay tôi thì tôi đâm chết nó ngay tại chỗ !

---

(1) *Ruồi trâu* : một truyện nổi tiếng nói về phong trào cách mạng ở Ý do người thủ lĩnh lấy tên là *Ruồi trâu* đề xướng ra. (người dịch)

timdapan.com

An-đrơ-súc lấy que củi ấn thêm chiếc cà mèn của mình vào bếp, rồi nói bằng một giọng tin tưởng :

– Chết mà biết mình chết vì một sự nghiệp gì thì chết cũng đáng lắm. Trong trường hợp ấy anh thấy mình có đủ sức mạnh để không sợ chết. Ta sẵn sàng đi đến cái chết một cách kiên nhẫn khi ta cảm thấy có chính nghĩa ở phía ta. Chính cái đó làm con người ta trở thành anh hùng đấy. Tôi biết một đồng chí trẻ tuổi tên gọi là Pô-rai-ca. Cái hôm bọn giặc trắng thọc vào Ô-đét-xa, một mình anh ta xung phong đánh cả một trung đội chúng nó. Bọn chúng chưa kịp giở lưỡi lê đâm anh, anh đã rút lựu đạn ra, quăng ngay dưới chân mình. Người anh tan ra từng mảnh, nhưng cả bọn Ba Lan[1] *cũng tan xác. Ấy thế mà trông anh ta bề ngoài chẳng có vẻ gì đâu. Không ai viết sách nói về anh ta. Song chuyện anh ta thật đáng chép vào sách. Hàng ngũ ta có vô số đồng chí ưu tú như thế.*

(N. Ô-xtơ-rốp-xki, *Thép đã tôi thế đấy*,
bản dịch của Thép Mới và Huy Vân, NXB Văn học, Hà Nội, 2005)

(1) Ở đây chỉ bọn bạch vệ người Ba Lan chống phá nước Nga sau Cách mạng tháng Mười năm 1917.

timdapan.com

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm vững khái niệm ngôn ngữ hành chính và các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ hành chính.
- Có kĩ năng soạn thảo một số văn bản hành chính khi cần thiết.

I – VĂN BẢN HÀNH CHÍNH VÀ NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

1. Văn bản hành chính

Văn bản 1

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số : 58/1998/NĐ – CP	*Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 1998*

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Ban hành Điều lệ Bảo hiểm y tế

CHÍNH PHỦ

– Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992 ;

– Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Nghị định này Điều lệ Bảo hiểm y tế.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày kí. Nghị định này thay thế Nghị định số 299/HĐBT ngày 15 tháng 8 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Điều lệ Bảo hiểm y tế và Nghị định số 47/CP ngày 6 tháng 6 năm 1994 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Điều lệ Bảo hiểm y tế.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ : Y tế, Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng – Trưởng ban Tổ chức cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

timdapan.com

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
(*Đã kí*)

Nơi nhận :
[...]

Văn bản 2

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

Số : .../2007

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
(*Tạm thời*)

– Được phép của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong công văn số 1838/THPT ngày 1 – 4 – 1995 ;

– Được sự uỷ quyền của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội,

Ảnh 3 × 4cm

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT LÊ LỢI
Chứng nhận học sinh : TRẦN VĂN TUẤN Nam/nữ : Nam
Sinh ngày : 3 – 9 – 1989 Nơi sinh : Hà Nội
Là học sinh Trường THPT Lê Lợi, đã dự kì thi tốt nghiệp THPT khoá ngày 31 – 5 – 2007
Tại Hội đồng coi thi Trường THPT Lê Lợi Số BD : 060029 Phòng thi số : 30
Đạt tổng điểm thi : 44,5. Trong đó điểm từng môn thi là :

1. Ngữ văn : 7	2. Vật lí : 8,0	3. Lịch sử : 7,5	Điểm TBXLTN : 7,41
4. Hoá học : 7	5. Toán : 7	6. Tiếng Anh (3N) : 8	Điểm XTN : 7,66
Diện ƯT :	Điểm KK : 1,5 (NK)		

Đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp THPT (THCB) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Xếp loại tốt nghiệp : KHÁ.
Giấy chứng nhận tạm thời có giá trị trong thời gian 1 năm chờ cấp bằng tốt nghiệp THPT (THCB) chính thức.

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2007

Họ tên, chữ kí của học sinh

HIỆU TRƯỞNG
(*Đã kí*)

timdapan.com

Văn bản 3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN HỌC NGHỀ

Kính gửi : *Ông Hiệu trưởng Trường Công nhân kĩ thuật điện tử M.I.G*

Tôi tên là : *Nguyễn Thị Hương*

Sinh ngày : *20 – 10 – 1986*

Chỗ ở hiện nay : *Thị trấn Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội*

Họ tên bố : *Nguyễn Văn Vi* Tuổi : *50* Nghề nghiệp : *Công nhân cơ khí*

Đơn vị công tác : *Xưởng cơ khí nông nghiệp Từ Liêm*

Họ tên mẹ : *Lê Thị Mai* Tuổi : *48* Nghề nghiệp : *Kĩ thuật viên điện tử*

Đơn vị công tác : *Trường Công nhân kĩ thuật điện tử M.I.G*

Nay làm đơn này xin được học nghề : *Kĩ thuật điện tử*

Nếu được thu nhận, tôi xin cam đoan :

1. Tuyệt đối chấp hành nội quy học tập và lao động.

2. Tuyệt đối phục tùng sự phân công học tập, bố trí công tác của nhà trường.

Lời cam đoan và ý kiến của bố mẹ

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những lời con tôi đã viết trong đơn.

Ngày 30 tháng 6 năm 2004

(*Kí tên*)

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2004

Người viết đơn

(*Kí tên*)

Qua các văn bản trên, có thể thấy :

– Văn bản 1 là nghị định của Chính phủ. Gần với *nghị định* là các văn bản khác của các cơ quan nhà nước (hoặc tổ chức chính trị, xã hội,...) như *pháp lệnh, nghị quyết, thông tư, thông cáo, chỉ thị, quyết định,...*

– Văn bản 2 là giấy chứng nhận của hiệu trưởng một trường trung học phổ thông. Gần với *giấy chứng nhận* là các loại văn bản như *văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh,...*

– Văn bản 3 là đơn của một học sinh gửi một cơ sở đào tạo nghề. Gần với *đơn* là các loại văn bản khác như *bản khai, báo cáo, biên bản,...*

2. Ngôn ngữ hành chính

Các loại văn bản hành chính đều có một số đặc điểm tiêu biểu về ngôn ngữ như sau :

timdapan.com

– *Về cách trình bày* : Các văn bản đều được soạn thảo theo một kết cấu thống nhất, thường có ba phần theo một khuôn mẫu nhất định (xem mục II.1).

– *Về từ ngữ* : Có một lớp từ ngữ hành chính được dùng với tần số cao. Ví dụ : *căn cứ..., được sự uỷ nhiệm của... ; tại công văn số... ; nay quyết định, chịu trách nhiệm thi hành ; có hiệu lực từ ngày... ; xin cam đoan...*

– *Về kiểu câu* : Có những văn bản tuy dài nhưng chỉ là kết cấu của một câu. Ví dụ : *Chính phủ căn cứ... quyết định : điều 1, 2, 3,...* Mỗi một ý quan trọng thường được tách ra và xuống dòng, viết hoa đầu dòng. Ví dụ :

Tôi tên là : Trần Văn Xuân

Sinh ngày : 20 tháng 6 năm 1980

Nơi sinh : xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng

II – ĐẶC TRƯNG CỦA PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

Qua các văn bản dẫn làm ví dụ ở mục I.1, có thể thấy phong cách ngôn ngữ hành chính có ba đặc trưng cơ bản : *tính khuôn mẫu, tính minh xác* và *tính công vụ.*

1. Tính khuôn mẫu

Tính khuôn mẫu của phong cách ngôn ngữ hành chính thể hiện ở kết cấu văn bản thống nhất, thường gồm ba phần : phần đầu, phần chính và phần cuối. Ví dụ, một văn bản của Chính phủ (văn bản 1 ở mục I.1) thường có bố cục như sau :

a) Phần đầu :

– Quốc hiệu và tiêu ngữ :

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

– Tên cơ quan ban hành văn bản (*Chính phủ*), bên dưới là số hiệu văn bản.

– Địa điểm, thời gian ban hành văn bản.

b) Phần chính : Nội dung chính của văn bản.

c) Phần cuối :

– Chức vụ, chữ kí và họ tên của người kí văn bản, dấu của cơ quan.

– Nơi nhận.

Văn bản hành chính có rất nhiều loại nên cách trình bày cũng có thể có những điểm khác biệt nhất định. Kết cấu nêu trên có thể thay đổi ít nhiều ở các loại văn bản khác nhau. Tuy nhiên, nhìn chung các văn bản hành chính đều mang tính khuôn mẫu thống nhất. Biểu hiện rõ nhất của tính khuôn mẫu là nhiều loại văn bản có mẫu chung, được in sẵn ; khi dùng, người ta chỉ cần điền nội dung cụ thể. Ví dụ : *giấy khai sinh, hợp đồng,...*

timdapan.com

2. Tính minh xác

Văn bản hành chính là văn bản được viết ra chủ yếu để thực thi, do vậy cần phải rất minh xác. Mỗi từ chỉ có một nghĩa, mỗi câu chỉ có một ý. Văn bản hành chính không dùng các phép tu từ hoặc lối biểu đạt hàm ý.

Mặt khác, ngôn từ trong văn bản hành chính là *chứng tích pháp lí*, nên không thể tuỳ tiện xoá bỏ, thay đổi, sửa chữa. Các văn bản hành chính đòi hỏi sự chính xác đến từng dấu chấm, dấu phẩy ; đối với một số văn bản thì cần chính xác cả về chữ kí, cả về thời gian mà văn bản có hiệu lực,... Nội dung của văn bản hành chính được soạn thảo theo các căn cứ pháp lí rõ ràng và thường được trình bày minh bạch thành các điều, khoản, chương, mục để người tiếp nhận lĩnh hội được chính xác và thi hành nghiêm túc.

3. Tính công vụ

Ngôn ngữ hành chính là ngôn ngữ dùng trong *giao tiếp công vụ*. *Tính công vụ* là tính chất công việc chung của cả cộng đồng hay tập thể. Tính công vụ không chỉ thể hiện ở nội dung, mà còn thể hiện ở cả các phương tiện ngôn ngữ của văn bản. Trong văn bản hành chính, những biểu đạt tình cảm của cá nhân bị hạn chế ở mức tối đa. Các từ ngữ biểu cảm nếu dùng cũng chỉ có tính ước lệ, khuôn mẫu, ví dụ : *kính chuyển, kính mong, trân trọng kính gửi*,... Trong đơn từ của cá nhân, khi muốn trình bày sự việc, người ta chú trọng đến những từ ngữ biểu ý hơn là biểu cảm. Ví dụ, trong đơn xin phép nghỉ học của học sinh gửi thầy (cô) giáo thì lời xác nhận của cha mẹ hoặc cơ sở y tế có giá trị hơn là những lời trình bày có cảm xúc để được thông cảm.

Trong các văn bản của cơ quan hay tổ chức chính trị, xã hội, kinh tế,... người kí văn bản không phải kí với tư cách cá nhân mà với cương vị và trách nhiệm của người đại diện cho cả cơ quan hay tổ chức đó. Cũng để đảm bảo tính công vụ, từ ngữ trong văn bản hành chính là lớp từ ngữ toàn dân, không dùng từ địa phương, từ khẩu ngữ ; trong khi đó lớp từ ngữ hành chính được dùng với tần số cao.

GHI NHỚ

- Ngôn ngữ hành chính là ngôn ngữ dùng trong các văn bản hành chính để giao tiếp trong phạm vi các cơ quan nhà nước hay các tổ chức chính trị, xã hội, kinh tế,... (gọi chung là cơ quan), hoặc giữa cơ quan với cá nhân, hay giữa các cá nhân với nhau trên cơ sở pháp lí.
- Phong cách ngôn ngữ hành chính có ba đặc trưng cơ bản : tính khuôn mẫu, tính minh xác và tính công vụ.

timdapan.com

LUYỆN TẬP

1. Hãy kể tên một số loại văn bản hành chính thường liên quan đến công việc học tập trong nhà trường của anh (chị).
2. Hãy nêu những đặc điểm tiêu biểu về cách trình bày văn bản, về từ ngữ, kiểu câu của văn bản hành chính (lược trích) sau đây :

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số : 03/2002/QĐ-BGD&ĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Về việc : Ban hành Chương trình Trung học cơ sở

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

– Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2 – 3 – 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lí nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ ;

– [...]

– Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Trung học phổ thông,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Chương trình Trung học cơ sở** áp dụng thống nhất trong cả nước theo tiến độ quy định trong Chỉ thị số 14/2001/CT-TTg ngày 11 – 6 – 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày kí. Vụ trưởng Vụ Trung học phổ thông có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Trung học phổ thông, Thủ trưởng các đơn vị hữu quan thuộc cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỨ TRƯỞNG
(*Đã kí*)

Nơi nhận :
– Văn phòng Quốc hội
– Văn phòng Chủ tịch nước
– Văn phòng Chính phủ
– [...]

3. Anh (chị) hãy ghi biên bản một cuộc họp theo phong cách ngôn ngữ hành chính.

timdapan.com

VĂN BẢN TỔNG KẾT

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được đặc điểm và yêu cầu của văn bản tổng kết.
- Viết được một văn bản tổng kết có nội dung và yêu cầu đơn giản.

I – TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN TỔNG KẾT

Trong cuộc sống, sau mỗi một công việc, người ta thường nhìn nhận, đánh giá kết quả của công việc ấy. Trong học tập, nghiên cứu, nhiều khi ta cũng cần tổng kết những nội dung cơ bản sau mỗi phần, mỗi chương. Trường hợp đầu cần viết *văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn*, trường hợp sau cần viết *văn bản tổng kết tri thức*.

Anh (chị) hãy nêu một số văn bản tổng kết thuộc hai loại trên mà mình được biết.

II – CÁCH VIẾT VĂN BẢN TỔNG KẾT

1. Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới.

ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
ĐỘI THANH NIÊN TÌNH NGUYỆN SỐ 2

ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2007

TỔNG KẾT ĐỢT HOẠT ĐỘNG TÌNH NGUYỆN TẠI CÁC TRUNG TÂM ĐIỀU DƯỠNG THƯƠNG BINH, BỆNH BINH NẶNG VÀ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI NƯỚC

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác đền ơn đáp nghĩa, góp phần giáo dục truyền thống "uống nước nhớ nguồn" cho sinh viên sư phạm, mùa hè năm 2007, Đội thanh niên tình nguyện số 2 thuộc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã triển khai hoạt động tại các trung tâm điều dưỡng thương binh, bệnh binh nặng và người có công với nước.

timdapan.com

1) Tổ chức

a) *Địa điểm hoạt động*

– Trung tâm điều dưỡng thương binh, bệnh binh nặng tỉnh Bắc Ninh (Thuận Thành, Bắc Ninh)

– Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh, bệnh binh và người có công với nước tỉnh Bắc Giang (Tân Yên, Bắc Giang)

– Trung tâm điều dưỡng thương binh, bệnh binh nặng Duy Tiên (Duy Tiên, Hà Nam)

b) *Số lượng* : 3 nhóm, gồm 50 sinh viên tình nguyện.

c) *Thời gian* : Từ 12 – 7 – 2007 đến 30 – 7 – 2007.

2) Kết quả hoạt động

a) *Hoạt động chăm sóc thương binh, bệnh binh*

– Tổ chức thăm hỏi, động viên tinh thần ; tạo không khí vui vẻ, ấm cúng, góp phần giảm bớt nỗi cô đơn và sự đau đớn của thương binh, bệnh binh.

– Phối hợp thực hiện chế độ dinh dưỡng cho thương binh, bệnh binh bằng việc tham gia nấu ăn, vệ sinh phòng ăn cho thương binh, bệnh binh.

b) *Hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể thao*

– Thường xuyên tổ chức hoặc kết hợp tổ chức các cuộc giao lưu văn hoá, văn nghệ với thương binh, bệnh binh và Ban lãnh đạo các trung tâm.

– Tổ chức giải thi đấu thể thao, hội thi hát ka-ra-ô-kê cho thương binh, bệnh binh, các cán bộ làm việc tại trung tâm và sinh viên tình nguyện.

c) *Vệ sinh môi trường, tôn tạo cảnh quan*

– Quét vôi, làm cỏ, trồng cỏ tại khuôn viên, vườn hoa của các trung tâm.

– Cải tạo, trồng, chăm sóc các vườn thuốc nam ; làm biển ghi tên các cây thuốc.

– Chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ của các trung tâm.

d) *Hoạt động tổ chức ôn tập văn hoá và sinh hoạt hè cho con em thương binh, bệnh binh*

– Tổ chức ôn tập văn hoá vào dịp hè cho gần 100 học sinh là con em thương binh, bệnh binh tại các trung tâm ở mọi trình độ và tất cả các môn học.

– Tổ chức sinh hoạt hè, sinh hoạt tập thể thường xuyên cho trẻ em tại các trung tâm.

e) *Hoạt động tặng quà thương binh, bệnh binh*

– Bổ sung vào thư viện của các trung tâm nhiều cuốn sách có giá trị, với những nội dung phù hợp với thương binh, bệnh binh.

– Cùng với lãnh đạo Nhà trường tổ chức thăm hỏi và tặng quà các trung tâm nhân Ngày Thương binh liệt sĩ 27 – 7.

timdapan.com

3) Đánh giá chung

Đợt hoạt động của Đội thanh niên tình nguyện số 2 thuộc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã kết thúc và thành công tốt đẹp. Có được thành công này là nhờ sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban Chấp hành Đoàn trường, sự giúp đỡ và hợp tác nhiệt tình của các trung tâm ; đặc biệt là nhờ sự nỗ lực, phấn đấu hăng say và đầy sáng tạo của toàn thể đội viên. Những kinh nghiệm thiết thực thu được cũng sẽ là những bài học bổ ích cho các đợt hoạt động tình nguyện sau này.

TM. BAN CHỈ HUY ĐỘI

ĐỘI TRƯỞNG

(*Đã kí*)

Câu hỏi :

a) Văn bản trên thuộc loại văn bản tổng kết nào và thuộc phong cách ngôn ngữ nào ?

b) Qua các đề mục và nội dung của văn bản trên, anh (chị) hãy cho biết mục đích, yêu cầu, bố cục và những nội dung chính của một văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn.

2. Hãy đọc bài *Tổng kết phần Tiếng Việt : hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ* (chú ý mục I – *Nội dung cơ bản cần nắm vững*) và trả lời các câu hỏi sau :

a) Bài tổng kết trên thuộc loại văn bản tổng kết nào và thuộc phong cách ngôn ngữ nào ?

b) Bài tổng kết trên nhằm mục đích gì ? Có những nội dung nào ?

3. Qua việc tìm hiểu hai loại văn bản tổng kết, anh (chị) hãy cho biết :

a) Mục đích, yêu cầu và nội dung của văn bản tổng kết.

b) Phong cách ngôn ngữ của văn bản tổng kết.

GHI NHỚ

- Văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn nhằm nhìn nhận, đánh giá trung thực, khách quan kết quả và rút ra những bài học kinh nghiệm khi kết thúc một công việc ; còn văn bản tổng kết tri thức nhằm tổng kết các tri thức hoặc các thành tựu nghiên cứu đã đạt được.
- Văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn thường có các nội dung : mục đích, yêu cầu, những hoạt động chính, bài học kinh nghiệm,... Văn bản tổng kết tri thức lần lượt trình bày khái quát các tri thức và thành tựu nghiên cứu đã đạt được.
- Tuỳ theo yêu cầu và nội dung, văn bản tổng kết có thể thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính hoặc phong cách ngôn ngữ khoa học.

timdapan.com

LUYỆN TẬP

1. Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới.

TỔNG KẾT THÀNH TÍCH CÔNG TÁC ĐOÀN VÀ PHONG TRÀO THANH NIÊN TÌNH NGUYỆN CỦA CHI ĐOÀN LỚP 11A NĂM HỌC 2006 – 2007

I. ĐẶC ĐIỂM CỦA CHI ĐOÀN

[...]

II. CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG

1. Ngay từ đầu năm học 2006 – 2007, được sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Đoàn cấp trên, Ban Chấp hành Chi đoàn lớp 11A đã tổ chức cho đoàn viên trong Chi đoàn tham gia các cuộc thi tìm hiểu điều lệ Đoàn, giúp đoàn viên hiểu rõ hơn về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và ý thức được trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi cá nhân đối với phong trào chung của toàn trường.

2. ...

3. ...

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHONG TRÀO THANH NIÊN TÌNH NGUYỆN

1. Tình nguyện phấn đấu trong học tập : ... Kết quả : ...

2. Tình nguyện tham gia phong trào chống tệ nạn xã hội : ... Kết quả : ...

3. Tình nguyện chung sức cùng cộng đồng tham gia công tác xã hội : ... Kết quả : ...

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐOÀN

1. Vào đầu năm học, được sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Đoàn cấp trên, Ban Chấp hành Chi đoàn khoá trước đã tổ chức một cách nghiêm túc Đại hội Chi đoàn lớp 11A, bầu ra được một Ban Chấp hành Chi đoàn khoá 2006 – 2007, gồm ba đoàn viên xứng đáng với sự tín nhiệm của tập thể và đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ mới.

2. ...

3. ...

Trong năm học 2006 – 2007, Chi đoàn lớp 11A đã đạt được một số thành tích nêu trên. Đề nghị Đoàn cấp trên xem xét khen thưởng cho Chi đoàn để thúc đẩy phong trào trong những năm học sau.

TM. BCH CHI ĐOÀN LỚP 11A
BÍ THƯ
(*Đã kí*)

timdapan.com

Câu hỏi :

a) Văn bản trên đã đạt được những yêu cầu nào của một văn bản tổng kết ? (Chú ý bố cục và cách diễn đạt ở các đoạn trích nguyên văn của văn bản.)

b) Trong văn bản có một số phần bị lược bớt (được đánh dấu bằng dấu ba chấm). Anh (chị) đoán xem trong các phần bị lược đi ấy, tác giả dẫn ra những sự việc, số liệu gì.

c) Đối chiếu với yêu cầu của một văn bản tổng kết nói chung, văn bản trên thiếu nội dung nào ?

2. Anh (chị) hãy viết một bài tổng kết phần Văn học (hoặc Tiếng Việt, Làm văn) thuộc chương trình Ngữ văn lớp 12.

timdapan.com

TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT : HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hệ thống hoá được những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ đã học trong chương trình Ngữ văn từ lớp 10 đến lớp 12.
- Nâng cao thêm năng lực giao tiếp bằng tiếng Việt ở cả hai quá trình : tạo lập và lĩnh hội văn bản.

I – NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN NẮM VỮNG

1. Giao tiếp là hoạt động[1] trao đổi thông tin của con người, được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện ngôn ngữ, nhằm thực hiện những mục đích về nhận thức, tình cảm, hành động. Đó là hoạt động không thể thiếu của con người và xã hội loài người, nhờ đó con người được trưởng thành, xã hội được hình thành và phát triển.

Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ bao gồm hai quá trình : quá trình tạo lập văn bản do người nói hay người viết thực hiện, quá trình lĩnh hội văn bản do người nghe hay người đọc thực hiện. Hai quá trình này có thể diễn ra đồng thời, tại cùng một địa điểm (hội thoại), cũng có thể ở các thời điểm và khoảng không gian cách biệt (qua văn bản viết).

2. Trong hoạt động giao tiếp, ngôn ngữ được sử dụng ở hai dạng : **nói** và **viết**. Hai dạng đó có sự khác biệt về điều kiện tạo lập và lĩnh hội văn bản, về đường kênh giao tiếp, về loại tín hiệu (âm thanh hay chữ viết), về các phương tiện phụ trợ (ngữ điệu, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ hay dấu câu, các kí hiệu văn tự, mô hình, bảng biểu,...), về cách dùng từ, đặt câu và tổ chức văn bản,...

3. Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ luôn luôn diễn ra trong một **ngữ cảnh** nhất định. Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ, làm cơ sở cho việc sử dụng

(1) Những chữ in đậm ở các mục đều gợi lại tên các bài học tương ứng từ lớp 10 đến lớp 12.

timdapan.com

ngôn ngữ và tạo lập văn bản, đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội thấu đáo văn bản. Ngữ cảnh bao gồm các nhân tố : nhân vật giao tiếp, bối cảnh rộng (bối cảnh văn hoá), bối cảnh hẹp (bối cảnh tình huống), hiện thực được đề cập đến và văn cảnh.

4. Trong ngữ cảnh, **nhân vật giao tiếp** là nhân tố rất quan trọng. Các nhân vật giao tiếp đều phải có cả năng lực tạo lập và năng lực lĩnh hội văn bản. Trong giao tiếp ở dạng nói, họ thường đổi vai cho nhau hay luân phiên lượt lời. Các nhân vật giao tiếp có những đặc điểm về các phương diện : vị thế xã hội, quan hệ thân sơ, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tầng lớp xã hội, vốn sống, văn hoá,... Những đặc điểm đó luôn chi phối nội dung và cách thức giao tiếp bằng ngôn ngữ. Hơn thế, mỗi nhân vật giao tiếp thường xuất phát từ những điều kiện của ngữ cảnh mà lựa chọn cho mình một chiến lược giao tiếp tối ưu nhằm đạt được mục đích và hiệu quả giao tiếp.

5. Khi giao tiếp, các nhân vật giao tiếp **sử dụng ngôn ngữ chung của xã hội để tạo ra lời nói – những sản phẩm cụ thể của cá nhân**. Trong hoạt động đó, các nhân vật giao tiếp vừa sử dụng những yếu tố của hệ thống ngôn ngữ chung và tuân thủ những quy tắc, chuẩn mực chung, đồng thời biểu lộ những nét riêng trong năng lực ngôn ngữ của cá nhân. Hơn nữa, mỗi cá nhân lại có thể và cần phải vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương tiện ngôn ngữ để tăng cường khả năng biểu đạt và hiệu quả giao tiếp bằng ngôn ngữ, góp phần đổi mới và phát triển ngôn ngữ.

6. Trong hoạt động giao tiếp, **mỗi câu thường có hai thành phần nghĩa : nghĩa sự việc và nghĩa tình thái**. Nghĩa sự việc ứng với sự việc mà câu đề cập đến. Nghĩa tình thái thường thể hiện thái độ, tình cảm, sự nhìn nhận, đánh giá của người nói đối với sự việc, hoặc đối với người nghe.

7. Trong hoạt động giao tiếp, các nhân vật giao tiếp cần có ý thức, thói quen và kĩ năng **giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.** Muốn thế, mỗi người cần nắm vững các chuẩn mực ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực, đồng thời có thể vận dụng linh hoạt, sáng tạo ngôn ngữ theo các quy tắc chung ; khi cần thiết có thể tiếp nhận những yếu tố tích cực của các ngôn ngữ khác, tuy cần chống lạm dụng tiếng nước ngoài. Mặt khác, để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi nhân vật giao tiếp cần đề cao phẩm chất văn hoá, lịch sự trong giao tiếp ngôn ngữ, tránh những cách biểu hiện thô tục làm vẩn đục ngôn ngữ.

timdapan.com

II – LUYỆN TẬP

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay :

– Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ !

– Cụ bán rồi ?

– Bán rồi ! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà oà lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện :

– Thế nó cho bắt à ?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

– Khốn nạn... Ông giáo ơi !... Nó có biết gì đâu ! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiên, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết !... Này ! Ông giáo ạ ! Cái giống nó cũng khôn ! Nó cứ làm in như nó trách tôi ; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng : "A ! Lão già tệ lắm ! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à ?". Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó !

Tôi an ủi lão :

– Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó chả hiểu gì đâu ! Vả lại ai nuôi chó mà chả bán hay giết thịt ! Ta giết nó chính là hoá kiếp cho nó đấy, hoá kiếp để cho nó làm kiếp khác.

Lão chua chát bảo :

– Ông giáo nói phải ! Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hoá kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn !...

Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo :

– Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng ?

– Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng ?

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

timdapan.com

Yêu cầu :

1. Phân tích sự đổi vai và luân phiên lượt lời trong hoạt động giao tiếp trên. Những đặc điểm của giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói thể hiện qua những chi tiết nào trong đoạn trích (chú ý lời kể chuyện của tác giả và lời của các nhân vật) ?

2. Các nhân vật giao tiếp có vị thế xã hội, quan hệ thân sơ và những đặc điểm gì riêng biệt ? Phân tích sự chi phối của những điều đó đến nội dung và cách thức nói trong lượt lời đầu tiên của lão Hạc.

3. Hãy phân tích nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu : "Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết !".

4. Trong đoạn trích có hoạt động giao tiếp ở dạng nói giữa hai nhân vật, đồng thời khi người đọc đọc đoạn trích (hoặc cả truyện *Lão Hạc*) lại có một hoạt động giao tiếp nữa giữa nhà văn Nam Cao và người đọc. Hãy chỉ ra sự khác biệt giữa hai hoạt động giao tiếp đó.

timdapan.com

ÔN TẬP PHẦN LÀM VĂN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hệ thống hoá tri thức về các kiểu loại văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn Trung học phổ thông, đặc biệt là lớp 12.
- Viết được các kiểu loại văn bản đã học, đặc biệt là văn bản nghị luận.

I – NHỮNG NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Thống kê các kiểu văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn Trung học phổ thông và cho biết những yêu cầu cơ bản của các kiểu văn bản đó.

2. Theo anh (chị), để viết được một văn bản, cần thực hiện những công việc gì ?

3. Ôn tập về văn nghị luận.

a) *Đề tài cơ bản của văn nghị luận trong nhà trường*

– Đề tài của văn nghị luận trong nhà trường gồm những nhóm nào ?

– Các đề tài đó có những điểm gì chung và khác biệt ?

b) *Lập luận trong văn nghị luận*

– Lập luận gồm những yếu tố nào ?

– Thế nào là luận điểm, luận cứ và phương pháp lập luận ? Quan hệ giữa luận điểm và luận cứ ?

– Hãy cho biết yêu cầu cơ bản và cách xác định luận cứ cho luận điểm.

– Kể tên các thao tác lập luận cơ bản, cho biết cách tiến hành và sử dụng các thao tác lập luận đó trong bài văn nghị luận.

– Nêu vắn tắt các lỗi thường gặp khi lập luận và cách khắc phục các lỗi đó.

c) *Bố cục của bài văn nghị luận*

– Vai trò của phần mở bài đối với bài văn, những yêu cầu đối với phần mở bài. Cách mở bài cho các kiểu bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí, một hiện tượng đời sống ; nghị luận về một ý kiến bàn về văn học, một bài thơ, đoạn thơ và một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.

– Vị trí, nội dung cơ bản của phần thân bài trong các kiểu bài nghị luận đã học ; cách sắp xếp các nội dung đó ; sự chuyển ý giữa các đoạn.

– Vai trò và yêu cầu của phần kết bài, cách kết bài cho các kiểu bài nghị luận đã học.

timdapan.com

d) *Diễn đạt trong văn nghị luận*

– Yêu cầu của diễn đạt trong văn nghị luận ; cách dùng từ, viết câu và giọng văn trong văn nghị luận.

– Các lỗi về diễn đạt và cách khắc phục.

II – LUYỆN TẬP

1. Đề bài

Đề 1. Đọc truyện sau :

BA CÂU HỎI

Ngày nọ, có một người đến gặp nhà triết học Xô-cơ-rát (Hi Lạp) và nói : "Ông có muốn biết những gì tôi mới nghe được về người bạn của ông không ?".

– Chờ một chút. – Xô-cơ-rát trả lời – Trước khi kể về người bạn tôi, anh nên suy nghĩ một chút và vì thế tôi muốn hỏi anh ba điều. Thứ nhất : Anh có hoàn toàn chắc chắn rằng những điều anh sắp kể là đúng sự thật không ?

– Ồ không. – Người kia nói – Thật ra tôi chỉ nghe nói về điều đó thôi và...

– Được rồi. – Xô-cơ-rát nói – Bây giờ điều thứ hai : Có phải anh sắp nói những điều tốt đẹp về bạn tôi không ?

– Không, mà ngược lại là...

– Thế à ? – Xô-cơ-rát tiếp tục – Câu hỏi cuối cùng : Tất cả những điều anh sắp nói về bạn tôi sẽ thật sự cần thiết cho tôi chứ ?

– Không, cũng không hoàn toàn như vậy.

– Vậy đấy. – Xô-cơ-rát quay sang người khách và nói : "...".

(Theo *Phép màu nhiệm của đời*,
NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2004)

Theo anh (chị), Xô-cơ-rát sẽ nói với người khách như thế nào ? Hãy bình luận về bài học rút ra từ câu chuyện trên.

Đề 2. Phân tích một đoạn mà anh (chị) thích nhất trong đoạn trích *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm.

2. Yêu cầu luyện tập

a) Tìm hiểu đề : Hai đề bài trên yêu cầu phải viết kiểu bài nghị luận nào ? Những thao tác lập luận nào cần sử dụng trong bài viết ? Những luận điểm cơ bản nào cần dự kiến cho bài viết ?

b) Lập dàn ý cho bài viết.

c) Tập viết phần mở bài cho từng bài viết.

d) Chọn một ý trong dàn ý để viết thành một đoạn văn.

timdapan.com

GIÁ TRỊ VĂN HỌC VÀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được những giá trị cơ bản của văn học.
- Hiểu được những nét bản chất của hoạt động tiếp nhận văn học.

I – GIÁ TRỊ VĂN HỌC

Giá trị văn học là sản phẩm kết tinh từ quá trình văn học, đáp ứng những nhu cầu khác nhau của cuộc sống con người, tác động sâu sắc tới cuộc sống và con người. Ở đây chỉ nói về ba giá trị cơ bản của văn học.

1. Giá trị nhận thức

Xét về thực chất, tác phẩm văn học là kết quả của quá trình nhà văn khám phá, lí giải hiện thực đời sống rồi chuyển hoá những hiểu biết đó vào nội dung tác phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu nhận thức của con người. Vì sao con người lại có nhu cầu đó ? Bởi vì mỗi người thường chỉ sống trong một khoảng thời gian nhất định, ở một địa điểm nhất định, với những mối quan hệ nhất định trong gia đình và xã hội. Văn học chính là một phương tiện có khả năng phá vỡ giới hạn tồn tại trong không gian và thời gian thực tế của mỗi cá nhân, đồng thời đem lại cho họ khả năng sống cuộc sống của nhiều người khác, sống ở nhiều thời đại, sống ở nhiều xứ sở. Như vậy, giá trị nhận thức là khả năng của văn học có thể đáp ứng được yêu cầu của con người muốn hiểu biết rõ hơn, sâu hơn cuộc sống xung quanh và chính bản thân mình, từ đó tác động vào cuộc sống có hiệu quả hơn.

Trước hết, văn học có thể mang tới cho người đọc những nhận thức mới mẻ và sâu rộng về nhiều mặt của cuộc sống trong những khoảng thời gian và không gian khác nhau. Những tác phẩm của một thời đã xa như *Truyện Kiều*, *Hoàng Lê nhất thống chí*, *Chiến tranh và hoà bình*... có thể đưa con người trở về với quá khứ của dân tộc và nhân loại, khi đó "văn học là tiếng nói của các thời đại, là cuộc đối thoại chứa chan tình nghĩa giữa người xưa và người nay" (Nguyễn Khánh Toàn). Những tác phẩm của thời hiện đại như *Vợ chồng A Phủ*,

timdapan.com

Vợ nhặt, Những đứa con trong gia đình,... mở ra trước mắt người đọc bao hiểu biết phong phú về cuộc sống trên đất nước mình với nhiều lĩnh vực khác nhau, từ chiến đấu, sản xuất đến phong tục, tập quán, hoàn cảnh địa lí,... ; lại có tác phẩm dẫn người đọc tới những miền đất xa lạ nào đó trên thế giới (*Tam quốc diễn nghĩa, Chiếc lá cuối cùng, Số phận con người,...*). Đó chính là *quá trình nhận thức* cuộc sống của văn học. Thông qua cuộc sống và hình ảnh của nhiều người khác nhau được trình bày trong các tác phẩm cụ thể, văn học còn giúp cho mỗi người đọc hiểu được bản chất của con người nói chung (Đâu là mục đích tồn tại của con người ? Đâu là tư tưởng, tình cảm, khát vọng và sức mạnh của con người ? v.v...). Đồng thời chính từ cuộc đời của người khác, mỗi người đọc có thể liên hệ, so sánh, đối chiếu để hiểu chính bản thân mình hơn với tư cách là một con người cá nhân. Đó chính là *quá trình tự nhận thức* mà văn học mang tới cho mỗi người.

2. Giá trị giáo dục

Trong sự tồn tại của văn học, giá trị nhận thức luôn là tiền đề của giá trị giáo dục. Không có nhận thức đúng đắn thì văn học không thể giáo dục được con người. Ngược lại, giá trị giáo dục làm sâu sắc thêm giá trị nhận thức của văn học đối với đời sống, bởi vì người ta nhận thức không phải chỉ để nhận thức mà nhận thức là để hành động. Do đâu mà văn học có giá trị giáo dục ? Có lẽ bởi vì con người không chỉ có nhu cầu hiểu biết mà còn có nhu cầu hướng thiện, con người luôn khao khát một cuộc sống tốt lành, chan hoà tình yêu thương giữa người với người ; mặt khác còn bởi vì trong khi phản ánh hiện thực, dù trực tiếp hay gián tiếp bao giờ nhà văn cũng bộc lộ một thái độ tư tưởng – tình cảm, một sự nhận xét, đánh giá của mình,... tất cả đều ít nhiều tác động tới người đọc và đó cũng chính là giáo dục.

Giá trị giáo dục của văn học trước hết biểu hiện ở khả năng đem đến cho con người những bài học quý giá về lẽ sống để họ tự rèn luyện bản thân mình ngày một tốt đẹp hơn. Về tư tưởng, văn học hình thành trong người đọc một lí tưởng tiến bộ, giúp cho họ có thái độ và quan điểm đúng đắn về cuộc sống. Có thể thấy những ý nghĩa đó trong câu tục ngữ "Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo", trong lời thơ của Trần Quang Khải : "Thái bình nên gắng sức – Non nước ấy ngàn thu". Về tình cảm, văn học giúp con người biết yêu ghét đúng đắn, làm cho tâm hồn con người trở nên lành mạnh, trong sáng, cao thượng hơn ; chẳng hạn câu ca dao "Nhiễu điều phủ lấy giá gương – Người trong một nước phải thương nhau cùng" khơi dậy biết bao thuỷ chung ân nghĩa của

timdapan.com

tình cảm đồng bào, bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi gợi biết bao yêu thương và tự hào về Tổ quốc. Về đạo đức, văn học nâng đỡ cho nhân cách của con người phát triển, giúp cho họ biết phân biệt phải – trái, tốt – xấu, đúng – sai, có quan hệ tốt đẹp và biết gắn bó cuộc sống của cá nhân mình với cuộc sống của mọi người. Tóm lại, giá trị giáo dục là khả năng của văn học có thể thay đổi hoặc nâng cao tư tưởng, tình cảm của con người theo chiều hướng tích cực, tốt đẹp, tiến bộ, đồng thời làm cho con người ngày càng hoàn thiện về đạo đức.

Cũng cần thấy rằng đặc trưng giáo dục của văn học hoàn toàn khác với những nguyên tắc áp đặt của luật pháp hay những lời giáo huấn trực tiếp trong những bài giảng đạo đức, bởi văn học giáo dục con người bằng con đường từ cảm xúc tới nhận thức, bằng cái thật, cái đúng, cái đẹp của những hình tượng sinh động, đầy sức thuyết phục. Có lẽ vì thế tác dụng giáo dục của văn học không phải ngay lập tức mà dần dần, thấm sâu nhưng rất lâu bền, nó gợi những cảm nghĩ sâu xa về con người và cuộc đời, nó gián tiếp đưa ra những bài học, những đề nghị về cách sống. Tác dụng đó vẫn phát huy ngay cả khi văn học miêu tả cái xấu, cái ác, nếu như người viết có cái tâm trong sáng, biết đứng vững trên lập trường của cái tốt, cái thiện, biết nhân danh công lí và những giá trị nhân bản cao đẹp của con người. Như vậy, văn học chính là một phương tiện hiệu nghiệm để tạo nên ở con người tất cả những gì mang tính nhân đạo chân chính. Với khả năng ấy, văn học không chỉ góp phần hoàn thiện bản thân con người, mà còn hướng họ tới những hành động cụ thể, thiết thực, vì một cuộc đời ngày càng tốt đẹp hơn.

3. Giá trị thẩm mĩ

Giá trị nhận thức và giá trị giáo dục của văn học chỉ có thể phát huy một cách tích cực nhất, có hiệu quả cao nhất khi gắn với một giá trị tạo nên đặc trưng của văn học, đó là giá trị thẩm mĩ. Con người luôn có nhu cầu cảm thụ, thưởng thức cái đẹp và trong sự tồn tại của mình, con người không những muốn cuộc sống tốt hơn mà còn đẹp hơn. Nói đúng ra, bản thân nhiều sự vật, hiện tượng trong thế giới hiện thực đã có sẵn vẻ đẹp, nhưng không phải ai cũng có thể nhận biết và cảm thụ được những vẻ đẹp ấy. Do vậy giá trị thẩm mĩ là khả năng của văn học có thể phát hiện và miêu tả những vẻ đẹp của cuộc sống một cách sinh động, giúp con người cảm nhận được và biết rung động một cách tinh tế, sâu sắc trước những vẻ đẹp đó.

timdapan.com

Giá trị thẩm mĩ của văn học được thực hiện trong một phạm vi hết sức rộng lớn, phong phú. Văn học mang tới cho con người những vẻ đẹp muôn hình muôn vẻ của cuộc đời : vẻ đẹp trong thiên nhiên, trong cảnh vật của đất nước (chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến), vẻ đẹp của những cảnh đời cụ thể trong cuộc sống hằng ngày, vẻ đẹp hào hùng của chiến trận (sử thi *I-li-át* của Hô-me-rơ, truyện *Thánh Gióng*). Đặc biệt, văn học đi sâu miêu tả vẻ đẹp của con người từ hình thể bên ngoài đến những diễn biến sâu xa của tư tưởng – tình cảm và những hành động gây ấn tượng thật khó quên với mọi người (Thuý Kiều với tài sắc vẹn toàn, hành động bán mình cứu cha và nỗi lòng đau xót, nhớ thương khi ở lầu Ngưng Bích). Văn học có thể phát hiện ra vẻ đẹp của những sự vật rất nhỏ bé, bình thường và cả vẻ đẹp của một dân tộc suốt trường kì lịch sử :

Sống vững chãi bốn ngàn năm sừng sững,
Lưng đeo gươm, tay mềm mại bút hoa
Trong và thật : sáng hai bờ suy tưởng
Sống hiên ngang mà nhân ái chan hoà.

(Huy Cận, *Đi trên mảnh đất này*)

Cái đẹp trong văn học không chỉ thể hiện ở nội dung mà còn ở hình thức, chỉ như thế văn học mới có tác dụng sâu sắc trong việc thoả mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người. Hình thức đẹp là những thủ pháp làm cho hình tượng văn học trở nên sinh động, hấp dẫn, nghệ thuật kết cấu tác phẩm một cách chặt chẽ, hợp lí, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ một cách điêu luyện,... Chẳng hạn, nghệ thuật điển hình hoá rất đặc sắc của Nam Cao trong *Chí Phèo*, cách dùng biện pháp nhân hoá, đảo ngữ và các từ láy trong câu thơ rất tài hoa của Xuân Diệu "Những luồng run rẩy rung rinh lá" v.v... Với cả nội dung đẹp và hình thức đẹp, văn học làm cho con người thêm mến yêu cuộc sống, thêm khao khát hướng tới những gì là đẹp đẽ, tốt lành.

Ba giá trị trên đây của văn học có mối liên hệ rất mật thiết. Không thể quan niệm rằng bộ phận này của tác phẩm đưa lại những thông tin nhận thức, bộ phận kia có ý nghĩa giáo dục và bộ phận còn lại thì thoả mãn nhu cầu thẩm mĩ, mà thực ra cả ba giá trị này cùng tác động tới người đọc. Cũng cần lưu ý, khi đề cập đến ba giá trị trên của văn học là nói theo thuật ngữ hiện đại, chứ thực ra từ xa xưa ông cha ta đã bàn tới những giá trị *chân, thiện, mĩ* của văn chương. Văn chương hướng tới *chân, thiện, mĩ* bao giờ cũng là văn chương cho mọi người và là văn chương của muôn đời.

timdapan.com

II – TIẾP NHẬN VĂN HỌC

Các giá trị văn học thể hiện sức tác động thông qua tiếp nhận văn học.

1. Tiếp nhận trong đời sống văn học

Cũng như bất cứ một loại hình nghệ thuật nào khác, trong đời sống văn học luôn có mối liên hệ qua lại giữa sáng tạo, truyền bá và tiếp nhận. Nếu tác giả là người sáng tạo văn học thì tác phẩm là phương tiện truyền bá văn học và người đọc là chủ thể tiếp nhận văn học. Không có người đọc, không có công chúng thì những cố gắng của tác giả, mọi giá trị của tác phẩm cũng trở nên vô nghĩa.

Cần phân biệt *tiếp nhận* và *đọc*. Tiếp nhận rộng hơn đọc, vì trước khi có chữ viết và công nghệ in ấn, tác phẩm văn học đã được truyền miệng. Ngày nay, khi tác phẩm văn học chủ yếu được in ra, nhiều người vẫn tiếp nhận văn học không phải do đọc bằng mắt mà nghe bằng tai, như nghe chính tác giả đọc thơ, nghe "đọc truyện đêm khuya" trên đài phát thanh... Tiếp nhận văn học chính là quá trình người đọc hoà mình vào tác phẩm, rung động với nó, đắm chìm trong thế giới nghệ thuật được dựng lên bằng ngôn từ, lắng nghe tiếng nói của tác giả, thưởng thức cái hay, cái đẹp, tài nghệ của người nghệ sĩ sáng tạo. Bằng trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống, vốn văn hoá và bằng cả tâm hồn mình, người đọc khám phá ý nghĩa của từng câu chữ, cảm nhận sức sống của từng hình ảnh, hình tượng, nhân vật, dõi theo diễn biến của câu chuyện, làm cho tác phẩm từ một văn bản khô khan biến thành một thế giới sống động, đầy sức cuốn hút. Như vậy, tiếp nhận văn học là hoạt động tích cực của cảm giác, tâm trí người đọc nhằm biến văn bản thành thế giới nghệ thuật trong tâm trí mình.

2. Tính chất tiếp nhận văn học

Tiếp nhận văn học thực chất là một quá trình giao tiếp. Sự giao tiếp giữa tác giả với người tiếp nhận là mối quan hệ giữa người nói và người nghe, người viết và người đọc, người bày tỏ và người chia sẻ, cảm thông. Bao giờ người viết cũng mong người đọc hiểu mình, cảm nhận được những điều mình muốn gửi gắm, kí thác. Cao Bá Quát từng nói : "Xưa nay, nỗi khổ của người ta không gì bằng chữ tình, mà cái khó ở đời không gì bằng sự gặp gỡ". Gặp gỡ, đồng điệu hoàn toàn là điều vô cùng khó khăn. Song dẫu không có được sự gặp gỡ hoàn toàn, tác giả và người đọc thường vẫn có được sự tri âm nhất định ở một số

timdapan.com

khía cạnh nào đó, một vài suy nghĩ nào đó. Đọc *Truyện Kiều*, người không tán thành quan niệm "Chữ *tài* chữ *mệnh* khéo là ghét nhau" của Nguyễn Du vẫn có thể chia sẻ với ông nỗi đau nhân thế ; người không bằng lòng việc tác giả để cho Từ Hải ra hàng vẫn có thể tâm đắc với những trang ngợi ca người anh hùng "Chọc trời khuấy nước mặc dầu – Dọc ngang nào biết trên đầu có ai",...

Trong sự giao tiếp giữa tác phẩm với độc giả, cần chú ý tính chất cá thể hoá, tính chủ động, tích cực của người tiếp nhận. Ở đây, năng lực, thị hiếu, sở thích của cá nhân đóng vai trò rất quan trọng ; tuỳ theo lứa tuổi già hay trẻ, trình độ học vấn cao hay thấp, kinh nghiệm sống nhiều hay ít mà có kết quả tiếp nhận cụ thể, riêng biệt cho mỗi người. Thậm chí cùng một người, lúc nhỏ đọc tác phẩm ấy đánh giá khác, sau lớn lên đánh giá khác, về già lại đánh giá khác. Tính khuynh hướng trong tư tưởng, tình cảm, trong thị hiếu thẩm mĩ càng làm cho sự tiếp nhận văn học mang đậm nét cá nhân và chính sự chủ động, tích cực của người tiếp nhận đã làm tăng thêm sức sống của tác phẩm. Tác phẩm văn học tuy miêu tả cuộc sống cụ thể, toàn vẹn, sinh động, nhưng vẫn còn rất nhiều điều mơ hồ, chưa rõ. Người đọc phải quan sát, tri giác để làm nổi lên những nét mờ, khôi phục những chỗ còn bỏ lửng, nhận ra mối liên hệ của những phần xa nhau, ý thức được sự chi phối của chỉnh thể đối với các bộ phận. Ở đây không chỉ có tác phẩm tác động tới người đọc, mà còn có việc tác động, tìm tòi của người đọc đối với văn bản. Thiếu sự tiếp nhận tích cực của người đọc thì tác phẩm chưa thể hiện lên thật sinh động, đầy đặn, hoàn chỉnh.

Tính đa dạng, không thống nhất cũng là một điểm nổi bật trong sự giao tiếp của người đọc với tác phẩm. Tính chất này bộc lộ ở chỗ cùng một tác phẩm nhưng cảm thụ và đánh giá của công chúng có thể rất khác nhau. Đọc *Truyện Kiều*, người thấy ở Thuý Kiều tấm gương hiếu nghĩa, người coi nàng như là biểu tượng cho thân phận đau khổ của người phụ nữ,... Sự khác nhau trong cảm nhận, đánh giá tác phẩm có nguyên nhân ở cả tác phẩm và người đọc. Nội dung tác phẩm càng phong phú, hình tượng nghệ thuật càng phức tạp, ngôn từ càng đa nghĩa thì sự tiếp nhận của công chúng về tác phẩm càng lắm hình nhiều vẻ. Tuổi tác, kinh nghiệm sống, học vấn hay tâm trạng người đọc cũng tác động không nhỏ đến quá trình tiếp nhận tác phẩm. Chẳng hạn cùng đọc truyện *Bà chúa tuyết* của An-đéc-xen, trẻ em và người lớn đều thích thú, nhưng cách hiểu của mỗi người lại không giống nhau. Vẫn là bài *Thơ duyên* của Xuân Diệu nhưng khi buồn đọc khác, khi vui đọc khác, khi đang yêu đọc khác... Điều đáng lưu ý là, dù cách hiểu có khác nhau, nhưng người đọc cần cố

timdapan.com

gắng để đạt tới một cách hiểu đúng về tác phẩm, làm sao để tác phẩm toả sáng đúng với giá trị thực của nó.

3. Các cấp độ tiếp nhận văn học

Đọc và hiểu tác phẩm văn học là một hành động tự do, mỗi người có cách thức riêng, tuỳ theo trình độ, thói quen, thị hiếu, sở thích của mình, nhưng nếu nhìn nhận một cách khái quát vẫn có thể thấy những cấp độ nhất định trong cách thức tiếp nhận văn học. Thứ nhất là cách cảm thụ chỉ tập trung vào nội dung cụ thể, nội dung trực tiếp của tác phẩm, tức là xem tác phẩm kể chuyện gì, có tình ý gì, các tình tiết diễn biến ra sao, các nhân vật yêu ghét nhau thế nào, sống chết ra sao... Đó là cách tiếp nhận văn học đơn giản nhất nhưng cũng khá phổ biến. Thứ hai là cách cảm thụ qua nội dung trực tiếp để thấy nội dung tư tưởng của tác phẩm. Ở đây người đọc có tư duy phân tích, khái quát, biết từ những gì cụ thể, sinh động mà thấy vấn đề đặt ra và cách thức người viết đánh giá, giải quyết vấn đề theo một khuynh hướng tư tưởng – tình cảm nào đó. Thứ ba là cách cảm thụ chú ý đến cả nội dung và hình thức biểu hiện của tác phẩm, thấy cả giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật của nó, cảm nhận được cái hấp dẫn, sinh động của đời sống được tái hiện, lại biết thưởng thức cái hay, cái đẹp của câu chữ, kết cấu, loại thể, hình tượng..., qua đó không chỉ thấy rõ ý nghĩa xã hội sâu sắc của tác phẩm mà còn xem việc đọc tác phẩm là cách để nghĩ, để cảm, để tự đối thoại với mình và đối thoại với tác giả, suy tư về cuộc đời, từ đó tác động tích cực vào tiến trình đời sống.

Để tiếp nhận văn học thực sự có hiệu quả, người đọc phải không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết của mình, tích luỹ kinh nghiệm tiếp nhận, biết trân trọng sản phẩm sáng tạo của một ý thức khác, lắng nghe một tiếng nói khác, làm quen với một giá trị văn hoá khác, tìm cách để hiểu tác phẩm một cách khách quan, toàn vẹn, nhờ thế mà làm phong phú thêm vốn cảm thụ của mình. Không nên thụ động mà phải tiếp nhận văn học một cách chủ động, tích cực, sáng tạo, hướng tới cái hay, cái đẹp, cái đúng. Thói quen đọc – hiểu theo kiểu suy diễn tuỳ tiện chẳng những làm thui chột các giá trị khách quan vốn có của tác phẩm, mà còn làm nghèo năng lực tiếp nhận các tác phẩm mới, lạ và khó. Người ta bao giờ cũng có phát hiện mới về tác phẩm trên tầm cao của kiến thức, tình yêu thiết tha với cái đẹp, sự say mê và rung cảm mãnh liệt với văn chương.

timdapan.com

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nêu vắn tắt cơ sở xuất hiện và nội dung cụ thể từng giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ của văn học.
2. Các giá trị của văn học có mối quan hệ với nhau như thế nào ?
3. Tiếp nhận văn học là gì ? Phân tích các tính chất trong tiếp nhận văn học.
4. Có mấy cấp độ tiếp nhận văn học ? Làm thế nào để tiếp nhận văn học có hiệu quả thực sự ?

GHI NHỚ

Văn học có ba giá trị cơ bản : nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ. Các giá trị của văn học được thực hiện thông qua quá trình tiếp nhận văn học với các tính chất và cấp độ khác nhau.

LUYỆN TẬP

1. Có người cho rằng giá trị cao quý nhất của văn chương là *nuôi dưỡng đời sống tâm hồn con người*, hay nói như Thạch Lam là "làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn". Nói như vậy có đúng không ? Vì sao ?
2. Tự chọn phân tích một tác phẩm văn học cụ thể để làm sáng tỏ các giá trị của văn học (hoặc các cấp độ tiếp nhận văn học).
3. Thế nào là *cảm* và *hiểu* trong tiếp nhận văn học ?

timdapan.com

TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT : LỊCH SỬ, ĐẶC ĐIỂM LOẠI HÌNH VÀ CÁC PHONG CÁCH NGÔN NGỮ

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hệ thống hoá được những kiến thức cơ bản về lịch sử, đặc điểm loại hình, các phong cách ngôn ngữ của tiếng Việt đã học từ lớp 10 đến lớp 12 ; nắm chắc đặc điểm của từng phong cách và việc sử dụng mỗi phong cách trong ngữ cảnh giao tiếp phù hợp.
- Nâng cao thêm kĩ năng lĩnh hội và tạo lập văn bản thuộc từng phong cách khi cần thiết.

1. Kẻ bảng sau vào vở rồi điền những nội dung cần thiết về tiếng Việt vào các mục trong bảng.

Nguồn gốc và lịch sử phát triển	Đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập
a) Về nguồn gốc, tiếng Việt thuộc : – Họ : – Dòng : – Nhánh :	a) ...
b) Các thời kì trong lịch sử : – ... – ... – ... – ... – ...	b)... c) ...

timdapan.com

2. Kẻ bảng sau vào vở rồi điền tên các phong cách ngôn ngữ và các thể loại văn bản tiêu biểu cho từng phong cách (theo mẫu ở cột thứ ba trong bảng) :

	PCNN ...	PCNN **nghệ thuật**	PCNN ...	PCNN ...	PCNN ...	PCNN ...
Thể loại văn bản tiêu biểu		– Ca dao, vè, thơ,... – Truyện, tiểu thuyết, kí,... – Kịch bản,...				

3. Kẻ bảng sau vào vở rồi điền tên các phong cách ngôn ngữ và các đặc trưng cơ bản của từng phong cách (theo mẫu ở cột thứ ba trong bảng) :

	PCNN ...	PCNN **nghệ thuật**	PCNN ...	PCNN ...	PCNN ...	PCNN ...
Các đặc trưng cơ bản		– Tính hình tượng – Tính truyền cảm – Tính cá thể hoá				

4. So sánh hai đoạn văn bản sau đây, xác định phong cách ngôn ngữ và đặc điểm ngôn ngữ của hai đoạn văn bản.

a) ***Mặt trăng :*** *Vệ tinh tự nhiên của Trái Đất, phản chiếu ánh sáng của Mặt Trời và chiếu sáng Trái Đất về ban đêm, có hình dạng nhìn thấy thay đổi dần từng ngày từ khuyết đến tròn và ngược lại.*

(Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*,
NXB Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, 2005)

b) *Giăng là cái liềm vàng giữa đồng sao. Giăng là cái đĩa bạc trên tấm thảm nhung da trời. Giăng toả mộng xuống trần gian. Giăng tuôn suối mát để những hồn khát khao ngụp lặn.*

(Nam Cao, *Giăng sáng*, trong *Tuyển tập Nam Cao*,
tập I, NXB Văn học, Hà Nội, 1993)

timdapan.com

5. Đọc văn bản (lược trích) sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới.

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số : 2795/QĐ-UB	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 1992

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP BẢO HIỂM Y TẾ HÀ NỘI

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

– Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ;

– Căn cứ Nghị định 299/HĐBT ngày 15 – 8 – 1992 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ Bảo hiểm y tế ;

– Xét đề nghị của các đồng chí Trưởng ban Tổ chức chính quyền thành phố, Giám đốc Sở Y tế Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH

I. Thành lập Bảo hiểm y tế (BHYT) Hà Nội. BHYT Hà Nội chịu sự quản lí, chỉ đạo trực tiếp của Sở Y tế Hà Nội và chịu sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của BHYT Việt Nam (Bộ Y tế).

Địa điểm đặt tại số 18 phố Hàng Lược, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

BHYT Hà Nội có nhiệm vụ :

1. Tổ chức thực hiện BHYT tại Hà Nội theo Nghị định số 299/HĐBT ngày 15 – 8 – 1992 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ BHYT (trừ các đối tượng là cán bộ công nhân viên đang công tác tại các cơ quan Trung ương).

2. Tuyên truyền và giải thích về lợi ích của BHYT cho nhân dân, hướng dẫn việc thực hiện BHYT cho các quận, huyện ; các sở, ban, ngành ; các đơn vị làm bảo hiểm.

3. Phối hợp với các phòng, ban chức năng của Sở, các bệnh viện để tổ chức tốt việc khám, chữa bệnh và phục vụ người bệnh được BHYT, đồng thời hướng dẫn hoặc kí kết hợp đồng dịch vụ y tế cho các nhu cầu BHYT.

timdapan.com

II. Tổ chức của BHYT Hà Nội : có 1 Giám đốc, 1 – 2 Phó Giám đốc và các phòng, ban chức năng.

III. Tại mỗi huyện tổ chức một chi nhánh BHYT huyện trực thuộc BHYT Hà Nội.

IV. [...]

V. [...]

VI. Các đồng chí Chánh văn phòng UBND thành phố ; Trưởng ban Tổ chức chính quyền thành phố ; Chủ tịch UBND các quận, huyện ; Giám đốc các sở, các đơn vị có liên quan và Giám đốc BHYT Hà Nội thi hành quyết định này.

TM. UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(*Đã kí*)

Nơi nhận :
[...]

Yêu cầu :

a) Hãy xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản.

b) Phân tích đặc điểm về từ ngữ, câu văn, kết cấu của văn bản.

c) Giả định rằng văn bản trên vừa mới được kí và ban hành một vài giờ trước, anh (chị) hãy đóng vai một phóng viên báo hằng ngày viết một tin ngắn theo phong cách ngôn ngữ báo chí (thể loại bản tin) để đưa tin về sự kiện ban hành văn bản.

timdapan.com

ÔN TẬP PHẦN VĂN HỌC

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm một cách hệ thống và biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo những kiến thức cơ bản đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 12, học kì II.
- Có năng lực phân tích văn học theo từng cấp độ : sự kiện, vấn đề, tác phẩm, hình tượng, ngôn ngữ văn học,...

I – NỘI DUNG ÔN TẬP

Sách giáo khoa *Ngữ văn12*, tập hai, phần văn học Việt Nam gồm những tác phẩm văn học hiện đại từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX, thuộc các thể loại truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch, văn nhật dụng.

Về truyện ngắn và tiểu thuyết, chương trình gồm các tác phẩm : *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài), *Vợ nhặt* (Kim Lân), *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành), *Những đứa con trong gia đình* (Nguyễn Thi), *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu) và các tác phẩm đọc thêm : *Bắt sấu rừng U Minh Hạ* (Sơn Nam), *Mùa lá rụng trong vườn* (Ma Văn Kháng), *Một người Hà Nội* (Nguyễn Khải). Khi ôn tập, cần nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết để vận dụng vào việc phân tích tác phẩm. Ngoài việc nắm vững nội dung tư tưởng các tác phẩm, nên so sánh để làm rõ những nét đặc sắc về nghệ thuật của mỗi truyện : tình huống truyện, khắc hoạ nhân vật, nghệ thuật trần thuật, ngôn ngữ nghệ thuật,... Ở đây, ngoài yêu cầu nhận ra những nét đặc sắc của từng tác phẩm thể hiện tư tưởng và phong cách nghệ thuật của mỗi nhà văn, còn phải thấy được phần nào sự đa dạng, phong phú của truyện ngắn thời kì này.

Về kịch hiện đại Việt Nam, sách giáo khoa trích học vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ. Khi ôn tập, ngoài việc nắm vững giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích, cần phải hiểu được một số đặc điểm của thể loại kịch qua đoạn trích và vận dụng được những tri thức đó để đọc văn bản kịch.

Phần văn học nước ngoài có các trích đoạn truyện ngắn và tiểu thuyết : *Thuốc* (Lỗ Tấn), *Số phận con người* (M. Sô-lô-khốp), *Ông già và biển cả* (Ơ. Hê-minh-uê). Khi ôn tập, ngoài việc nắm vững giá trị nội dung, những

timdapan.com

sáng tạo về hình thức trong mỗi tác phẩm, còn cần nắm được cách đọc một tác phẩm truyện hiện đại nước ngoài.

II – PHƯƠNG PHÁP ÔN TẬP

Học sinh có thể vận dụng những hình thức ôn tập sau :

– Làm bài tập tại lớp.

– Thuyết trình.

– Thảo luận ở lớp (có thể theo nhóm).

– Viết báo.

Có thể lập đề cương ôn tập theo hệ thống các vấn đề và câu hỏi sau :

1. Những phát hiện khác nhau về số phận và cảnh ngộ của người dân lao động trong các tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài), *Vợ nhặt* (Kim Lân). Phân tích nét đặc sắc trong tư tưởng nhân đạo của mỗi tác phẩm.

2. Các tác phẩm *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành, *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi đều viết về chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Hãy so sánh để làm rõ những khám phá, sáng tạo riêng của từng tác phẩm trong việc thể hiện chủ đề chung đó.

3. Phân tích tình huống truyện trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu.

4. Ý nghĩa tư tưởng của đoạn trích vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ.

5. Ý nghĩa tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn *Số phận con người* của M. Sô-lô-khốp.

6. Trong truyện ngắn *Thuốc*, Lỗ Tấn phê phán căn bệnh gì của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX ? Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm ?

7. Ý nghĩa biểu tượng trong đoạn trích *Ông già và biển cả* của Ơ. Hê-minh-uê ?

Lưu ý : Về những tác phẩm khác, học sinh dựa vào câu hỏi ở phần *Hướng dẫn học bài* để ôn tập.

timdapan.com

KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm vững các nội dung cơ bản của cả ba phần Văn học, Tiếng Việt, Làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 12, chủ yếu ở học kì II.
- Biết cách vận dụng những kiến thức và kĩ năng đã học để hoàn thành tốt bài kiểm tra tổng hợp cuối năm.

I – HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Những nội dung cần chú ý

Ôn lại những nội dung đã được hướng dẫn ôn tập ở cuối học kì I. Chú trọng ôn tập các nội dung sau đây ở học kì II :

a) *Về Văn học*

Giá trị nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm, đoạn trích đã học ở học kì II :

– Phần văn học Việt Nam : *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài) ; *Vợ nhặt* (Kim Lân) ; *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành) ; *Những đứa con trong gia đình* (Nguyễn Thi) ; *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu) ; *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ) và một số văn bản nhật dụng.

– Phần văn học nước ngoài : *Thuốc* (Lỗ Tấn), *Số phận con người* (M. Sô-lô-khốp), *Ông già và biển cả* (Ơ. Hê-minh-uê).

– Lí luận văn học : Giá trị văn học và tiếp nhận văn học.

b) *Về Tiếng Việt*

– Nhân vật giao tiếp

– Thực hành về hàm ý

– Phong cách ngôn ngữ hành chính.

c) *Về Làm văn*

– Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi

timdapan.com

– Rèn luyện kĩ năng mở bài và kết bài trong bài văn nghị luận

– Diễn đạt trong văn nghị luận

– Phát biểu tự do

– Văn bản tổng kết.

2. Cách ôn tập và làm bài kiểm tra

(Tham khảo phần *Hướng dẫn chung* ở bài *Kiểm tra tổng hợp cuối học kì I.*)

II – GỢI Ý ĐỀ BÀI

(Thời gian làm bài 90 phút, không kể thời gian giao đề.)

Phần trắc nghiệm (*3 điểm*)

1. Nội dung nào sau đây *không* phải là biểu hiện của tính nhân đạo trong truyện ngắn *Vợ nhặt* ?

A – Trân trọng niềm khát khao tổ ấm gia đình

B – Ca ngợi tình thương yêu giữa những người nghèo khổ

C – Xây dựng một tình huống đặc biệt : vui mà tội nghiệp, mừng mà vừa tủi vừa lo

D – Xót thương trước tình cảnh thê thảm của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám

2. Câu nào sau đây nêu đúng và đầy đủ chủ đề truyện ngắn *Vợ nhặt* ?

A – Truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân kể về người vợ "nhặt được" của Tràng.

B – Truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân không chỉ miêu tả tình cảnh thê thảm của người nông dân trong nạn đói năm 1945 mà còn khẳng định bản chất tốt đẹp và sức sống kì diệu của họ.

C – Truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân thể hiện niềm khát khao tổ ấm gia đình và tình yêu thương đùm bọc lẫn nhau của những người nông dân trước Cách mạng.

D – Truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân nói về tình cảnh thê thảm của người nông dân trong nạn đói năm 1945.

timdapan.com

3. Thành công chủ yếu về nghệ thuật của truyện *Vợ chồng A Phủ* thể hiện ở những phương diện nào ?

A – Khắc hoạ tính cách nhân vật ; tạo màu sắc và phong vị dân tộc

B – Khắc hoạ tính cách nhân vật ; xây dựng tình huống truyện

C – Khắc hoạ tính cách nhân vật ; miêu tả tâm lí nhân vật

D – Tạo màu sắc và phong vị dân tộc ; xây dựng tình huống truyện

4. Đặc điểm nào dưới đây *không* thể hiện màu sắc sử thi trong tác phẩm *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành ?

A – Đề cập tới vấn đề cơ bản nhất, có ý nghĩa sống còn của đất nước – cuộc kháng chiến chống Mĩ giành độc lập cho dân tộc

B – Xây dựng các nhân vật anh hùng quyết chiến đấu, hi sinh vì độc lập tự do của đất nước

C – Thể hiện tinh thần lạc quan, tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ

D – Tạo dựng một bức tranh hoành tráng về thiên nhiên và con người

5. Nhận định nào sau đây đúng và đầy đủ ?

Hình tượng rừng xà nu trong truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Trung Thành có ý nghĩa tượng trưng cho :

A – Sức sống tuyệt vời của thiên nhiên Việt Nam

B – Cuộc đấu tranh bất khuất của dân làng Xô Man và các dân tộc Tây Nguyên

C – Sự bất lực của bom đạn đế quốc Mĩ

D – Cuộc sống đau thương nhưng kiên cường bất khuất của các dân tộc Tây Nguyên nói riêng và của dân tộc Việt Nam nói chung

6. Trong truyện *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu có chi tiết : Sau cuộc nói chuyện với "người đàn bà", có "một cái gì vừa mới vỡ ra trong đầu vị Bao Công của cái phố huyện vùng biển". Theo anh (chị), nhân vật Đẩu đã hiểu ra điều gì ?

A – Cuộc sống còn quá nhiều khó khăn của người dân chài vùng biển

B – Sự nhẫn nhục, cam chịu của người phụ nữ lao động vùng biển

C – Tình thương yêu vô bờ của người mẹ đối với những đứa con của mình

D – Không thể đơn giản, sơ lược trong việc nhìn nhận cuộc sống và con người

timdapan.com

7. Câu nào sau đây nêu chính xác và đầy đủ chủ đề truyện *Số phận con người* của nhà văn Nga M. Sô-lô-khốp ?

A – Truyện *Số phận con người* thể hiện sự tàn bạo của chiến tranh phát xít.

B – Truyện *Số phận con người* thể hiện sự đồng cảm sâu sắc với những số phận chịu nhiều mất mát trong chiến tranh.

C – Truyện *Số phận con người* thể hiện khát vọng vươn lên làm chủ số phận của con người.

D – Truyện *Số phận con người* thể hiện bản lĩnh kiên cường và nhân hậu của con người Xô viết.

8. Dòng nào sau đây *không* nêu đặc điểm thể hiện sự trong sáng của tiếng Việt ?

A – Tính chuẩn mực, có quy tắc

B – Sự không lai căng, pha tạp

C – Tính lịch sự, văn hoá trong lời nói

D – Sự phong phú, sinh động về từ ngữ, âm thanh

9. Đoạn văn sau có những đặc sắc gì về diễn đạt ?

Tôi quyết rằng trong lịch sử thi ca Việt Nam chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lúc một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kì dị như Chế Lan Viên... và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu.

(Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, Sđd)

A – Dùng từ chính xác, độc đáo ; viết văn giàu hình ảnh

B – Viết văn giàu hình ảnh ; sử dụng các phép tu từ lặp cú pháp, liệt kê

C – Dùng từ chính xác, độc đáo ; sử dụng các phép tu từ lặp cú pháp, liệt kê

D – Viết văn giàu hình ảnh ; sử dụng các phép tu từ chêm xen, liệt kê

10. Đoạn văn sau đây sử dụng phép tu từ nào ?

Làng ở trong tầm đại bác của đồn giặc. Chúng nó bắn, đã thành lệ, mỗi ngày hai lần, hoặc buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và sẩm tối, hoặc

timdapan.com

nửa đêm và trở gà gáy. Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu cạnh con nước lớn. Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quyện thành từng cục máu lớn.

(Nguyễn Trung Thành, *Rừng xà nu*)

A – Lặp cú pháp, liệt kê

B – Lặp cú pháp, chêm xen

C – Liệt kê, chêm xen

D – Lặp cú pháp, liệt kê, chêm xen

11. Đọc đoạn trích sau và cho biết vì sao lập luận đưa ra lại bị phe đối lập bác lại ?

[...] Năm 1990 trong cuộc thi hùng biện châu Á về luận đề "Loài người chung sống hoà bình là lí tưởng có thể thực hiện", phía phản bác là đội Đại học Đài Loan, số 2 nói : "Dựa vào số liệu thống kê, từ năm 1945 đến nay, mỗi ngày có 12 cuộc chiến xảy ra, bao gồm các cuộc chiến tranh quốc tế hay nội chiến lớn nhỏ. Xin hỏi mọi người, đó là trạng thái hoà bình chăng ?".

Về việc này, đội bảo vệ là Đại học Nam Kinh, số 3 phản bác : "... Đội bạn nói rằng từ 1945 đến nay, mỗi ngày nổ ra 12 cuộc chiến tranh. Các số này nêu ra không chính xác. Sự thực là những năm 60 tổng cộng đã nổ ra khoảng 30 cuộc chiến, còn đến những năm 80 thì cả thảy nổ ra chưa đến 10 cuộc. Điều này chẳng nói lên một xu thế hoà hoãn hay sao ?".

(*Theo* Triệu Truyền Đống, *Phương pháp biện luận*,
Nguyễn Quốc Siêu biên dịch, NXB Giáo dục, 1999)

A – Luận cứ không đầy đủ

B – Luận cứ không chính xác

C – Luận cứ không tiêu biểu

D – Luận cứ mâu thuẫn

12. Đoạn văn sau chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào ?

Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn

timdapan.com

thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy. Có người chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của ***Lục Vân Tiên****, và hiểu* ***Lục Vân Tiên*** *khá thiên lệch về nội dung và về văn, còn rất ít biết thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, khúc ca hùng tráng của phong trào yêu nước chống bọn xâm lược Pháp lúc chúng đến bờ cõi nước ta cách đây một trăm năm !*

(Phạm Văn Đồng, *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc*)

A – Chứng minh B – So sánh

C – Giải thích D – Phân tích

Phần tự luận (*7 điểm* – Chọn một trong hai đề)

Đề 1

1. Giới thiệu khái quát về tác giả Tô Hoài và tác phẩm *Vợ chồng A Phủ*. (*2 điểm*)

2. Phân tích giá trị nghệ thuật của việc xây dựng tình huống truyện trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân. (*5 điểm*)

Đề 2

1. Giới thiệu khái quát về tác giả Ơ. Hê-minh-uê và tác phẩm *Ông già và biển cả*. (*2 điểm*)

2. "Có ba điều trong cuộc đời mỗi người nếu đi qua sẽ không lấy lại được : thời gian, lời nói và cơ hội."

Nêu suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến trên. (*5 điểm*)

timdapan.com

TRẢ BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Phát hiện và bổ sung những mặt còn yếu về kiến thức và kĩ năng.
- Rút được những kinh nghiệm bổ ích để chuẩn bị tốt cho kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông.

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TRÊN LỚP

1. Nghe nhận xét, đánh giá kết quả làm bài.

2. Thảo luận để phát hiện và sửa chữa các lỗi trong bài kiểm tra, rút kinh nghiệm về cách làm bài kiểm tra tổng hợp.

3. Xây dựng một dàn ý chi tiết cho đề tự luận.

4. Từng cá nhân đọc lại bài kiểm tra và sửa chữa các lỗi.

5. Gợi ý làm bài

a) *Đáp án phần trắc nghiệm*

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	B	A	C	D	D	D	D	C	D	B	B

b) *Gợi ý nội dung phần tự luận*

Câu 2 (đề 1)

– Các tình huống độc đáo của truyện :

+ Nhân vật Tràng trong truyện là một thanh niên làm nghề kéo xe, nghèo khổ, thô kệch bỗng nhiên "nhặt" được vợ một cách dễ dàng, nhanh chóng, ở ngay giữa đường giữa chợ, nhờ mấy bát bánh đúc.

+ Tràng lấy vợ trong một tình huống éo le, vui buồn lẫn lộn và trong hoàn cảnh nuôi mình và mẹ già đã rất khó khăn, nay lại phải thêm một miệng ăn nữa.

+ Hạnh phúc của đôi vợ chồng mới lấy nhau, của gia đình bà cụ Tứ diễn ra trong tình cảnh thê thảm của nạn đói năm 1945.

timdapan.com

– Ý nghĩa của việc xây dựng tình huống truyện :

+ Lên án xã hội thực dân nửa phong kiến tàn bạo đã đẩy con người đến cảnh sống éo le, cùng cực.

+ Nói lên khát vọng của con người cho dù bị đẩy vào tình huống bi đát, phải sống trong sự đe doạ của cái chết vẫn khao khát tình thương, khao khát có một gia đình êm ấm, luôn hướng về sự sống và hi vọng ở tương lai.

+ Tạo hoàn cảnh để các nhân vật bộc lộ tính cách của mình.

Câu 2 (đề 2)

Bài làm nên có một số ý chính sau đây :

– Giải thích và chứng minh tính đúng đắn của ý kiến : "Có ba điều trong cuộc đời mỗi người nếu đi qua sẽ không lấy lại được : thời gian, lời nói và cơ hội."

– Nêu bài học rút ra từ câu nói :

+ Không nên lãng phí thời gian, "việc hôm nay chớ để đến ngày mai".

+ Cần cẩn trọng, suy nghĩ chín chắn trước khi nói.

+ Khi thời cơ đến, phải biết nắm lấy, không nên bỏ lỡ.

timdapan.com

BẢNG TRA CỨU TỪ HÁN VIỆT

1. Từ trong bảng tra cứu chủ yếu là những từ Hán Việt xuất hiện trong SGK *Ngữ văn 12* và một số tài liệu tham khảo khác. Khuôn khổ của bảng tra cứu có hạn nên NBS chỉ lựa chọn một số từ thường xuất hiện trong các văn bản cổ để tạo điều kiện cho việc lĩnh hội văn bản và sử dụng khi cần thiết.

2. Nhìn chung, mỗi từ sẽ được trình bày theo quy cách dưới đây :

– Từ cần giải thích.

– Nghĩa của từ cần giải thích. Nếu từ có nhiều nghĩa sẽ ghi rõ 1, 2,...

– Nghĩa của từng yếu tố trong từ (nếu cần).

– Mở rộng vốn từ (theo các yếu tố). Nghĩa của những từ khó hiểu đặt trong dấu ngoặc đơn.

– Hiện tượng đồng âm (được đánh dấu bằng dấu * ; nếu có nhiều từ đồng âm thì sẽ ghi rõ 1, 2,... sau dấu *).

bác ái	yêu thương rộng khắp tất cả mọi người. ***bác*** = rộng lớn, rộng rãi : *bác học, uyên bác* (hiểu biết sâu rộng). ***bác**** = gạt bỏ, phủ nhận : *biện bác* (phân tích lí lẽ phải trái, đúng sai,... để gạt bỏ, phủ nhận), *phản bác*.
bộc bạch	trình bày rõ ràng, không che giấu ; phơi bày, giãi bày (tâm sự, nỗi lòng). ***bộc*** = phơi bày ; để lộ ra, không che đậy, giấu giếm : *bộc lộ, bộc trực* (thẳng thắn, không vòng vo né tránh). ***bộc**** = người hầu, đầy tớ (trong xã hội cũ) : *lão bộc, nô bộc*.
cương thường	dạng tắt của *tam cương* (ba quan hệ : vua tôi, cha con, vợ chồng) và *ngũ thường* (năm phẩm chất : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín). ***cương*** = những điều chủ chốt, chủ yếu, cái quan trọng nhất chi phối, điều hành những cái còn lại trong một tổ chức, tổ hợp (như sợi dây lớn giữ mép lưới) ; mối giềng : *cương lĩnh, chính cương* (cương lĩnh chính trị), *đại cương, đề cương*. ***cương**** [1] = cứng rắn : *cương nghị* (cứng rắn quả quyết), *cương quyết, cương trực*.

timdapan.com

	cương2* = bờ cõi : *biên cương, cương giới, vô cương* (không giới hạn ; vô cùng vô tận). ***thường*** = 1. liên tục, lâu dài, không thay đổi : *thường trú, thường trực, thường xuyên*. 2. chung, phổ biến ; không có gì nổi bật, đặc biệt : *thường kì, thường lệ, thường thức, thường tình ; dị thường* (khác thường), *phi thường, tầm thường, thông thường.*
diệu cảnh	cảnh đẹp tuyệt trần. ***diệu*** = cực kì hay, đẹp ; khác thường như có sự trợ giúp của phép thần : *diệu kế, diệu kì ; huyền diệu, kì diệu, thần diệu, tuyệt diệu.* ***cảnh*** = hình sắc, sự vật, hiện tượng,... phô bày ra trước mắt : *cảnh ngộ* (tình trạng khó khăn trong cuộc sống), *cảnh tình, cảnh tượng ; bối cảnh, hoàn cảnh, ngoại cảnh, phong cảnh, quang cảnh, thảm cảnh, thắng cảnh, tình cảnh, toàn cảnh, viễn cảnh.* ***cảnh**** = đề phòng, nhắc nhở để chú ý đề phòng, bảo vệ, canh gác : *cảnh binh, cảnh giác, cảnh sát, cảnh vệ, cảnh báo, cảnh cáo, cảnh tỉnh.*
hi hữu	hiếm có, hiếm thấy, ít có, ít thấy. ***hi*** = 1. trông đợi : *hi vọng*. 2. ít, hiếm. ***hi**** = súc vật hiến tế thần linh (nghĩa gốc) : *hi sinh* (*hi* : con vật hiến tế có bộ lông một màu, không pha tạp sắc màu khác ; *sinh* : con vật hiến tế toàn vẹn, không thiếu một bộ phận nào). Hiện nay, *hi sinh* được dùng với ý nghĩa : hành động quên mình vì lí tưởng, nghĩa vụ cao cả.
hiện thế	đời nay ; thời nay. ***hiện*** = 1. gắn với thời điểm đang diễn ra trước mắt : *hiện đại, hiện hành, hiện hữu, hiện tại, hiện thời, hiện tình, hiện trạng*. 2. lộ ra, có thể thấy được : *hiện diện* (có mặt), *hiện thân, hiện tượng, hiện vật ; biểu hiện, hiển hiện, phát hiện, tái hiện, thể hiện, thực hiện, xuất hiện.*
hoàn vũ	toàn cầu, toàn thế giới, vũ trụ. ***hoàn*** = rộng lớn ; bao trùm : *hoàn cầu* (trái đất, thế giới). ***hoàn***1* = vòng tròn : *kim hoàn, liên hoàn, tuần hoàn.* ***hoàn***2* = quay trở lại : *hoàn nguyên, hoàn tục* (quay trở lại cuộc sống thế tục, không đi tu nữa), *hoàn lương* (trở lại con đường lương thiện) ; *bồi hoàn* (trả lại, đền bù). ***hoàn***3* = đầy đủ, trọn vẹn ; xong xuôi : *hoàn bị* (đầy đủ, không thiếu sót), *hoàn chỉnh, hoàn hảo, hoàn thiện, hoàn thành.*

timdapan.com

	hoàn4* = trở về : *khải hoàn* (thắng trận trở về), *khải hoàn ca, khải hoàn môn* (cổng chào đón đoàn quân chiến thắng trở về ; công trình kiến trúc mang hình dáng cổng chào để kỉ niệm chiến thắng). ***vũ*** = mái nhà (nghĩa gốc) ; che phủ, bao trùm cả một vùng rộng lớn (nghĩa chuyển) : *vũ trụ* (*vũ* : nói về không gian rộng lớn ; *trụ* : nói về thời gian vô tận). ***vũ***1* = mưa : *vũ kế* (dụng cụ đo lượng nước mưa), *vũ lộ* (mưa và sương thấm nhuần đất đai, làm cho cây cối đâm chồi nảy lộc ; được dùng để nói về ơn huệ của vua chúa), *vũ thuỷ* (một trong 24 tiết khí, mưa rào tốt lúa, xuất hiện vào cuối mùa xuân), *phong vũ biểu* (dụng cụ dự đoán thời tiết). ***vũ***2* = múa : *vũ đạo, vũ hội, vũ khúc, vũ trường.*
hồng hoang	thời viễn cổ xa xôi, lúc con người còn sống trong tình trạng ăn lông ở lỗ. ***hồng*** = to lớn, rộng lớn : *hồng phúc* (phúc lớn), *hồng thuỷ* (trận lụt tràn ngập cả một vùng đất đai rộng lớn). ***hồng**** = đỏ : *hồng kì, hồng quân.* ***hoang*** = 1. chưa khai khẩn, sử dụng, trồng trọt : *hoang đảo, hoang phế, hoang sơ, hoang vu ; khẩn hoang* (khai phá đất đai để trồng trọt). 2. không xác thực : *hoang báo* (báo tin không xác thực), *hoang đường.* 3. quá mức độ : *hoang phí.*
kì vĩ	lớn lao khác thường, vĩ đại phi thường. ***kì*** = lạ lùng khác thường ; đặc biệt khác thường : *kì công, kì dị, kì diệu, kì quan* (công trình kiến trúc, thắng cảnh nổi tiếng, thể hiện những giá trị, những vẻ đẹp độc đáo), *kì tài, kì tích* (thành tích đặc biệt phi thường). ***kì***1* = 1. một khoảng thời gian có giới hạn nhất định : *kì hạn ; hậu kì, học kì, thời kì, chu kì, định kì, nhiệm kì.* 2. hi vọng, trông chờ : *kì vọng.* ***kì***2* = cờ : *kì đài ; quốc kì, quân kì.* ***vĩ*** = to lớn : *vĩ đại, vĩ mô, vĩ nhân ; hùng vĩ.* ***vĩ**** = đường sợi ngang ; đường ngang : *vĩ độ, vĩ tuyến.*
kiềm thúc	bó buộc. ***kiềm*** = xiềng xích (nghĩa gốc) ; kìm giữ : *kiềm chế, kiềm toả.* ***thúc*** = bó (nghĩa gốc) ; buộc, bó buộc, ràng buộc, trói buộc : *thúc thủ* (bó tay) ; *câu thúc, kết thúc, quản thúc, ước thúc* (ràng buộc).

timdapan.com

liên tài	quý trọng tài năng. ***liên*** (lân) = xót thương : *đồng bệnh tương liên* (đồng bệnh tương lân) : cùng chung bệnh tật thì thương xót nhau ; ý nói : cùng chung cảnh ngộ thì cảm thông, xót thương nhau. ***liên**** = liền (nhau) ; nối tiếp nhau ; kết hợp lại với nhau : *liên bang, liên đoàn, liên hệ, liên hoan, liên hợp, liên kết, liên minh, liên quan, liên quân, liên tưởng.*
luân thường	những quy phạm đạo đức theo Nho gia, cần phải tuân thủ khi xử lí các mối quan hệ vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè (*ngũ luân)* và được Nho gia coi là những nguyên tắc ứng xử, những đạo lí phổ biến không thay đổi (*thường*).
nhãn giới (nhỡn giới)	phạm vi nhìn, tầm nhìn. ***nhãn*** = mắt : *nhãn cầu, nhãn khoa* (chuyên khoa y học về mắt), *nhãn quan* (cách nhìn, tầm nhìn), *nhãn tiền* (ngay trước mắt). ***giới*** = khoanh vùng hạn định một khu vực, phạm vi, chủng loại, nghề nghiệp ; nơi tiếp giáp (khu vực, phạm vi,...) : *giới hạn, giới thuyết, giới tuyến ; biên giới, cương giới, địa giới, giáo giới, nam giới, nữ giới, thế giới, thượng giới, tiên giới.* ***giới**** [1] = khuyên răn, ngăn cấm, kiêng kị : *giới nghiêm, giới sát, giới tửu* (kiêng, cấm uống rượu) ; *cảnh giới, phá giới, phạm giới, thụ giới* (tiếp nhận những điều cấm kị của đạo Phật, theo con đường tu hành), *trai giới* (ăn chay, giữ mình trong sạch để hành lễ). ***giới**** [2] = ở giữa làm cầu nối cho sự giao tiếp, tiếp xúc : *giới thiệu, môi giới.* ***giới**** [3] = dụng cụ, khí cụ : *cơ giới* (máy móc), *khí giới, quân giới* (chuyên ngành nghiên cứu, sản xuất vũ khí cho quân đội).
nhất quán	trước sau thống nhất từ đầu đến cuối, không mâu thuẫn với nhau. ***quán*** = xâu thành một chuỗi (nghĩa gốc) – thông suốt, xuyên suốt : *quán thông, quán triệt, quán xuyến* (gánh vác, lo liệu,... mọi việc). ***quán**** [1] = thói quen : *quán tính ; tập quán.* ***quán**** [2] = đội mũ (nghĩa gốc) – đứng đầu, hơn hẳn (mọi người) : *quán quân* (người chiếm giải Nhất trong thi đấu thể thao), *quán thế* (bậc nhất ở trên đời, hơn tất cả mọi người).
phiêu bồng	cỏ bồng bay theo gió (nghĩa gốc) – cuộc sống lang thang vô định. ***phiêu*** = bay theo gió ; trôi nổi theo dòng nước : *phiêu bạt, phiêu lãng, phiêu lưu.* ***bồng*** = loài cỏ dại, thân cứng, mép lá hình răng cưa, có ra hoa kết quả ; ruột quả có chứa đầy sợi nhỏ ; quả già bung ra, sợi nhỏ bay tứ tung theo gió.

timdapan.com

	tang bồng : cung bằng gỗ cây dâu, tên bằng thân cỏ bồng. Thời xưa, sinh con trai thì lấy cây cung bằng gỗ cây dâu và sáu mũi tên bằng thân cỏ bồng bắn lên trời, bắn xuống đất, bắn ra bốn phương, ý nói : làm trai có thể và cần phải thi thố tài năng ở khắp mọi nơi.
phồn tạp	không đơn thuần ; bề bộn, phức tạp. ***phồn*** = nhiều, dồi dào : *phồn hoa, phồn thịnh, phồn thực* (sinh sôi nảy nở nhiều), *phồn vinh.* ***tạp*** = nhiều thứ, nhiều loại khác nhau xen lẫn nhau : *tạp âm, tạp chất, tạp chí, tạp dịch, tạp hoá, tạp văn, tạp vụ ; phức tạp, uế tạp.*
quang âm	thời gian, ngày tháng. ***quang*** = 1. ánh sáng : *quang học, quang hợp, quang phổ, quang tuyến ; dạ quang, điện quang, hào quang, phản quang, thiều quang* (ánh sáng tươi đẹp trong mùa xuân). 2. rõ ràng, minh bạch : *quang minh.* 3. vẻ vang : *quang vinh ; đăng quang* (lên ngôi vua). 4. cảnh sắc, cảnh vật : *phong quang ; quang cảnh.* ***âm*** = đối xứng với *dương* ; mặt trăng, bóng tối, ban đêm : *âm lịch ; thái âm* (mặt trăng, đối xứng với *thái dương* : mặt trời).
sĩ phu	người có học thức, có tài đức trong xã hội phong kiến. ***sĩ*** = 1. người có học thức, có tài năng, đức độ ; từ tôn xưng : *ẩn sĩ, ca sĩ, danh sĩ, đạo sĩ, giáo sĩ, hiệp sĩ, nhân sĩ, nho sĩ, nữ sĩ, nghĩa sĩ, quốc sĩ, thân sĩ.* 2. chỉ những người thuộc lực lượng vũ trang ; một cấp bậc trong quân đội : *binh sĩ, dũng sĩ, hạ sĩ, quân sĩ, thượng sĩ, trung sĩ, tướng sĩ, vệ sĩ,...* ***phu*** = 1. người đàn ông đã trưởng thành : *chinh phu* (người đàn ông ra trận ; người đi xa), *đại phu* (chức quan to trong chế độ phong kiến ; thầy thuốc), *lão phu* (người già tự xưng), *nông phu, phàm phu* (kẻ phàm tục), *thất phu* (dân thường), *tiều phu.* 2. chồng : *phu quân* (chồng), *vị hôn phu* (người được ước định làm chồng, chồng chưa cưới), *vọng phu* (ngóng trông, chờ đợi chồng).
tất định	nhất thiết phải như vậy.
tha nhân	người khác ; người ta. ***tha*** = khác biệt ; cái khác : *tha hoá* (phẩm chất đạo đức suy thoái, biến chất), *tha hương* (nơi chốn khác, không phải là quê hương mình), *tha phương* (phương trời, nơi chốn khác, không phải quê hương bản quán), *tha phương cầu thực* (đi làm, đi kiếm ăn ở nơi xa ; ý nói vì cuộc sống mà phải rời bỏ quê hương đi nơi khác kiếm ăn một cách vất vả).

timdapan.com

thế phiệt	dòng dõi nối đời cao sang, có thế lực trong xã hội cũ. ***thế*** = cõi đời ; đời người : *thế gian, thế giới, thế hệ, thế kỉ, thế nhân* (người đời), *thế sự, thế tập* (nối đời được hưởng chức tước, bổng lộc), *thế tục* (cuộc đời trần tục ; cõi đời) ; *cái thế* (hơn hẳn trên đời), *cứu thế, độ thế, giáng thế* (tiên, Phật xuống trần, theo quan niệm xưa), *hậu thế, nhập thế* (gắn bó với cuộc đời), *xuất thế, yếm thế* (chán đời). ***phiệt*** = 1. công trạng ; ghi công trạng, thành tích (nghĩa cổ). 2. thâu tóm quyền lực, tạo thành thế lực lớn, bao trùm : *quân phiệt, tài phiệt.*
thiên khải	(như) được trời gợi ý, báo cho biết (theo quan niệm xưa). ***khải*** = mở ; gợi mở ; mở mang (kiến thức). ***khải**** = khúc ca chiến thắng ; chiến thắng.
thiên lương	bản chất tốt đẹp của con người (vốn có như trời ban cho, theo quan niệm xưa). ***lương*** = tốt lành ; tốt đẹp : *lương dân* (dân lành), *lương duyên, lương tâm, lương thiện, lương tri, lương y* (thầy thuốc có tài có đức) ; *bất lương* (không lương thiện), *cải lương, hoàn lương* (quay trở lại cuộc đời lương thiện). ***lương***[*1] = thóc gạo : *lương thảo* (lúa gạo cho binh lính, rơm cỏ cho ngựa chiến ; các phẩm vật cần thiết cung cấp cho quân đội nói chung), *lương thực ; quân lương.* ***lương***[*2] = mát lạnh ; lạnh lẽo : *thê lương.* ***lương***[*3] = rường, rầm (trong bộ khung mái nhà) : *lương đống* (xà, rầm – nghĩa gốc ; những người đóng vai trò trụ cột trong triều đình – nghĩa chuyển).
thời thượng	những cái được ưa chuộng đương thời. ***thượng*** = ưa chuộng ; ưa thích : *cao thượng ; thượng hiền* (quý trọng người hiền tài), *thượng võ* (ưa chuộng võ nghệ ; coi trọng võ nghệ).
thù tiếp	tiếp đãi bạn bè, khách khứa một cách trịnh trọng, ân cần, chu đáo. ***thù*** = chủ tự rót rượu mời khách (nghĩa gốc) ; tiếp đãi ân cần, báo đáp (nghĩa mở rộng) : *thù tạc* (*tạc* : khách rót rượu mời lại chủ), *thù lao.* ***thù***[*1] = căm giận ; căm ghét ; oán hận : *thù địch, thù hận ; hiềm thù, oán thù, phục thù, quốc thù, tư thù, tử thù* (kẻ thù không đội trời chung, phải một mất một còn). ***thù***[*2] = khác biệt, riêng biệt : *đặc thù.*
thủ thường	giữ mức bình thường, hợp với đạo lí, chuẩn mực chung.

timdapan.com

thủ xướng	đề xuất, nêu lên đầu tiên. ***thủ*** = đầu ; đầu tiên, đứng đầu, trên hết : *thủ cấp* (cái đầu), *thủ mưu, thủ phạm, thủ đô, thủ khoa, thủ lĩnh, thủ phủ, thủ trưởng ; nguyên thủ quốc gia* (người đứng đầu Nhà nước). ***thủ**** [1] = 1. tay : *thủ bút ; thủ công*. 2. người giỏi một nghề, chuyên một việc : *cầu thủ, pháo thủ, thuỷ thủ, xạ thủ.* ***thủ**** [2] = giữ gìn, bảo vệ : *thủ cựu* (ôm khư khư lấy cái cũ), *thủ thế* (giữ thế đề phòng), *thủ từ* (người trông coi đền), *thủ tiết* (giữ gìn sự chung thuỷ sau khi chồng qua đời, theo quan niệm xưa) ; *bảo thủ, cố thủ, phòng thủ, tuân thủ, tử thủ* (kiên quyết trấn giữ dù phải hi sinh). ***thủ**** [3] = lấy : *biển thủ* (lấy của công bằng mánh khoé lừa dối), *tiến thủ, tranh thủ.*
toàn bích	ngọc màu xanh, hình tròn, dẹt, không sứt mẻ, rạn nứt (nghĩa gốc) ; trọn vẹn, hoàn hảo, không khiếm khuyết (nghĩa chuyển – thường dùng để khen một tác phẩm văn chương, nghệ thuật đạt được giá trị thẩm mĩ tối ưu, không có chỗ nào đáng chê).
tông đường	nhà thờ tổ tiên (nghĩa gốc) ; việc thờ cúng tổ tiên (nghĩa chuyển) : *nối dõi tông đường.*
tung tích	dấu vết, qua đó có thể tìm ra người cần tìm kiếm. ***tung*** = dấu chân (nghĩa gốc) ; dấu vết để lại (nghĩa chuyển) : *hành tung* (dấu vết các hành động của một người nào đó còn để lại), *thất tung* (mất hết dấu vết). ***tung**** = dọc, chiều dọc : *tung hoành* (dọc ngang). ***tích*** = vết chân (nghĩa gốc) ; vết tích, dấu vết (nghĩa chuyển) : *biệt tích, bút tích, di tích, phát tích* (khởi đầu dựng nghiệp lớn), *thắng tích* (di tích thắng cảnh nổi tiếng). ***tích**** [1] = dồn chứa, gom góp : *tích luỹ, tích số, tích tụ ; diện tích, dung tích, điện tích, giải tích, quỹ tích, súc tích, thể tích.* ***tích**** [2] = xe bông thành sợi (nghĩa gốc) ; kết quả của công việc (nghĩa chuyển) : *chiến tích, công tích, thành tích.*
tri ngộ	được biết đến, được trọng dụng. ***tri*** = 1. biết ; hiểu biết ; biết được, nắm được (sự việc, vấn đề, cách ứng xử,...) : *tri âm* (hiểu được ý nghĩa của tiếng đàn : thời Xuân Thu, Chung Tử Kì nghe tiếng đàn của người bạn là Bá Nha liền hiểu được tâm sự, chí hướng,... của bạn – được dùng để nói về những người bạn hiểu nhau, thông cảm với nhau một cách sâu sắc), *tri giác, tri thức ; lương tri, tiên tri, vô tri.* 2. cai quản : *tri châu, tri huyện, tri phủ.*

timdapan.com

	ngộ = gặp gỡ ; gặp phải : *ngộ biến* (gặp phải tai hoạ, hoạn nạn) – "Thiếp từ ngộ biến đến giờ, – Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa" (*Truyện Kiều*), *ngộ độc, ngộ nạn ; cảnh ngộ, đãi ngộ, hạnh ngộ* (cuộc gặp gỡ may mắn), *hội ngộ, kì ngộ* (cuộc gặp gỡ lạ thường), *tái ngộ, tao ngộ* (gặp gỡ tình cờ). ***ngộ***^{*1} = lầm lẫn : *ngộ nhận.* ***ngộ***^{*2} = hiểu ra, vỡ lẽ, thấu hiểu, nắm bắt được bản chất : *ngộ đạo* (hiểu được lẽ sâu kín, nhiệm màu của đạo) ; *giác ngộ, tỉnh ngộ.*
trượng phu	người đàn ông có tài đức, chí khí.
vi hành	(nhà vua) cải trang bí mật đi thăm thú, xem xét các nơi (ngoài hoàng cung) để tìm hiểu dân tình. ***vi*** = nhỏ bé, yếu kém ; không hiển hiện, kín đáo ; lặng lẽ, bí mật tìm hiểu ; che giấu : *vi khí hậu, vi khuẩn, vi lượng, vi mô, vi sinh vật, vi trùng ; hiển vi, tế vi* (cực kì nhỏ bé), *hàn vi, suy vi, tinh vi.* ***vi***^{*1} = vây quanh : *chu vi, ngoại vi, phạm vi.* ***vi***^{*2} = chống lại, trái với,... : *vi cảnh* (trái với điều luật được quy định trong sinh hoạt nơi công cộng), *vi phạm.* ***hành*** = đi, di chuyển ; làm, thực hiện : *hành binh, hành cung* (cung điện ngoài hoàng thành, nơi nghỉ của nhà vua khi ra ngoài kinh đô), *hành dinh* (nơi bộ chỉ huy cao cấp của quân đội làm việc trong chiến dịch), *hành khất* (đi lang thang để ăn xin), *hành khúc, hành trang, hành trình ; bộ hành, chấp hành, cử hành, thực hành, thừa hành.*
xung thiên	bốc cao tới trời (được dùng để nói về khí phách hào hùng, tinh thần dũng mãnh,... phát huy đến cao độ). ***xung*** = 1. va chạm, đụng chạm mạnh mẽ, chống chọi nhau : *xung động, xung đột, xung khắc.* 2. xông lên, sấn vào, lao vào : *xung kích, xung phong, xung trận.* 3. nơi quan trọng, hiểm yếu : *xung yếu.*

timdapan.com

MỤC LỤC

Tuần	Nội dung	Trang
19	• *Vợ chồng A Phủ* (trích)	3
	• Viết bài làm văn số 5 : Nghị luận văn học	16
20	• Nhân vật giao tiếp	18
21	• *Vợ nhặt*	23
	• Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi	34
22	• *Rừng xà nu*	37
	• Đọc thêm : *Bắt sấu rừng U Minh Hạ*	50
23	• *Những đứa con trong gia đình*	56
	• Trả bài làm văn số 5	65
	• Viết bài làm văn số 6 : Nghị luận văn học (bài làm ở nhà)	67
24	• *Chiếc thuyền ngoài xa*	69
	• Thực hành về hàm ý	79
25	• Đọc thêm : *Mùa lá rụng trong vườn* (trích)	82
	• Đọc thêm : *Một người Hà Nội*	89
	• Thực hành về hàm ý (tiếp theo)	99
26	• *Thuốc*	101
	• Rèn luyện kĩ năng mở bài, kết bài trong bài văn nghị luận	112
27	• *Số phận con người* (trích)	118
	• Trả bài làm văn số 6	125
28	• *Ông già và biển cả* (trích)	126
	• Diễn đạt trong văn nghị luận	136
29	• *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích)	142
	• Diễn đạt trong văn nghị luận (tiếp theo)	155

timdapan.com

30	• *Nhìn về vốn văn hoá dân tộc*	159
	• Phát biểu tự do	163
31	• Phong cách ngôn ngữ hành chính	167
	• Văn bản tổng kết	173
32	• Tổng kết phần Tiếng Việt : hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ	178
	• Ôn tập phần Làm văn	182
33	• Giá trị văn học và tiếp nhận văn học	184
	• Tổng kết phần Tiếng Việt : lịch sử, đặc điểm loại hình và các phong cách ngôn ngữ	192
34	• Ôn tập phần Văn học	196
35	• Kiểm tra tổng hợp cuối năm	198
	• Trả bài kiểm tra tổng hợp cuối năm	204
	Bảng tra cứu từ Hán Việt	206

timdapan.com

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch Hội đồng Thành viên **NGUYỄN ĐỨC THÁI**
Tổng Giám đốc **HOÀNG LÊ BÁCH**
Chịu trách nhiệm nội dung : Tổng biên tập **PHAN XUÂN THÀNH**

Biên tập lần đầu : **PHẠM KIM CHUNG – ĐINH XUÂN ANH**
Biên tập tái bản : **TRẦN MAI THANH HẰNG**
Biên tập kĩ thuật : **NGUYỄN NAM THÀNH – ĐINH XUÂN DUNG**
Trình bày bìa và minh hoạ : **PHẠM QUỲNH CHI**
Sửa bản in : **NGUYỄN THỊ NHUNG**
Chế bản : **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Bìa sách có sử dụng tranh *Xóm Sài Sơn* của Nguyễn Tiến Chung.

NGỮ VĂN 12

TẬP HAI

Mã số : CH212T0

In.....bản (QĐ ...), khổ 17 x 24cm.

Đơn vị in: ... địa chỉ ...

Cơ sở in: ... địa chỉ ...

Số ĐKXB: 01-2020/CXBIPH/623-869/GD

Số QĐXB: ... /QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm .....

Mã số ISBN : Tập một : 978-604-0-18901-1

Tập hai : 978-604-0-18902-8

timdapan.com